

VIỆT NAM

ĐẤT NƯỚC



TÔI

phương nam

Nhan van publishing



eBook Version Copyright © 2001 Phuong Nam & Nhan Van Publishing. All Rights Reserved. No part of this publication may be reproduced or transmitted in any forms or by any means, electronic or mechanical, including photocopy, recording or any information storage and retrieval system, without permission in writing from the author or the publisher.

Việt Nam Đất Nước Tôi của Phương Nam do Nhân Văn Publishing xuất bản lần đầu tiên dưới dạng eBook tại San Jose, California, Hoa Kỳ, năm 2001. Tranh bìa của họa sĩ Lê thị Quế Hương. Trình bày bìa và sách của Nhân Văn. Tác giả và nhà xuất bản Nhân Văn giữ bản quyền. Cấm trích dịch và sao chụp dưới mọi hình thức.

For more information and other ebooks available, contact Nhan Van Web Site at <http://www.nhanvan.com>

Mục Lục

Việt Nam đất nước tôi

Việt Nam và sự đổi mới

Viết Về Chủ Tịch Hồ Chí Minh

Suy nghĩ về nhận thức lại

Viết tiếp về nhận thức lại

VIỆT NAM ĐẤT NƯỚC TÔI

Hồi nhỏ tôi rất thích câu chuyện cổ tích Tấm Cám: cô Tấm xinh đẹp, thảo hiền nhưng luôn bị mẹ con nhà Cám ghen ghét tìm cách hãm hại. Thế rồi Tấm bị chết đi, hóa thành chim vàng anh, thành cây xoan đào, thành cái khung cửi, và cuối cùng Tấm từ quả thị chui ra giúp bà cụ phúc hậu kia mọi việc nhà.

Một ngày nọ, nhân dừng chân ở quán nước ven đường, tình cờ nhà vua trông thấy những miếng trầu tèm cánh phượng rất khéo, giống hệt như của vợ mình tèm ngày nào. Vua bèn ngổ ỷ với bà cụ muốn gặp người tèm trầu, Tấm bước ra, vua vô cùng sửng sốt và mừng rỡ được gặp lại vợ mình, lại còn xinh đẹp hơn xưa. Vua cảm ơn bà cụ và xin được rước Tấm về cung. Từ đó hai người sống bên nhau hạnh phúc đến trọn đời - người ở hiền cuối cùng rồi cũng gặp lành. Còn mẹ con nhà Cám - những kẻ gieo gió đã gặt bão, tội ác đã bị trừng phạt đích đáng. Câu chuyện kết thúc thật “*có hậu.*”

Nhưng khi lớn lên, xem xét lại câu chuyện dưới một cách nhìn khác, tôi mới giật mình nhận ra rằng: bên cạnh tính thảo hiền thì cô Tấm cũng có tính ác độc, vì nếu hoàn toàn hiền cô không thể khuyên Cám: “*Nếu muốn da trắng em chỉ việc đào một cái hố thật sâu rồi ngồi xuống đó.*” Cám tưởng thật nghe lời, đoạn Tấm sai người đem nước sôi dội xuống làm Cám chết ngay tức khắc. (Có người còn kể là tự tay Tấm dội !)

Vẫn chưa hết: sau đó Tấm lấy xác Cám rồi làm mắm gửi về cho dì ghẻ, (trong những sách xuất bản gần đây, chi tiết này đã được bỏ đi), mẹ Cám không biết vừa ăn vừa khen ngon. Đến khi ăn hết nhìn xuống đáy hồ thấy đầu lâu con gái mình, mẹ sợ quá rú lên một tiếng rồi ngã vật ra đất chết. Thế là chỉ vì quá căm phẫn trước những việc làm thất đức của mẹ con nhà Cám mà các cụ ta ngày xưa đã vô tình đẩy cô Tấm vốn xinh đẹp, thảo hiền là vậy vào vòng tội lỗi. Đã có vua là phải có pháp đình rồi thì tại sao không làm theo phép nước? Nếu ai cũng đều làm như vậy thì xã hội sẽ đi về đâu?

Tương tự trong truyền thuyết Chuyện Đẻ Trăm Trứng ta

cũng thấy: tại sao ông Lạc Long Quân lại bàn với bà Âu Cơ chia đàn con của họ ra thành hai nhóm 50/50 để người dẫn lên núi, người dẫn xuống biển? Sao ông bà không cùng nhau ở lại mà làm ăn sinh sống và nuôi dạy đàn con của mình trưởng thành? Vì ông bà đã ly dị đâu!

Sau này “*đứa nào*” muốn đi mở mang bờ cõi thì tùy “*chúng nó*.” Mỗi có.... 100 mặt con thì làm gì mà đã sợ thiếu đất canh tác! v.v...

Cái lý do ông đưa ra rằng bà thuộc giống Tiên, ông thuộc giống Rồng nên không thể ăn ở với nhau lâu được và nay thì ông phải xuống thủy cung để ở với mẹ! tôi cho rằng không có sức thuyết phục, vì điều đó ông đã biết từ trước khi cưới rồi cơ mà! (Thà rằng ông cứ nói là 2 người tính tình không hợp nhau thì còn khả dĩ!).

Thế là cũng chỉ vì muốn chứng minh rằng dân tộc Việt Nam ta là cùng một mẹ đẻ ra, là “*đồng bào*” của nhau mà các cụ ta ngày xưa lại nỡ chia rẽ một gia đình đang sống với nhau hạnh phúc là vậy. Hơn nữa giá như các cụ kể thêm là có một cặp “*Long Quân - Âu Cơ*” khác cùng thời, cũng đẻ ra 100 cô gái thì vấn đề sẽ.... đồng bộ hơn! Quả thật tôi cứ thắc mắc mãi là các vua Hùng - những người con trai của ông bà khi lớn lên đã kén vợ ở đâu!

Không, tôi hoàn toàn không có ý gì báng bổ đến tổ tiên ta. Thật tình tôi cũng rất thích câu chuyện này, tuy nó chỉ là truyền thuyết nhưng nó như một bức thông điệp của ông cha ta từ ngàn xưa, muốn nhắn gửi tới Dân Chim Việt hôm nay: dù ai đang ở đâu, đi đâu và làm gì thì chúng ta đều là anh em cùng một giống nòi. Vì vậy phải luôn luôn biết đoàn kết, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau.

Từ hai câu chuyện trên có thể giúp ta những gợi ý sau:

a- Trong cùng một vấn đề thường có tính hai mặt tương phản nhau. Nếu chỉ thấy được mặt này mà không thấy được mặt kia hoặc ngược lại thì cách giải quyết nó sẽ không đồng bộ. Có thể lúc này ta thấy nó ổn nhưng khi khác, hoàn cảnh cũng đã

khác đi lại thấy nó rất không ổn, có khi còn sai hoàn toàn. Lúc ấy phải dứt khoát đoạn tuyệt với nó để cái mới ra đời, thay thế và phát triển theo quy luật.

b- Cuộc sống là rất đa dạng và phong phú, nên trong cùng một vấn đề mỗi người khác nhau thường có cách nhìn nhận và giải quyết nó cũng khác nhau. Nếu đây là những vấn đề riêng thì quyết định cuối cùng thuộc về những cá nhân đó. Nhưng nếu đây là những vấn đề chung, liên quan đến nhiều người thì phải tuân theo nguyên tắc: thiểu số phục tùng đa số, tức số ít phải chấp thuận quyết định của số nhiều. Nói như vậy không có nghĩa là số còn lại bị bỏ rơi, một quyết định tốt nhất phải là sự tổng hợp cao nhất mọi ý kiến, dù là nhỏ.

Một điểm quan trọng nữa là những người liên quan phải có được những thông tin trung thực và đầy đủ trước khi họ ra quyết định cuối cùng.

c- Cuộc sống càng hiện đại thì yêu cầu xem xét lại những vấn đề của ngày hôm qua xem chúng có còn phù hợp với hôm nay hay không, lại càng phải được đặt ra một cách cấp bách và nghiêm túc. Từ đó sẽ tìm ra những phương cách giải quyết chúng sao cho thích hợp với hiện tại.

Từ những gợi ý trên trong bài viết này tôi xin được trình bày 5 vấn đề sau đây:

1- Hệ thống xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ 20 vừa qua (1917-1991).

2- Hoàn cảnh mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn con đường đi cho dân tộc Việt Nam.

3- Đường lối “*xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*” ở Việt Nam hiện nay.

4- Nền dân chủ Việt Nam và một ý kiến đề nghị.

5 - Vấn đề đoàn kết dân tộc - những niềm tin tưởng.

Tôi hiểu rằng đây là những vấn đề rất rộng và phức tạp, đã có nhiều người viết và nói về nó. Nhưng điều đó chẳng những không ngăn cản tôi nói lên ý kiến riêng của mình, mà ngược lại, nó là những nguồn tư liệu phong phú, nguồn động viên tinh thần rất lớn đối với tôi. Với hy vọng rằng trong số những điều viết ra, nếu có điều nào đó có ích cho đất nước mình, thì đó chính là niềm khích lệ lớn đối với tôi rồi.

Viết về quê hương Việt Nam nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã có bài sau đây:

*Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều
Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn
Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.
Việt Nam đất nắng chan hòa
Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh
Mắt đen cô gái long lanh
Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung
Đất trăm nghề của trăm vùng
Khách phương xa tới lạ lòng tìm xem
Tay người như có phép tiên
Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ
Nước bóng khuâng những bến đò
Đêm đêm còn vọng câu hò Trường Chi
Đói nghèo nên phải chia ly
Xót xa lòng kẻ rời quê lên đường*

*Ta đi ta nhớ núi rừng
Ta đi ta nhớ dòng sông vỗ bờ
Nhớ đồng ruộng, nhớ khoai ngô
Bát cơm rau muống quả cà giòn tan....*

Có lẽ không người Việt Nam nào, khi đọc bài thơ này lại không thấy được một phần máu thịt của mình ở trong đó. Cái mảnh đất hình chữ S nằm bên bờ Thái Bình Dương ấy là Tổ Quốc chung của mọi người con đất Việt, dù họ đang sống ở trong hay ngoài nước. Tôi không có khả năng làm thơ để viết về đất nước mình, nhưng cũng như bao người Việt Nam khác, tôi yêu đất nước tôi và đó chính là động cơ duy nhất để tôi viết bài này, trong đó có cả câu “*súng giùm vút bỏ lại hiền như xưa*” cũng cần phải được nhìn nhận lại. Và bây giờ, xin mời quý vị và các bạn hãy cùng tôi lần lượt đi qua 5 phần trên.

1- Hệ thống xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ 20 vừa qua (1917-1991).

1.1- Sự hình thành:

- Cuộc cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 đã diễn ra và giành được thắng lợi bằng con đường bạo lực, lật đổ được chế độ Nga hoàng và lập nên một nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới. Túc nhà nước Liên Xô sau này, do Lê-Nin đứng đầu. (V.I Lenin 1870 - 1924).

- Năm 1945 trên đường tiến vào Berlin, hồng quân Liên Xô đã giúp hàng loạt nước Đông Âu thoát khỏi ách phát xít. Sau đó các nước này ra nhập vào hệ thống xã hội chủ nghĩa gọi tắt là phe XHCN, do Liên Xô đứng đầu. Sau có thêm bốn nước nữa là: Trung Quốc (1949), Cộng hòa DCND Triều Tiên (Bắc Hàn - 1953), Cuba (1959) và Việt Nam (miền Bắc 1954, cả nước 1975). Đưa tổng số các nước trong toàn hệ thống lên 13 nước. Hệ thống ấy tồn tại đến năm 1991 thì tan rã, do sự sụp đổ của các nước Đông Âu và Liên Xô, đến nay chỉ còn lại bốn nước sau nói trên.

Có 3 đặc điểm lớn trong hệ thống này là:

a) Hầu hết đều có điểm xuất phát thấp: khá nhất là các nước Đông Âu, sau đó là Liên Xô và thấp nhất là bốn nước còn lại. (Cụ thể là: nền công nghiệp chưa phát triển, trình độ dân trí và dân chủ còn thấp, người dân còn nghèo, ... đặc biệt hai nước Trung Quốc và Việt Nam còn bị ảnh hưởng rất nặng nề bởi thuyết Khổng, Mạnh và người dân vẫn còn rất tin vào số mệnh.)

b) Đa số đều ra đời sau các cuộc chiến tranh hoặc nội chiến, mà ở đó các ĐCS lên nắm chính quyền.

c) Vai trò quyết định của Liên Xô: nếu không có Liên Xô thì chắc chắn không thể có hệ thống XHCN trong thế kỷ 20 vừa qua.

Như chúng ta đã biết: nhân tố quyết định cho thắng lợi của cách mạng tháng 10 Nga là vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản Nga, ĐCS Nga lại bắt nguồn từ phong trào cộng sản quốc tế. Nó xuất hiện từ nửa sau thế kỷ 19 ở Tây Âu bởi chủ nghĩa Mác, còn được gọi là Chủ nghĩa cộng sản (Karl Marx 1818- 1883). Chủ nghĩa Mác lại được hình thành bởi học thuyết của ông. Vì vậy muốn đi tìm nguyên nhân hình thành cũng như tan rã của phong trào cộng sản quốc tế nói chung, cũng như của hệ thống XHCN nói riêng trong thế kỷ 20 vừa qua, chính là việc đi tìm cơ sở hình thành nên học thuyết Mác. Có thể tóm tắt phần cốt lõi đã hình thành nên học thuyết ấy như sau :

Mác cho rằng xã hội tư bản sở dĩ có bóc lột là do có sự tư hữu về tư liệu sản xuất. Hết tư hữu càng nhiều thì bất công càng lắm, khi mâu thuẫn do nổi bất công ấy gây ra lên tới đỉnh cao, thì chỉ có cách giải quyết duy nhất là thủ tiêu nguyên nhân sinh ra nó. Tức là phải “xóa tư hữu” thông qua một cuộc Cách mạng vô sản, bằng con đường bạo lực . Trong Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản, Mác viết chung với Ăng-Ghen (F.Engels 1820 -1895) năm 1848 có đoạn : “*Những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất là: xóa bỏ chế độ tư hữu*”.

Và ông tiếp: lực lượng nòng cốt của cuộc cách mạng vô sản

là giai cấp công nhân, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản (ĐCS). Khi cách mạng thành công rồi thì một nhà nước vô sản sẽ ra đời để xây dựng một chế độ mới, dựa trên cơ sở “*cộng hữu*.” Đây là chế độ công bằng và dân chủ nhất cho tất cả mọi người, chưa hề có trong lịch sử loài người. Vì nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với mọi hình thức bóc lột.

Cuối cùng Mác kêu gọi: “*Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!*” và một khi cách mạng vô sản giành được toàn thắng thì thế giới sẽ đại đồng. Mùa xuân của nhân loại sẽ đến ngay trên trái đất này chứ chẳng phải đi tìm kiếm ở đâu xa. Lúc ấy vai trò lãnh đạo của các ĐCS, vai trò quản lý của các nhà nước vô sản sẽ không còn cần thiết nữa, nó sẽ tự triệt tiêu. (?!)

Quả thật nếu được như vậy thì ai không muốn, chẳng thế mà trong suốt một thế kỷ rưỡi qua đã có biết bao nhiêu người say mê nó. Người vô sản đã đành, rất nhiều người hữu sản cũng quyết dán thân, bởi vì họ nghĩ tới muôn đời con cháu mai sau. Thế nhưng có điều là ngay ở điểm xuất phát của học thuyết này: “*Sở dĩ có bóc lột là do có sự tư hữu*” đã có sự bất ổn lớn. Vì để chứng minh nó, Mác đã khảo sát quá trình mà ông gọi là “*Tái sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa*.” Ở đó ông chia nó thành hai quá trình nhỏ hơn là sản xuất và lưu thông hàng hóa, và ông nhận xét:

Trong lưu thông không tạo ra giá trị cho hàng hóa, dù là trao đổi ngang giá hay không ngang giá. Chỉ có trong quá trình sản xuất mới tạo ra được giá trị cho hàng hóa, và cũng chỉ có duy nhất yếu tố người công nhân mới có khả năng tạo được giá trị mới, lớn hơn cái giá trị mà nhà tư bản đã thuê anh ta dưới hình thức tiền lương. Giá trị chênh lệch ấy gọi là giá trị thặng dư, mà người công nhân đã bị nhà tư bản bóc lột toàn bộ.

Giả sử mọi lập luận của Mác dẫn tới nhận xét trên là đúng hết, thì điều quan trọng sau đây cũng đủ làm cho nó sai, nguyên nhân là trước đó ông đã tự đặt ra những giới hạn để khảo sát quá trình này. Đó là:

- Về không gian: chỉ ở một vài nước Tây Âu phát triển nhất

lúc bấy giờ như Anh, Pháp, Đức, Ý,...

- Về đối tượng và lĩnh vực nghiên cứu: chủ yếu quan tâm đến mối quan hệ giữa nhà tư bản và người công nhân trong ngành công nghiệp cơ khí.

- Về thời gian nghiên cứu: chủ yếu là từ thập niên 40 đến 60 của thế kỷ 19.

Khi nhân loại chỉ mới biết đến cái cỗ máy chạy bằng hơi nước được phát minh ra đầu tiên năm 1712. Nó cũng được coi là thời điểm đánh dấu bước chuyển biến mạnh mẽ từ nền văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp. Mãi tới năm 1876, trước khi Mác mất 7 năm (1883) thì động cơ đốt trong mới xuất hiện, khi mà Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản đã ra đời, Quốc Tế Vô Sản I do Mác và các đồng chí của ông cũng đã được thành lập tại London - Anh (1864), và năm 1892 - 9 năm sau khi Mác mất, thì công ty cung cấp điện đầu tiên trên thế giới (General Electric) mới được ra đời tại Mỹ.

- Không có các yếu tố xuất nhập khẩu như: XNK hàng hóa, lao động, công nghệ, tư bản (vốn), ... mà thời Mác cũng đã có. (ông đưa ra rất nhiều bảng biểu về nó nhưng chỉ để minh họa, chứ không đưa nó vào khảo sát như là một yếu tố của quá trình này.)- v.v....

Những vùng đất khác trên thế giới, những ngành khác trong nền kinh tế, những thành phần khác trong xã hội như: các viên chức chính phủ (kể cả quân đội và cảnh sát), các nhà hoạt động chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, khoa học, văn nghệ sỹ, chủ đất, tiểu chủ, tiểu nông, bản cố nông, v.v ... được ông gọi chung là “*các giai cấp trung gian*”, tuy có được ông nhắc đến nhưng rất không đầy đủ, thậm chí có những yếu tố gần như bỏ trống. Chẳng hạn như vùng đất châu Á ông rất xa lạ.

Với một bài toán mà các dữ kiện vừa thiếu hoặc nếu có lại bị giới hạn tới mức ấy, thì ngay cả vào thời Mác nó đã cho kết quả khác đi rồi. Và một khi kết quả khác đi thì cách giải quyết vấn đề cũng phải khác đi, như vậy mới là hợp lý. Hơn nữa, cứ giả sử nó

đúng ở Tây Âu nhưng chắc gì nó đã đúng ở Đông Âu, Liên Xô, Châu Á, Phi, Mỹ, Úc?... (ta giả sử thôi, vì trong thực tế là không có một nước XHCN nào ở Tây Âu cả). Đúng trong ngành công nghiệp cơ khí, nhưng còn các ngành khác, với các giai tầng khác trong xã hội thì sao? Những mâu thuẫn giải quyết thế nào? Đúng trong nền kinh tế đóng, nhưng chắc gì đã đúng trong nền kinh tế mở, có xuất nhập khẩu? v.v....

Rất tiếc là từ kết quả trên (A), còn được gọi là lý luận về giá trị thặng dư, Mác đã dùng nó làm cơ sở ban đầu để phát minh ra hàng loạt các kết quả khác sau đó (B). Rồi cuối cùng ông đã thừa thắng đẩy vấn đề tới tận “*mùa xuân của nhân loại*” như chúng ta đã biết. Nhưng có A thì mới có B, mà A đã sai rồi thì B làm sao đúng được? Chưa kể là trong những cái B ấy lại có những điểm vô lý của riêng chúng nữa, ví dụ: Mác cho rằng đấu tranh giai cấp là động lực phát triển trong xã hội có giai cấp, (còn được gọi là lý luận về đấu tranh giai cấp). Nhưng cũng chính ông lại cho rằng: trong xã hội cộng sản nguyên thủy còn hoang sơ nên chưa có giai cấp, và trong xã hội Cộng sản chủ nghĩa tương lai thì không còn sự phân biệt giai cấp nữa. Vậy thì chúng lấy đâu ra động lực để phát triển? Ông cho rằng trong tương lai con người sẽ có ý thức xã hội rất cao, nó sẽ chiến thắng con người cá nhân, và đó chính là động lực cho sự phát triển xã hội. Nhưng liệu điều đó có đạt được hay không? Tôi xin được trở lại vấn đề này ở những phần dưới. Rõ ràng Mác đã đẩy sự đấu tranh giai cấp lên ngôi đầu và ấn sự thi đua trí tuệ của con người xuống dưới một cách rất chủ quan. Chính sai lầm chết người này của ông đã gây ra biết bao đau thương, tang tóc cho nhân loại ở thế kỷ sau.

Nói tóm lại từ một bài toán nhỏ, lại cho kết quả sai, Mác đã dùng nó làm cơ sở để xây dựng nên cả một học thuyết được cho là khoa học, nhằm giải quyết một bài toán xã hội cực lớn. Chẳng những cho một nước mà cho toàn thế giới, chẳng những cho một giai đoạn mà cho mãi mãi về sau, v.v ... Nếu chỉ xét riêng về mặt phương pháp luận không thôi, cũng thấy là Mác đã rất sai

lầm từ chính tính “*khái quát hóa*” cao này rồi.

Còn xét về nội dung thì ngày nay chỉ cần một người có trình độ quan sát và nghiên cứu trung bình cũng có khả năng chứng minh được là Mác sai. (Dù góc độ tiếp cận và cách nhìn nhận của mỗi người khác nhau là khác nhau.). Đơn giản là vì: khác với một bài báo chỉ là sự tập hợp những quan điểm của người viết thì nó có thể đúng ở chỗ này, sai ở chỗ kia (trừ của các ngành khoa học tự nhiên). Nhưng một khi đã gọi là học thuyết khoa học rồi, mà những điểm sai của nó lại toàn là những “*hòn đá tảng*” cả, thì nhất định nó phải là một học thuyết sai. Càng sống ở các nước phát triển, càng có điều kiện để nhận biết nó.

Điều này giải thích vì sao tất cả các nước có nền kinh tế phát triển, không có nước nào đi vào con đường XHCN, mặc dù họ có phong trào cộng sản sớm nhất. Vì sao bốn nước XHCN còn sót lại đến nay đều là những nước có điểm xuất phát thấp nhất của hệ thống, và vì sao số lượng các nước trong phe chỉ dừng lại ở con số 13. Có chăng là thêm một vài nước nghèo nữa ở châu Phi, Mỹ la tinh, Trung Á, v.v... nhưng tên tuổi cũng thoát ần, thoát hiện rất khó xác định!

Nói như vậy không có nghĩa là hề ai chứng minh được Mác sai là thông minh hơn Mác, mà chính là bởi thời đại thông minh đã dạy họ. Theo tôi Mác vẫn xứng đáng là một trong những bộ óc xuất sắc của nhân loại trong 1000 năm qua, như một cuộc bình chọn gần đây đã xác định. Xong cũng như những nhà tư tưởng lớn khác, ông vừa vượt lên trên thời đại của mình, nhưng cũng bị chính thời đại ấy quy định.

Ngay khi Mác còn sống, đã có nhiều người nhận ra những điểm sai trong học thuyết của ông, kể cả Ăng-Ghen người bạn và người đồng chí thân thiết nhất của Mác, mất sau ông 12 năm. Biểu hiện rõ nhất của việc nhận thức lại này là: chỉ 6 năm sau khi Mác mất thì Quốc Tế Vô Sản II đã được thành lập ở Paris - Pháp (1889), với chủ trương mềm hơn : giai cấp vô sản sẽ giành chính quyền bằng con đường đấu tranh nghị trường, bất bạo động.

Đảng xã hội Pháp, tiền thân của ĐCS Pháp sau này đã theo Quốc Tế II. Năm 1919 Lê-nin đã thành lập ra Quốc Tế III và “*phục hồi*” lại con đường dùng bạo lực để giành chính quyền cho phong trào cộng sản quốc tế.

Từ những trình bày trên ta rút ra kết luận: cơ sở hình thành nên học thuyết của Mác là sai, vì vậy cơ sở hình thành nên hệ thống XHCN trong thế kỷ 20 vừa qua cũng là sai từ gốc. Thời Mác đã sai, thời nay lại càng sai.

1.2- Sự tan rã :

Sau chiến tranh thế giới thứ II năm 1945 là thời điểm mở đầu cho cuộc chiến tranh lạnh kéo dài gần nửa thế kỷ (1945- 1991) giữa hai phe XHCN và TBCN, một phe do Liên Xô, phe còn lại do Mỹ đứng đầu.

(Thật ra cụm từ “*phe Tư bản chủ nghĩa*” cũng không hẳn là chính xác, vì “*Chủ nghĩa tư bản*” thì nhân loại đã có từ ngàn đời nay, chứ không phải mới có từ khi nền văn minh công nghiệp xuất hiện. Nhưng khác với CNCS là có tác giả cụ thể, còn nó thì không. Hay nói đúng hơn, toàn bộ nhân loại từ xưa đến nay đều là “*tác giả*” của nó.) [đọc tuyển tập Hà Sĩ Phu].

Xen kẽ trong thời kỳ trên cũng có những cuộc chiến tranh nóng cục bộ giữa hai phe như: chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam. Nhưng trong 3 năm 1989- 1991, khi các nước Đông Âu và Liên Xô tan rã thì giữa hai phe lại không hề có một cuộc chiến tranh nóng nào. Có người cho rằng chính vì những cuộc chạy đua vũ trang, chạy đua không gian,... kéo dài với quy mô lớn đã làm cho nền kinh tế của nhiều nước XHCN, nhất là của Liên Xô bị “*hụt hơi*” dẫn tới sự sụp đổ. Nhưng theo tôi nếu đã gọi là “*cùng chạy đua*” rồi thì “*hơi*” bên nào mà chẳng “*hụt*”!

Những nguyên nhân thì có nhiều, kể cả sự “*hụt hơi*” trên, ngoài ra còn là vai trò quan trọng, có khi lại rất tế nhị của những nhân vật lớn lúc ấy như: đức giáo hoàng John Paul II, các cựu tổng thống Mỹ Ronald Reagan, George Bush, cựu thủ tướng Tây

Đức Helmut Kohl, cựu tổng bí thư ĐCS Liên Xô Mikhail Gorbachev * Nhưng cái chính vẫn phải là phải đi tìm những yếu kém từ bên trong của hệ thống này.

Theo tôi có ba nguyên nhân lớn sau :

a - Do triệt để sử dụng phương pháp bạo lực đã làm phân hóa sâu sắc và toàn diện trong nội bộ từng nước, và giữa các nước trong toàn hệ thống.

b- Do chủ quan và phiến diện trong cách nhìn nhận về con người, nên Mác đã đưa ra luận điểm: hệ tư tưởng của giai cấp công nhân là hệ tư tưởng tiên tiến nhất trong xã hội, và Đảng cộng sản là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo đất nước.

c- Do không tôn trọng các quy luật khách quan.

Cụ thể là:

a - Do triệt để sử dụng phương pháp bạo lực:

Hầu hết các lãnh tụ cộng sản đều có những phát biểu nhằm quán triệt sâu sắc điều này. Chẳng hạn như :

Với Mác : Bạo lực là bà đỡ của mọi cuộc cách mạng.

Với Ăng-Ghen : Không có vũ khí phê phán nào có thể thay thế được sự phê phán bằng vũ khí .

Với Lê-nin : Kẻ nào chỉ thừa nhận có đấu tranh giai cấp không thôi, thì kẻ đó vẫn chưa phải là người Mác-xít. Chỉ người nào mở rộng việc thừa nhận đấu tranh giai cấp đến mức thừa nhận chuyên chính vô sản thì mới là người Mác-xít.

Với Mao Trạch Đông : Quyền lực chính trị nằm ở trên đầu nòng súng. Hay: Súng đạn đẻ ra chính quyền. v.v....

Thật ra sai lầm trên lúc đầu là do Mác, nhưng sau đó là do Lê-Nin và những người cộng sản nắm quyền tiếp theo đã phạm, khi họ vấp phải những khó khăn trong thực tiễn, không như Mác hình dung ban đầu. Vì vậy nó đã được kéo dài lê thê từ trong chiến tranh sang luôn cả thời kỳ “*Xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH*” ở tất cả các nước trong phe. Nhìn vào thực tiễn

ta thấy rất rõ điều này :

a.1 - Sự phân hóa trong nội bộ từng nước :

Từ năm 1917 đến nay, chỉ tính riêng giai đoạn xây dựng hòa bình thôi cũng đã đầy máu và nước mắt rồi. Đầu tiên là ở Liên Xô, sau lan ra toàn hệ thống. [[đọc bài Báo Cáo Mật Của N. Khrushchev Về Tội Ác Của Stalin](#)].

Hàng chục, hàng trăm triệu người đã bị bắt bớ, đánh đập, hành hạ,... nhiều người trong số họ đã bị chết do đói, rét, khát, bệnh tật hoặc bị giết vì các tội danh như: phản cách mạng, chống đảng, chống CNXH, chống chính quyền nhân dân,... mà việc quy kết cho nhân dân những tội danh trên là rất tùy tiện và vô tội vạ.

Nếu ai đó đã xem bộ phim “*Để sống*” (To Live) của đạo diễn nổi tiếng Trung Quốc Trương Nghệ Muu, có nữ diễn viên Củng Lợi đóng sẽ thấy : để tồn tại hay không tồn tại, người dân Trung Quốc đã phải chịu đựng như thế nào trong suốt thời kỳ Mao Trạch Đông cầm quyền (1949- 1976). Sau này chính những người dân Trung Quốc đã tự hàn gắn cho nhau những vết thương của quá khứ, chứ không phải là Mao Trạch Đông và những người lãnh đạo trong ĐCS Trung Quốc đã ủng hộ cuồng tín ông ta, mặc dù chính họ là những người đã gây ra những tội ác đó. Họ cho đến nay vẫn ăn quỵt nhân dân Trung Quốc những món nợ lớn đã vay từ những cuộc “*Đại nhảy vọt*”, “*Đại cách mạng văn hóa*”, vụ đàn áp phong trào sinh viên Trung Quốc đòi dân chủ tại Quảng trường Thiên An Môn năm 1989, v.v...

Ở Việt Nam cũng không phải là một trường hợp ngoại lệ: các chiến dịch lớn nhỏ như Cải tạo hóa, Tập đoàn hóa, Hợp tác hóa, Quốc hữu hóa, Công tư hợp doanh hóa,... chẳng những đã không đoàn kết hóa được dân tộc, mà chỉ làm cho dân tộc phân hóa hơn. Nếu tính cả yếu tố chiến tranh nữa thì sự phân hóa này còn tăng lên nhiều lần. Nước mắt của nhân dân hết chảy xuôi, rồi lại chảy ngược, nhưng không hề làm cho cái ác dừng tay. Thế là

sau bao nhiêu năm chiến tranh máu lửa, nhưng trên đất nước Việt Nam vẫn chưa “hiền như xưa”, súng gươm vẫn được giữ lại để dùng vào những công việc khác với chống giặc ngoại xâm. Điều này thì bất cứ người Việt Nam nào cũng biết. Nó như những thanh gươm treo lơ lửng trên đầu họ, vô hình đấy nhưng cũng rất hữu hình đấy. Có lẽ nhiều người thuộc trường phái súng bái bạo lực ở Việt Nam, cứ thắc mắc hoài là tại sao ngày xưa vua Lê Lợi lại hoàn kiếm sớm thế? Thắng quân Minh rồi thì cứ giữ nó lại mà sài cho quân mình ! (Chắc là hồi ấy ông chưa được học tập và quán triệt Chủ nghĩa Mác - Lê Nin!).

Trên đây là sự phân hóa trong nội bộ từng nước, nhưng giữa các nước trong hệ thống cũng có sự phân hóa nghiêm trọng.

a.2 - Sự phân hóa giữa các nước trong hệ thống:

Chỉ một thời gian ngắn sau khi ra nhập vào hệ thống, thì hầu hết các nước Đông Âu đã muốn thoát ra khỏi sự khống chế của Liên Xô, vì các lý do sau :

- Phần lớn đều có điểm xuất phát trước chiến tranh cao hơn Liên Xô.

- Đã biết được những tội ác của Stalin đối với nhân dân Liên Xô trước đó, bản thân họ cũng đã từng là nạn nhân.

- Muốn nhận sự viện trợ của Mỹ theo kế hoạch Marshall giúp các nước khôi phục lại nền kinh tế sau chiến tranh.

- Các lý do khác biệt về văn hóa, tôn giáo, sắc tộc, ...

Những sự kiện diễn ra ở Tiệp Khắc năm 1947, Đông Đức và Tiệp Khắc năm 1953, Hunggaria và Ba lan năm 1956,... đã chứng minh điều này. Nhưng điển hình nhất là sự kiện “*Mùa xuân Praha*” diễn ra tại Tiệp Khắc năm 1968:

Hàng trăm nghìn quân cùng hàng ngàn máy bay, xe tăng, đại bác,... thuộc khối quân sự Vác-Sa-Va (Warszawa) do Liên Xô đứng đầu (giai đoạn do L. Brezhnev làm tổng bí thư), đã tiến vào nước này nhằm “*tiểu trừ bọn phản cách mạng, tay sai của đế quốc*”

Mỹ!”, sau đó bắt đi nhiều UVTU đảng, bộ trưởng giải về Moscow.

Bản thân tổng bí thư A.Dubcek và thủ tướng Tiệp lúc bấy giờ là Cernik cũng bị triệu sang Moscow. Để rồi sau đó một đoàn đại biểu do chủ tịch nước Tiệp là Svoboda dẫn đầu đã bị ép phải ký một văn bản tại Moscow, với hai thỏa thuận quan trọng :

- Ngưng ngay công cuộc cải tổ, mà thực chất là muốn xây dựng một mô hình CNXH nhân bản hơn, nhằm thay thế cho mô hình CNXH kiểu trại lính có từ thời Stalin.

- Chấp nhận một lực lượng quân sự Liên Xô gồm 75,000 quân “tam” đóng tại đây. Lực lượng này ở lại Tiệp 23 năm, tới tháng 5/1991 trước khi Liên Xô tan rã (12/1991) mới rút về.

Kể từ đó lý tưởng cộng sản hầu như đã mất hẳn trong lòng nhân dân Tiệp Khắc nói chung và những người cộng sản Tiệp chân chính nói riêng, họ coi đất nước họ đã bị quân đội nước ngoài chiếm đóng trái phép. Chính họ - những người cộng sản ấy, đã góp phần rất lớn cùng nhân dân giành được thắng lợi trong “Cuộc cách mạng Nhung” vào 10 ngày cuối tháng 11/1989.

Những cuộc biểu tình quy tụ nhiều chục ngàn người đã liên tiếp nổ ra tại khắp nơi trên đất Tiệp sau sự kiện trên. Ngay tại quảng trường chính của thủ đô Praha đã có hai sinh viên tự thiêu vào tháng 1 năm 1969, trong lúc đoàn người đang biểu tình. Và sự hy sinh của họ đã không uổng phí, bởi vì có “Mùa xuân Praha” thì 9 năm sau mới có “Hiến chương 77” của hàng trăm nhà trí thức và những đảng viên Cộng sản Tiệp tiến bộ. Nó như một Bản Tuyên Ngôn chung đòi dân chủ, làm rung chuyển cả khối XHCN. Để rồi từ đó mới có thắng lợi của “Cuộc cách mạng Nhung” 12 năm sau.

Rõ ràng giải pháp “cộng sản” cũng đã không giải quyết được vấn đề “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!” như Mác kêu gọi. Mối bất hòa giữa hai nước đàn anh Liên Xô và Trung Quốc là rất sâu sắc, không thể hàn gắn được, và cũng đã có những cuộc xung đột vũ trang diễn ra tại biên giới Trung - Xô. Nó lớn tới mức mà

không biết vô tình hay cố ý, CT Hồ Chí Minh trong di chúc của mình đã vội chia chủ nghĩa cộng sản ra thành hai: chủ nghĩa Mác- Lê Nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản ! Giải pháp ấy cũng không làm tan đi được đầu óc bá quyền nước lớn, muốn thôn tính nước nhỏ bằng bạo lực, có từ ngàn năm của các thế lực cầm quyền phương Bắc đối với dân tộc Việt Nam.

Có ai ngờ rằng sau 30 năm với hai cuộc chiến tranh, thì dân tộc ta lại phải bước tiếp vào hai cuộc chiến tranh nữa, ở biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc, mà nguyên nhân sâu xa đều do chính quyền Bắc Kinh gây ra. Máu xương của hàng trăm ngàn những người lính trẻ, những người dân Việt Nam vô tội lại phải đổ xuống. Mặc dầu họ - những người nay đã khoác áo cộng sản, từng nhiều lần tuyên bố: *“Tình đoàn kết gắn bó giữa hai dân tộc là như môi với răng, môi hở thì răng lạnh.”* (Có lẽ nên là như môi với... lưng thì tốt hơn!). Vì điều kiện địa lý, chúng ta không có cách lựa chọn nào khác hơn. Chúng ta luôn mong muốn cùng xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước, nhất là với nhân dân Trung Quốc - những người cũng đã chịu quá nhiều thương đau. Nhưng với lịch sử đã qua, với những gì vẫn đang tiếp tục cho chúng ta thấy bản chất bá quyền nước lớn của đầu óc đại Hán, là không hề thay đổi trong các giới cầm quyền ở Trung Quốc. Chẳng những là đối với Việt Nam, mà còn đối với các nước khác trong khu vực. Đây là khó khăn nhưng cũng là thuận lợi để Việt Nam có thể thiết lập được những mối quan hệ bền vững với các nước này. Từ đó sẽ tạo ra những đối trọng đủ mạnh đối phó với họ. Chính sợi dây ràng buộc *“cùng ý thức hệ”* hiện nay mới là nguy hiểm nhất, nó làm cho thế giới và các nước trong khu vực nghi ngại chúng ta. Sợi dây ấy có thể đứt bất cứ lúc nào như nó đã từng bị đứt, và bên chịu thiệt thòi vẫn là dân tộc Việt Nam. (Một khi đã biết được dã tâm muốn “đánh tráo nỏ thần” rồi mà vẫn cho phép họ được “ở rết”, thì những kẻ có tội với dân tộc chính là những *“An Dương Vương”* thời nay!)

b- Do chủ quan và phiến diện trong cách nhìn nhận về con người nên Mác đã đưa ra luận điểm: hệ tư tưởng của giai cấp công nhân là hệ tư tưởng tiên tiến nhất trong xã hội, và Đảng cộng sản là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo đất nước.

Từ khi nền văn minh công nghiệp xuất hiện, thì bất cứ xã hội nào chịu ảnh hưởng của nó cũng có nhiều giai tầng khác nhau như đã liệt kê ở trên. Ta giả sử ứng với mỗi giai tầng ấy có một hệ tư tưởng, rồi lại có một ban giám khảo chấm điểm khách quan, thì chắc gì hệ tư tưởng của giai cấp công nhân đã đạt trên mức trung bình? Thế mà Mác cũng lại đưa nó lên vị trí hàng đầu, với ý định không hề giấu giếm là sẽ tiến tới chi phối, rồi triệt tiêu dần các hệ tư tưởng còn lại “*bằng con đường tự nguyện*”!

Trong thực tế thì sự chống đối này là rất gay gắt. Có những người suốt đời đi “*tiểu trừ bọn phản cách mạng*” nhưng “*tiểu*” mãi mà bọn “*phản cách mạng*” kia không “*trừ*” đi, mà lại càng cộng thêm! Mác thật mâu thuẫn khi một mặt, ông kêu gọi mọi người hãy cùng nhau xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng. Nhưng mặt khác, ông lại bày ra chuyện “*mâm trên - mâm dưới*” ngay từ đầu như vậy.

Lý thuyết thì đã là như thế, thực tế còn tệ hại hơn nhiều: đó là sự thống trị của một thiểu số cầm quyền trong ĐCS lên toàn bộ xã hội, kể cả các đảng viên thường cùng toàn bộ khối “*liên minh công- nông*”, mà lúc này hầu hết đều đã thuộc giai cấp bị trị. Mác đặt trọn niềm tin của ông vào các ĐCS, vì ông cho rằng đó là “*bộ phận ưu tú nhất của một giai cấp tiên tiến nhất trong xã hội*”! Cứ cho là như vậy đi, nhưng thử hỏi có cái gì làm cho người ta đam mê bằng thú quyền lực được tập trung ở mức độ cao, được kéo dài không kỳ hạn và còn là duy nhất? Thực tế phe XHCN đã chứng minh rằng: không phải như Mác nói “*Tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ nhân dân*”, mà chính quyền lực mới là “*thuốc phiện*” của nhiều người cộng sản cầm quyền. Có những người sau khi đã rời chức vụ rồi, nhưng cứ ra ngẩn vào ngơ, tinh thần bất an vì vẫn còn muốn “*phục vụ cách mạng đến hơi thở cuối cùng*”! Để rồi đã

có người đã thấy vậy mà đưa ra nhận xét: “*Cái đít con người ta có trí nhỏ, nó nhỏ cái ghê!*”.

Sự đam mê ấy lại càng được cộng hưởng thêm khi nó được gắn với tiền, lúc này cũng lại được đem tập trung lại. Nếu như ăn, uống, ngủ, nghỉ người ta còn thấy có dấu hiệu của sự bão hòa thì nỗi đam mê quyền, tiền là không hề có dấu hiệu nào. Giả sử lúc đầu con người xã hội trong anh có thặng thặng, thì cũng chỉ một thời gian sau nó cũng sẽ bị con người cá nhân trong anh nuốt chửng. Mọi cố gắng nhằm “*chống chủ nghĩa cá nhân*” trên quy mô toàn xã hội đều thất bại, trừ khi phần hồn lìa khỏi phần xác! Đó là quy luật muôn đời, không trừ một đảng phái, giai cấp, tôn giáo hay dân tộc nào. Lịch sử nhân loại đã có rất nhiều ví dụ về nó.

Vì vậy bài toán lợi - quyền mà Mác hy vọng có thể giải quyết được qua giải pháp “*cộng sản*” cũng hoàn toàn chủ quan và phiến diện. Nó đã bị chính những người cộng sản cầm quyền phá vỡ: một khi mà đá bóng là anh, thổi còi cũng lại là anh, thì nhân dân chỉ còn có “*môi*” một việc là cứ lằm lũi làm ra cờ, cúp, giải thưởng để anh luôn luôn được đứng trên bục cao nhất mà thôi. Thử hỏi những cô Tấm ngày nay có còn động lực để “*vót tép*” nữa hay không, khi mà tép trong giỏ của mình đã bị kẻ khác lừa trút hết? Những người chăm chỉ, dễ tin người và lương thiện thì chỉ còn “*một con cá Bống*”, còn những kẻ lười biếng, giáo hoạt và vô lương tâm thì lại được thưởng “*yếm đào*.”

Người ta thấy rõ sự bất công lớn giữa những người lao động trực tiếp làm ra của cải, vật chất cho xã hội, với hầu hết các quan chức lớn nhỏ trong các ĐCS. Cái kiểu “*nấu cháo bằng rìu*” này đã diễn ra thường trực, lâu dài và trên quy mô lớn trong toàn phe XHCN. Lê Nin đã từng có nhận xét: “*Ngân hàng trong nền kinh tế TBCN là một tổ chức ăn bám bình phương.*” Nhưng ở các nước XHCN, thực tế đã cho thấy rằng:

Có nhiều cá nhân, tổ chức mà mức độ ăn bám có số lũy thừa bậc cao hơn nhiều lần. Vấn đề là phải tạo ra một cơ chế kiểm tra,

kiểm soát đầy uy lực của toàn xã hội lên các thế lực cầm quyền, chứ không phải là cú “chốt” vấn đề từ trên như vậy, rồi đặt cho nhân dân một niềm tin mù mù rằng: trên ấy toàn là những “vì sao” thì ắt nó sẽ tỏa sáng! Theo tôi có lẽ Mác cũng có tính cả tin như có lần ông tâm sự với con gái của mình rằng đấy là đức tính mà ông dễ tha thứ nhất.

c- Do không tôn trọng các quy luật khách quan:

Ví dụ như trong kinh tế là gần như phủ nhận hoàn toàn quy luật giá trị, coi nhẹ vai trò của hàng hóa, tiền tệ. Tìm mọi cách, kể cả bằng bạo lực thường trực để thu hẹp những cơ sở hình thành nên nền kinh tế thị trường. Vì cho rằng chúng sẽ dẫn tới sự cạnh tranh, vô chính phủ, cá lớn nuốt cá bé và cuối cùng là sự khủng hoảng xã hội.

Cơ chế chỉ huy tập trung ở các nước trong phe XHCN rất có lợi thế trong điều kiện chiến tranh, vì nó cho phép huy động tới mức tối đa mọi nguồn lực cho cuộc chiến. Nhưng chiến tranh là cái bất bình thường của cuộc sống, nó không phải là cuộc sống theo đúng nghĩa của nó. Còn trong điều kiện hòa bình thì vấn đề lại khác hẳn, ở đó đòi hỏi những nỗ lực sáng tạo bền bỉ của từng cá nhân, nhằm làm ra những sản phẩm khác nhau, phục vụ cho những nhu cầu cũng rất khác nhau của xã hội. Chứ không phải là mọi người cùng đi về một hướng, cùng thực hiện một mục đích, v.v...

Vì vậy những lợi thế của cơ chế này trong chiến tranh lại là những trở lực lớn trong xây dựng hòa bình. Biểu hiện cụ thể của nó là lối suy nghĩ cứng nhắc, một chiều dẫn tới cách làm việc độc đoán, duy ý chí và bất chấp quy luật. Hậu quả là những sản phẩm được làm ra thường là thiếu tính cạnh tranh trên thị trường thế giới, ngày càng mang tính toàn cầu hóa cao. Trong nền kinh tế XHCN, điều mà các nhà sản xuất quan tâm hơn cả là làm sao hoàn thành được kế hoạch nhà nước giao, chứ không phải là tính hiệu quả. Vì vậy nó cũng không cần để ý đến thị hiếu, sức mua

của người tiêu dùng.

Ví dụ ở Liên Xô trước đây người ta thường đúc luôn giá bán lẻ vào nhiều sản phẩm, chẳng hạn một bàn là giá 7 rúp (Rouble: đơn vị tiền tệ của Liên Xô), hay một quạt tai voi giá 14 rúp được bán ra vào giữa thập niên 60 thì đến giữa thập niên 70 nó vẫn giữ nguyên giá bán như vậy. (Điều này thì nhiều anh chị em ta ở Liên Xô nắm khá chắc!).

Về mặt hình thức ta thấy được tính “*ổn định*” của giá cả, nhưng về mặt bản chất thì đó là sự vi phạm nghiêm trọng các quy luật kinh tế khách quan. Tình hình cũng tương tự ở các nước khác trong phe, như ở Trung Quốc với chiếc xe đạp Phượng Hoàng, ở Việt Nam với chiếc xe đạp Thống Nhất, với giá gạo mậu dịch bốn hào một cân, v.v... được giữ vững nhiều chục năm*.

Ở trong các lĩnh vực khác cũng có một tình hình tương tự, ví dụ trong lĩnh vực văn hóa với những sản phẩm tinh thần được làm ra thường mang tính rập khuôn, giáo điều, lên gân và xa lạ với đời sống con người. Nó cũng làm “*luỗi gỗ hóa*”, thậm chí là trở trên hóa trong hầu hết những cuộc trả lời phỏng vấn của các lãnh tụ cộng sản, những người phát ngôn, ... đây là căn bệnh chung và có tính “*nghe truyền nghe*”!

Tất cả đã làm “*đồng phục*” hóa và “*Gà công nghiệp*” hóa hầu hết mọi thành viên trong xã hội, mọi người ăn, mặc, ở, đi lại, ... giống nhau, thậm chí cách nói năng, suy nghĩ cũng ít khác nhau. Vì vậy nó đã bóp chết rất nhiều khả năng sáng tạo, lối suy nghĩ độc lập,... của những con người sống trong các xã hội XHCN. Mọi sự đều mang dáng vẻ nhợt nhạt, thiếu sức sống. Để rồi khi mở cửa ra với thế giới bên ngoài thì thường bị hụt hẫng, lúng túng như những chú Gà công nghiệp dưới ánh nắng chói chang của mặt trời. Tất cả đều cam chịu một mức sống thấp đều nhau. Giả sử có ai đó muốn “*nhô lên*” thì cũng bị cơ chế áy mau chóng kéo xuống. Trừ một lớp người đặc biệt đã tạo nó.

Toàn hệ thống còn có một đặc điểm nữa là: hầu hết đều ra đời sau chiến tranh hay nội chiến, vì vậy có những con người có

công trong các cuộc chiến ấy. Xã hội phong kiến trước đây phân biệt rất rõ giữa chức và tước, nhưng nay thì tất cả đã bị lẫn lộn: người ta thường thưởng chức cho nhau thay vì ban tước, mặc dù ngay cả điều này cũng có những bất công lớn. Hậu quả là thước đo giá trị về con người bị biến dạng, cũng như trong kinh tế quy luật giá trị bị bóp méo. Sự “truyền ngôi” cho nhau những tưởng là đã mất, nhưng nó đã không mất đi mà còn diễn ra nhuộm nhuộm, phổ biến hơn theo những tính toán cá nhân của những người nắm quyền lực. Vì vậy trong đa số trường hợp nó đã không chọn được những người tốt nhất cho công việc chung. Có khi không phải là 9 bỏ làm 10 mà 3- 4, thậm chí chẳng có giá trị gì cũng “bỏ làm 10”!

Kể cả chức vụ cao nhất của các nước này là chức tổng bí thư ĐCS. Điều đó đã tạo ra những cuộc chạy đua mà “năng lực” của các ứng cử viên được “đo” ở cổng sau chứ không phải cổng trước. Chúng càng làm cho những con người chân chính nản lòng, hệ thống do vậy gần như đã mất hết động lực.

Biểu hiện trong tâm lý xã hội là: sau những hăm dọa của một niềm tin trong sáng buổi ban đầu, thì nay là sự thất vọng, chán nản, buông xuôi. Nó gây ảnh hưởng xấu, có tính dây chuyền đến mọi ngành, mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Chẳng hạn là tình trạng nhà nước thì “giả vờ” trả lương cho công nhân viên, rồi họ cũng lại “giả vờ” làm việc lại cho nhà nước. Năng suất và chất lượng lao động càng ngày càng tụt dốc thảm hại, trong khi vấn đề năng suất lao động lại là vấn đề quan trọng nhất, chủ yếu nhất. Chính nó, theo Lê-nin sẽ quyết định sự thành bại của phương thức sản xuất này so với phương thức sản xuất kia.

Hàng hóa và các loại dịch vụ ngày càng đơn điệu và khan hiếm, xã hội tẻ ngắt và buồn chán. Từ quy luật “Năng suất lao động không ngừng tăng lên dưới CNXH” bị phá vỡ đã kéo theo hàng loạt “các quy luật riêng có” khác của CNXH như: “Quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân”, “Quy luật đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân không

ngừng được nâng cao” (còn được gọi là “Quy luật cơ bản của CNXH”), ... đều đã bị gãy đổ.

Cùng với sự thoái hóa nghiêm trọng của hệ thống chính trị, đã dẫn đến sự tan rã của toàn hệ thống XHCN như nó đã diễn ra. Lê-nin đã từng viết: “*Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự bảo vệ.*” Các nước XHCN đã tự bảo vệ được mình trong các cuộc chiến tranh nóng, nhưng đã không làm được điều đó trong xây dựng hòa bình, và đã thua trong cuộc chiến tranh lạnh vừa qua.

Từ những trình bày trên ta rút ra kết luận : hệ thống XHCN trong thế kỷ 20 đã tự sụp đổ, vì nó bắt nguồn từ một học thuyết sai lầm, dẫn đến sự hình thành nên một cơ chế làm triệt tiêu hầu hết mọi động lực cho sự phát triển xã hội. Nó đã vĩnh viễn ra đi chứ không phải tạm thoái trào, để rồi một ngày nào đó sẽ phục hồi và quay trở lại như có những người đã từng phát biểu hoặc hy vọng. (tất nhiên có người làm vậy chỉ là để giả vờ trước nhân dân mà thôi). Cuộc “*đại thực nghiệm*” cho học thuyết của Mác áy đã đại thất bại, sau 74 năm tồn tại trên nhiều vùng đất rộng lớn và đông dân cư của thế giới. Nó là một tai họa lớn cho nhân loại nói chung và nhất là cho nhân dân các nước XHCN nói riêng.

Trong suốt một thập niên qua ở các nước Đông Âu và các nước cộng hòa cũ thuộc Liên Xô đã diễn ra nhiều cuộc bầu cử tự do. Có một tình hình là: bất cứ một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nào dù đã đổi tên gọi, nhưng nếu có ý định phục hồi lại Chủ nghĩa xã hội thì đều bị thất bại trước những lá phiếu của nhân dân. Cuộc bầu cử tổng thống Nga vào tháng 3/2000 vừa qua đã chứng minh thêm cho điều này. Có nhiều người vốn là những đảng viên cộng sản cũ đã thắng cử, điều đó cũng là bình thường. Nhưng nguyên nhân thắng cử là bởi họ đã thực sự là đại diện cho tiến trình dân chủ mới, và cử tri bầu họ là vì lẽ đó, chứ không phải là để quay về với con đường trước kia.

Những hỗn loạn, xung đột của nước Nga hậu cộng sản gần 10 năm qua là có thật, nhưng phải thấy rằng chúng là biểu hiện

của những mâu thuẫn sâu xa đã có từ lâu trong quá khứ, nay mới có điều kiện để bùng ra. Trước đây chúng đã bị dập đi bởi sự bùng bít thông tin và bởi bạo lực của nền chuyên chính vô sản, làm cho người ngoài khó thấy được. Nó chỉ chứng tỏ rằng: hễ càng ủ những mâu thuẫn ấy càng lâu thì khi đủ điều kiện phát nổ, chúng sẽ càng nổ lớn. Và một tổng thống Nga Boris Yeltsin nát rượu, tính khí thất thường, không phải là đại diện xứng đáng cho một nước Nga mới. Cũng cần nhắc lại là so với các nước Đông Âu thì thời gian Liên Xô xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội nhiều hơn những nước này đúng 30 năm, tức xây dựng trước 28 năm (1917-1945) và thêm 2 năm nữa (1989-1991). Nếu ai chỉ chú tâm nhấn mạnh đến những tiêu cực mà lại quên đi những bước chuyển mình thành công khác của nước Nga, các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ và của các nước Đông Âu là thiếu sự khách quan. Cách nhìn ấy là rất phiến diện, thậm chí còn là sai nếu lại đưa nó ra như một con ngoáo ộp đe dọa người dân, nhằm mục đích khuếch từ đổi mới chính trị. Bằng cách đó họ đã đi ngược lại với trào lưu dân chủ mới.

Một số nhận xét thêm:

Anh Hà Sĩ Phu - tiến sỹ sinh học hiện đang ở tại Đà Lạt, trong bài viết Chia Tay Ý Thức Hệ có viết *“lý thuyết của Mác như một cô gái cực đẹp nhưng lẫn thẩn”!*

Tôi chỉ xin góp thêm một ý: cô gái ấy đã bắt đầu bước vào đời sống nhân loại từ năm 1917, và nay thì phải cộng thêm tuổi cho cô gái lẫn thẩn này!

Mác đã từ bỏ tầng lớp trên của mình để đứng hẳn về phía giai cấp cần lao. Ông đã dành trọn sự nghiệp của mình để nghiên cứu và phát hiện ra nhiều căn bệnh trong lòng XHTB, giúp nhân loại tìm cách sửa chữa và điều chỉnh nó. Đó là đóng góp rất lớn của ông. Nhưng nếu ông dừng lại ở đấy mà không kêu gọi xóa hẳn cái cũ, xây dựng cái mới, với xuất phát điểm là dùng bạo lực, thì nhân loại đã không phải trả giá đắt như ở thế kỷ 20 vừa qua.

Thực tế nhân loại đã “*chống cộng*” là theo ý nghĩa này, chứ không phải là trọn gói, kể cả tinh thần xã hội rất cao đẹp cùng những đóng góp thật sự của Mác. Vì nếu là “*trơn gói*” tất nhiên sẽ gây phân hóa, để rồi rất dễ lâm vào tình trạng của những người cú xô đại vào cánh cửa đã mở sẵn. Họ vừa tự gây thương tích cho mình rất đáng tiếc, vừa làm đau đớn những người xung quanh.

Chủ nghĩa cộng sản có được bao nhiêu năm thì phong trào chống lại chủ nghĩa ấy cũng có được bấy nhiêu năm. Chính sự thông minh, khôn khéo của nhân loại và của nhiều nhân vật lớn trên thế giới, đã góp phần quyết định chiến thắng được phong trào cộng sản nói chung và phe XHCN nói riêng, trong cuộc chiến tranh lạnh vừa qua. Chúng ta tin rằng nếu còn sống đến hôm nay, thì công việc đầu tiên mà Mác làm là xem xét lại toàn bộ học thuyết của mình. Bởi vì ông là một nhà khoa học thật sự, và biết đầu nhân loại sẽ được thấy một vị “*Anh hùng chống Mác*” lại chính là Mác cũng nên! Nhưng tôi cũng lại nghĩ thêm: có khi ông tìm đến để xin lại đứa con tinh thần của mình, thì ông lại bị chính những người đang khư khư giữ nó nhất quyết chống lại. (Nhiều khi chủ nhà lại còn dễ hơn là mấy ông gác cổng!).

Với một ông Mác viết những Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản, Tư Bản Luận, dưới ánh đèn điện, lại được sự trợ giúp của truyền hình nhiều kênh, của mạng lưới thông tin toàn cầu (Internet), điện thoại, fax, ... sẽ khác với một ông Mác ngồi viết nó dưới những ngọn nến. Một ông Mác đi máy bay nhất định cũng không giống với một ông Mác đi xe lửa hay xe ngựa!

Tổng kết về CNCS, cựu tổng thống Ba Lan Lech Walesa đã có một câu nói lên sự thật phũ phàng, nhưng cũng thật chính xác: “*Chủ nghĩa cộng sản là con đường dài nhất để đi từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa tư bản!*”.

1.3 - Sự phát triển của xã hội loài người từ khi có chủ nghĩa Mác tới nay :

Trong thực tế xã hội loài người đã vận động và phát triển

hoàn toàn khác hẳn với những gì mà Mác đã dự đoán: cách mạng vô sản đã không nổ ra trước tiên ở các nước Tư bản chủ nghĩa phát triển nhất, (ông dự đoán là nước Đức: *“Những người công sản chú ý nhiều nhất đến nước Đức, vì nước Đức hiện nay đang ở vào đêm trước của một cuộc cách mạng vô sản...”*) (trích Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản) mà lại nổ ra ở nước Nga, lúc ấy chỉ là một nước TBCN phát triển trung bình. Cái *“mất xích”* ấy yếu nhất và bị *“đứt”* là bởi chiến tranh và nội chiến, do nước Nga Sa Hoàng tham dự đã làm cho nước Nga suy kiệt, nhân dân Nga, nhất là các tầng lớp công- nông- binh bất mãn đến cùng cực. Chính họ đã là lực lượng nòng cốt cho cuộc Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 giành được thắng lợi. Nó tuyệt đối không phải là sự vận động và phát triển của *“Quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”* mà Mác đã chỉ ra.

Những trường hợp của bốn nước XHCN còn sót đến ngày nay lại càng khẳng định thêm cho điều này. Chưa kể đến Mông Cổ (Mongolia) mà đa số người dân vốn chỉ quen với đời sống du mục trên thảo nguyên, thì đã lấy đâu ra mâu thuẫn giữa *“tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất”*, vậy mà cũng nhảy được một lúc 2- 3 bậc lên CNXH ! (Trung Quốc và Việt Nam nhảy cóc một bậc là vẫn còn ít!). Dự đoán trên đã sai, nhưng dự đoán sau đây còn sai tệ hại hơn nữa: trong Tư Bản Luận, quyển I, ông viết *“Giờ tận số của chế độ tư hữu TBCN đã điểm”!*

- Trước và sau Mác nhân loại đã ra sức tìm kiếm nhiều phương cách khác nhau để giải quyết bài toán lợi - quyền. Kết quả là ngày càng có nhiều người vô sản hôm qua trở thành những người hữu sản hôm nay bằng lao động chân chính của họ. Luật pháp cũng thay đổi để bảo vệ và khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thị trường chứng khoán cũng phát triển mạnh đã đẩy nhanh quá trình *“cổ đông hóa.”* (Nước Úc hiện nay có khoảng

5 triệu cổ đông trên tổng số gần 20 triệu dân, chiếm hơn 25% dân số. Có 500,000 các doanh nghiệp gia đình, chiếm 50% lực lượng lao động toàn xã hội. Trong một cuộc nghiên cứu gần đây thì nước Úc có 230,000 nhà triệu phú so với 75,000 cách đây 7 năm, tức là trung bình cứ 80 người dân thì có 1 triệu phú.) Nghĩa là họ vừa là người làm thuê, lại vừa là người làm chủ hoặc tự làm chủ hoàn toàn. Từ đó cái tâm lý đấu tranh một mất một còn kiểu “*Được là được tất cả, mất chỉ mất gông cùm xiềng xích!*” hay “*quyết phá sạch tan tành*” đã ngày càng bị đẩy lùi trong các xã hội văn minh. Nếu “*đấu tranh này là trận cuối cùng*” (những lời trong bài Quốc Tế Ca), thì sau “*trận cuối cùng*” ấy họ sẽ mất nhiều hơn là được.

Nhiều bộ luật cũng đã ra đời để hạn chế tình trạng cạnh tranh, vô chính phủ. Ví dụ là luật chống độc quyền: nếu công ty Microsoft hiện nay của Mỹ mà không có luật trên hạn chế, thì nó đã nuốt nhiều chú “*cá bé*” lắm rồi. Và nhà tỷ phú Bill Gates cùng một số bạn hữu của ông là những ví dụ điển hình, mà chỉ bằng tài năng và quyết tâm của họ đã trở thành những ông chủ lớn, từ những vốn liếng rất nhỏ nhoi ban đầu.

- Hệ thống chính trị cũng có những thay đổi về chất để chuyển từ nền Dân chủ tư sản cho một thiểu số sang nền Dân chủ đa nguyên cho nhiều người. Ở đó xã hội nhìn nhận và tôn trọng những khác biệt về tư tưởng, quan điểm chính trị, chủng tộc, tín ngưỡng, thành phần xuất thân, ... nghĩa là mọi quyền của con người đều được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Chỉ trừ ai hoặc nhóm người nào “*khác biệt*” đến mức đi tuyên truyền, cổ vũ hoặc trực tiếp nhúng tay vào các hoạt động bạo lực, khủng bố, tị hủ, v.v....

Đặc biệt nhất là quyền tự do ứng cử và bầu cử, qua đó người dân vừa bầu ra một chính phủ có kỳ hạn nắm quyền. Đồng thời cũng bầu ra những lực lượng chính trị khác làm đối lập xây dựng đủ mạnh, để kiểm soát mọi hoạt động của chính phủ đương quyền. Thời gian ở vị trí đối lập chính là thời gian học việc của

họ, và tất cả đều có thể bị thay thế bằng những lực lượng chính trị mới, nếu họ nói mà không làm hoặc làm không được việc. Họ sẽ không có nhiều “*cơ hội*” để miệt mài làm nguy hiểm và đạo đức giả với cử tri- những người đóng thuế. Đồng thời giới truyền thông cũng có những quyền lực thật sự để thực hiện các chức năng phản ánh, hướng dẫn, giám sát và dự báo xã hội của họ một cách độc lập. Mặt khác còn là sự thăng bằng và chế ngự lẫn nhau của ba cơ quan quyền lực : lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nó không cho phép một cá nhân hay một đảng phái nào có quyền chi phối hoặc đứng hẳn lên trên nó.

Tất nhiên ngay cả ở những xã hội phát triển nhất thì không phải mọi việc đều đã ổn thỏa. Vẫn còn có những bất công, có khi là rất lớn. Nhưng đấy là xã hội được nhiều người dân chấp nhận, và họ vẫn luôn ra sức phát hiện những điểm không ổn ấy, để tìm cách điều chỉnh cho nó ngày một hoàn thiện hơn. Còn ý tưởng xây dựng một xã hội mới hoàn toàn công bằng và bình đẳng, thì cả về lý luận và thực tiễn đều cho thấy rằng: chính nó mới thực sự là không tưởng, để rồi đã sa vào thảm cảnh “*đi nhờ con cáo này để đuổi con cáo kia.*”! Mà con cáo mới này lại có nhiều móng vuốt hơn, răng cũng to và khỏe hơn do đó cũng “*vô*” được nhiều gà hơn!

2- Hoàn cảnh mà CT Hồ Chí Minh đã chọn con đường đi cho dân tộc Việt Nam. (Chủ tịch Hồ Chí Minh 1890- 1969)

Theo các văn kiện chính thức của ĐCS Việt Nam, cũng như CT Hồ Chí Minh lúc sinh thời đã nhiều lần khẳng định thì con đường mà CT Hồ Chí Minh đã chọn cho dân tộc Việt Nam chính là con đường của Lê-Nin, tức con đường XHCN. Cơ sở hình thành của nó ra sao, đúng sai thế nào thì như đã biết. Ở đây chúng ta chỉ đi tìm hiểu xem hoàn cảnh nào đã dẫn CT Hồ Chí Minh tìm đến với con đường ấy :

Paris năm 1920, lúc này chàng trai 30 tuổi Nguyễn Ái Quốc tức CT Hồ Chí Minh sau này đã là thường trú nhân ở đây được 3

năm. Anh cũng mới ra nhập đảng xã hội Pháp được 1 năm. (CT Hồ Chí Minh sinh sống ở Pháp 6 năm từ 1917- 1923).

Liên tiếp trong hai ngày 16 và 17/7 tờ Nhân đạo (L'humanité) cơ quan ngôn luận của đảng xã hội Pháp đăng bài viết nhan đề: “Đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lê-Nin, đây là một bài viết 8 trang và như sau này CT Hồ Chí Minh kể lại đại ý: “... Trước đó tôi chưa hề đọc một cuốn sách nào của Lê-Nin viết, nó làm tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên, ngồi một mình trong phòng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta! Đây là con đường giải phóng dân tộc chúng ta! ... Và từ đó tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc Tế III và hoàn toàn tin theo Lê-Nin, nhất quyết đi theo ngọn đuốc của Lê-Nin vĩ đại để soi sáng đường cho cách mạng Việt Nam....”.

Tuy nhiên có điểm sau đây cũng do ông kể lại:

“... Trong đề cương ấy có những chữ chính trị khó hiểu, nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính, ...”.

Tôi không có ý nói rằng hề người nào không biết ngoại ngữ hoặc có biết nhưng không giỏi thì không thể chọn được đường đi cho dân tộc mình, nhưng ở vào hoàn cảnh của ông lúc đó, là người Việt Nam duy nhất đi theo con đường của Lê-nin, như chính ông và những đồng chí của ông đã nhiều lần khẳng định, mà với một bài viết không dài lắm ông đọc vấp vả như vậy, thì sẽ không dễ gì ông hiểu được toàn bộ tư tưởng của Lê-nin, lại càng khó có thể hiểu được những tư tưởng của Mác. (Vì như chúng ta biết là văn phong của Mác đọc rất khó hiểu, mà anh Nguyễn lúc ấy lại không có các tác phẩm của ông bằng tiếng Việt trong tay.).

Một điểm nữa cũng cần phải lưu ý là việc tán thành Quốc Tế III của ông là ở vào một hoàn cảnh khác sau đó :

Nước Pháp - Thành phố Tours cuối tháng 12/1920, lúc này đảng xã hội Pháp nhóm họp đại hội lần thứ 18 để thảo luận và

quyết định một vấn đề quan trọng: nên tiếp tục theo Quốc Tế II như truyền thống hay theo Quốc Tế III? anh Nguyễn cũng được đảng chọn làm đại biểu đại diện cho xứ Đồng Dương thuộc Pháp tham dự đại hội. Sau này CT Hồ Chí Minh cũng đã kể lại đại ý: *“Sau phần bỏ phiếu, người nữ thư ký ghi biên bản của đại hội hỏi: Tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Quốc Tế III? - Ông đáp: “Rất đơn giản, tôi không phân biệt rõ sự khác nhau giữa Quốc Tế II, Quốc Tế II rưỡi hay Quốc Tế III. Tôi cũng không hiểu chị nói thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác, nhưng tôi hiểu rõ một điều: Quốc Tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa, đến tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho tổ quốc tôi. Đây là tất cả những điều tôi muốn, đây là tất cả những điều tôi hiểu,...”*. (Có tài liệu viết rằng đoạn đối thoại trên là xảy ra trước phần bỏ phiếu, nhưng theo tôi điều đó không ảnh hưởng gì đến thực chất của vấn đề.).

Theo đánh giá của nhiều người thì câu chuyện ấy nói lên rằng đó là những khoảnh khắc lịch sử để CT Hồ Chí Minh *“Đi từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến yêu CNXH sâu sắc.”* Theo tôi đây là một điểm lớn cần phải phân tích kỹ hơn *, nhưng cũng qua đó lại thêm một lần nữa khẳng định tính *“hên - xui, may - rủi”* trong việc chọn đường đi cho dân tộc của ông: một khi mà vào tháng 7 ông đã *“nhất quyết đi theo ngọn đuốc của Lê-nin vĩ đại”* rồi, mà 5 tháng sau đó ông vẫn không hề biết rằng Quốc Tế III chính là do Lê-nin sáng lập từ năm 1919 để dứt khoát chọn ngay từ đầu, vừa là để củng cố thêm cho con đường mà mình đã chọn, vừa ủng hộ cho người thầy lớn của mình. Vì vậy có thể nói trộm vía ông rằng:

Hoàn cảnh mà CT Hồ Chí Minh đã chọn đường đi cho dân tộc vào năm 1920 ấy chẳng khác nào hoàn cảnh của một người... bắt mèo ở trong bị! Hay nói một cách khác thì nó cũng tương tự như hoàn cảnh của một người đang ngồi trong... sòng bài!

Trong điều kiện làm việc đơn phương, vừa đói thông tin, vừa nghèo phương án đến như vậy, thì chẳng cứ gì chàng trai

Nguyễn Tất Thành, mà bất cứ ai dù có là vĩ nhân đi chăng nữa, nếu có chọn được một con đường nào đó cho dân tộc, thì chắc chắn nó cũng sẽ có độ rủi ro cao, lành ít dữ nhiều mà thôi.

(Sau đại hội trên những ai bỏ phiếu cho Quốc Tế III đã tách ra để thành lập ĐCS Pháp, vì vậy đại hội Tours còn được gọi là đại hội sáng lập ĐCS Pháp.).

Một câu hỏi đặt ra là nếu CT Hồ Chí Minh không chọn con đường của Lê-Nin, thì Việt Nam sẽ đi theo con đường nào? Câu trả lời là: Việt Nam sẽ đi theo con đường các nước Đông Nam Á (ASEAN) đã đi, mà Việt Nam chỉ mới ra nhập từ năm 1995 đến nay. Nếu như vậy đất nước đã không bị chậm nhiều chục năm so với thế giới, không phải gánh chịu những hậu quả kéo dài đến tận hôm nay, mà tôi xin trình bày rõ hơn ở phần sau. Cũng như đã tránh được mức độ khốc liệt vào giai đoạn cuối cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ I (1946- 1954). Và dĩ nhiên cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ II (1954- 1975) cũng đã không xảy ra. Máu xương của nhiều triệu con người Việt Nam ở cả hai phía đã không phải đổ xuống.

Toàn bộ cục diện quốc tế và khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã chứng minh điều này. Điển hình là trường hợp của Malaysia: tuy các phong trào khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền của nước này, kể cả phong trào cộng sản đều bị thất bại nặng nề, nhưng vẫn được người Anh trao trả lại độc lập vào năm 1957. Một số nước khác thì sớm hơn như : năm 1946 có Philip-pines thuộc Mỹ, Syria và Liban thuộc Pháp. Năm 1947 có Ấn Độ, Pakistan và năm 1948 có Miến Điện (Myanmar), SriLanka, Palestin đều thuộc Anh và Indonesia thuộc Hà lan năm 1949, v.v.... (Riêng Thái Lan do nét đặc thù riêng nên không phải là một nước thuộc địa trước đó.)

Tình hình các nước khác ở châu Phi, Mỹ La tinh, v.v.... cũng là như vậy. Tất cả đều giành được độc lập dù ở đó có hay không có các đảng cộng sản lãnh đạo, có phong trào khởi nghĩa vũ trang hay không. Đây là kết luận chung của các sử gia khách

quan, chứ tôi không hề có ý định làm cái anh chàng “*Không Minh sau trận đánh.*”

Việc trao trả lại nền độc lập từ các nước chủ thuộc địa cho các nước thuộc địa cũ không phải diễn ra đồng thời, mà kéo dài từ năm 1945 đến giữa thập niên 60 trong thế kỷ 20. Trong đó nổi bật lên vai trò can thiệp của nước Mỹ, với đầy đủ cả những mặt xấu lẫn tốt của nó *.

Vì vậy nếu ai nói rằng: CT Hồ Chí Minh đã có công đầu trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-Nin vào Việt Nam, rồi sau đó lãnh đạo ĐCS Việt Nam đưa dân tộc vào quỹ đạo của CNXH thì đúng. Nhưng nếu lại nói đấy là con đường duy nhất để Việt Nam giành lại được độc lập là sai. Càng sai hơn nữa nếu gắn thêm vào đấy những giá trị như : hạnh phúc và ấm no, bình đẳng và bác ái, dân chủ và tự do, v.v....

Thậm chí có người cho đến lúc này vẫn còn so sánh mức sống chung của nhân dân hôm nay với trước cách mạng tháng 8/1945! (mà có khi cả làng chỉ vài nhà có xe đạp).

Tôi cho rằng bằng cách đó họ đã tự gây thích thú cho mình nhưng đã làm khổ cả một dân tộc .

Xong như nguyên soái Zhukov, 4 lần anh hùng Liên Xô - người có công rất lớn với nhân loại trong cuộc chiến tranh thế giới thứ II, đã viết trong cuốn hồi ký Nhớ Lại Và Suy Nghĩ của ông: “*Người ta có thể xuyên tạc hay bóp méo lịch sử, nhưng không ai có thể làm lại được lịch sử ...*”.

Ngày nay sau gần 80 năm trôi qua, dân tộc Việt Nam hoàn toàn có đủ điều kiện để chọn lại con đường đi cho dân tộc mình. Nhất định cả dân tộc cùng chọn sẽ tốt hơn một người chọn. Và vì đây là vấn đề của cả dân tộc thì phải để cho cả dân tộc ấy chọn. Không ai hoặc bất cứ một lực lượng chính trị nào có quyền đứng ra nhân danh dân tộc để tự ấn định hay khước từ quyền tự quyết thiêng liêng ấy, vì những lợi ích riêng của họ. Chính điều đó mới là vừa thiếu đạo đức, vừa thiếu văn minh!

3- Đường lối “Xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” ở Việt Nam hiện nay.

3.1 - Hoàn cảnh ra đời:

Đường lối này bắt đầu ở Việt Nam vào cuối thập niên 80, nhất là sau đại hội VII ĐCS Việt Nam năm 1991, tên đầy đủ hơn của nó là: “*Xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý và điều tiết của nhà nước theo định hướng XHCN, với thành phần kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo*”. Nó cũng là sự tiếp nối của đường lối đổi mới kể từ đại hội VI ĐCS Việt Nam năm 1986. Nó diễn ra trong bối cảnh toàn phe XHCN trước, sau ở từng nước đều đã phải đi tìm những con đường mới nhằm thay thế cho con đường cũ đã thất bại. Nhưng khác với trước là có cả một học thuyết lớn dẫn đường, thì những con đường mới đều là những giải pháp tình thế. Cụ thể là :

- Với các nước Đông Âu và Liên Xô sau nhiều trăm trở, cuối cùng họ chấp nhận thất bại, kiên quyết đoạn tuyệt hẳn với quá khứ và làm lại từ đầu, nhằm bắt kịp dòng chảy của thời đại.

- Với Cu Ba và Bắc Hàn thì vẫn tiếp tục cố thủ, không đổi cũ mà cũng chẳng đổi mới. Gần đây mới có những chuyển động, đang được thế giới quan tâm theo dõi.

- Với Trung Quốc là đường lối “*Xây dựng CNXH mang màu sắc Trung Quốc*”, được bắt đầu từ năm 1978. Thực chất của nó là sự thay thế từ thuyết “*Hai ngọn gió Đông - Tây*” của Mao Trạch Đông sang thuyết “*Hai con mèo đen - trắng*” của Đặng Tiểu Bình. (Một khi mà “*gió Đông*” không thổi bạt được “*gió Tây*” thì người ta quay sang “*bắt chuột*” bằng bất cứ loại mèo nào, dù là mèo đen hay mèo trắng!).

Điều này một mặt tạo ra động lực để nền kinh tế - xã hội Trung Quốc chuyển mình, nhưng mặt khác nó cũng cho người ta thấy: đây chính là một màn “*thoát y vũ*” ngoạn mục nhất về lý tưởng cộng sản!

- Với Việt Nam thì tương tự như Trung Quốc: đổi mới kinh

tế nhưng cương quyết không chấp nhận đổi mới chính trị.

3.2- Cơ sở của đường lối mới:

Bây giờ ta đi vào phân tích xem đường lối mới có cơ sở khoa học hay không? Nếu có thì dân tộc phải ủng hộ nó. Nếu không thì cả dân tộc phải cương quyết đấu tranh cho cái mới ra đời, thay thế và phát triển theo quy luật:

- Xét về tính chất sở hữu thì giữa hai nền kinh tế thị trường và nền kinh tế XHCN là hoàn toàn khác nhau: một cái chủ yếu là dựa trên cơ sở “*tư hữu*”, còn cái kia lại chủ yếu dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Nếu đem “*trộn*” chúng lại với nhau thì sẽ nảy sinh một quá trình ngược: mỗi bước tiến của cái này sẽ là một bước lùi của cái kia và ngược lại.

- Xét về bản chất chính trị ứng với chúng thì cũng lại hoàn toàn khác nhau (theo Lê-nin thì chúng hơn kém nhau tới hàng triệu lần!). Nếu cũng đem “*trộn*” nền kinh tế này với nền chính trị kia thì ngoài việc nó mâu thuẫn với những nguyên lý chung, nó còn mâu thuẫn với chính “*vấn đề cơ bản của triết học Mác-xít*” rằng: “*vật chất quyết định ý thức*”, “*tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội*” hay “*cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng*”, v.v.... (anh Hà Sĩ Phu gọi sự kết hợp này là “*đưa con lai láu cá*”!).

Giả sử có một nền chính trị nào đó mà trước kia đã phù hợp với nền kinh tế XHCN, rồi nay lại cũng “*sài*” được luôn cho nền kinh tế thị trường, thì theo tôi có lẽ nó cũng giống như những viên thuốc... xuyên tâm liên chữa khỏi bách bệnh, được quảng cáo rầm rộ ở Việt Nam ngày nào! Vì vậy tôi rất “*khâm phục*” vào tính “*linh hoạt*” của nhiều vị “*thầy lang*” ta, nghĩa là bệnh “*hàn*” hay “*nhật*” gì thì các vị cũng đều chỉ định cho cả dân tộc uống “*xuyên tâm liên*” hết!

Có thể có một cách so sánh khác như sau: việc đưa ra công thức “*trộn*” trên cũng chẳng khác nào bảo cứ đun... một góc vuông thêm 10°C nữa thì sẽ được.... nước sôi! Vì nhân dân được họ giải thích rằng: độ của góc vuông là 90, còn độ sôi của nước là

100! Nhiều khi tôi cứ tự hỏi tại sao người ta lại bày chuyện cho cả một dân tộc lụi cụi đi “*đun góc vương*” hoặc miệt mài “*uống xuyên tâm liên*” như vậy? Nhất định phải có cái gì đó rất cụ thể, rất hữu hình chứ. Và phải chăng cái đó là: dù đất nước sẽ tiến hay lùi, hay “*nửa chừng xuân*” thì đó không phải là điều mà những người khởi xướng nó quan tâm. Điều quan trọng nhất là phải làm sao khẳng định cho bằng được rằng:

“*ĐCS Việt Nam vẫn luôn luôn là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo đất nước, trước đây là vậy, ngày nay là vậy và mãi mãi sau này cũng sẽ là như vậy - đây là vấn đề có tính nguyên tắc!*” Tất cả mọi cái gọi là đường lối hay một cái gì khác tương tự chỉ là hình thức* và để trình diễn mà thôi. Nếu quả là như vậy thì “*bà chi?*” kia ác quá, đã biết “*lá diêu bông*” là thú không hề có trên cõi đời này rồi mà vẫn cứ bắt người khác đi tìm. Còn mình thì lẳng lẳng đi “*lấy chồng*”, lại còn đi bước nữa, bước nữa!

Từ những trình bày trên ta rút ra nhận xét: cũng như trước kia, đường lối mới hiện nay cũng hoàn toàn không có cơ sở khoa học và thực tiễn. Vì vậy khi đi vào cuộc sống tất nhiên nó sẽ nảy sinh ra nhiều hậu quả khôn lường. Nó không tránh khỏi sự khập khiễng, chấp vá theo kiểu “*râu ông - cằm bà*”, và sớm muộn gì cũng đi vào bế tắc và khủng hoảng xã hội.

3.3 - Một số nét tiêu biểu của thực trạng xã hội Việt Nam hôm nay:

Thực trạng xã hội Việt Nam hôm nay thì dư luận cùng các nhà đầu tư, giới phân tích thời cuộc trong, ngoài nước cũng như các báo cáo của đảng, quốc hội và chính phủ Việt Nam đã đề cập rất rõ. Dưới đây tôi chỉ xin đưa ra một số nhận xét tiêu biểu theo cách nhìn riêng của mình.

a - Sự lập lờ giữa hai vế của đường lối:

Đó là những cú “*bật tường*” ngoạn mục giữa thành tích và khuyết điểm. Nhiều người có xu hướng dồn hết mọi tội lỗi, xấu

xa cho cái “*gã thị trường nhớ nhuốc*” kia. (Nhưng khổ một nỗi là nếu lại tống cổ gã ta đi cho khuất mắt thì xã hội lại sẽ không có động lực như trước.). Còn những gì được cho là tử tế, hay ho thì chính là bởi “*chàng định hướng thanh tao*”! Cũng phải thấy rằng “chiến thuật bật tuồng” này đã có từ thuở:

Mất mùa thì tại thiên tai

Được mùa là bởi thiên tài đảng ta!

và trước đó nữa, cứ thế “*các thế hệ cầu thủ trong câu lạc bộ*” ấy truyền ngón nghề này lại cho nhau. Cuối cùng thì hầu như tất cả đều nhuần nhuyễn và đội bị “*phối áo*” chính là nhân dân Việt Nam. Ngày nay mọi người đều thấy rằng biểu hiện cụ thể và rõ ràng nhất của tính “*định hướng XHCN*” là sự lãnh đạo đất nước duy nhất của ĐCS Việt Nam, còn trù tượng và mờ nhạt nhất là những chính sách về phúc lợi xã hội, những khoản ngân sách dành cho y tế, giáo dục, v.v ...

b - Sự bất công xã hội sâu sắc:

Nếu bây giờ có ai đó còn nói rằng “*xét cho cùng thì quyền lợi của đảng và của toàn dân tộc luôn luôn thống nhất làm một!*”, thì tôi cho rằng bằng cách đó tuy họ chưa đưa ai lên được sao Kim, sao Hỏa! nhưng đã tự đưa mình lên tới đỉnh cao nhất của sự nguy biến và thối đạo đức giả. Những người dân Việt Nam, nhất là những người nông dân quanh năm chân lấm, tay bùn đã bị bóc lột đến cùng cực cả về vật chất lẫn tinh thần. Họ như những người suốt đời phải “*đóng hụi*” nhưng chẳng bao giờ được “*hốt hụi*” vậy. Đa số chỉ mong làm sao có được “*bánh mì*”, chứ nào dám mơ tới “*hoa hồng*”. (“*Bánh mì và hoa hồng!*”, một khẩu hiệu do Lê-nin đề ra sau Cách Mạng Tháng 10 Nga). Suốt đời chịu khó, chất chịu là vậy :

....Dọn tí phân rơi, nhặt từng ngọn lá

Mỗi hòn than, mẩu sắt, cân ngô

Ta nâng niu gom góp dựng cơ đồ!....

(Tố Hữu - Bài Ca Mùa Xuân 1961).

Nhưng tại sao cơ đồ mãi mà không dựng lên được ? Đơn giản là vì cơ chế ấy đã tạo ra quá nhiều bàn tay cả vô hình lẫn hữu hình thò ra tước đoạt hết rồi. Nếu các cụ Nam Cao, Ngô Tất Tố còn sống thì từ nhiều mảnh đời hôm nay, nhất định các cụ sẽ cho ra lò những Sóng Mòn, Tắt Đèn của Việt Nam thế kỷ 21! Một thị trường sức lao động đã tự phát hình thành bởi sự bản cùng hóa, ở đó nhiều người chỉ mong sao bán được sức lao động để đổi lấy miếng cơm, manh chiếu mà ăn ngủ qua ngày cho bản thân và gia đình họ thôi. Chứ nào có ai quan tâm đến chuyện những người đi thuê đã bóc lột một phần hay toàn bộ “*giá trị sức lao động thặng dư*” của họ đâu?

Từ quảng trường Ba Đình - Hà Nội ra ga Hàng Cỏ nếu đi xe hơi chỉ mất chừng 5 - 7 phút, nhưng có mấy vị đại biểu trước khi vào hội trường họp thử ra đấy xem nhân dân đi lại, làm ăn như thế nào? Xa hơn một chút là những chợ lao động Giảng Võ, Long Biên nơi mà quần chúng lao khổ khắp nơi đổ về, tụ tập lại. Họ giống như giai cấp vô sản ở thế kỷ trước mà Mác đã từng mô tả: “*không còn gì để bán ngoài việc bán sức lao động*”, là “*trần như nhộng*”, v.v....

Cái “*Tinh thần Ba Đình*” trên là căn bệnh ngày càng nặng, nó có cơ sở là: những mâu thuẫn về quyền lợi từ chỗ chỉ chênh lệch lúc đầu, nay đã trở thành đối kháng gay gắt giữa một thiểu số giai cấp thống trị với đa số giai cấp bị trị trong xã hội Việt Nam, kể cả những nhu cầu cơ bản và những nhu cầu bậc cao hơn của đời sống con người.

Dù rằng rất nhiều người trong tầng lớp trên kia vẫn luôn miệng nói là tất cả đều “*ngồi chung mâm*”, nhưng nhân dân thì ai cũng thấy tuy họ “*mắt nhìn rau nhưng tay lại gắp thịt*”! Tốc độ tích lũy tư bản của hội nhanh đến mức chóng mặt.

c - Sự bất lực của đảng và chính quyền trước quốc nạn tham nhũng:

Chỉ với 77 bị can trong vụ án Minh Phụng- Epcó được đưa

ra toà xét xử vào năm 1999 vừa qua cũng đã làm thiệt hại số tiền thuế đóng góp của nhân dân là 4000 tỷ đồng Việt Nam (VNĐ), tức là khoảng 280 triệu đô la Mỹ (USD). Nó tương đương với một trong các giá trị sau:

* Hơn 5 chiếc cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Mê-Kông. (Khoảng 54 triệu USD, với Úc đóng góp 2/3 và Việt Nam 1/3).

* Gần bằng tổng mức thiệt hại cơn bão lụt miền Trung năm 1999. (Trên 300 triệu USD).

* Gần bằng 3/4 tổng kinh phí xây dựng xa lộ Trường Sơn giai đoạn I mới được khởi công xây dựng. (Khoảng 380 triệu USD).

* Bốn lần tổng chi phí thay sách giáo khoa hàng năm. (Khoảng 1000 tỷ VNĐ/năm) hoặc 80 bệnh viện cấp tỉnh (Khoảng 50 tỷ VNĐ/1 bệnh viện), trong khi Việt Nam có tất cả 61 tỉnh, thành phố.

Nếu chia đều cho tất cả người dân Việt Nam thì mỗi người cũng bị mất 50,000 VNĐ tương đương với 30 cân thóc. (Tính giá 1600-1700 VNĐ/cân, gần đây còn giảm hơn nữa).

Nếu cộng tất cả các “*phi vụ*” đã hoặc chưa bị phát hiện thì không thể biết được là các “*hào kiệt*” thời nay đã “*xúc trộm*” của nhân dân tính cả già, trẻ, lớn, bé mỗi người là bao nhiêu cân thóc ? Rừng bị phá, núi bị bạt, đất bị bán, biển bị khoan như vậy, nhưng đa số những người dân lương thiện đã được hưởng gì từ đó? Tiền của đi đâu hết cả? Bất cứ ai là người Việt Nam, không ít thì nhiều đều có thể trả lời được câu hỏi này.

Cái cỗ máy kia những tưởng ù lỳ, chậm chạp là vậy nhưng mỗi khi ngửi thấy hơi tiền thì lập tức nó “*hăng máu lên*”! (chữ của Mác). Nếu cụ Đồ Chiểu mà sống lại chắc cụ phải “*khâm phục*” về sự “*liều mình như chẳng có*” của các “*nghĩa sĩ*” thời nay lắm. Thậm chí có một “*nữ anh hùng miền Nam*” sau khi đã có dư luận về việc bà ta dùng tiền công quỹ mua nhà cho chàng kếp cải lương của mình, thì chẳng những đã không sợ mà còn nổi giận đùng đùng xuất tiếp “*tiền chùa*” trả thêm cho khoản nợ còn lại, quả là “*thay trai nay gái cũng đua tài*”! dẫu có thể ngày đầu chưa

quen “đường cây” đầu thẳng ngay, nhưng đến hôm nay thì trên đất nước này đã có nhiều “Đường cây đả đàng” lắm rồi.

Giả sử ai đó có ý định tổ chức một “Đại hội các anh hùng, chiến sỹ thi đua toàn quốc” thuộc loại này thì Việt Nam ngày nay cũng “ra ngô gặp anh hùng”! Cùng với những tiêu cực trong các công tác thanh tra, điều tra và thi hành án mà dư luận, báo đài trong nước đã từng nêu ra càng làm cho tinh thần “tay không bắt giặc” của các “hào kiệt”, “nghĩa sỹ” thời nay dẫu cao hơn bất cứ một thời đại nào trước đó. Để rồi có người đã dựa vào một bài thơ của Hồ Chủ Tịch mà sửa lại thành:

*Danh sách ở trong lao
Thân thể ở ngoài lao
Muốn nên “sự nghiệp lớn”
Phóng lao phải theo lao!*

Chỉ có điều khi “sự nghiệp” của họ càng “đại thành công” thì sự nghiệp của cả dân tộc càng đại thất bại. Ở Việt Nam hôm nay không phải như Lê-Nin nói: “Cách mạng là sự nghiệp, là ngày hội của quần chúng”, mà chính buôn lậu và tham nhũng mới thật sự là “ngày hội” của nhiều người.

Khi nổi canh có một con sâu đã là “râu” rồi, nhưng nếu nổi canh ấy đầy sâu thì vấn đề là phải xét lại chính “người nhặt rau”, hay nói chính xác hơn là phải xét xem tại sao lại có cái “cơ chế nhặt rau” tai hại ấy? Theo tôi nếu không có sự thay đổi sớm thì một nền kinh tế Việt Nam với nợ nần lút đầu, thực sự không có khả năng chi trả. Đất nước bị xé lẻ ra để bán, vốn trong các xí nghiệp quốc doanh hoặc các liên doanh có một bên góp vốn thuộc sở hữu nhà nước chuyển dần sang tư nhân bằng nhiều cách khác nhau là sẽ ngày càng trầm trọng, dẫn tới nguy cơ mất nước kiểu mới.

Cũng cần phải lưu ý rằng với tình trạng thông tin như ở Việt Nam hiện nay, thì nhân dân cũng chỉ biết được đất nước mình có bị vỡ nợ nước ngoài hay không ít nhất là phải hơn mười năm nữa. Bởi vì kỳ hạn của các khoản tín dụng trung và dài hạn thường là

từ 20 năm trở lên, mà Việt Nam cũng chỉ mới bắt đầu vay được nhiều của nước ngoài (WB, IMF, ADB, Nhật Bản, Tây Âu, v.v....) từ năm 1993 trở lại đây. Nhưng lúc ấy thì đã quá muộn, trong khi chính nhân dân và con cháu chúng ta sau này mới là những người phải nai lưng ra trả nợ. Còn những “*vị anh hùng*” thì phần lớn đều đã “*hạ cánh an toàn*”. Và những vần thơ của vị tướng tài danh Lý Thường Kiệt ngàn năm trước, vốn được coi như bản Tuyên Ngôn Độc Lập đầu tiên của nước Đại Việt, có lẽ phải sửa lại thành: “*Sông núi nước Nam ... ông Tây ở!*”.

Bà Marie Holfman - giáo sư người Pháp thuộc một viện đại học ở Paris là một nhà Trung Quốc học nổi tiếng, khi được hỏi: “*Vì sao ĐCS Trung Quốc đã từng chứng minh trong quá khứ là họ có khả năng tiêu diệt được hàng triệu kẻ thù không gôm tay, nhưng trước kẻ thù tham nhũng đe dọa sự sống còn của đảng thì họ lại bất lực?*” đã trả lời như sau :

“Theo ý tôi câu trả lời rất giản dị, có một thời kẻ thù của ĐCS Trung Quốc phần lớn là do óc tưởng tượng của người cộng sản và nằm ngoài đảng. Ngày nay kẻ thù của họ nằm ngay trong đảng, tôi không có con số thống kê, nhưng có thể nói là đại đa số những cán bộ có thể lực của ĐCS Trung Quốc là thành phần tham nhũng. Làm sao mà những người gây ra tham nhũng lại có thể bài trừ được nạn tham nhũng?”.

Nếu đem vận những lời giải thích trên vào hiện trạng Việt Nam thì cũng hoàn toàn chính xác. Mọi cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn đảng ngắn, dài, lớn, nhỏ khác nhau đều đã bị đánh trống bỏ dùi, đầu voi đuôi chuột, vì sợ rút dây sẽ động rừng.

d - Tình trạng sản xuất bị đình đốn, thất nghiệp gia tăng, môi trường đầu tư bị vẩn đục làm cho nước ngoài rút vốn:

Cũng từ sự bất lực trước quốc nạn tham nhũng, cộng thêm với sự bất lực trước quốc nạn buôn lậu (chúng có mối quan hệ hữu cơ thúc đẩy lẫn nhau) và sự cực kỳ lãng phí của công, đã làm cho nạn hàng giả, hàng nhập lậu trốn thuế tràn vào bóp nghẹt

hàng nội địa. Hậu quả là sản xuất đi xuống và nạn thất nghiệp đi lên. Nó đẩy hàng triệu nông dân Việt Nam - thành phần chiếm gần 80% dân số cả nước từ các vùng thôn quê đổ về những thành phố, để kiếm sống lay lắt qua ngày. Đẩy hàng trăm ngàn trẻ em Việt Nam phải bỏ học để vào đời sớm và cũng đẩy hàng trăm ngàn những cô gái Việt Nam bước vào cuộc sống dưới ánh đèn đêm, v.v....

Nó cũng làm cho môi trường đầu tư bị vẩn đục nghiêm trọng. Chính sách cũng không nhất quán người này muốn đẩy, người kia lại hãm để “*cân bằng giữa phát triển kinh tế với ổn định chính trị.*” càng làm cho các nhà đầu tư nản lòng, tìm cách rút vốn chuyển sang các nước khác làm ăn. Trong hai năm trở lại đây, trước tình hình đầu tư nước ngoài tụt dốc thảm hại, Đảng, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam cùng các ngành, địa phương đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm khuyến khích nguồn này quay trở lại.

Bằng cách đó cũng có thể cải thiện được phần nào tình hình, nhưng không vì thế mà vấn đề sẽ được giải quyết tận gốc rễ. Bởi vì nguyên nhân sinh ra nó, xuất phát từ chế độ chính trị là vẫn còn nguyên: một chế độ chính trị ổn định được đồng nghĩa đơn giản với việc chỉ có duy nhất một đảng lãnh đạo đất nước, không thuyết phục được thế giới tiến bộ nói chung và các nhà đầu tư nghiêm túc nói riêng. Nếu như không muốn nói ngược lại là chính sự “*ổn định*” ấy đang là nguyên nhân sâu xa gây ra những bất ổn. Họ - những nhà đầu tư có phương pháp đánh giá rủi ro riêng, chứ không phụ thuộc vào những gì chúng ta nói. Chúng ta có mạng lưới thông tin toàn cầu để phổ biến chính sách thu hút vốn, thì họ cũng có một mạng lưới nhu vậy, lại còn mạnh hơn để thông báo cho nhau những rủi ro khi đầu tư ở Việt Nam, vì họ đã có kinh nghiệm:

Với một thị trường đã bị “*chiến trường hóa*” hôm nay là khác hẳn với một thị trường đầy mới lạ, hứa hẹn những hấp dẫn mà họ đã kỳ vọng 5- 6 năm trước. Những nhà tư bản đi tìm kiếm lợi

nhuận dù có yêu đất nước và con người Việt Nam đến mấy, nhưng một khi mà tiền không để ra tiền thì cũng khó lòng mà “*hăng máu lên*” được !

Cộng thêm là những căn bệnh còn rất nặng nề và phổ biến như: “*du kích chiến*” và “*địch - ta*”, v.v... càng làm cho vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn. Với căn bệnh đầu là vẫn còn nhiều người làm kinh tế theo kiểu “*nắm thắt lưng địch mà đánh*” hoặc là “*thằng Tây nó tiến thì mình giật lùi, thằng Tây nó lùi (lùi) thì mình giạt tiến, thế quyết không tha !*” (Hát theo nhạc bài Đoàn Vệ Quốc Quân của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu).

Điều này cựu thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu khi làm cố vấn cao cấp cho các nhà lãnh đạo Việt Nam đã từng khuyến cáo, bằng cách này một số người có thể đạt được “*thắng lợi*” trong đoản kỳ, cá biệt nhưng về lâu dài thì chắc chắn là thất bại, nếu đứng trên bình diện quốc gia để đánh giá.

Với căn bệnh sau là luôn lo sợ “*địch*” làm “*diễn biến hòa bình*” dẫn tới mất chế độ ta ! Để rồi có người đã dựa vào nhạc bài hát Huyền Thoại Mẹ của nhạc sỹ Trịnh Công Sơn mà mô tả chân dung họ như sau :

*Hôm nay đây bỏ cảm vận
“Địch” nó lại mò qua
Vì lợi ích quốc gia
Ta cộng ly với địch
Nhưng lòng luôn thâm định
Địch là địch, mà ta là ta !
Đêm chong đèn ngồi nhớ rượu....*

Nhưng nhìn vào bức tranh Việt Nam hôm nay thì cũng dễ thấy: rất nhiều chương trình, công trình lớn, nhỏ thuộc nhiều lĩnh vực, cả bề nổi lẫn bề sâu được thực hiện đều có sự đóng góp của “*địch*”! Kể cả các công trình nâng cấp, trùng tu, bảo tồn, ...

Cụ thể là các chương trình cho y tế, giáo dục, điện, nước, giao thông vận tải, ngăn chặn và triệt hạ tội phạm, phòng chống và khắc phục thiên tai, bảo vệ môi trường, cải cách hành chính,

luật pháp, hoạch định chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, xóa đói, giảm nghèo,.... và rõ ràng nhất là chiếc cầu Mỹ Thuận vừa được khánh thành. (Dĩ nhiên có nhiều người cũng chỉ là giả vờ mắc bệnh này để thực hiện “vận hội” của mình thôi. Việt Nam ngày nay là “miền đất hứa” của thói đạo đức giả. Chính nó, theo đức giáo hoàng John-Paul II là nguyên nhân sâu xa đã gây ra biết bao tội lỗi trên thế gian này.).

Cùng một cách nhìn trên, với tình hình hiện nay, tôi cho rằng chúng ta cũng không nên hy vọng thái quá vào những vấn đề lớn khác như: hiệp ước quan hệ mậu dịch bình thường Việt - Mỹ được ký kết, kể cả việc Việt Nam sẽ ra nhập vào Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế (WTO), ... những điều đó nếu nỗ lực đều có thể đạt được trong tương lai gần, nhưng rồi những niềm phấn khích ban đầu cũng sẽ qua mau, bởi vì những yếu kém vẫn còn đó. Rất nhiều thách thức đang chờ đón chúng ta ở phía trước, chẳng hạn là hàng hóa của Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ và nhiều nước khác đã sang trước, thì chắc gì chúng ta đã “chơi” được họ để giành được một thị phần như mong muốn ?

Tương tự là vấn đề thị trường chứng khoán: liệu chúng ta có xây dựng và vận hành tốt được cái “Chợ chứng khoán” này hay không, một khi mà giá trị những hàng hóa trong cái chợ ấy (Giá trị của các công ty cổ phần) rất dễ bị đánh tráo giữa thật - giả, tốt - xấu,? (Chưa kể đến sự yếu kém chung của nền kinh tế hôm nay, cũng sẽ làm cho cái thị trường ấy èo uột theo.). Theo tôi sẽ là không sớm nếu như ngay từ bây giờ đã phải có những biện pháp nghiêm ngặt để ngăn chặn, nhằm hạn chế bớt những vụ án kiểu Minh Phụng - Epcoc trên thị trường vốn thông thường, sẽ lan sang thị trường vốn đặc biệt này trong tương lai. Vì nếu nó xảy ra thì mức độ thiệt hại còn lớn hơn nhiều lần, và rồi hậu quả cũng lại đổ hết lên đầu dân mà thôi.

Tất nhiên với quan niệm Việt Nam cần phải hội nhập càng sớm càng tốt vào nền kinh tế thế giới. Với tư cách là một công dân Việt Nam, tôi hoàn toàn ủng hộ những nỗ lực của phó thủ

tướng Nguyễn Tấn Dũng, cùng nhiều người khác ở cả trong và ngoài đảng để thúc đẩy cho những vấn đề trên sớm thực hiện. Chúng cũng sẽ là những điều kiện tốt để đẩy nhanh tiến trình dân chủ hóa đất nước.

e - Sự xuống cấp của con người Việt Nam:

Trong tất cả những sự đổ vỡ thì đây là sự đổ vỡ lớn nhất, khó khắc phục hậu quả nhất, những cái cần mất thì lại còn, những cái cần còn thì lại mất. Ngày nay hầu hết mọi người đều tin rằng: cây ngay là dễ bị chết đứng nhất, những người ở hiền thì thường gặp ác, còn những kẻ ở ác lại hay gặp “lành”! Những triết lý sống như: “*Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi*”, “*quân tử nhất ngôn là quân tử... đại, quân tử... nói đi nói lại mới là quân tử khôn!*” hoặc “*có tiền mua tiên cũng được*”, v.v đã ngày càng thắng thế. Để rồi đã phát sinh ra một thực tế được nhiều người dân Việt Nam nhìn nhận là: người thật, chức vụ thật, bằng cấp cũng “*thật*” (vì đều có chữ ký và con dấu thật). Chỉ có “*môi*” đạo đức, trình độ và năng lực giả mà thôi!

Một xã hội như vậy ắt sẽ đẻ ra nhiều Lý Thông hơn Thạch Sanh, một đất nước như thế chỉ có thể đi xuống chứ không thể đi lên được. Tất cả đều có cội nguồn của nó: một khi mà ở trên “*thượng tầng kiến trúc*” đã có một đường lối thực dụng đến mức trần trụi như đã trình bày, thì tất nhiên nó sẽ tác động trở lại xuống “*hạ tầng cơ sở*”. Cả hai kết hợp lại, đã làm cho con người Việt Nam xuống cấp trầm trọng.

Có lần tôi là thính giả của một buổi nói chuyện thời sự vào giai đoạn sau khi Đông Âu và Liên Xô tan rã một thời gian ngắn, báo cáo viên sau khi phân tích tình hình thế giới, cùng thế và lực của cách mạng Việt Nam xong đã kết luận: “*...Nói tóm lại đảng ta cương quyết không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.*” Rồi ông cười cười nói tiếp, đùa thì ít mà thật thì nhiều: “*đảng ta chỉ chấp nhận đa... đô thôi!*”. Ai bảo là học thuyết “*Hai Con Mèo*” của Đặng Tiểu Bình không tác động đến tư duy chính trị Việt Nam ?

Lối suy nghĩ sống dựa vào người khác của “*cơ chế xin - cho*” xưa, mọi việc đều có “*Liên Xô bao*” những tưởng là đã mất hẳn, nhưng thật ra là còn rất mạnh, nó chỉ chuyển “*đối tác*” thôi. Để từ đó nó cũng chuyển từ tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc sang “*Tinh thần bị gậy*” của nhiều quan chức thời nay. Nhiều vị “*tung hoành*” khắp năm châu, bốn biển vì “*Việt Nam hôm nay đã là bạn của tất cả mọi người*” ! (Nhưng với những anh nghèo thì thấy các vị cũng làm bạn qua quýt, chiếu lệ lắm!)

Việt Nam đã tiến hay đã lết vào thế kỷ 21 ? Theo tôi vấn đề nằm ở về thứ hai.

Tất cả đã lan nhanh từ trong đảng ra toàn xã hội, nhiều người coi việc sống tử tế, có tình nghĩa trước sau với nhau là “*lỗi thời*”, họ lao vào sống gấp, tối đâu hay tối đó, nhất là lớp trẻ để rồi xuất hiện những con người “*như chân lý sinh ra*” thì ít mà do... sơ ý sinh ra thì nhiều! Các em tự ý bỏ học, rồi tùm năm tùm ba với nhau chơi bời, hút chích, đua xe, cướp giật, v.v... có em coi việc vào tù chỉ là một chuyến đi chơi xa thăm bạn bè. Điều gì đã làm các em đi tới chỗ tự hủy hoại mình, làm khổ gia đình và làm băng hoại xã hội như vậy? Xin đừng vội trách lớp trẻ, chính sự bàn giao thế hệ quá lèm nhèm hiện nay đã là một trong những nguyên nhân chính, tạo ra tâm lý nổi loạn, phá phách ấy và đáng trách hơn cả phải là thế hệ đi trước .

Ngày càng có ít người quan tâm đến những vấn đề lớn của đất nước, vì đều cảm thấy chán nản và bất lực. Người ta đi tìm những giải pháp cá nhân để tự cứu mình và cứu gia đình. Có người tìm cách ở ẩn, có người chuyển sang thiên, chơi cây, cá cảnh, nghiên cứu tử vi, bói toán, để đóm. Nhiều người quay sang bia rượu, để rồi từ đó hiện lên hình ảnh Đất Nước, với những lời được hát theo nhạc một bài hát cùng tên của nhạc sỹ Phạm Minh Tuấn: “*Đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu, nghe dịu nỗi đau của mẹ. Ba lần... rót bia hơi hai lần rót nhâm... rượu thuốc. Các anh say mềm mình mẹ... dọn mâm ! Đất nước tôi - đất nước tôi, có thể thôi!....*” . (Thì ra không phải khi hết chiến tranh rồi là các bà mẹ

Việt Nam đã hết các lý do để “*khóc thầm lặng lẽ*”! Bà mẹ nào sinh ra các anh như vậy thì có bao nhiêu nỗi đau mà chẳng dụi hết! Thôi cũng chỉ biết chúc các anh nếu lần sau có uống thì rót cho chính xác hơn!).

Giữa sự khủng hoảng về nhân cách và các loại khủng hoảng khác ở Việt Nam hiện nay có mối quan hệ hữu cơ và biện chứng, chúng tác động và thúc đẩy lẫn nhau đang đưa đất nước ta tới cái giới hạn tột cùng của sự nguy hiểm. Nếu không ngăn chặn được, nhất định sẽ có một ngày tức nước vỡ bờ, dẫn đến một cuộc khủng hoảng toàn diện. Đã có nhiều bộ luật nghiêm khắc ra đời để trừng trị tội phạm đủ loại. Nhiều người đã bị bắt, bị bắn nhưng ròi: “*Đùng đùng đùng! Đoàn đoàn đoàn! Anh vẫn đi*”, chẳng lẽ cứ bắt và bắn mãi như vậy hay sao ?

Thủ tướng Thái Lan Chatichaichoonhavan vào cuối thập niên 80 đã phát biểu một câu nổi tiếng “*Biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường*”, nhưng ở Việt Nam hôm nay người ta đã “*biển thị trường thành chiến trường*” theo đúng nghĩa đen của từ này. Tính Mafia là có thật và ngày càng bành trướng sâu rộng từ ngoài xã hội tới các cơ quan công quyền, từ Trung ương tới các địa phương và cơ sở.

3.4 - Một số điểm cần làm rõ hơn:

- Ý kiến 1: Những năm qua đã có sự trẻ hoá đội ngũ lãnh đạo từ trung ương xuống địa phương và cơ sở, mang lại sức sống mới cho Đảng và cho dân tộc đầy thời.

Đúng là có như vậy thật, nó khác với trước là có những người nắm quyền lực tới lúc chết mới thôi. Nhưng đó vẫn không phải là sự đổi mới mà dân tộc cần. Vì ở một góc độ nào đó, điều này giống như trò chơi “ô ăn quan” của con trẻ: tuy “*quân*” được rải vào các “*ô*” có thể đã phần nào khác trước, nhưng “*cơ chế rải quân*” thì vẫn chỉ là một.

Có khi còn rải nhầm (?) cả vào các cơ sở tôn giáo hữu thần.

- Ý kiến 2 : Gần đây tỷ lệ những người ngoài Đảng được nắm giữ các cương vị lãnh đạo trong nhiều cơ sở kinh tế, xã hội, kể cả trong Quốc hội đã tăng lên.

Đấy chẳng phải là biểu hiện của sự mở rộng dân chủ rồi còn gì!

Cũng đúng là có như thế thật, nhưng thử hỏi liệu họ có làm được gì nhiều không cho dù họ muốn, để thay đổi những vấn đề lớn của đất nước? Một khi đã được Đảng quyết định tất cả trước đó? Vì vậy chỉ một thời gian sau khi ra nhập vào bộ máy ấy, thì họ sẽ thối tha ngay rằng: hoàn cảnh của mình sao giống như của chàng An Tiêm xưa trên hoang đảo là vậy. Giả sử mình có trồng được “dưa hấu”, thì rốt cuộc cũng chỉ đủ cho mình và để “Tiến Vua” mà thôi! Đấy là chưa kể đến những khó khăn mà họ cần vượt qua trước đó: cứ phải nhặt hết thóc ra khỏi gạo thì các cô Tấm ngày nay mới được đi dự hội “Vua mở”! Ai không tin điều này, xin hỏi tiến sĩ địa vật lý Nguyễn Thanh Giang, người mà năm 1993 đã tự ra ứng cử đại biểu Quốc hội khoá IX tại Hà Nội.

- Ý kiến 3: Nhưng ở Việt Nam cũng có những trường hợp thành công bằng chính tài năng và sức lực của họ đấy thôi.

Cũng đúng là như vậy thật - chính họ là những niềm tự hào và hy vọng của đất nước. Họ có thể là những nhà doanh nghiệp quốc doanh hay tư nhân, nhà khoa học hay vận động viên thể thao, nhà kỹ thuật hay một ngư dân, một văn nghệ sỹ hay một lão nông. (Tất nhiên số này là không nhiều so với những gương “đại thành công” khác.).

Nhưng không bao giờ họ có thể là một nhà chính trị thực sự thành công, nếu họ không phải là đảng viên cộng sản. Mặt khác với tài năng ấy, nếu được sống trong một xã hội thực sự dân chủ thì nhất định mức độ thành công của họ sẽ lớn hơn nhiều. Sự rủi ro sẽ giảm hẳn bởi một môi trường cạnh tranh lành mạnh, cùng với một hệ thống bảo hiểm tốt. Họ sẽ không phải chỉ ra những

món tiền rất vô lý nhưng cũng rất khó từ chối. Không phải tiếp nhưng vị khách không mời đeo bám rất dai, mà nếu chỉ sợ “*thất lễ*” một lần thôi thì cũng có thể phải trả bằng một giá đắt. Muốn được yên thân nhiều người đã đành chịu khuất phục trước những sự đeo bám kia.

Gần đây Đảng và Nhà nước Việt Nam có chủ trương lấy ý kiến đóng góp của nhân dân cho “*Dự án xây dựng và phát triển đất nước từ năm 2000 - 2020*”, nhưng theo tôi trước đó phải lấy ý kiến nhân dân về đường lối. Nếu chỉ cho phép làm cái sau mà khoanh đở cái trước lại không cho ai được động đến, thì một khi đường lối đã sai rồi, ắt sẽ kéo những dự án là con đẻ của nó cũng sai theo, và đất nước do vậy vẫn không có lối ra. Chúng ta không sợ đất nước không có những dự án đúng, mà chỉ sợ đường đi của cả dân tộc bị chọn sai!

Từ những trình bày trên ta rút ra kết luận :

Đường lối mới hiện nay, xét cả về lý luận lẫn thực tiễn vẫn không phải là “*cái cần thiết cho chúng ta*”, nó cũng không phải là “*con đường giải phóng dân tộc chúng ta*” thoát khỏi ách nghèo nàn và lạc hậu. Để rồi hôm nay, 25 năm đã trôi qua kể từ khi đất nước thống nhất, nhưng Việt Nam vẫn là một trong 10 quốc gia nghèo nhất trong tổng số gần 200 nước trên thế giới. Thu nhập bình quân đầu người vẫn chỉ quanh quẩn ở mức 1USD/ngày, ở các vùng nông thôn, vùng sâu, cao, xa,... lại còn thấp hơn nữa.

Trước đây nghèo chỉ khổ nhưng ngày nay nghèo còn là nhục nữa. Chậm một thời gian ngắn đã thấy thua thiệt, đảng này đất nước đã chậm từ hết “*năm bản lễ*” này sang “*năm bản lễ*” khác, hết kế hoạch nọ đến kế hoạch kia. Để hôm nay con đường đi của dân tộc vẫn loằng ngoằng, quờ quạng như đường đi của một người bị khiếm thị nặng, đã đi trên con đường lạ thì chớ, mà lại còn bị mất kính, mất gậy !

Giả sử có ai lúc này còn khẳng định trước nhân dân rằng: chủ nghĩa Mác - Lê- Nin vẫn là “*chân lý sáng ngời*”, là “*bách chiến, bách thắng*” và tiếp tục dùng nó làm “*kim chỉ nam*” hay

làm “ngọn đuốc soi sáng đường cho cách mạng Việt Nam”, v.v... thì tôi cho rằng bằng cách đó họ đã làm cái công việc giống như của những người dùng chiếc sào của con đò ngang để chống cho con tàu... Titanic sau khi nó đã bị đâm vào tảng băng định mệnh. Những chiếc sào kia dù là của con đò ngang hay con đò dọc cũng không thể dùng làm “Giải pháp cho Titanic” vào cái đêm tháng Tư năm 1912 ấy được .

Nếu nhớ lại những lời sang sảng ngày nào của cố tổng bí thư Lê Duẩn đọc tại hội trường Ba Đình, trong đại hội IV ĐCS Việt Nam năm 1976 rằng:

“Nước ta có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.” (Ông nhắc lại những lời trong di chúc của CT Hồ Chí Minh) và kể từ đây thì: “Đường lên chủ nghĩa xã hội thênh thênh rộng mở, chúng ta đoàn kết, chúng ta xây dựng, chúng ta cải tạo, chúng ta tiến lên!”.

Rồi đối chiếu với hôm nay thì ai cũng thấy là kết quả đã lộn ngược :

Chúng ta không đoàn kết - Dân tộc đã bị phân hóa sâu sắc và toàn diện.

Chúng ta không thắng lợi - Đất nước đã bị thất bại cả trong xây dựng và cải tạo, với hàng loạt các kế hoạch 5 năm liên tiếp bị phá sản.

Chúng ta không tiến lên - Chúng ta đã bị tụt hậu toàn diện và quá xa so với thế giới.

Mà vấn đề của mọi vấn đề, nguyên nhân của mọi nguyên nhân là: cho đến nay ĐCS Việt Nam vẫn là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo đất nước!

4 - Nền dân chủ Việt Nam và một ý kiến đề nghị.

4.1 - Nền dân chủ Việt Nam.

a) Thực trạng :

Năm 1999 tại hội nghị 7 BCHTWĐCS Việt Nam khoá VIII,

tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã khẳng định trong diễn văn bế mạc như sau:

“Lịch sử thời đại và nhân dân ta không cho phép chia xẻ quyền lực chính trị cho một thế lực nào khác. Mọi luận điểm tuyên truyền về dân chủ tuyệt đối, về nhân quyền cao hơn chủ quyền, đa nguyên, đa đảng,... đều là dối trá, lừa bịp.”

Ở nước ngoài tôi có điều kiện được đọc hầu hết những bài viết, kiến nghị của các chiến sỹ dân chủ Việt Nam còn sống hoặc đã mất như :

Nguyễn Văn Trấn, Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Hữu Nhân, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Trần Độ, Lê Giải, Lê Hồng Hà, Nguyễn Trung Thành, Ngô Thúc, La Văn Lâm, Nguyễn Văn Đào, Phạm Quế Dương, Trần Dũng Tiến, Dương Thu Hương, Hà Sĩ Phu, Phan Đình Diệu, Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Thanh Giang, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, Hoàng Tiến, các hoà thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Linh mục Chân Tín, ông Nguyễn Ngọc Lan, lãnh tụ các tôn giáo Cao đài, Hoà hảo,... cùng rất nhiều người khác nữa. Tôi không thấy ai trong số họ đòi một thứ dân chủ tuyệt đối, đòi nhân quyền cao hơn chủ quyền cả. Nhưng tại sao nhiều người trong số họ vẫn bị đàn áp? Chưa kể đến việc gia đình, bạn bè, người thân của họ có khi cũng bị vạ lây.

Chính vì yêu tha thiết chủ quyền quốc gia, nên những con người can đảm ấy đã dùng ngòi bút của mình viết lên những yêu cầu, kiến nghị với ĐCS Việt Nam hãy đổi mới chính trị song song với đổi mới kinh tế. Tôn trọng những quyền tự do căn bản của người dân. Trong đó có rất nhiều điểm mà nhóm Nguyễn Ái Quốc ở Paris * đã viết trong “*Yêu sách 8 điểm gửi hội nghị Versailles*” năm 1919, mà đến nay vẫn chưa được tôn trọng ở Việt Nam. Nhưng tất cả đều đã không được đáp ứng.

Nếu nói về đặc điểm của thời đại ngày nay thì chính là:

Thời đại của sự sụp đổ các chế độ độc tài lớn, nhỏ với đủ

mọi hình thức trên phạm vi toàn thế giới. Là sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự xuất hiện ngày càng nhiều các dân tộc tiến lên trên con đường dân chủ, đa nguyên, đa đảng và pháp trị. Đấu tranh vì hoà bình, độc lập, dân chủ và không chủ nghĩa xã hội.

Nó ngược hẳn với những điểm cơ bản trong “*Nội dung thời đại*”, được khẳng định trong Tuyên Bố Chung của Hội nghị 81 ĐCS họp tại Moscow - Liên Xô tháng 12 năm 1960. Cũng chính lịch sử của dân tộc ta đã chứng minh rằng: có những triều đại đã bị suy vong dẫn tới mất nước vì sự thoái hoá của hệ thống chính trị, dù lúc đầu có thể là những triều đại mạnh. Nếu tổng bí thư Lê Khả Phiêu thực lòng muốn nghe những ý kiến ngược lại với ông, như trong một buổi trả lời phỏng vấn báo chí tháng 4/1998 đã phát biểu, thì ông có thể coi đây là một trong những ý kiến như vậy từ nhân dân.

Ngoài ra còn một số luận điểm nữa cũng cần làm rõ, ví dụ: “*Văn hoá và con người phương Đông là khác với phương Tây nên không thể đem những giá trị của nền dân chủ phương Tây mà áp dụng vào phương Đông, vào Việt Nam được.*” Tôi cho rằng nếu như ai đó vẫn còn say mê với những luận điểm thuộc dạng này thì cũng xin được lưu ý: Những giá trị tư tưởng của Mác, Ăng-Ghen, Lenin, Stalin, v.v.... cũng như những giá trị về nhân quyền và dân quyền đạt được sau hai cuộc cách mạng tư sản ở Mỹ năm 1776 và ở Pháp 1791, mà CT Hồ Chí Minh đã long trọng trích dẫn trong Bản Tuyên Ngôn Độc Lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ngày 2.9.1945 là của phương Đông hay phương Tây? Tại sao cái này thì được mở còn cái kia lại cứ bị đóng chặt mãi như vậy?

Theo tôi những nền văn hoá có thể khác nhau, nhưng những giá trị về tinh thần nói chung và dân chủ nói riêng đã được nhân loại khẳng định là tốt, thì chỉ có một, nó không có biên giới. Nếu chỉ muốn tiếp nhận những giá trị vật chất mà khước từ những giá trị tinh thần tiến bộ của phương Tây, thì đấy là biểu hiện của chủ

nghĩa thực dụng sống sượng. Chính điều này đang làm hại dân tộc: những cái hay, tiến bộ thì bị ngăn chặn và phải đứng ngoài. Còn những cái tiêu cực, xấu xa thì đang tràn vào ồ ạt bằng đủ mọi con đường khác nhau, không sao cản được.

Một điểm nữa là cú giả sử nền dân chủ XHCN gấp triệu lần nền dân chủ tư sản đi, nhưng nếu bây giờ có một nhóm người Việt Nam yêu nước nào đó cũng muốn ra báo Người Cùng Khổ, như nhóm Nguyễn Ái Quốc đã làm 80 năm về trước ở Paris giữa lòng nước Pháp TBCN thì có được không? Chưa nói đến việc được quyền như CT Hồ Chí Minh và các đồng chí cộng sản Pháp của ông: họp đại hội Tours giữa ban ngày, tán thành Quốc Tế III với chủ trương rõ ràng là: Dùng bạo lực để giành chính quyền từ tay giai cấp tư sản. Nhưng rồi vẫn được an toàn sau đó ?

Chẳng lẽ số 1 lại lớn hơn 1 triệu ư? Chẳng lẽ nền dân chủ ở thế kỷ 21 lại thấp hơn nền dân chủ trong thế kỷ 20 hay sao? Từ thực trạng đó mà nhiều người dân Việt Nam hôm nay chỉ ao ước làm sao cho hiến pháp hiện hành có được những giá trị về nhân quyền và dân quyền như Hiến pháp Việt Nam năm 1946! Bao giờ cho đến ngày xưa đây ? Chẳng lẽ trình độ dân chủ của các đại biểu quốc hội khoá X năm 2000 lại thấp hơn của các ĐBQH khoá I năm 1946 hay sao? Vì vậy có thể nói rằng dân tộc Việt Nam cho đến nay, khi mà thế kỷ 21 đã bước qua, nhưng dân tộc ấy vẫn chưa có tự do, dân tộc ấy vẫn chưa có công bằng và dân chủ thực sự. Toàn thể dân tộc phải đoàn kết lại cùng quyết tâm làm thì mới có được những giá trị thiêng liêng và cao quý ấy.

b) Một trào lưu dân chủ mới:

Để cho những mùa xuân Việt Nam đến sớm hơn phải là nỗ lực chung của toàn dân tộc. Bao năm qua có rất nhiều chiến sỹ dân chủ Việt Nam đã dũng cảm đi đầu kêu gọi những người nắm thực quyền của ĐCS Việt Nam hãy vì quyền lợi chung của dân tộc mà thay đổi thực sự về chính trị. Đa số họ đã bị trả giá với nhiều hình thức và mức độ khác nhau: có người bị quy chụp,

quản thúc, cách ly. Có người bị khai trừ, hăm dọa, theo dõi, bắt bớ, giam cầm,... nhưng đội ngũ ấy đã không chùn bước. Ngược lại đã phát triển ngày càng đông để trở thành một lực lượng chính trị thực sự. Bởi vì họ có cơ sở lý luận vững chắc và khoa học. Họ đang ngày càng được nhân dân Việt Nam ở cả trong, ngoài nước cùng thế giới tiến bộ biết đến và hết lòng ủng hộ, bảo vệ.

Theo tôi nếu xét về những mục tiêu cần hướng tới của một nước Việt Nam mới, thì hầu hết các lực lượng dân chủ đều đã đạt được sự đồng thuận cao. Đây là một thuận lợi rất lớn và rất cơ bản. Nhưng nếu xét về cách làm để đạt được chúng thì lại có những điểm khác biệt, đôi khi cũng rất lớn. Điều này cũng là bình thường bởi tính đa nguyên vốn có của cuộc sống. Ở phần này tôi xin mạnh dạn viết ra những suy nghĩ của mình, nó có những điểm giống và cũng có những điểm khác so với những gì đã có từ trước tới nay. Nhưng dù là khác thì rất mong quý vị độc giả hiểu cho rằng: lòng kính trọng cùng sự ngưỡng phục của tôi đối với các chiến sỹ dân chủ Việt Nam cả hũu danh hay còn đang thâm lặng là luôn trọn vẹn, trước sau như một. Đó là những tình cảm xuất phát từ đáy lòng mình.

- Những điểm giống nhau là: chúng ta vẫn cùng nhân dân kiên quyết đấu tranh để yêu cầu các cấp đảng, chính quyền Việt Nam tôn trọng những điều đã được ghi rõ trong hiến pháp hiện hành, trong các hiến chương, tuyên ngôn, công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, nhưng nay vẫn bị vi phạm kéo dài và thường trực. Để hỗ trợ tốt hơn, chúng ta có thể đề nghị với các nhà lãnh đạo Việt Nam hãy cho phép các phương tiện thông tin đại chúng phổ biến rộng rãi bản Tuyên Ngôn Toàn Thế Giới Của Liên Hiệp Quốc Về Nhân Quyền năm 1948 mà Việt Nam đã cam kết tôn trọng. Chứ nếu ký xong lại mang về cho vào tủ khoá kỹ lại, rồi tự mình nghĩ ra cách riêng để “*làm nhân quyền*” với nhân dân thì không ai có thể chấp nhận được.

Điều mà dân tộc cần là những giá trị nhân quyền đã được

quốc tế hóa, chứ không phải là “Việt Nam hóa” những giá trị ấy như bao nhiêu năm qua. Cả nước có trên 500 tờ báo nhưng ít báo nào đăng lại đầy đủ nó. Hệ thống phát thanh, truyền hình cũng hiếm khi nhắc đến hoặc nếu có thì thường là để tố cáo những người khác, nước khác vi phạm! Chính sự khiêm khuyết này đã làm cho người dân Việt Nam thiếu hẳn đi cơ sở pháp lý đấu tranh, khi nhân quyền của họ bị chà đạp. Chẳng hạn điều 19 của Bản tuyên ngôn trên có ghi:

“Mọi người đều có quyền tự do tư duy và ngôn luận. Quyền này bao gồm quyền không bị gây khó khăn vì quan điểm của mình và quyền được tìm kiếm, thu nhận và quảng bá tin tức, ý kiến qua mọi phương tiện truyền thông và qua mọi biên giới”. [đọc bài]

- Những điểm khác nhau là: theo tôi có cái gì đó không ổn về cách thức đấu tranh.

Ví dụ như đòi hủy bỏ điều 4 hiến pháp hiện hành, trong đó quy định ĐCS Việt Nam là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo đất nước. Tất nhiên với một quốc gia đã có nền dân chủ đích thực thì hiến pháp của họ sẽ không bao giờ có điều nào tương tự như vậy, và chúng ta phải đấu tranh đến cùng để nó không còn nữa. Nhưng có điều là với những nét đặc thù Việt Nam, cũng khó có gì để bảo đảm rằng nó sẽ được đa số nhân dân mong muốn và ủng hộ? Chúng ta chỉ mới có cảm tính là như vậy thôi. Tất cả vẫn chưa được định lượng cụ thể, chưa thật sự lấy dân làm gốc trong cách làm.

Tương tự với những vấn đề khác như: yêu cầu tổ chức một cuộc Bầu cử tự do có quốc tế giám sát, muốn đổi tên nước, quốc kỳ, quốc ca. Muốn tách sự lãnh đạo của Đảng ra khỏi quân đội, công an, v.v... Chính những sự khác nhau ấy đã nảy sinh ra nhiều cuộc tranh luận, có khi trở thành tranh cãi làm tiêu hao biết bao thời gian, sức lực và lòng nhiệt tình của nhau, mà đa số đều là những người có tâm huyết với đất nước và dân tộc. Thậm chí có một số người “chép thốt” lại còn nhiệt tình và hiệu quả hơn là

“chém cá”! Để rồi tình trạng “Tọa sơn quan hổ đấu” đã diễn ra, nhiều người trong số “quan hổ đấu” kia đã chuyển từ “múa tay trong bị” ra “múa tay ngoài bị”, bởi vì họ đã “bất chiến tự nhiên thành.”

Ngay cả đối với bạn bè quốc tế, những người thường xuyên quan tâm đến tình hình Việt Nam cũng vậy: tuy đều mong muốn thúc đẩy tiến trình dân chủ cho Việt Nam tiến lên phía trước, nhưng mỗi người khác nhau cũng có những nhận thức và hành động khác nhau. Nếu chỉ vì sự khác nhau ấy mà chúng ta lại đi phê phán hay chỉ trích họ sẽ làm phân hóa các lực lượng dân chủ Việt Nam, trên cả bình diện quốc gia và quốc tế. Trong khi hơn lúc nào hết vấn đề đoàn kết lúc này là rất quan trọng và rất cần thiết. Nó là sức mạnh và nó cũng là lực lượng.

4.2 - Một ý kiến đề nghị :

Từ những trình bày trên tôi xin được đề nghị một ý kiến sau:

Giữ nguyên bộ máy hiện có ở Việt Nam hiện nay, bao gồm tất cả các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp từ trung ương xuống địa phương, cơ sở để tổ chức một cuộc TRUNG CẦU DÂN Ý đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất.

Câu hỏi cần trả lời là: Việt Nam nên hay không nên theo chế độ đa đảng?

Nếu ai cho rằng nên thì ghi CÓ - không nên thì ghi KHÔNG.

Đây chính là công việc nhằm định lượng hoá lòng dân Việt Nam. Nó không đòi ai cái gì mà chỉ đề nghị một cách làm là hãy hỏi ý kiến nhân dân về một vấn đề lớn và rất bức xúc của đất nước hiện nay.

Cũng có thể có những câu hỏi khác, với những yêu cầu khác cao hoặc thấp hơn. Nhưng theo tôi yêu cầu trên là trung bình, mà nếu đạt được thì nó sẽ tạo cơ sở tốt cho những bước dân chủ tiếp theo. Tuy là trung bình nhưng nó cũng đủ tầm mức quan trọng cho một cuộc Trung Cầu Dân Ý (TCDY). Tất nhiên theo đúng tinh thần đa nguyên và nguyên tắc đa số. Tôi sẵn sàng ủng

hộ cho một câu hỏi khác thích hợp hơn, miễn là nó được đa số dân tộc ủng hộ. Sau đây là phác họa một số nét lớn của nó :

- Thành lập một Ủy Ban Quốc Gia Trung Cầu Dân Ý (UBQG về TCDY), mà bước đầu có thể là một Ban trừ bì.

- Thành phần của ủy ban bao gồm cả những đảng viên cộng sản và người ngoài đảng. Tỷ lệ chẳng hạn là 50/50, trong đó có đầy đủ đại diện của các tầng lớp, giai cấp, tôn giáo, sắc tộc, vùng, miền,... trong cả nước và đại diện cho các cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài gần 3 triệu người. Bởi vì đây là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc, hơn nữa rất nhiều người trong số họ còn mang quốc tịch Việt Nam.

Tuy ủy ban cần bảo đảm đầy đủ các thành phần được nêu trên nhưng cũng không nên quá cồng kềnh, hình thức. Điều này Ban trừ bì sẽ quyết định cụ thể.

Các thành viên trong ủy ban phải là những người thực sự có tinh thần dân chủ, có năng lực làm việc và có đủ sức khoẻ.

- Sau khi được thành lập, UBQG về TCDY sẽ tiến hành các công việc chuẩn bị như: xây dựng điều lệ, phương án hoạt động, nội dung tuyên truyền trong nhân dân cả nước về mục đích, ý nghĩa của công việc này, trong đó kể cả việc thành lập các ủy ban TCDY ở địa phương và cơ sở. Thời gian thành lập UBQG về TCDY cần được tổ chức càng sớm càng tốt. Tinh thần là không nên quá nóng vội, nhưng cũng không nên quá chậm chạp. Giả sử cuộc TCDY trên được tổ chức sẽ có hai khả năng sau đây :

a) Nếu đa số phiếu trả lời là không thì ĐCS Việt Nam sẽ tiếp tục nắm quyền lãnh đạo đất nước, cho đến khi nào nhân dân thấy cần thiết là nên có một cuộc TCDY mới.

b) Nếu đa số phiếu trả lời là CÓ thì ĐCS Việt Nam cần phải chấp nhận kết quả ấy.

Hiến pháp hiện hành cũng phải được Quốc hội sửa đổi, bổ sung và thông qua những điểm liên quan, sao cho phù hợp với tình hình của đất nước sẽ có nhiều đảng hoạt động trong tương lai.

ĐCS Việt Nam cũng vẫn tiếp tục nắm quyền lãnh đạo đất nước cho đến khi có một đảng nào đó tỏ ra xứng đáng hơn và giành được chiến thắng trong một cuộc Bầu cử tự do. Bằng cách này đất nước cũng sẽ tránh được những khoảng trống quyền lực của một cuộc khủng hoảng tiềm tàng. Mọi sự phát triển đều có tính kế thừa, tuần tự trong khuôn khổ pháp luật.

Tôi tin rằng nếu cuộc TCDY như vậy được diễn ra, nhất định thế giới tiến bộ sẽ nhiệt tình ủng hộ Việt Nam. Nhưng chúng ta chỉ cần bạn bè giúp đỡ về mặt kỹ thuật, vì Việt Nam chưa có kinh nghiệm. Chẳng hạn như nước Úc hào hiệp đã từng tổ chức 45 lần TCDY từ ngày thành lập liên bang (1901) đến nay. Trong đó người dân Úc chỉ 8 lần bầu có và 37 lần bầu không cho những câu hỏi. Tất cả những việc còn lại, với một luồng dân khí mới, tôi tin rằng chúng sẽ được tiến hành tốt đẹp.

Một môi trường chính trị lành mạnh sẽ có một môi trường kinh tế - xã hội trong sạch, kể cả môi trường đầu tư. Lúc ấy nó mới có khả năng kết hợp được sức mạnh tổng hợp của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Đưa đất nước ta cất cánh. Nó còn có tác dụng ngăn chặn và xử lý tốt những nhà đầu tư nào có mưu đồ làm bậy và mở đường cho các ngành khoa học xã hội, khoa học quản lý tiến lên.

Mặt khác nó còn có tác dụng đẩy nhanh tiến trình hòa giải và hòa hợp dân tộc. Muốn vậy, chỉ có cách là phải cải thiện thực sự chế độ chính trị hiện nay, thông qua những cách làm dân chủ mang tầm vóc toàn dân tộc.

Trên đây chỉ là một ý kiến phác thảo cho một cách làm. Nó chỉ có thể trở thành một phương án có tính khả thi nếu được được đa số dân tộc ủng hộ. Tôi rất mong bạn đọc xa gần chia sẻ cùng tôi ý kiến này.

Tuy TCDY vẫn còn xa lạ với nhiều người Việt Nam, nhưng nó đã là một sinh hoạt chính trị quen thuộc trên thế giới hàng thế kỷ qua. Ngay ở miền Nam Việt Nam vào ngày 23/10/1955 dưới thời của thủ tướng Ngô Đình Diệm cũng đã có một cuộc TCDY

được tổ chức, nhằm lựa chọn giữa nền Quân chủ hay nền Cộng hòa. Kết quả sau đó là nền Đệ Nhất Cộng Hòa của miền Nam đã ra đời, với việc truất phế ngôi Quốc trưởng của cựu hoàng Bảo Đại và thủ tướng Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống.

Ở đây tôi không có ý nhắc tới khía cạnh chính trị của vấn đề, mà chỉ quan tâm đến mặt kỹ thuật của nó, (vì khía cạnh chính trị này rất nhạy cảm và dễ gây ra những tranh luận không cần thiết lúc này). Nếu ai đó có kinh nghiệm hoặc bất cứ kiến thức gì liên quan, xin hãy nhiệt tình đóng góp vì lợi ích chung của đất nước.

Có thể có những ý kiến xung quanh vấn đề này như sau:

a - Cơ sở kinh tế - xã hội của cuộc Trưng Cầu Dân Ý?

b - Nếu vẫn giữ nguyên bộ máy hiện có ở Việt Nam thì lấy gì để bảo đảm cho sự khách quan, vô tư ?

c - Liệu ĐCS Việt Nam có chấp nhận hay không ? v.v....

Tôi sẽ cố gắng giải đáp chúng ở mức độ cao nhất có thể và cũng mong quý độc giả cùng làm giàu thêm và chính xác hơn cho nó.

a - Cơ sở kinh tế - xã hội:

Như chúng ta biết thì nền kinh tế ở Việt Nam hiện nay thực chất đã là nền kinh tế nhiều thành phần, tất cả đều đã được bảo đảm bằng luật pháp hiện hành. Như vậy tính đa nguyên trong xã hội đã có cơ sở vững chắc từ chính bản thân của nền kinh tế ấy. Từ đó xuất hiện những người cùng chung chí hướng, tư tưởng. Họ có nhu cầu tập hợp lại dưới một chính đảng có cùng tôn chỉ mục đích, được pháp luật công nhận. Nhu cầu ấy là hoàn toàn chính đáng. Nó cũng phù hợp với tinh thần của những bản tuyên ngôn, hiến chương, công ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam đã ký kết.

Đó chính là cơ sở cho sự đa đảng, trong một xã hội đã có sự đa nguyên.

Sẽ thật là vô lý nếu như ở dưới thì cứ “chia ra”, còn ở trên thì

cứ “*hội tụ*” mãi như thực tế Việt Nam hôm qua và hôm nay được.

Cũng cần lưu ý là: vào giai đoạn đầu nếu có sự đa đảng thì tình hình có thể sẽ tương tự như ở các nước Đông Âu, Liên Xô cũ 10 năm về trước. Tức là sẽ có nhiều đảng ra đời, nhưng cùng với sự sàng lọc của thời gian, con số này sẽ giảm xuống.

b - Sự bảo đảm cho tính khách quan, vô tư?

Cội nguồn của sự ưu tư này có nguyên nhân lịch sử của nó. Nhưng theo tôi có 3 cơ sở sau đây để tin tưởng:

- Thứ nhất là do tính đa dạng và phẩm chất tốt của các thành viên trong UBQG về TCDY. Nó sẽ là một cơ sở tốt để tạo ra một cơ chế làm việc thực sự dân chủ, từ đó cũng sẽ có những cách thức để các thành viên trong ủy ban kiểm tra chéo công việc của nhau, vì lợi ích chung của quốc gia.

- Thứ hai là cuộc TCDY này chỉ bầu một nguyên tắc, chứ không bầu những con người cụ thể, như trong các cuộc bầu cử thông thường rất có thể sẽ bị nhiễu loạn thông tin mà quyết định sai đi. Tức là cử tri chỉ đi bầu CÓ hay Không cho một câu hỏi.

Vì vậy nếu có ai đó muốn đánh tráo cái “*nở*” giả của cha con Triệu Đà, Trọng Thủy lấy chiếc nở thật của thần Kim Quy cũng khó mà thực hiện được mưu đồ. Không ai lại tự đi làm nhiễu loạn chính mình cả.

Nó cũng tương tự như hai cuộc TCDY năm 1999 vừa qua đã diễn ra trên thế giới :

Ở Úc với câu hỏi: nước Úc nên hay không nên trở thành một nước Cộng hòa ?

Và ở Đông Timor với câu hỏi: Đông Timor chọn nền Độc lập hay tiếp tục phụ thuộc vào Indonesia ? (Kết quả như chúng ta đã biết: nước Úc bầu Không cho nền cộng hòa và Đông Timor bầu CÓ cho nền độc lập.).

- Thứ ba là vai trò kiểm soát và giám sát của nhân dân :

Có thể ví rằng bao nhiêu người dân sẽ là bấy nhiêu những

ngọn đèn đứng gác, sẵn sàng soi rọi vào những ý đồ đen tối nếu có nào đó.

c- Liệu ĐCS Việt Nam có chấp nhận hay không?

Nói chính xác hơn là liệu những người nắm thực quyền hiện nay trong ĐCS Việt Nam có chấp nhận hay không? Theo tôi đây chính là vấn đề nan giải nhất và cũng đoán rằng nó được nhiều người quan tâm nhất.

Để trả lời câu hỏi này chúng ta cần trở lại với lịch sử: một điều có thể khẳng định rằng trong suốt 55 năm qua, kể từ ngày tuyên bố độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Chưa có một lần nào CT Hồ Chí Minh và những người lãnh đạo trong ĐCS Việt Nam sau ông, có ý định hỏi nhân dân Việt Nam xem liệu họ muốn hay không muốn đất nước đi theo con đường XHCN.

Đã có những cột mốc lịch sử lớn để làm điều này, nhưng tất cả đều đã bị né tránh không làm. Đó là:

- Ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại quảng trường Ba Đình - Hà Nội, trong toàn bộ nội dung của Bản Tuyên Ngôn Độc Lập là không hề có một câu nào về CNXH hay CNCS cả.

Cũng không có một chữ nào về quyền lãnh đạo đất nước của ĐCS Việt Nam.

Lời thề của hơn nửa triệu nhân dân Hà Nội và các vùng phụ cận, thay mặt cho nhân dân cả nước hô vang trong buổi chiều hôm ấy là lời thề độc lập! Nếu có một lần CT Hồ Chí Minh dừng lại hỏi nhân dân, thì đó là câu hỏi: "*Tôi nói đồng bào nghe rõ không?*" mà thôi, tuyệt đối không phải là một câu hỏi nào khác.

Có ý kiến cho rằng: nhưng hôm đó đồng bào cả nước đều đã đi mít tinh và nhiều người đã giương cao lá cờ đỏ sao vàng, là lá cờ của nước Việt Nam XHCN sau này đấy thôi. Điều đó chẳng đã chứng minh sự ủng hộ của nhân dân cho CNXH rồi là gì!

Đúng chuyện vậy cò là có thật. Nhưng đấy là lá cờ mà dân tộc lúc ấy coi nó có ý nghĩa như một biểu tượng cho nền độc lập

quốc gia còn non trẻ, vừa mới giành lại được sau gần một trăm năm dưới ách nô lệ của Thực dân, Phát xít. Rằng: “*Nước Việt Nam của người Việt Nam!*”, “*Độc lập hay là chết!*”. Dân tộc đã ủng hộ lá cờ ấy, vào những khoảnh khắc lịch sử ấy là theo những ý nghĩa ấy mà thôi. Sau này dân tộc sẽ đi theo con đường nào thì những người lãnh đạo quốc gia phải hỏi ý kiến dân tộc ấy.

- Những cột mốc quan trọng khác nữa như : tháng 10 năm 1954 có nhiều đồng bào miền Bắc đã đón chào Chính Phủ Kháng Chiến của CT Hồ Chí Minh, cùng đoàn quân chiến thắng trở về, sau chiến dịch Điện Biên Phủ. Nhưng trong những khẩu hiệu được giăng lên hoặc hô vang, cũng không có một câu chữ nào về CNXH hay CNCS cả.

Dĩ nhiên lại càng không có một cái gì đó tương tự với đồng bào miền Nam vào những ngày tháng 3, tháng 4 năm 1975. Ai không tin điều này xin xem lại những thước phim tài liệu hiện còn lưu giữ ở trong nước hoặc đọc lại Bản Tuyên Ngôn Độc Lập năm xưa.

Khi còn sống CT Hồ Chí Minh cũng đã từng một lần ủng hộ cho cách làm này. Đó là khi ông thay mặt cho Chính Phủ Liên Hiệp nước Việt Nam DCCCH ký Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 với đại diện của Chính Phủ Pháp tại Hà Nội lúc ấy là tướng Jean Saiteny. Một điều khoản trong hiệp định đó đã xác định: Việt Nam chấp thuận nằm trong Liên Bang Đông Dương thuộc khối Liên Hiệp Pháp, và Nam Bộ có trở về với Việt Nam hay không sẽ thông qua một cuộc trưng cầu dân ý.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến 19/12/1946 ông cũng nhắc lại điều này tại điểm 4 trong lời kêu gọi gửi Liên Hiệp Quốc, nhằm tố cáo phía Pháp vi phạm hiệp định trên. (Hồ Chí Minh toàn tập - tập 4 - NXB chính trị quốc gia Hà Nội 1995, trang 467).

Ở đây tôi không có ý nhận xét gì về tư tưởng Hồ Chí Minh (nếu ông có). Tôi cũng luôn tôn trọng những người lương thiện vốn tôn kính hoặc thần tượng ông. Nhưng chỉ có ý kiến rằng: nếu

ai đó vẫn quan niệm rằng “*Thế giới còn biến đổi nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh còn sống mãi*” thì theo tôi, một trong những việc làm để họ tỏ lòng tôn kính ông chính là ủng hộ cho một cuộc TCDY như trên được diễn ra. Vì đây là một cách làm dân chủ, mà CT Hồ Chí Minh cũng đã muốn làm hơn nửa thế kỷ trước. Nhưng vì tấm lòng quá... yêu thuộc địa cũ lúc ấy của người Pháp nên đã không được thực hiện.

Ngược lại, ai đó cứ “*Giữ gìn và bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh*” theo cách: cái gì có lợi cho mình thì đưa ra dùng, còn nếu bất lợi thì phớt lờ hoặc giấu nhẹm đi là rất thiếu tử tế với nhân dân. Đồng thời, chính họ đã xúc phạm tới vong linh của CT Hồ Chí Minh.

Cũng lại có ý kiến cho rằng : nhưng sau đó các Nghị quyết đại hội Đảng III năm 1960 và ĐH IV năm 1976, đều đã xác định rõ con đường đi lên CNXH. Rồi lại có những cuộc mít tinh ủng hộ của nhiều tầng lớp nhân dân cho thành công của các đại hội trên là gì! Cũng đúng là có như vậy thật, nhưng đây chắc gì đã là đa số và thực chất ?

Hơn nữa thử hỏi nhân dân còn có sự lựa chọn nào khác một khi mà chính quyền cách mạng đã được thiết lập, nền chuyên chính vô sản đã được củng cố với chức năng thứ nhất của nó là: bạo lực và trấn áp ! Điều này đã được Lê-Nin căn dặn rất kỹ lưỡng trong tác phẩm Nhà Nước Và Cách Mạng của ông. Mít tinh ủng hộ thì được, nhưng thử biểu tình phản đối xem điều gì sẽ xảy ra? Bất cứ người dân Việt Nam nào dù là thờ ơ với công cùm, xiềng xích nhất cũng có thể trả lời được câu hỏi này.

(Một điểm nữa để thấy rõ hơn : nếu so sánh mức độ cự tuyệt CNXH của đồng bào miền Nam, ta sẽ thấy là mạnh hơn nhiều so với đồng bào miền Bắc. Đơn giản là vì tuy nền dân chủ ở miền Nam trước năm 1975, vẫn chưa phải là một nền dân chủ đích thực nhưng nó đã có mầm mống. Còn đồng bào miền Bắc sau năm 1954 là không có gì tốt hơn để so sánh, ngoài chế độ thực dân, nửa phong kiến trước tháng 8/1945 của những kiếp người

dân nô lệ. Với cái đói kinh hoàng năm Ất Dậu .).

Vì vậy có thể nói rằng: Trong suốt 55 năm qua kể từ ngày 2.9.1945 đến nay, trước dân tộc, ĐCS Việt Nam vẫn luôn là tự xưng danh chứ không chính danh !

Nếu muốn chính danh thì ĐCS Việt Nam cần phải thắng trong một cuộc Bầu cử tự do. Khi đất nước đã có những lực lượng chính trị khác ra tranh cử. Một cuộc TCDY như trên sẽ là bước khởi đầu quan trọng. Tổng bí thư ĐCS Việt Nam Lê Khả Phiêu cũng đã có lần tuyên bố:

“Sẽ bảo vệ sự độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản, sẽ duy trì định hướng XHCN. Những người khuyên nên từ bỏ CNXH và vai trò lãnh đạo của ĐCS là sai lầm, vì đây là sự chọn lựa của nhân dân và của lịch sử.” Theo tôi ông sẽ đúng nếu như cuộc TCDY trên được diễn ra và đa số nhân dân từ chối có sự đa đảng ở Việt Nam.

Trường hợp xấu nhất nếu cuộc TCDY bị khuếch tù thì trước dân tộc ĐCS Việt Nam vẫn là không chính danh. Lúc ấy toàn bộ sự thật đã được bóc trần đến cực độ là:

Những người nắm thực quyền trong ĐCS Việt Nam, do lo sợ thất bại trước một luật chơi hoàn toàn công bằng và dân chủ, nên đã khuếch tù nó vì duy nhất quyền lợi của bản thân và gia đình họ. Họ chỉ là số ít chứ không phải là số nhiều. Họ vừa tự cô lập mình, vừa bị nhân dân Việt Nam cùng các lực lượng dân chủ trên thế giới khép chặt vòng vây, để danh sách của họ ngày càng ngắn lại và lộ dần ra. Họ thực sự là những người đã và đang ra sức tìm mọi cách, dù là tuyệt vọng để ngáng đường dân tộc muốn đi. Họ không có cơ sở để tồn tại cả về lý luận và thực tiễn, trừ súng đạn. Họ là phi nghĩa. Họ không nên cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu nói của CT Hồ Chí Minh 40 năm về trước “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” nữa. Họ giống những Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống ở chỗ là cùng bán nước. Chỉ khác là những kẻ kia thì bán trọn gói một lần. Còn họ thì tìm cách câu giờ, xé dần đất nước ra để bán lẻ và bán rẻ mà thôi!

Đĩ nhiên họ không phải là tất cả hơn 2 triệu đảng viên cộng

sản, cũng không phải là toàn bộ 170 UVTU Đảng hiện nay. Mà chỉ là một thiểu số bảo thủ nắm thực quyền cùng những kẻ bấu xấu, lươn lẹo, ăn theo, nói leo. (số này không hẳn đã là ĐVCS, tình hình đất nước cùng những vụ án lớn vừa qua đã chứng minh rõ điều này.).

Họ cần phải bị vạch mặt, chỉ tên, cần những người có lương tri hoặc công khai tố cáo, hoặc âm thầm sao chụp, lưu giữ những hồ sơ tội ác mà họ đã, đang hoặc sẽ làm.

Để trong tương lai đưa ra xét xử công khai, đúng pháp luật như các nước Đức thống nhất, Chi lê, Nam Hàn, Philippines, Indonesia, ... đã và đang làm. Dù họ là ai, tuổi tác thế nào, từng nắm chức vụ gì đi chăng nữa .

Và cuộc đấu tranh cho một nước Việt Nam mới của toàn dân, trong đó có rất nhiều những đảng viên cộng sản chân chính sẽ vẫn còn tiếp diễn cho đến khi nào đạt được thắng lợi cuối cùng mới thôi. Một trong những khẩu hiệu đấu tranh trong giai đoạn mới có thể sẽ xuất hiện là:

“Nhân dân Việt Nam cần một nền dân chủ thật sự.

Nhân dân Việt Nam không cần thủ dân chủ một triệu lần bị bọm”.

Với sự kiên trì, lòng quyết tâm của khối đoàn kết toàn dân, được sự ủng hộ quốc tế, lại có chính nghĩa và phương pháp đúng đắn. Chắc chắn cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ cho Việt Nam sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn, trừ khi:

Nếu mọi người tốt đều lặng im

Giữ nguyên bàn tay sạch

(thơ Lưu Quang Vũ)

Nhưng tôi tin rằng điều đó sẽ không xảy ra, bởi vì cái tốt nhất định cuối cùng phải thắng cái xấu, cái thiện phải thắng cái ác, chính nghĩa phải thắng phi nghĩa và trí nhân phải thay cho cường bạo. Lịch sử dân tộc Việt Nam ta và thời đại ngày nay đã chứng minh rất rõ những điều đó. Và cũng bởi vì: *“Chỉ có sức vật mới thờ ơ với những nỗi đau của đồng loại để chăm sóc cho bộ da*

của mình!". (Lời của Mác)

5 - Vấn đề đoàn kết dân tộc - những niềm tin tưởng.

Trong những phần trên thỉnh thoảng tôi cũng chen vào đâu đó một vài điểm tạm gọi là có tính cười cũng không ngoài mục đích muốn làm rõ hơn những nội dung mà mình cần trình bày và cũng để cho bạn đọc khỏi buồn ngủ! Thực tế khi đi tìm tài liệu cũng như khi ngồi viết bài này, đã hơn một lần dù cố gắng tự kiểm chế nhưng tự nhiên mắt mũi tôi cứ cay cay. Những lúc ấy nếu là đang viết tôi phải dừng lại để cho cơn xúc động qua đi.

Đúng! Số phận đau thương của dân tộc ta trong hơn nửa thế kỷ qua không có gì đáng vui để mà cười cả. Nỗi đau ấy vẫn đeo đẳng dân tộc đến tận hôm nay dứt mãi chưa ra. Nếu như trước kia là những nỗi đau của sự mất mát, chia ly thời chiến tranh, thì nay là những áp bức và bất công, đói nghèo và tủ nhục của thời hoà bình. Nhưng tôi hoàn toàn tin tưởng có cơ sở rằng một ngày không xa nhất định mùa đông và mây mù sẽ tan trên quê hương Việt Nam. Cơ sở của lòng tin ấy là: tình tự dân tộc và tính nhân bản của con người Việt Nam sẽ dần được phục hồi và chiến thắng tất cả.

Nó sẽ vượt lên trên mọi cái ác, nó lấp bằng mọi hố sâu ngăn cách của quá khứ chính trị, hoàn cảnh xuất thân, sự giàu - nghèo, tôn giáo, sắc tộc, trình độ, tuổi tác, vùng, miền.... để đoàn kết muôn triệu người Việt Nam ở cả trong và ngoài nước thành một khối vững bền. Nó băng qua mọi khó khăn, thử thách để tiến lên giành thắng lợi bằng con đường dân chủ, nhằm xây dựng một nước Việt Nam mới với các mục tiêu:

Hoà bình và độc lập, dân chủ và tự do, dân giàu và nước mạnh, công bằng và văn minh, đoàn kết, hữu nghị và tiến bộ xã hội.

Chỉ có khi ấy dân tộc Việt Nam mới có thể ngẩng cao đầu để làm bạn với tất cả mọi người. Chỉ có khi ấy những nụ cười trong niềm vui đoàn viên toàn dân tộc mới thật sự đến. Và cũng

để cho những con người Việt Nam đang yêu có thể yêu như những lời tâm sự của chàng RốtSin với nàng Cachia:

“Rồi năm tháng sẽ trôi đi, những cuộc chiến tranh sẽ chấm dứt, những cuộc cách mạng sẽ thổi gào thét, chỉ còn lại tấm lòng em dịu dàng, nhân nại và tràn đầy tình yêu thương là mãi mãi không phai pha.” (trích trong bộ tiểu thuyết Con Đường Đau Khổ của văn hào Nga A.Tolstoi.).

Chúng ta đã thấy tinh dân tộc được thể hiện thật cảm động trong cơn bão lụt cuối năm 1999 vừa qua. Đó là tinh thần “lá lành đùm lá rách”, cả nước hướng về đồng bào miền Trung ruột thịt, giúp nhau trong cơn nguy khó. Trong đó có những trường hợp phải nói chính xác hơn là “lá rách đùm lá tá toi” mới đúng. Đặc biệt hơn chúng ta thấy có những đoàn cứu trợ của đồng bào ta từ nước ngoài về đã đến với các nạn nhân thuộc tỉnh Quảng Bình. (những người trong thời kỳ chiến tranh đã sống ở bờ Bắc của con sông Bến Hải, với cây cầu Hiền Lương lịch sử chia đôi đất nước). Mặc dù rất nhiều người trong số họ đã từng là nạn nhân đau khổ của chế độ cộng sản.

Chúng ta cũng thấy đại tá QĐND Việt Nam Phạm Quế Dương cùng một số người khác, đã cố gắng tìm được hài cốt của trung tá Phạm Phú Quốc - phi công thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hoà, sau hơn 30 năm máy bay của ông bị rơi trên bầu trời Hà Tĩnh. Và cả những tấm lòng nhân hậu của các má, các chị ở Sài Gòn, đã tự động đứng ra tổ chức những bữa ăn phát không cho bệnh nhân nghèo đang nằm viện. Các chị hiện công tác tại trại tạm giam Hà Nội lại phải đảm nhận thêm việc chăm sóc các cháu bé là con của những phạm nhân nữ, do nhiều hoàn cảnh éo le khác nhau cũng phải vào tù ở với mẹ. Ngoài ra còn rất nhiều những tấm gương khác nữa mà trong một bài viết không thể liệt kê ra hết được.

Có lần tôi được nghe một cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh SBS của Úc - chương trình Việt ngữ giữa một phóng viên với nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn hiện đang định cư tại Mỹ: sau năm

1975 cũng như hàng trăm ngàn công chức, sỹ quan khác của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, ông phải đi học tập cải tạo và mới rời nước vài năm gần đây, nhưng nay thì ông tâm sự rằng ông buồn và muốn về lại quê hương, khi được hỏi là về để làm gì ? Thì ông trả lời rằng về để... chết, nhưng chết bây giờ là có thủ phạm chứ không còn âm thầm, uất ức như trước nữa! (*"Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên, như dòng sông nước cuộn quanh buồn, như người đi cách mặt xa lòng, ta nhủ thầm em có nhớ không? Sài Gòn ơi! Đâu những ngày khi thành phố xôn xao, trong niềm vui tiếng hỏi câu chào, sáng đời tươi thắm vạn sắc màu, nay còn gì đâu..."* - Sài Gòn Niềm Nhớ Không Tên- nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn).

Không ! Đất nước và dân tộc vẫn còn đó, Sài gòn cũng vẫn còn đó.

Chỉ có ai tự đánh mất mình rồi đánh mất Sài gòn, mất đất nước và dân tộc mà thôi.

Những người có tấm lòng với quê hương như ông lại càng cần cho đất nước và dân tộc hôm nay. Nhất định một ngày hội lớn của dân tộc sẽ mở ra. Để trong ngày vui chung ấy, 80 triệu người Việt Nam sẽ cùng nắm tay nhau mà nghẹn ngào trong niềm vui ban đầu của sự hòa giải và hòa hợp dân tộc. Vì ai cũng cảm thấy tự hào rằng trong chiến công chung ấy đều có phần đóng góp của riêng mình.

Một luồng dân khí mới sẽ đến với mọi người Việt Nam. Hàng triệu đồng bào ta từ các nước Đông, Tây, Bắc Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản, Úc, New Zealand, Liên Xô cũ, ... sẽ cùng trở về trong ngày hội non sông ấy, để cùng với đồng bào ruột thịt của mình ở trong nước hát vang những bài hát hào hùng đã từng có tác dụng đoàn kết muôn triệu người Việt Nam năm nào. Đó là Quốc Dân Hành Khúc với tên ban đầu là Tiếng Gọi Sinh Viên của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước :

*Nào dân Việt Nam, tiến lên đến ngày giải phóng!
Đồng lòng cùng đi ! đi ! đi sá gì thân sống*

*Nhìn non sông nát tan, thì nung tâm chí cao
Nhìn muôn dân khóc than, hờn sôi trong máu đào...
Và của Tiến Quân Ca với nhạc sĩ Văn Cao :
... Vì nhân dân chiến đấu không ngừng
Tiến mau ra sa trường
Tiến lên! cùng tiến lên!
Nước non Việt Nam ta vững bền!*

Dù sau đó trong cuộc sống đời thường anh hát : Biển mặn, Rừng lá thấp, Người ở lại Charlie, Hát cho một người nằm xuống, Áo lụa Hà Đông, Ngày tạm biệt, Bây giờ tháng mấy, Nỗi lòng người đi, Thương về miền Trung, Diễm xưa, Ướt mi, Đêm nhớ về Sài Gòn, Sài Gòn niềm nhớ không tên, v.v còn tôi hát: Hà Nội niềm tin và hy vọng, Trường Sơn Đông - Trường Sơn Tây, Việt Nam trên đường chúng ta đi, Tiếng chày trên sóc Bom bo, Những ánh sao đêm, Tình ca, Xuân chiến khu, Vàm cỏ đông, Chào em cô gái Lam hồng, Trước ngày hội bắn, Tình đất đỏ miền Đông, Mặt trời bé con, Hà Nội mùa vắng những cơn mưa, v.v.... thì tất cả cũng đều tốt. Vì mỗi người đều có những sở thích và kỷ niệm vui buồn riêng của mình. “Quốc - Cộng”... đề huề ! Nhưng phải là có điều kiện khi mà những luật chơi công bằng đã được thực hiện.

Nếu như số phận đã nghiệt ngã với dân tộc ta hôm qua, thì hôm nay bằng những lá phiếu của mình dân tộc ấy đã có điều kiện bước đầu để “cải số” cho mình. Đây là một cơ hội lớn để cả dân tộc có thể tránh được việc phải cùng nhau đi “tìm lá điều bông”, “uống xuyên tâm liên”, v.v... nhưng ít ai dám khóc lớn, mà chỉ dám khóc thầm.

Bạn bè thế giới cũng sẽ đến chung vui cùng chúng ta, họ sẽ thật sự khâm phục chiến công này của dân tộc ta, hơn bất cứ một chiến công dân chủ nào mà dân tộc ấy đã đạt được trong suốt chiều dài lịch sử của mình. Nó chứng tỏ rằng dân tộc Việt Nam đã đủ trưởng thành cả về trình độ dân chủ và dân trí. Nó sẽ kết hợp với luồng dân khí mới để cùng bắt tay vào xây dựng một đất

nước Việt Nam mới, từ điểm xuất phát là diễn biến hòa bình, chứ không phải diễn biến chiến tranh hoặc bạo loạn. Một dân tộc thông minh phải là một dân tộc nhu vậy. Và cũng bởi vì sau những đau thương mất mát quá lớn lao, có lẽ không có người Việt Nam nào lại muốn đất nước mình tiếp tục rơi vào khủng hoảng, hỗn loạn thêm một lần nữa, để rồi:

10 phần chết 7 còn 3

Chết 2 còn 1 mà vẫn... chưa ra thái bình !

Nếu nhũng ai còn có ý định cổ vũ cho bạo lực họ chính là tội phạm của dân tộc, dù họ có bao biện bởi bất cứ lý do nào đi chăng nữa. Thế giới văn minh, luật pháp quốc tế cũng đã từ lâu chống lại điều này.

Tôi đã cố gắng trình bày hết cả 5 phần được nêu ra từ đầu của bài viết này. Tôi viết nó một mình chứ không hề “*câu kết với các thế lực thù địch*” nào. Tôi không phải là một người cầm bút chuyên nghiệp nên viết rất vấp vả. Tôi có công việc chuyên môn của mình và tôi yêu thích nó. Giả sử sau này có phải xa nó thì tôi cũng sẵn sàng làm bất cứ công việc nào khác, miễn là lương thiện để sinh sống. Tôi cũng có may mắn hơn nhiều người Việt Nam khác, vì không phải là nạn nhân của chế độ nào.

Song như ông bà ta thường nói: “*Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách*”, nếu tôi là một thợ cấy, thợ cấy, thợ lò, thợ mỏ. Một sinh viên, một người lính, một cảnh sát hay một người đã nghỉ hưu bình thường mà để cho quốc gia của mình suy vong như hiện nay thì tôi đã rất đáng trách. Nhưng nếu anh lại tự cho mình là thuộc “*tầng lớp sỹ phu*” Việt Nam mà cứ im lặng mãi. Hoặc tệ hại hơn là lợi dụng tình trạng lóm nhòm, nhuộm nhạt lúc này để “*Ngủ ông thủ lợi*” thì anh còn đáng trách hơn tôi nhiều lần. (không phân biệt “*sỹ phu*” trong hay ngoài nước).

Bởi vì hễ anh/chị càng có nhiều tri thức bao nhiêu, lại càng có “*năng lực tiềm tàng*” để “*hút*” vào mật ngọt và “*nhả*” ra mật đắng cho đời bấy nhiêu. Nếu tất cả đều im lặng là đồng lõa với tội ác, là nuôi dưỡng sự áp bức như ý tưởng của cố tổng thống Pháp

François Mitterrand, và lúc ấy thì :

Ai là người dọn đi bùn rác

Ai là người gieo hạt

Cho ban mai tươi lành?

(thơ Lưu Quang Vũ)

Xin cảm ơn quý vị độc giả xa gần đã đọc bài viết này. Tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý vị và các bạn trên các phương tiện thông tin đại chúng về cả 5 phần, nhất là phần 4 với ý kiến về cuộc TCDY. Dù những ý kiến là đồng tình hay không đồng tình đối với tôi cũng rất đáng quý, miễn là chúng ta đến với nhau vì đều cùng có tâm và có tấm lòng yêu đất nước Việt Nam. Tôi hy vọng bài viết này đến được với càng nhiều độc giả càng tốt và cũng sẽ cố gắng gửi nó đến các nhà lãnh đạo trong nước hiện nay, với tư cách là một công dân Việt Nam.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn quý vị độc giả và hẹn gặp lại trong những bài viết tới. Xin cảm ơn các chiến sỹ dân chủ Việt Nam và quốc tế. Cảm ơn nhân dân Thọ Đà - Hà Nội, Xuân Lộc - Đồng Nai, Quỳnh Phụ - Thái Bình, Sa Đéc - Đồng Tháp và nhiều nơi khác trên khắp đất nước đã tiếp thêm cho tôi kiến thức về dân chủ và lòng tự tin.

Xin cảm ơn đất nước Australia thanh bình và tươi đẹp đã cho tôi một môi trường đầy đủ thông tin để hoàn thành bài viết này.

Văn hào Nga Boris Pasternak - tác giả cuốn tiểu thuyết Bác Sĩ Zhivago nổi tiếng đã viết: *“Cánh rừng, bãi cỏ của mùa đông nước Nga không ai trông thấy cỏ mọc, nhưng một buổi sáng đầu xuân nhìn ra tất cả đã xanh rờn.”*

Những mầm sống cho cái buổi sáng đầu xuân ấy đã, đang và sẽ tiếp tục sinh sôi trên đất nước Việt Nam quê hương tôi. Đó là quy luật không gì có thể cưỡng lại được !

Tháng 6 năm 2000.

Khi tôi đang chuẩn bị gửi bài này đi thì được biết một tin do các báo, đài Việt ngữ tại Úc loan tải: 5 nhà đấu tranh dân chủ nổi tiếng trong nước là các ông Hoàng Minh Chính, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Trần Dũng Tiến đã cùng ký vào một bức thư đề ngày 19/5/2000 gửi tới các đại biểu Quốc Hội khoá X kỳ 7 để báo động khẩn cấp:

“Tiến sĩ Hà Sĩ Phu (tên thật là Nguyễn Xuân Tu) ngụ tại số 4E Bùi Thị Xuân, phường 2, thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng vừa bị khởi tố hình sự một cách phi lý và hoàn toàn vô căn cứ, bất chấp các quy định của luật pháp và hiến pháp”.

Theo bức thư trên thì anh bị ghép vào tội danh “phản bội tổ quốc” mà theo bộ luật hình sự của nước CHXHCN Việt Nam có thể bị kết án tù 7 năm tù đến tử hình.

Anh sinh tại Bắc Ninh năm 1940, tốt nghiệp phó tiến sĩ sinh học tại Viện Hàn Lâm Khoa Học Tiếp Khắc, về nước công tác tại Viện Khoa Học Việt Nam - phân viện Đà Lạt, nay đã nghỉ hưu. Anh là người đã có những bài viết rất sâu sắc và khách quan về Ý thức hệ cộng sản, cùng hiện tình đất nước như :

“Đặt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ” - 1988, “Biện chứng và nguy biện trong công cuộc đổi mới” - 1989, “Đôi điều suy nghĩ của một công dân” - 1993 và bài “Chia tay ý thức hệ” - 1995. Trong số đó có những câu :

“Không phải như những người cộng sản thường nói rằng chủ nghĩa luôn luôn đúng, chỉ có con người thi hành sai, mà ý thức hệ cộng sản sai từ căn bản. Phải từ bỏ ý thức hệ đó thì mới xây dựng được đất nước.” và:

“Ý thức hệ Mác-xít là một ý thức hệ phong kiến trá hình của triều đại phong kiến cuối cùng, đang kìm hãm sự tiến bộ xã hội và được dùng làm bình phong cho những yếu tố tiêu cực ẩn nấp,... nếu giạt bỏ được thì cả cõi Việt Nam này bừng sáng, vì chỉ từ đó mọi việc mới có thể bắt đầu một cách trong sáng, mọi sự vật mới mang ý nghĩa thật của nó.”.

Tổ chức quốc tế chuyên đấu tranh cho nhân quyền trên thế giới

(Human Right Watch) cũng phát đi từ New York một bản tuyên bố ngày 31/5/2000, trong đó có đoạn ghi rõ:

“Đó là sự vi phạm luật quốc tế và vi phạm hiến pháp Việt Nam”. Đồng thời bản tuyên bố kêu gọi chính phủ Việt Nam hãy ngưng ngay sự đàn áp này. Nếu như không tìm thấy chứng cứ gì về việc phạm tội hình sự, mà chỉ tìm thấy những chứng cứ về sự bày tỏ quan điểm chính trị riêng một cách ôn hoà của công dân. Nhiều tổ chức, nhiều nhà chính trị, khoa học trên thế giới cũng đã lên tiếng phản đối sự đàn áp này.

Cùng bị truy tố trong đợt này còn có nhà báo Mai Thái Lĩnh, vì công an tìm thấy trong nhà anh ở Đà Lạt bản thảo “Kết ước năm 2000”, có nội dung như một bản tuyên ngôn chung đòi dân chủ cho Việt Nam và tình nghi đây là công trình tập thể, trong đó có liên quan đến nhóm trí thức Hà Sĩ Phu, Mai Thái Lĩnh, v.v....

Như là một hành động thiết thực góp phần bảo vệ các anh, tôi xin được ghi tên mình vào Bản lên tiếng bảo vệ Hà Sĩ Phu. Tôi nghĩ rằng bảo vệ Hà Sĩ Phu, Mai Thái Lĩnh và các chiến sĩ dân chủ trong nước hiện nay, kể cả đã có danh hoặc bình thường chưa có danh, cũng là bảo vệ cho nền dân chủ Việt Nam. Và đó là trách nhiệm chung của tất cả mọi người Việt Nam yêu nước hôm nay.

Chú thích:

(*) những dấu * trong bài viết này tôi xin được trở lại kỹ hơn trong những lần tới, khi có điều kiện

VIỆT NAM VÀ SỰ ĐỔI MỚI

Phần I - Phải chăng công cuộc đổi mới là do Đảng khởi xướng?

1- Bức tranh đất nước sau đổi mới:

Đại hội 6 ĐCS Việt Nam được tiến hành tại Hà Nội tháng 12.1986 đã thông qua đường lối đổi mới kinh tế. Mục đích của nó là nhằm tạo ra một cơ chế kinh tế mới, thay thế cho cơ chế chỉ huy tập trung, quan liêu, bao cấp cũ. Chỉ một thời gian ngắn sau khi đường lối mới đi vào cuộc sống thì ai cũng thấy rõ là đã có một sức sống mới bùng lên thật mạnh mẽ trên khắp mọi miền đất nước. Thậm chí nó còn gây ngỡ ngàng với chính những người đã từng biểu quyết thông qua nó.

Nhìn chung dư luận cả trong, ngoài nước đều đánh giá cao và hết sức ca ngợi bước chuyển biến đầy tích cực này của Việt Nam. Mọi tầng lớp nhân dân hết thảy đều vui mừng, vì kể từ nay tuy vẫn còn những khó khăn, ràng buộc của cơ chế cũ. Nhưng về cơ bản thì cơ chế mới đã xác lập được quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh của các đơn vị và cá nhân người lao động. Điều này tạo nên một xung lực lớn, làm cho năng suất lao động trong tất cả các ngành vốn bị tụt dốc thảm hại trước đó, nay đã được phục hồi và tăng dần lên. Nhiều ngành nghề truyền thống của cha ông những tưởng rồi sẽ bị thất truyền theo năm tháng cũng đã được hồi sinh. Nhiều sản phẩm, dịch vụ mới ra đời, nhiều thị trường mới được khai mở, v.v.

Ngành lương thực có thể được coi là một ví dụ điển hình chứng minh cho bước chuyển biến này:

- Sản xuất lương thực: từ chỗ lương thực bị thiếu thường xuyên, có khi là rất nghiêm trọng thì nay đã có đủ và bắt đầu có tích lũy. Chẳng những đồng bằng sông Cửu Long - khu vực thường sản xuất hơn 50% tổng sản lượng lương thực quốc gia có tích lũy, mà cả miền Bắc và miền Trung cũng có tích lũy. Cuộc họp của bộ chính trị ĐCS Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh chiều ngày 7.5.1989 đã có một quyết định mang ý nghĩa chiến lược: cho phép Việt Nam xuất khẩu gạo, và ngay trong năm ấy cả nước đã xuất được 1,4 triệu tấn.

- Kinh doanh lương thực: khi phần lớn những trạm kiểm soát hàng hóa được lệnh dẹp bỏ thì hạt gạo Việt Nam như được chấp cánh bay. Gạo đi về những bản làng xa xôi, tới tận những hang cùng ngõ hẻm, gạo leo lên những tầng lầu cao và gạo ra nước ngoài. Tất cả những biến đổi kỳ diệu ấy là do sự vận động tự nhiên của các quy luật trong kinh tế như: quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, v.v... chứ không cần phải nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng cho ai như đã làm trước đó.

Ở trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội tình hình cũng rất đáng mừng: nhân dân đã được phép đi lại, cư trú, nói năng, hành đạo,... tự do hơn trước. Nhiều sinh hoạt văn hóa mang đậm đà bản sắc dân tộc vốn không được khuyến khích trước đó cũng đã được phép xuất hiện trở lại. Chẳng hạn như hội Lim - Hà Bắc : năm 1987 đã có quyết định của Bộ Văn Hóa - Thông Tin cho phép được chính thức mở lại. Nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời trong thời kỳ này được công chúng đón nhận nồng nhiệt, vì chúng đã bắt đầu nói lên được những tâm tư sâu lắng của thân phận con người, v.v...

Với một bức tranh xã hội rõ ràng là đã sáng sủa hơn trước. Có rất nhiều bài viết, tổng kết, báo cáo của những người có trách nhiệm trong ĐCS Việt Nam, các nhà nghiên cứu, v.v... được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước, phần lớn thường có chung một kết luận :

“Công cuộc đổi mới là do Đảng khởi xướng mà công đầu thuộc về trí tuệ tập thể của Bộ chính trị và Ban chấp hành trung ương ĐCS Việt Nam”.

Trong bài nhan đề: *Đôi Điều Suy Nghĩ Về Vận Mệnh Của Chủ Nghĩa Xã Hội*, ra tháng 7 năm 2000, ủy viên Bộ chính trị ĐCS Việt Nam khoá 8, chủ tịch Hội đồng lý luận T.Ư. Nguyễn Đức Bình cũng đã viết : “... Việc thực hiện NEP ở Nga, công cuộc đổi mới ở Việt Nam, công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc, đều do ĐCS khởi xướng và lãnh đạo, đều nhằm mục tiêu

xây dựng CNXH...” (xem website www.nhandan.org.vn - mục Diễn Đàn) .

Theo tôi, không ai có thể phủ nhận được vai trò của rất nhiều người trong Đảng mang tinh thần đổi mới từ các cấp ủy ở cơ sở lên tới trung ương, trong đó kể cả vai trò quan trọng của hai cố tổng bí thư Trường Chinh (giai đoạn từ tháng 7 - 12.1986) thay cho cố tổng bí thư Lê Duẩn từ trần, và Nguyễn Văn Linh (từ 12.1986 - 1991) đã thúc đẩy cho đường lối mới được thông qua. Nhưng để có một cái nhìn khách quan và thực tiễn hơn, chúng ta cần quay lại với bối cảnh lịch sử lúc ấy.

2 - Bối cảnh lịch sử trước đổi mới :

a) Bối cảnh quốc tế:

Tháng 3 năm 1985, khi Mikhail Gorbachev nhậm chức tổng bí thư ĐCS Liên Xô, thì một năm sau đó ông đã đề ra hai chính sách lớn là: Công Khai và Xây Dựng Lại (Glasnost và Perestroika). Chúng bao gồm cả những vấn đề đối nội và đối ngoại của Liên Xô. Một trong những thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại ấy là: đã đến lúc Liên Xô không thể chịu đựng được mãi những gánh nặng quá sức cho các nước đàn em trong phe XHCN được nữa. Vì Liên Xô cũng có biết bao khó khăn nội bộ cần phải giải quyết, nhân dân Liên Xô cũng thiếu thốn trăm bề và cái chính là sự bao cấp kia quá ư vô lý, không biết đến bao giờ mới chấm dứt .

Không cần phải trình bày dài dòng, chúng ta cũng thấy được ngay là Việt Nam đã bị hụt hẫng lớn như thế nào cả về vật chất lẫn tinh thần từ sự thay đổi này. Kể cả mất chỗ dựa duy nhất về mặt quân sự lúc bấy giờ. Trong khi sự cấm vận của Mỹ vẫn còn, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc vẫn tiếp tục căng thẳng, mãi đến năm 1991 mới bắt đầu có những cuộc đàm phán cấp chính phủ để bình thường hóa. Việc quan hệ buôn bán với các nước ngoài phe XHCN tuy đã có nhưng chưa đáng kể,... (những viện trợ theo các hiệp định cũ - coi việc hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong toàn bộ chính sách đối ngoại của Đảng thì

vẫn còn hiệu lực thi hành, nhưng những hiệp định mới thì giảm hẳn. Và trong một thời gian dài trước đó 70-80% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam là đến từ Liên Xô và Đông Âu - số liệu của nhà báo Hữu Thọ, UVTU Đảng khoá 8, trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa trung ương - Bản Lĩnh Việt Nam, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội 1997, Tr.193).

b) Bối cảnh trong nước:

Trong báo cáo chính trị của đại hội đảng 6 cũng đã thừa nhận một cách tóm lược như sau:

“...Sai lầm về cuộc tổng điều chỉnh giá- lương - tiền cuối năm 1985 đã làm cho nền kinh tế - xã hội Việt Nam lún sâu vào khủng hoảng, phân phối càng thêm rối ren căng thẳng, vật giá tăng nhanh, ngân sách thâm hụt lớn, lạm phát phi mã; hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp, những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn; ... ; chủ quan nóng vội, bảo thủ trì trệ trong bố trí cơ cấu kinh tế, trong cải tạo và quản lý. Những sai lầm nói trên là rất nghiêm trọng về chủ trương chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện, ...”.

Với những khó khăn to lớn ấy, nhất là sự thay đổi từ phía Liên Xô, đã buộc những người lãnh đạo cao nhất trong ĐCS Việt Nam đứng trước một trong hai sự lựa chọn : Đổi mới hay là sụp đổ.

Và nghị quyết đại hội 6 đã ra đời trong bối cảnh lịch sử như vậy. Nó thực sự là giải pháp cho một tình thế nguy kịch, chứ không phải xuất phát từ một cái nhìn viễn kiến, có cơ sở khoa học.

3 - Động lực nào đã thúc đẩy ĐCS Việt Nam chấp nhận đổi mới?

Nhiều người trong Đảng sau đó đã có ý kiến: “Thôi thì cứ cho rằng tình hình khó khăn đã buộc đảng ta phải đổi mới đi, nhưng nói gì thì nói công cuộc đổi mới vẫn cứ là do Đảng khởi

xuống.

Điều đó thể hiện một tinh thần trách nhiệm cao của ĐCS Việt Nam trước nhân dân”!

Theo tôi ý kiến trên là không có cơ sở để đứng vững. Bởi vì nếu nói về giai đoạn cuộc sống nhân dân chịu nhiều khó khăn nhất, thì phải là trước đó. Cụ thể là trong các năm từ 1976 đến 1981 —

Đó là những năm tháng của mì, khoai, sắn, nui, bo bo. Của cải tảo và kinh tế mới, của quốc hữu hóa, hợp tác hóa, tập đoàn hóa, thủy lợi hóa, công tư hợp doanh hóa một cách tràn lan và của ngăn sông, cấm chợ gặt gạo. Đó cũng là những năm tháng mà lợn, gà, cá trê Phi, chim Cút, v.v “chung sống hòa bình” với người trong những căn hộ chật chội. Ở đó những người chủ gầy gò của chúng chẳng ai ra lệnh, nhưng đã phải tự hạ quyết tâm cho mình: chúng tao có thể bị đói nhưng chúng mày thì nhất định phải được ăn no! Trong bài Đánh Thức Tiềm Lực, nhà thơ Nguyễn Duy cũng đã có những đoạn viết về giai đoạn ấy như sau:

*...Lúc này ta làm thơ cho nhau
đưa đẩy làm chi mấy lời ngọt lạt
ta ca hát quá nhiều về tiềm lực
tiềm lực còn ngủ yên ...
Xin em nhìn kìa - người cuốc đất
(tôi cũng từng chai tay cuốc đất)
cái cuốc theo ta đời này, đời khác
lưỡi cuốc nhỏ nhoi liếm sạch cánh đồng rồi
duôn mình cao
chĩa cuốc lên trời
bỏ xuống đánh phạt
đẹp lắm chú cái tạo hình cuốc đất!
xin em nhìn - người gánh phân, gánh thóc
(tôi cũng từng mòn vai gánh phân, gánh thóc)
kẽo kẹt hai vai một nhịp cầu vồng
đẹp lắm chú cái tạo hình gồng gánh*

*những cái đẹp thế kia em có chạnh lòng không?
cái đẹp gọi về thuở ngày xưa, ngày xưa
nhịp theo tiết điệu chậm buồn
cái đẹp ấy lẽ ra không nên tồn tại nữa!
em có chạnh lòng chăng?
giữa thành phố huy hoàng bạt ngàn quán nhậu
bỗng hiện lù lù chiếc xe hơi chạy than
vết than rơi tóe lửa mặt đường
em có chạnh lòng chăng?
xích lô đạp càng ngày càng nghênh ngang
xích lô máy và xe lam chạy dầu vừa nã đại liên vừa phun khói
độc*

*người đi bộ vừa đi vừa nghĩ về tiềm lực
tiềm lực còn ngủ yên, ...
Thầy giáo giảng rằng
nước ta giàu lắm!...
lớp lớp trẻ con cứ thế học thuộc bài ...*

(bài thơ dài gần 200 câu, được sáng tác trong các năm từ 1980 - 1982, nhưng bị cấm mãi đến năm 1987 mới được in trong tập Mẹ Và Em).

Tình hình nghiêm trọng đến mức mà các cô gái đang tìm chọn người yêu cho mình đã phải tự động “hạ điểm chuẩn tuyển sinh” xuống chỉ còn:

*Một yêu anh có... may ô!
hai yêu anh có cá khô ăn dần
ba yêu rửa mặt bằng khăn
bốn yêu có thuốc đánh răng hàng ngày!...
(khuyết danh)*

Mà không hạ sao được khi “cánh thí sinh” cũng rất “hoàn cảnh” :

*Bắt cởi trần phải cởi trần
cho may ô mới được phần may ô!*

May sao nhờ sự linh hoạt trong việc xử lý tình huống ấy đã

cứu vãn được tình hình, chứ nếu không thì cánh kia cũng đành chịu “thất học”, còn các cô thì cũng không có “học trò”!

Chẳng những là khó khăn về vật chất, mà đời sống tinh thần của nhân dân cũng rất nghèo nàn và bị o ép nặng nề. Người dân không được phép nói công khai về những nỗi buồn của chiến tranh cũng như những nỗi đau trong hòa bình. Bao năm trời đa số họ chỉ dám giữ kín ở trong đầu.

Cố nhà văn - đại tá quân đội Nguyễn Minh Châu trong bài viết *Hãy Đọc Lời Ai Điều Cho Một Giai Đoạn Văn Học Minh Họa* đăng trên báo Văn Nghệ số ra ngày 5.12.1987, đã phần nào nói lên được nỗi sợ hãi ấy của giới văn nghệ sỹ nói riêng và cũng là của nhân dân nói chung: “Rất thảm đối với nhân cách của một người văn nghệ sỹ là hể cầm bút là phải nghĩ đến né tránh, che chắn, rào đón, đối phó...” và “văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? hèn, hèn chú, nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? cái sợ nó làm mình hèn.”.

Đời sống của nhân dân bị khó khăn o ép là vậy, nhưng có lẽ lúc đó những người lãnh đạo cao nhất trong ĐCS Việt Nam đều cho rằng: phe XHCN đang mạnh, Liên Xô dưới thời của cố tổng bí thư L. Brezhnev (1906 - 1982) là rất “hào hiệp”. ĐCS Việt Nam chưa thấy có dấu hiệu nào của sự đe dọa mất quyền lực và do vậy nhu cầu đổi mới cũng... không có cơ sở để phát sinh!

Mọi nỗ lực của đảng lúc ấy được dồn hết vào việc lãnh đạo đất nước thực hiện cho kỳ được đường lối do Đại hội 4 đề ra năm 1976: “...Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng...”. Chỉ có điều là cứ càng nắm vững chuyên chính vô sản bao nhiêu thì cuộc sống của nhân dân lại càng khó khăn, điều đúng bấy nhiêu. (Tất nhiên việc nắm chắc tay súng bảo vệ bờ cõi là cần thiết, nhưng đó là chuyện hoàn toàn khác).

Nhân dân miền Nam chỉ một thời gian ngắn sau ngày 30.4.1975 “được” chia lửa chuyên chính vô sản cùng với đồng

bào miền Bắc của mình, đã chỉ còn biết ngửa mặt kêu trời :

“Mấy ông cái gì cũng muốn bắt (bắt), chỉ có cây cầu là hỏng có thấy bắt.”!

(Trong báo cáo chính trị của đại hội ĐCS Việt Nam lần thứ 5 họp tháng 3.1982 cũng vẫn nhấn mạnh: *“Đại hội khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng XHCN và đường lối xây dựng nền kinh tế XHCN của đại hội 4...”* [đọc bài])

Từ những trình bày trên ta có thể rút ra kết luận: chính nguy cơ đe dọa mất quyền lãnh đạo đất nước mới vừa là nguyên nhân sâu xa, vừa là động lực chính thúc đẩy những người nắm thực quyền trong ĐCS VN buộc phải chấp nhận đường lối đổi mới kinh tế vào năm 1986. Nó tuyệt đối không phải là do “tinh thần trách nhiệm cao của ĐCS VN trước nhân dân” như có người đã nêu ý kiến.

4 - Ai là người đã thực sự khởi xướng công cuộc đổi mới?

Theo tôi đúng là có nhiều ĐVCS mang tinh thần đổi mới nhất là ở cơ sở, nhưng xét trên toàn bộ Hệ thống đảng là chống đổi mới, càng lên cao ở cấp trung ương càng chống mạnh. Bởi vì chính chủ nghĩa Mác - Lê-Nin đã mách bảo họ rằng: nếu từ bỏ cơ chế kinh tế chỉ huy tập trung, thì việc mất quyền duy nhất lãnh đạo đất nước của ĐCS Việt Nam chỉ còn là vấn đề thời gian.

Chính nhân dân ở cả 3 miền Bắc - Trung - Nam mới là những người thực sự khởi xướng công cuộc đổi mới. Họ đã làm điều này khi âm thầm, lúc công khai nhưng rất bền bỉ và quyết liệt từ nhiều năm trước đó. Bởi vì họ đã không thể chịu đựng được mãi cái đói, cái nghèo mà lúc này cũng đồng nghĩa với cái nhục nữa. Và họ đã vùng lên, quyết “xé rào” để bung ra làm ăn sinh sống, bất chấp cái giá mà họ có thể phải trả. Ai không tin điều này xin hãy tìm hiểu thêm câu chuyện của những người nông dân Vĩnh Phú, mà ngay từ năm 1966, khi còn chiến tranh đã đề xuất với ông Kim Ngọc - Bí thư tỉnh ủy lúc ấy một cách làm mới: cho phép khoán sản phẩm cuối cùng trong nông nghiệp tới

từng hộ nông dân (gọi tắt là khoán hộ), nhằm thay thế cho lề lối đi làm theo tiếng kệnh của Hợp tác xã hoàn toàn thiếu sức sống trước đó. Nghị quyết hội nghị thường vụ tỉnh ủy Vĩnh Phú được ra đời sau đó đã phân tích rõ 8 điều lợi của khoán hộ.

Toàn bộ hệ thống Đảng khi biết chuyện đã la hoảng lên và cái “cỗ máy nghiền” kia lập tức vận hành. Những quyết định kỷ luật được tung ra cho những người “dám cả gan” ấy, với các “tội danh” đại loại như : “ Phủ định đường lối hợp tác hóa nông nghiệp, mưu toan phục hồi lại con đường tư hữu của người nông dân.”! v.v... Thế nhưng chân lý cuối cùng lại thuộc về những người bị kỷ luật, chứ không thuộc về những người đã ra quyết định kỷ luật họ. (Cũng cần lưu ý là cấp ra quyết định kỷ luật Bí thư tỉnh ủy tất nhiên phải là cấp trung ương) .

Chính vì có những người nông dân bình thường và những ĐVCS can đảm ấy, cùng biết bao người khác trên khắp đất nước, dám đương đầu với cỗ máy nghiền kia, thì nhiều năm sau mới có chỉ thị 100 của ban bí thư T.Ư mùa xuân 1981 - cho phép khoán sản phẩm cuối cùng trong nông nghiệp đến nhóm và người lao động (nhưng vẫn duy trì hệ thống hợp tác xã). Nghị quyết 10 của bộ chính trị tháng 4.1988 - cho phép giao đất canh tác đã hợp tác hóa để xã viên được trực tiếp sử dụng, v.v... Kết quả là sản lượng thóc cả nước tăng từ 12 triệu tấn năm 1981 lên 15 triệu tấn năm 1987, rồi 32 triệu tấn năm 2000 và nông nghiệp Việt Nam 15 năm qua liên tiếp được mùa, dù có những năm đất nước gặp thiên tai rất nặng.

Ở trong các ngành và lĩnh vực khác, nhân dân cũng phải gánh chịu muôn vàn khó khăn không kém. Nhà viết kịch tài ba Lưu Quang Vũ nay đã mất, xuất phát từ thực tiễn cuộc sống đã viết nên vở kịch Tôi Và Chúng Ta (đạo diễn Nguyễn Đình Nghi - đoàn kịch nói Hà Nội trình diễn), được công chúng cả nước đón nhận nồng nhiệt vào những năm giữa của thập niên 80. Năm tháng đã trôi qua, nhưng những ai đã từng xem nó đều như còn nghe văng vẳng đâu đây những lời của giám đốc một xí nghiệp

công nghiệp - Hoàng Việt, chúng vừa uất ức nghẹn ngào, vừa như muốn thét vào mặt những đại diện của cơ chế cũ: “... Các anh quảng chúng tôi xuống nước bảo chúng tôi bơi nhưng lại trói chân, trói tay chúng tôi lại thì làm sao chúng tôi bơi được?...” và “...Những nguyên tắc được sinh ra là để phục vụ cho cuộc sống, chứ không phải cuộc sống phục vụ cho những nguyên tắc!...”.

Thế nhưng cỗ máy ấy vẫn lạnh lùng quay, nhằm cố bảo vệ cho kỳ được “những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.”! Mọi biến đổi tích cực của đất nước những năm qua một mặt chứng tỏ rằng: sự cần cù, thông minh và khả năng hòa nhập của con người Việt Nam vào một thế giới đang biến đổi hàng ngày là rất đáng khâm phục và tự hào. Nhưng mặt khác nó cũng cho người ta thấy rõ sự kìm hãm và mức độ tàn phá của cơ chế cũ đối với đất nước là khủng khiếp đến chùng nào. (Nếu đem so sánh những thiên tai với những hậu quả mà những “thiên tai” đã trút xuống cho đất nước bao năm trời thì quả vẫn là... chuyện nhỏ!). Bằng chứng là chỉ cần khi ĐCS Việt Nam trả lại cho nhân dân một phần quyền tự do mà họ đã bị tước đoạt trước đó thôi (thông qua cái gọi là: “Cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”!), thì họ hoàn toàn có thể tự đứng vững trên đôi chân của mình. Cho dù nguồn viện trợ đến từ các nước XHCN đã giảm dần, rồi sau đó là gần như mất hẳn.

Từ những trình bày trên ta cũng có thể rút ra kết luận: nếu nói ĐCS Việt Nam đã lãnh đạo công cuộc đổi mới thì đúng (vì có chịu buông ra đâu!). Nhưng nếu lại nói rằng ĐCS Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới là hoàn toàn sai.

5 - Một vấn đề lớn cần làm rõ:

Tuy nhiên trong thực tế lại nảy sinh một điều trở trêu và rất phổ biến là: có nhiều người trong Đảng hôm qua đã từng không từ một thủ đoạn nào để chống lại đổi mới, thì hôm nay dùng một

cái lại nghiêm nhiên trở thành “những chiến sỹ đi đầu trong công cuộc đổi mới”!

Đề cập đến “tính tiên phong” này trong bài Chia Tay Ý Thức Hệ, anh Hà Sĩ Phu cũng đã viết:

“...Bản chất lạc hậu, không tiên phong nhưng muốn giành vị trí tiên phong thì quy trình giành lấy tiên phong phải diễn ra theo 4 bước tuần tự:

Bước 1: thấy cái “tiên phong thật” ngược với mình, nên coi là phản động.

Bước 2: không chống được, đành buông lỏng, để cái “tiên phong thật” tồn tại không chính thức.

Bước 3: thấy cái “tiên phong thật” hữu hiệu, hợp lý nên phải làm theo.

Bước 4: tuyên bố cái “tiên phong thật” ấy là do mình khởi xướng.

Trong thực tiễn “cách mạng” Việt Nam, từ việc to, việc nhỏ đều có thể dẫn ra vô số sự kiện đã diễn ra theo kiểu ấy, tức là lách tặc chạy theo thực tiễn để đoạt lấy tiên phong...”

Tiến trình 4 bước trên làm cho người đọc không khỏi không liên tưởng đến câu chuyện cổ tích Thạch Sanh - Lý Thông của dân tộc!

Một câu hỏi đặt ra là điều gì đã làm cho người ta có thể vơ vào cho mình một chiến công lớn của nhân dân như vậy? Theo tôi câu trả lời thật giản dị: chính thể chế chính trị chỉ có duy nhất một đảng lãnh đạo đất nước đã là “nhân tố chủ yếu quyết định cho thắng lợi ấy”! Những chuyện tương tự nếu là ở các nước có nền dân chủ thực sự, thì dù họ thuộc những đảng đang ở vị trí đối lập hay đảng đang nắm quyền, đâu có rất muốn cũng không thể làm được. Có lẽ chính vì thế mà ở một đoạn khác trong bài trên, anh Hà Sĩ Phu cũng đã viết đại ý:

“Người cộng sản rất thích chơi trò ‘đạo đức’ nhưng không dám chơi trò ‘quân tử’, dùng đạo đức con người có thể lừa cả mình, nhưng khi lòng đã cất lên tiếng quân tử thì con người phải đối diện

với chính lương tâm mình không trốn vào đâu được, bởi nó cụ thể như thế nên đạo đức giả thì dễ nhưng quân tử giả thì không dễ chút nào, thiệt đến quyền lợi sát sườn ngay.” [đọc bài]

Nhưng tôi tin rằng lịch sử rồi sẽ rất công bằng: Thạch Sanh là Thạch Sanh mà Lý Thông là Lý Thông, chú không lẽ nào những gã Lý Thông hôm qua đã từng thả đá lấp hang hại người, lại hết loạt hóa thành những chàng Thạch Sanh vào hang cứu người hôm nay được. Bởi vì như thế thì quá bất công, những bất công đã kéo dài từ suốt nửa sau của thế kỷ 20, rồi nay sang luôn cả thế kỷ 21 này dứt mãi chưa ra. Họ - những gã Lý Thông thời đại ấy đã nêu thêm một gương rất xấu cho dân tộc nói chung và nhất là cho thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay nói riêng.

Phần II - Sự đổi mới hôm nay và một số vấn đề của nó.

1- Về tính duy nhất của đảng cầm quyền :

Có ý kiến cho rằng: hôm nay ĐCS Việt Nam đã quyết tâm đổi mới, mọi việc đều đang biến đổi hàng ngày hàng giờ. Rồi Đảng sẽ mở rộng dân chủ trong nội bộ cũng như ra ngoài xã hội hơn nữa, sẽ cải cách hành chính, trẻ hóa, trí thức hóa đội ngũ của mình và nghiêm túc tiếp thu ý kiến phê bình của mọi tầng lớp nhân dân. Xử lý nghiêm khắc mọi hiện tượng tiêu cực trong Đảng, v.v...

Đất nước nhất định sẽ tiến lên !

Nhưng theo tôi tất cả những thay đổi đó nếu có, cho dù là thực tâm cũng không giải quyết được tận gốc của vấn đề. Bởi vì nguyên nhân sinh ra chúng, xuất phát từ thể chế chính trị là vẫn còn nguyên. (Tức là chỉ có duy nhất một ĐCS Việt Nam lãnh đạo đất nước, được ghi rõ trong điều 4 hiến pháp hiện hành). Vì vậy cái cơ chế do thể chế chính trị ấy sinh ra dứt khoát sẽ không chống được tham nhũng. Cũng chẳng chống được buôn lậu và tất nhiên nó cũng không xóa được những áp bức, bất công trong xã hội đã và đang càng ngày càng sâu sắc, kể cả những bất công trong nội bộ đảng.

(Cứ cộng cộng, trừ trừ một hồi thì ai cũng thấy rõ là chỉ có một thiểu số tìm được những thiên đường, mùa xuân cho họ và gia đình. Còn đại bộ phận dân tộc thì đã phải gánh chịu Những Thiên Đường Mùa, những Mùa Hè Đỏ Lửa thật nát xương tan .) .

Tương tự đối với việc giải quyết những vấn đề lớn khác của đất nước như: xây dựng và thực hiện các quyền tự do căn bản của con người: tự do tư tưởng, báo chí, ngôn luận, tín ngưỡng, lập hội, hòa giải và hòa hợp dân tộc, v.v... nhưng lại phải luôn thỏa mãn nguyên tắc là: “Đoàn kết, thống nhất dưới sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam”! Thì theo tôi chính điều này mới là không tưởng. Vì vậy tất nhiên nó cũng không thể xây dựng được một xã hội dân chủ được đa số nhân dân Việt Nam chấp nhận.

Điều này chẳng những đúng với Việt Nam mà còn đúng với toàn hệ thống XHCN nói chung, hãy lấy trường hợp Cu Ba với vấn đề tuổi tác làm ví dụ:

Năm 1959 - khi Fidel Castro và các đồng chí của ông tiến hành khởi nghĩa vũ trang, lật đổ được chế độ Batista và sau đó bắt đầu công cuộc xây dựng CNXH ở Cu Ba, thì tuổi đời của họ đều chỉ trên dưới 30, nghĩa là còn rất trẻ. Nhưng không phải vì thế mà hôm nay sau hơn 40 năm, những người cộng sản của nước này đã xây dựng được một nền dân chủ thực sự, nếu như không muốn nói là ngược lại: sự độc tài. Thậm chí chính những người trẻ tuổi một khi đã nắm được quyền lực rồi lại có nhiều cơ sở để “yêu tha thiết” chế độ độc đảng hơn cả, bởi vì là trẻ hơn nên thời gian nắm quyền lực của họ cũng sẽ lâu hơn. Ở Việt Nam, trước những quốc nạn tham nhũng và buôn lậu ngày càng lan tràn như hiện nay, đã làm cho nhiều người dân cùng có chung một suy nghĩ: ông nào lên thì cũng vậy thôi. Có khi cứ để mấy ông già làm lại còn đỡ hơn, vì các ông ấy... ăn đủ rồi nên biết đâu các ông ấy còn... thương dân! Chứ bây giờ lại đưa mấy “bố trẻ” lên, các bố ấy ăn chưa đủ thì còn báo dân, hại nước nữa!

Theo tôi bất cứ một hệ thống quyền lực nào từ cổ chí kim, nếu nó chỉ được xây dựng bởi một lực lượng chính trị duy nhất,

lại không có khả năng thay thế, thì dầu ban đầu lực lượng ấy được tập hợp bởi đa số những con người có tấm lòng trong sáng, sự dấn thân và cùng có chung một lý tưởng cao đẹp cũng không bao giờ trở nên tử tế lên được, chắc chắn cùng với thời gian nó sẽ dẫn tới sự thoái hóa, biến chất của toàn bộ hệ thống. Bởi vì là duy nhất nên nó không thể tạo được một “Cơ Chế Hãm thực sự hữu hiệu: một khi mà anh luôn được nắm quyền lãnh đạo” trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối” đất nước; lại “cương quyết không chia sẻ với ai”! Thì dù “tam quyền” có “phân lập” theo kiểu gì rồi cũng nhập một mà thôi. Ví dụ ở Việt Nam, dù luận cũng thường bàn tán rằng: mỗi lần có những vụ án lớn mang tầm cỡ quốc gia thì trước khi tòa nghị án, lại nghe Bộ chính trị... họp khẩn!

Nền dân chủ hiện đại đã tìm ra những công cụ rất sắc bén để tạo ra một cơ chế hãm hữu hiệu lên đảng nào đang cầm quyền. Đó là những lá phiếu của cử tri - những người đóng thuế. Là sự kiểm tra, kiểm soát và chất vấn thường xuyên của các đảng đối lập. Là vai trò quan trọng của giới truyền thông, v.v... để nếu đảng cầm quyền có làm sai điều gì, thì cũng sớm bị phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Nhưng ở các nước XHCN thì tất cả những công cụ trên hoặc là không được phép xuất hiện, hoặc nếu có thì cũng thường chỉ là hình thức, mang nặng tính trình diễn. Do vậy đã nảy sinh một mâu thuẫn rất dễ nhận ra là: khi những nghị quyết của ĐCS ban hành thì chúng tác động, ảnh hưởng lên toàn xã hội, tức là rất mở. Nhưng khi đề cử và bầu nhân sự của Đảng - những người sẽ làm và thông qua những nghị quyết kia, thì lại là “công việc nội bộ của đảng” - tức là rất đóng và tất nhiên là họp kín!

2- Kiên trì với tính định hướng XHCN - những mâu thuẫn giữa quan điểm và thực tiễn :

Trong chương trình cầu truyền hình đón chào năm 2000, khi điếm qua những sự kiện lớn trên thế giới của thế kỷ thứ 20 vừa qua, một nữ phát thanh viên của Đài truyền hình trung ương đã đọc một đoạn văn sau đây:

“... Vào thập kỷ cuối của thế kỷ, những biến động xã hội dẫn đến sự tan rã của hệ thống XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu, tuy nhiên phải nói rằng đây chỉ là cuộc khủng hoảng của những mô hình phát triển, chứ không phải là thất bại của CNXH như một hình thái kinh tế - xã hội. Những mô hình phát triển trung thành với ý tưởng của CNXH và mang bản sắc riêng vẫn đang phát triển thành công ở Trung Quốc hay Việt Nam. Các nước TBCN cũng đang phải tự điều chỉnh mọi phương diện để tự tồn vong. Biểu hiện là con đường thứ 3 hay Chủ nghĩa tư bản màu hồng đang lên ngôi ở một loạt nước Tây Âu...”!

Hãy khoan nói đến cách lập luận luẩn quẩn theo kiểu “con kiến mà leo cây đũa” của đoạn văn trên, (Có người còn nhận xét là nó tuy nghèo cơ sở thực tiễn, nhưng lại rất giàu “tinh thần” ... cà cuống!) mà chỉ nói đến nội dung của nó: con đường thứ 3 nào, CNTB màu hồng nào đang lên ngôi? Và cái gọi là “bản sắc riêng” của Trung Quốc hay Việt Nam hôm nay là gì? Cũng lại thôi không nói đến chuyện đúng hay sai của “Chủ nghĩa xã hội khoa học” nữa. Nhưng thử hỏi xem, cả Trung Quốc lẫn Việt Nam hôm nay còn thực sự trung thành được bao nhiêu phần trăm với những “Ý tưởng của CNXH” mà những nhà cộng sản tiền bối đã vạch ra, còn lại bao nhiêu phần trăm là của thứ “Tư bản lưu manh và bệnh hoạn”? (chữ của anh Hà Sĩ Phu) .

Cũng cùng một quan điểm trên, trong dự thảo nghị quyết đại hội ĐCS Việt Nam lần thứ 9, đang được đưa ra cho nhân dân đóng góp ý kiến, thì quan điểm bao trùm có tác dụng quyết định đến phương hướng, nhiệm vụ của cả đất nước trong giai đoạn tới vẫn cứ là:

“...Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, xong loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới CNXH vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử...”! Hay nói tương tự như Lê-Nin hồi đầu thế kỷ trước: “*Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là cái phòng chò của chủ nghĩa xã hội!*”!

Nhưng chúng ta hãy thử hình dung một chút: nếu đúng là

quy luật tiến hóa của lịch sử diễn ra như vậy, thì một ngày nào đó nước ta sẽ từ một nước đang đi đằng đuôi sẽ nhảy phắt lên hàng đầu! (Theo những số liệu điều tra gần đây thì Việt Nam xếp hàng thứ 8/13 nước nghèo nhất hành tinh. Túc cũng thuộc một trong những nước thuộc khối “G8”, nhưng là sắp theo thứ tự từ dưới lên!).

Để một lần nữa, Việt Nam lại tiếp tục được gánh vác cái “sú mệnh mà lịch sử giao phó” là dẫn dắt nhân loại tới cái tương lai tươi sáng kia! cái tương lai mà không hiểu vì sao nhân loại “chậm hiểu” này ngồi mãi trong cái “phòng chờ” ấy nhưng vẫn không chịu nhận ra!

Chỉ có điều trước khi được hưởng cái hạnh phúc “vui gì hơn làm người lính đi đầu” ấy, thì dân tộc ta vẫn phải trải qua “những bước quanh co”, vẫn phải “đẩy mạnh hơn nữa nhiều mặt công tác”. Trong đó có công tác xuất khẩu lao động sang các nước “Tư bản đang giãy chết”! phải làm sao để những chiếc “vòi bạch tuộc” ở chính quốc kia “cơ bản hoàn thành” việc hút cạn kiệt sức lực dân ta thì lúc ấy “xét về thực chất” nhân loại đã có chủ nghĩa xã hội!

Quả thật, vẫn biết là mình không phải, nhưng nhiều khi tôi vẫn cứ thâm trách hồn thiêng sông núi sao mãi không về để phù hộ cho dân tộc thoát ra khỏi cơn mê này. (Trong hội nghị về xuất khẩu lao động kéo dài 2 ngày 8 và 9.6.2000 tại Hà Nội. Thủ tướng Phan Văn Khải tuyên bố: “... Xuất khẩu lao động và chuyên gia là một chiến lược trước mắt và lâu dài...”, và cũng theo nguồn tin từ báo chí trong nước thì năm 2000 Việt Nam đã xuất khẩu được 38.000 lao động. Dự kiến chỉ tiêu thực hiện năm 2001 sẽ là 50.000 người) .

Dĩ nhiên nói như vậy không có nghĩa là tôi phản đối việc xuất khẩu lao động. Bởi vì có khi đây là cứu cánh cuối cùng của nhiều gia đình Việt Nam hôm qua và hôm nay. Mà chỉ muốn nói lên sự mâu thuẫn giữa quan điểm của những người bảo thủ trong ĐCS Việt Nam với thực tiễn cuộc sống. Chính môi trường chính

trị đã và đang diễn ra trên đất nước ta mới là nguyên nhân sâu xa, khiến cho những người lao động Việt Nam phải chịu muôn vàn đắng cay ở ngay trong nước cũng như khi ra nước ngoài. Ai không tin điều này xin tìm hiểu thêm tình trạng của những người công nhân Việt Nam trên đảo Samoa thuộc Mỹ, mà báo chí trong nước gần đây cũng có đăng tải, hoặc tìm hiểu thêm rất nhiều ví dụ khác đã phát sinh trong các xí nghiệp do người Nam Hàn, Đài Loan, v.v... làm chủ ở Việt Nam hiện nay.

Theo tôi hệ thống XHCN đã có một giai đoạn hội được những điều kiện tốt nhất để thực hiện những ý tưởng cộng sản của mình. Đó là những năm từ đầu thập niên 50 đến cuối thập niên 70 của thế kỷ 20 vừa qua. Vì lúc ấy là còn cả một hệ thống với rất nhiều con người tin vào sự tất thắng cuối cùng của nó, một lòng một dạ đi theo. Nhất là lớp trẻ với tấm gương sáng ngời của chàng thanh niên Nga - Paven Corsaghin cổ vũ (nhân vật trong cuốn tiểu thuyết Thép Đã Tôi Thế Đây).

Tất cả đều “hăng hái tiến lên dưới ngọn cờ của Đảng tiên phong và của lãnh tụ tối cao.”! Thậm chí ở Trung Quốc khi “Người cầm lái vĩ đại” bảo làm thép thì người người làm thép, nhà nhà làm thép. Bảo đi diệt chim sẻ thì cả nước ra quân đi săn lùng, tận diệt cho kỳ được đàn chim tội nghiệp kia.

Ở Việt Nam cũng vậy, có những lúc, những nơi người ta đã từng đưa ra khẩu hiệu:

“Bát cơm, quả cà cộng với tinh thần cộng sản chủ nghĩa để xây dựng chủ nghĩa xã hội”! Rất nhiều người lương thiện với nhiệt tình cách mạng cao độ đã không nề hà gian khổ và quyết đấn thân; tất cả những điều được cho là “phi XHCN” thuộc mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đều bị bao vây, ngăn chặn, thậm chí còn bị bức hại trên quy mô toàn hệ thống. Tức là mọi điều kiện cho “cuộc thực nghiệm” những ý tưởng của CNCS đều đã được thỏa mãn với khả năng cao nhất có thể. Xong một khi đã “tận nhân lực” đến như vậy rồi mà kết cục vẫn là sự sụp đổ của tất cả các nước Đông Âu và Liên Xô, thì vấn đề là phải

lật ngược những “hòn đá tảng” kia lên xem ở bên dưới nó là cái gì? (Đấy là chưa kể đến cái gọi là nước Campuchia Dân Chủ dưới thời của bè lũ PolPot - Ieng Sary được chính quyền Bắc Kinh giật dây và nuôi dưỡng. Ở đó nếu ai không chịu tuân theo lệnh họ thì cứ lấy cuốc mà bổ vào đầu nhau, nhằm xây dựng một thứ “CNXH thuần khiết”! Khiến cho chỉ trong 4 năm từ 1975 - 1979 đã có khoảng 1.5 - 1.7 triệu người bị giết, chiếm 20% dân số nước này.)

Do vậy sẽ thật là nhân tâm và độc ác với những ai ở Việt Nam, đến hôm nay rồi mà vẫn còn mưu toan đem cả dân tộc ra để thực nghiệm tiếp những ý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-Nin. Bằng cách đó họ đã làm cái công việc giống như của tầng lớp vua quan phong kiến nhà Nguyễn gần 2 thế kỷ trước: luôn trung thành một cách mù quáng với Khổng Tử, Mạnh Tử. Một lòng một dạ hướng về “Thiên triều”, để rồi đất nước đã bỏ lỡ chuyến tàu văn minh công nghiệp xuất phát từ phương Tây, dân tộc tiếp tục chìm đắm trong đói nghèo lạc hậu, và sau đó là bị người Pháp đô hộ gần 100 năm.

Có điều là những vua quan nhà Nguyễn xưa thì thực sự tin rằng: “Cái bọn Phú Lang Sa, bọn Tây Phương kia là man di mọi rợ.” Chứ không phải như nhiều người trong tầng lớp vua quan thời nay, dù chẳng còn mảy may tin gì vào các cụ Mác, Lê nữa, nhưng cứ vờ vờ vịt vịt để đánh lừa cả một dân tộc. Họ chính là những người luôn tìm cách chơi trò “đạo đức” với nhân dân: miệng thì nói rằng lấy dân làm gốc, nhưng thực chất là họ chỉ muốn lấy gốc làm thớt mà thôi! Đây mới là điểm khác nhau lớn giữa người xưa và người nay cần làm rõ. Dĩ nhiên tôi không có ý nói đến những người cộng sản chân chính mà tôi luôn kính trọng. Thực tế thì đa số họ cũng đều đã thuộc tầng lớp bị trị rồi. Bởi vì cái hệ thống “sàng” kia rất tinh khôn và lão luyện trong việc “lọc” người.

Chúng ta cũng nên khách quan mà nhìn nhận rằng trong số bốn nước XHCN còn lại, thì chính hai nước Cu Ba và Bắc Triều

Tiên (Bắc Hàn) mới thực sự là “chính chuyên” với những ý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-Nin hơn cả. Nhưng hôm nay đời sống của nhân dân hai nước này khó khăn như thế nào ai mà không biết. Còn với Trung Quốc và Việt Nam thì động lực chính làm nên sự chuyển biến tích cực trong những năm qua, là do sự vận hành của cơ chế thị trường, dựa trên căn bản sự tư hữu về tư liệu sản xuất. Là sự tiếp nhận nguồn vốn và công nghệ, mà chủ yếu là đến từ các nước TBCN, chú đầu phải là xuất phát từ “*quyền làm chủ tập thể XHCN của nhân dân lao động*”? (cái điều mà cả hai dân tộc đã buộc phải lao vào xây xây, đắp đắp bao năm trời, tốn biết bao mồ hôi công sức, kể cả cơ man nào là máu và nước mắt. Nhưng rồi cuối cùng thất bại vẫn hoàn thất bại.)

Những năm qua tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của cả 2 nước đều đạt khá cao (từ 5 đến 10% / năm), nhưng đây là điều bình thường đối với những nước mới bước vào giai đoạn phát triển. Điều này 30-40 năm về trước, các nước trong khu vực cũng đã trải qua khi họ được tiếp nhận nguồn vốn và công nghệ của Mỹ và các nước phương Tây, v.v... Nhưng cùng với thời gian, tỷ lệ trên sẽ giảm dần theo quy luật. Rất nhiều người đã bị nhầm lẫn về tính “ưu việt” này.

Một sự nhầm lẫn tương tự và cũng rất phổ biến là nếu lại đi so sánh mức sống chung của nhân dân hay của bản thân mình hôm nay với thời kỳ trước đổi mới. Thậm chí còn là trước Cách mạng tháng Tám năm 1945! rồi lấy đó làm sự hài lòng.

3- Vấn đề nhận thức lại:

Theo tôi vấn đề là phải làm sao thoát ra được phương pháp tư duy xưa, cùng những vùng miền của não trạng cũ. Một khi đã thoát ra được rồi thì chúng ta hãy thử đặt ra cho mình những câu hỏi sau :

- Vì sao trước đây, năng suất lao động trong những mảnh ruộng 5% mà các hộ xã viên được tùy ý sử dụng lại luôn cao hơn năng suất trên những cánh đồng hợp tác xã nông nghiệp Việt

Nam, chiếm tới 95% quỹ đất đai còn lại? (Thường là ở miền Bắc.).

- Ai đã tạo ra cái cơ chế cũ và duy trì nó bao năm trời? Để ngày nay mỗi khi nhớ về nó ta vẫn thường chặc lưỡi: ôi cái “thời bao cấp” ấy mà, nhắc lại làm gì!

- Nếu anh bị người ta trói lại, rồi nay do tình thế họ buộc phải nói lỏng cho anh một chút, anh vội vàng cảm ơn họ như ơn cứu mạng thì điều đó có ổn không?

- Nếu như trước kia, khi Việt Nam xây dựng CNXH còn cả một hệ thống XHCN hỗ trợ, kết cục ra sao đã quá rõ ràng. Còn nay trong cảnh “chợ chiều” này - khi toàn hệ thống đã tan đàn, xẻ nghé mà vẫn cứ phải tiếp tục “định hướng” vào đấy thì rồi đất nước sẽ đi về đâu? (Hay ta cứ làm theo lời dạy của Lê-Nin là: “... Muộn tiền đề từ các nước tư bản phát triển” để vừa được việc ta, vừa kết hợp “đào mỏ” chôn họ luôn? Vì đảng nào thì những mâu thuẫn vốn có của CNTB cũng có giải quyết được đâu. Đảng nào thì lịch sử cũng sẽ tìm ra con đường đi cho mình, cuối cùng tương lai của nhân loại cũng sẽ thuộc về CNXH thôi!).

Riêng tôi thì không nghĩ rằng những nhà tư bản từng dày dạn bao năm trời trên thương trường quốc tế, lại kém thông minh hơn những trò lấu cá vật của ta.

- Tại sao hễ cứ càng “định hướng XHCN” bao nhiêu thì tốc độ tích lũy tài sản của các nhà tư bản đồ thời nay lại càng tăng vọt lên bấy nhiêu? Tại sao chống buôn lậu và tham nhũng không đạt hiệu quả? Tại sao mọi chiến dịch “Xây dựng và chỉnh đốn đảng” đều đã bị đánh trống bỏ dùi, đầu voi đuôi chuột? (Theo một cuộc khảo sát gần đây của Tổ Chức Tư Vấn Về Các Rủi Ro Chính Trị Và Kinh Tế (P.E.R.C), có trụ sở đặt tại Hồng Kông đã cho ra kết quả: Việt Nam đứng đầu trong bảng sắp hạng các nước có guồng máy hành chính công kênh, kém hiệu quả và khó làm ăn nhất thuộc khu vực châu Á, với O điểm là không có khó khăn, 10 điểm là khó khăn tối đa, nước ta đạt 9. 5 điểm!).

Ở trong lĩnh vực văn hóa - thông tin cũng vậy :

- Vì sao những chuyện rất nên kể cho nhân dân biết, ví dụ như Chuyện Kể Năm 2000 của nhà văn Bùi Ngọc Tấn thì lại bị cấm? Còn chuyện “vơ vào” nói ở phần I, vốn bị ông bà ta ngày xưa rất ghét, cho là điều cấm kỵ với con cháu thì lại cứ kể, mà lại còn kể rất nhiều và rất dai? [đọc bài]

- Vì sao với những biến động lớn về tôn giáo, sắc tộc, đất đai, v.v... diễn ra gần đây ở Huế và một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên thì báo, đài lại chỉ cho đăng những ý kiến phê phán những người đã tham gia vào đấy? Thế còn những ý kiến ủng hộ họ có hay không? Nếu có tại sao không cho đăng? Có phải họ là “*Những phần tử lợi dụng quyền tự do dân chủ của nước CHXHCN Việt Nam*” để chuyên gây rối. Rồi lại bị “*Các thế lực thù địch từ bên ngoài kích động và giật dây,*” v.v... hay họ là những tầng lớp nhân dân bị áp bức, bóc lột quá lâu ngày, nay không thể chịu đựng được nữa và quyết vùng lên đấu tranh?

- Vấn đề cũng tương tự đối với loạt bài của nhà báo Nguyễn Như Phong đăng trên tờ An Ninh Thế Giới hồi tháng 1 năm 2001 vừa qua, với những chỉ trích nhắm vào các ông Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh. Theo tôi chưa nói đến chuyện đúng sai thuộc về ai, nhưng ít ra là sau đó, nếu không phải là tờ ANTG thì cũng nên là một tờ báo khác tạo cơ hội cho họ được tự bảo vệ, như vậy mới là phải lẽ. Chứ nếu lại đi “*hướng dẫn dư luận*” bằng cách anh thì được quyền viết, nói và đăng báo thoải mái, còn tôi thì bị trói tay, bịt miệng lại, thì lo gì mà anh không “*toàn thắng*”?

Với điều kiện “*đấu tranh với địch*” thuận lợi như thế thì cũng sợ gì mà không tạo ra những người cầm bút đã viết một câu nịnh rồi lại viết tiếp những câu nịnh nữa, chứ làm gì có nửa câu trung nào! Ai là Mặt Thật còn ai là Mặt Nạ đây? Thông tin như vậy là đa chiều, hai chiều hay chỉ có một chiều? v.v...

Nếu mở rộng tầm nhìn hơn nữa, ta có thể đặt tiếp những câu hỏi sau :

- Vì sao nếu đem các cặp Đông và Tây Đức, Bắc và Nam Triều Tiên, Trung Quốc lục địa với Đài Loan, Hồng Kông, Ma

Cao ra để so sánh, thì ưu thế rõ ràng là nghiêng hẳn về các vế sau? (Xét cả về mức sống, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.) - “Đó là những lẽ phải không ai có thể chối cãi được”! (Những lời trong Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 2.9.1945) .

- Vì sao chúng ta chỉ thấy những dòng người di cư từ những vùng đất “1 triệu lần dân chủ hơn” sang những vùng đất đối nghịch phía bên kia, mà không phải là ngược lại?

- Vì sao người Mỹ lại chọn Việt Nam mà không phải là một nước nào khác làm điểm nóng để nhảy vào can thiệp từ đầu thập niên 50 của thế kỷ thứ 20 vừa qua? Liệu có đúng là do nguyên nhân :

“Để quốc Mỹ vì sinh sau đẻ muộn nên phải đi xâm chiếm thêm thuộc địa, nhằm thiết lập nên một thứ chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở Việt Nam” hay là do những nguyên nhân nào khác? v.v...

Và một khi đã giải đáp được cho mình những câu hỏi đó rồi, thì chúng ta cũng tự giải đáp được luôn sự mâu thuẫn giữa quan điểm: “Xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN” với thực tiễn hôm nay. Nó vì dân tộc hay chỉ vì một thiểu số nắm đặc quyền, đặc lợi? (Chưa kể đến việc nó còn mâu thuẫn với bất cứ một luận điểm nào trong học thuyết của Mác. Ai còn không tin cứ mang bộ Tư Bản Luận của ông ra mà đối chiếu.)

Cũng cần nhắc lại rằng vào tháng 8 năm 1989, tức là chỉ 3 tháng trước khi bức tường Berlin ở Đông Đức sụp đổ, “Cuộc Cách Mạng Nhung” ở Tiệp Khắc giành được toàn thắng (tháng 11.1989), v.v... thì tại hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ ĐCS Việt Nam khóa 6, đã ra một nghị quyết có tên là Một Số Vấn Đề Cấp Bách Về Công Tác Tư Tưởng Trước Tình Hình Trong Nước Và Quốc Tế, trong đó ngay ở điều 1 ghi rõ: “...Khẳng định tính tất yếu lịch sử của CNXH và những thành tựu vĩ đại của hệ thống XHCN thế giới...”!

Điều này khiến cho mọi người dân Việt Nam quan tâm đến vận mệnh đất nước lại càng thấy lòng mình như có lửa đốt: một

khi mà trí tuệ của cả một BCHTU vốn được coi là đổi mới, thế mà gần 3 năm sau còn đưa ra một nhận định lớn, có kết quả bị thực tiễn phủ nhận ngay như vậy, thì nội BCH ấy chỉ đại diện cho ĐCS Việt Nam không thôi cũng đã không xứng đáng rồi. Chứ nói gì đến chuyện lại còn đại diện cho trí tuệ và bản lĩnh của cả một dân tộc?

Nguy cơ ấy nay còn không? Với tất cả những gì đã và vẫn đang diễn ra và với phát biểu sau đây, tôi cho rằng chẳng những nó vẫn còn, mà lại còn lớn hơn nữa:

“Thế kỷ 20, dân tộc Việt Nam đã đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn đất nước, quá độ đi lên CNXH. Thế kỷ 21, chúng tôi quyết tâm bảo vệ vững chắc nền độc lập, thống nhất của tổ quốc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, tiếp tục đi theo con đường đã chọn dù 50 năm, 100 năm hay lâu hơn nữa, chúng tôi cũng không bao giờ nao núng, CNXH nhất định thành công.”!

(phát biểu của TBT Lê Khả Phiêu tại hội thảo quốc tế Việt Nam Trong Thế Kỷ 20 - tháng 9 năm 2000 - website: <http://www.mofa.gov.vn> , phần chính sách ngoại giao/ phát biểu và diễn văn.)

Nghĩa là giả sử một đứa trẻ được sinh ra vào đầu thế kỷ 21 này, thì đến cuối thế kỷ khi tròn 100 tuổi, có thể nó vẫn chưa nhìn thấy mặt mũi của CNXH ra sao cả! Biết đâu trước lúc lâm chung, nó lại vẫn “được” nghe một ông TBT ĐCS Việt Nam nào đó lúc ấy (của Đại hội lần thứ 29 chẳng hạn!) tiếp tục thao thao rằng: “Chúng tôi sẽ không bao giờ nao núng”, “chúng tôi sẽ tiếp tục đi theo con đường đã chọn dù 50 năm, 100 năm hay lâu hơn nữa, CNXH nhất định thành công.”!

Đi với tốc độ ấy là “...Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH...” hay là cứ nhẩn nha, đứng đĩnh mà đi? Theo tôi, họ là những người đã mất hẳn mối liên hệ với nhân dân. Họ không còn biết, hoặc cố tình không biết nguyện vọng tha thiết của đại bộ phận dân tộc hôm nay là gì nữa rồi .

4 - Suy nghĩ thêm về một ý kiến đã đề xuất :

Với mong muốn được góp sức mình cùng với nhân dân tìm lối ra cho đất nước, trong bài Việt Nam Đất Nước Tôi viết tháng 6 năm 2000, tôi có nêu ý kiến đề nghị tổ chức một cuộc Trưng Cầu Dân Ý ở Việt Nam với câu hỏi: Việt Nam nên hay không nên theo chế độ đa đảng?

Tôi cho rằng để giải quyết được tận gốc những quốc nạn của đất nước hôm nay và cũng để mở đường cho đất nước tiến lên, thì cách tốt nhất là hướng tới một nền dân chủ đa nguyên đích thực, trong đó yếu tố đa đảng là không thể thiếu được.

Dĩ nhiên tôi cũng không chủ quan cho rằng sự đa đảng như một chiếc chìa khóa vạn năng mà có nó là có tất cả, nhưng nó là điều kiện cần . Bởi vì chỉ khi dựa trên nền tảng ấy nó mới tạo được tiền đề cho những bước dân chủ tiếp theo. Từ đó mới có đủ điều kiện để lựa chọn được những con người, những lực lượng chính trị tốt nhất, tùy theo từng giai đoạn phát triển của đất nước. Bởi vì cuộc sống vốn đa dạng và biến đổi hàng ngày hàng giờ, chứ không phải là giáo điều và cứng nhắc như những gì mà Mác đã nêu ra từ hơn một thế kỷ rưỡi qua. Nếu xét trên bình diện quốc gia để đánh giá, sự đa đảng khi nó có, nhất định sẽ làm cho đất nước tốt hơn. Dân tộc đoàn kết hơn, chứ không thể xấu đi được.

Còn một khi những giải pháp được đưa ra cứ theo kiểu chấp vá, nửa vời như hiện nay, (tức là chỉ chấp nhận đổi mới kinh tế nhưng cương quyết không chấp nhận đổi mới chính trị) do xuất phát từ việc luôn đặt quyền lợi của ĐCS Việt Nam lên trên hết, thì nó không thể chống, cũng chẳng thể xây được cái gì cho đến đâu, đến đâu. Chính nó là nguyên nhân lớn nhất, sâu xa nhất đã và đang từng ngày, từng giờ triệt phá biết bao sức lực, tiền bạc của nhân dân cùng tài nguyên, vốn vay mượn,... của đất nước. Thậm chí có khi phải chịu nhượng bộ cả những vùng lãnh thổ hoặc lãnh hải thiêng liêng mà tổ tiên ta để lại cho con cháu hôm nay, như nó đã từng diễn ra trong quá khứ.

Tóm lại nó chỉ làm cho đất nước càng ngày càng tụt hậu

thêm so với thế giới, mất dần những khả năng cạnh tranh vốn đã rất yếu kém trong điều kiện toàn cầu hóa. Để rồi có thể sẽ mãi mãi không ngóc đầu lên được như nhiều nước ở châu Phi hôm nay. (Theo tiến sỹ Lê Đăng Doanh - viện trưởng Viện Nghiên Cứu Quản Lý Kinh Tế Trung Ương; trong một cuộc nghiên cứu gần đây về khả năng cạnh tranh kinh tế, thì Việt Nam đứng thứ 53/ 59 nước được điều tra, tức là tụt đi 5 bậc so với năm 1999).

Ở trong nước những năm qua, trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng đã có nhiều bài viết, nói chuyện của các nhà lãnh đạo trong ĐCS Việt Nam hoặc của các nhà lý luận thường cho rằng:

Sự đa đảng là chỉ phù hợp với những xã hội đã phát triển như ở các nước Bắc Mỹ, phương Tây, Úc, v.v... thôi, chứ dứt khoát nó chưa thể đem áp dụng vào Việt Nam được, do những khác biệt về lịch sử, văn hóa, con người,... và cảnh báo rằng nếu không khéo rồi lại xảy ra mất ổn định chính trị, đi kèm với nó là những xung đột và hỗn loạn, đói nghèo và bệnh tật như nhiều nước châu Phi và một số nước khác. Từ đó đi tới kết luận: Đảng ta cương quyết không chấp nhận đa nguyên, đa đảng!

Theo tôi đây là một vấn đề lớn cần được nhiều người phân tích kỹ hơn, xong cũng chỉ xin lưu ý với những ai có ý kiến này là: nguyên nhân sâu xa của những xung đột, đói nghèo,... ở các nước trên đã có quá trình lịch sử lâu dài từ nhiều trăm năm, thậm chí hàng ngàn năm trước, nhưng khi ấy thì nền dân chủ đa nguyên, cũng như sự đa đảng là chưa hề lộ dạng ở bất cứ nơi nào trên thế gian này.

Hơn nữa với một vấn đề quan trọng liên quan tới sự thịnh - suy của đất nước, thì không thể chỉ căn cứ vào duy nhất một ý kiến như trên được. Nếu đã nói là “không phù hợp” thì tại sao không để cho chính lịch sử ấy, nền văn hóa và dân tộc ấy khẳng định rằng chúng quả là như vậy đi thông qua một cuộc Trưng Cầu Dân Ý? Nói cách khác, nó là một cuộc Tổng điều tra xã hội học, một Hội Nghị Diên Hồng mang tầm vóc toàn dân tộc. Nó

không đòi ai một cái gì ngay lập tức, mà chỉ đề nghị một cách làm là: ĐCS Việt Nam với vị trí chính trị đang có của mình, hãy tạo điều kiện để nhân dân được hỏi xem ý chí và nguyện vọng của họ hôm nay là gì? (dù là với câu hỏi trên hay bất cứ một câu hỏi tương đương nào khác.). Còn nếu không thì ý kiến trên chỉ là rất chủ quan và phiến diện. Thực chất là sự nguy hiểm, để hoặc vô tình hoặc cố ý tiếp tay cho những điều giả dối, ác độc tiếp tục hoành hành trên khắp đất nước. Và do vậy, những điều mà dân tộc đã bị nghe mãi bao năm trời đại loại như “Đảng ta là của dân, do dân và vì dân. Mọi hy sinh phấn đấu cũng đều là vì hạnh phúc của nhân dân, v.v...”! Chỉ là nói lấy được, nếu như không muốn nói là trơ trẽn và dối trá.

5 - Hai điểm cần làm rõ thêm :

- Có người cho rằng: thế nếu cụ Hồ không tìm đến được với Lê-Nin vào năm 1920, để rồi 10 năm sau sáng lập và rèn luyện ĐCS Việt Nam, thì lấy lực lượng nào mà tổ chức và lãnh đạo dân tộc ta chiến thắng được hai cuộc chiến tranh với Pháp và Mỹ, giành lại được độc lập tự do, thống nhất được đất nước, trên cơ sở vũ khí lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-Nin?

Ở đây tôi không có ý trình bày về những nguyên nhân và tính chất của hai cuộc chiến ấy, và liệu đất nước có thể tránh được chúng hay không (nhất là cuộc chiến tranh sau với người Mỹ), nếu như CT Hồ Chí Minh không mang con đường của chủ nghĩa Mác - Lê-Nin về Việt Nam, mà chỉ xin lưu ý tới vấn đề “Vũ khí lý luận” nói ở trên:

Đối với lịch sử giữ nước của dân tộc ta thì việc chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm, kể cả nhiều lần phải đương đầu với những thế lực rất hùng mạnh, không phải là chuyện mới mẻ chưa từng xảy ra. Bằng chứng rõ ràng nhất là việc chiến thắng giặc Nguyên vào thế kỷ thứ 13 đời nhà Trần, gắn liền với tên tuổi của vị tướng lừng danh thế giới Trần Hưng Đạo: vó ngựa của quân Nguyên đã từng chinh phục nhiều dân tộc từ châu Á sang

châu Âu, nhưng khi đến Việt Nam thì chúng đã gặp thất bại. Chẳng những thất bại 1 lần mà thất bại tới 3 lần .

Chỉ có điều là ông cha ta thuở ấy nào đã biết đến các ông Mác, Lê-Nin là ai? Bởi một lẽ giản đơn là phải đến 6 thế kỷ sau thì các ông kia mới ra đời. Một điểm quan trọng nữa là trong cả 3 lần chiến thắng ấy, tổ tiên ta không hề phải nhờ đến sự giúp đỡ nào từ bên ngoài. Bởi vì chính họ cũng bị quân Nguyên đô hộ, kể cả các nước lớn như Nga, Trung Hoa.

Những chiến thắng trước và sau đó như Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa,... gắn với tên tuổi của những vị anh hùng dân tộc khác như: Ngô Quyền, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung, v.v... càng khẳng định thêm cho điều này. Tất cả đều diễn ra trước khi các ông kia sinh ra .

- Sau sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, nhiều nước trên thế giới lo ngại về một trung tâm sức mạnh tuyệt đối, không có đối trọng xuất phát từ nước Mỹ. Những nhà lãnh đạo trong ĐCS Việt Nam cũng đã nhiều lần lên tiếng về điều này và ủng hộ cho một thế giới đa cực, có đối trọng. Nhưng nếu đã như vậy thì nên công bằng và nhất quán. Chứ không thể về mặt quốc tế thì chống sự đơn cực quyết liệt, còn ở trong nước thì lại “sắt son” tới cùng với sự đơn đảng được !

Như trong bài Việt Nam Đất Nước Tôi đã có dịp trình bày, và nay tôi vẫn giữ nguyên quan điểm của mình rằng: Trong suốt 56 năm qua kể từ ngày 2.9.1945 đến nay, trước dân tộc ĐCS Việt Nam vẫn luôn là tự xưng danh, chứ không chính danh . Nếu muốn chính danh ĐCS Việt Nam cần phải giành được chiến thắng trong một cuộc Bầu cử tự do . Còn nếu thua thì phải nhường quyền lãnh đạo đất nước lại cho các đảng khác đã thắng, rồi chờ đến kỳ bầu cử sau. Như vậy mới là công bằng và phù hợp với nền dân chủ của thời đại mới. Tức là phải chấp nhận một sự đua tranh trên chính trường như tất cả các ĐCS ở các nước Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Úc,... hàng trăm năm qua, hoặc như ở các

nước cộng hòa cũ thuộc Liên Xô, Đông Âu hơn 10 năm qua.

Xét ở một góc độ nào đó, nó cũng giống như trong một giải bóng đá tranh chức vô địch quốc gia mà ở đó, những điều luật đem ra áp dụng phải tạo được sự bình đẳng thực sự cho những đội tham gia. Còn cơ hội có chiếm được vị trí số 1 hay không thì lại tùy thuộc vào khả năng của mỗi đội:

Nếu thành tích thi đấu của anh là cao nhất anh sẽ là đội vô địch, nếu không thì phải chịu đứng thứ hạng thấp hơn, còn nếu kém quá thì có khi phải xuống hạng. Thậm chí phải chấp nhận cả chuyện giải thể hay sát nhập (nếu như có đội nào đó đồng ý sát nhập cùng anh). Nhưng những cầu thủ giỏi và có phong cách thi đấu tốt thì vẫn luôn được khán giả tin yêu và ủng hộ. Họ không có lý do gì để lo ngại thất nghiệp cả. Một số sẽ nghỉ thi đấu và chuyển sang làm các công việc khác thích hợp hơn

Còn những ai vẫn quyết tâm ở lại để xây dựng và củng cố đội mình thì cũng là điều tốt. Nếu chỉ xét riêng về tính quân tử và lòng trung thực, họ xứng đáng được mọi người vị nể. Một nền bóng đá quốc gia nếu muốn phát triển thì không thể chấp nhận tình trạng chỉ có một đội bóng nào đó, do muốn chiếm mãi ngôi “vô địch” bằng cách cứ nói khơi khơi rằng: “Trong điều kiện hiện nay cũng như trong tương lai, không có sự cần thiết khách quan nào để tạo dựng nên những đội bóng khác! Mọi ý kiến đòi sự ‘đa đội’ đều là lạc lõng và xa lạ với thực tiễn, là đối trá và lừa bịp. Vì ‘đơn đội’ đã là sự lựa chọn của khán giả rồi! Lịch sử thời đại cũng đã chứng minh như vậy.”!

Nhưng theo tôi có lẽ không có khán giả nào bỏ tiền vào sân mà chỉ để xem có mỗi một đội bóng cứ xắn quần xắn áo, tát tá chạy ngược chạy xuôi, rồi sau đó là xăm xăm lên nhận Cup bao giờ.

6 - Những lời thay cho kết luận :

Ngày nay dân tộc ta hoàn toàn có đủ điều kiện để chọn lại đường đi cho dân tộc mình. Chắc chắn cả dân tộc cùng chọn sẽ

tốt hơn một người hoặc một lực lượng chính trị nào đó chọn . Nếu những ai đang nắm thực quyền trong ĐCS Việt Nam vẫn tìm đủ mọi cách để cố bám víu đến cùng vào sự duy nhất nói ở trên, thì chính họ đang chống lại cả một dân tộc và trào lưu dân chủ mới trên thế giới. Kể cả việc phản bội lại chính những đồng chí cũ của mình hiện còn sống, cùng biết bao người đã ngã xuống trên khắp các nẻo đường mặt trận .

Họ cũng chẳng thực sự tôn kính gì chủ tịch Hồ Chí Minh qua việc cứ đem tư tưởng của ông ra làm chiếc bình phong, nhằm che đậy cho những việc làm khuất khúc của mình. Bởi vì khi còn sống chính CT Hồ Chí Minh đã hơn một lần khẳng định rằng ông không hề có tư tưởng gì đặc biệt cả, mà chỉ có năng lực hoạt động thực tiễn thôi. Càng “đeo râu đội mũ” cho ông họ càng làm khổ ông. Chính họ đã và đang là những người vừa trực tiếp, vừa gián tiếp quấy rối giấc ngủ của ông, chứ không phải là “giữ yên giấc ngủ của Người” như họ vẫn thường nói.

Ngay với Mác và Ăng-Ghen họ cũng chẳng trung thành gì, bởi vì cả hai ông lúc sinh thời, ít ra cũng đã đều thừa nhận sự tồn tại của những đảng công nhân khác bên cạnh đảng cộng sản :

“...Những người cộng sản ở mọi nơi đều phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hiệp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước...” và “...Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác...” . (trích Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản 1848 - phần II) .

Trong thực tiễn, tất cả các ĐCS ở các nước XHCN đều đã cố tình nhập nó lại làm một, và mọi người Việt Nam hôm nay đang cùng với thế giới tiến bộ bên bỉ đấu tranh tách cho được nó ra để sao cho trong tương lai gần, trên chính trường của một nước Việt Nam mới, chẳng những chỉ có các đảng công nhân mà còn có các đảng khác nữa, theo sự đòi hỏi của cuộc sống sinh động.

Tôi cũng viết bài này như những lời trần tình cùng với những độc giả nếu có của mình. Chúng hoàn toàn không phải là để đả

phá hay công kích bất cứ một cá nhân nào, dù là trong những bài viết có thể tôi đã nhắc đến họ. Tôi nghĩ rằng mong muốn của tôi cũng giống như của biết bao người Việt Nam khác là được góp một phần công sức dù nhỏ, nhằm chuyển biến được căn bản tình hình đất nước trong một diễn biến hòa bình, đưa nước ta hòa nhập tốt vào thế giới đang biến đổi mạnh mẽ.

Sự hòa nhập về kinh tế tự bản thân nó đã chứa đựng những điều kiện tự nhiên cho sự hòa nhập về chính trị và ngược lại; giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ và biện chứng để thúc đẩy hoặc kìm hãm lẫn nhau. Điều đó tùy thuộc vào khả năng tận dụng hay bỏ lỡ của mỗi quốc gia.

Nếu đất nước vẫn phải tiếp tục chịu đựng tình cảnh như hiện nay là: run rẩy chấp nhận sự hòa nhập của vế trước và phủ nhận hoàn toàn vế sau, thì nguy cơ lớn nhất chính là sự gặm nhấm, ăn mòn do đủ các loại “acid” gây ra. Nó không phải là sự hòa nhập mà dân tộc đang thiết tha mong đợi. Nó chính là sự hòa tan trong đau đớn, tủi nhục. Và do vậy cơ hội mà thời đại mới đang mở ra cho dân tộc ta có thể rút ngắn được phần nào khoảng cách đã bị tụt hậu quá xa so với thế giới, với các nước trong khu vực Đông Nam Á (ASEAN) - những nước mà phần lớn trước Cách Mạng Tháng 8.1945 đều có hoàn cảnh tương tự như Việt Nam, cũng sẽ bị tiêu tan .

Nếu tình hình diễn ra đúng như vậy thì trách nhiệm ấy, những người bảo thủ hiện đang nắm thực quyền trong ĐCS Việt Nam hôm nay, sẽ phải trả lời trước dân tộc và lịch sử trong nay mai khi dân tộc ấy chuyển mình. Chính họ chứ không phải ai khác lại một lần nữa cố tình bỏ lỡ chuyển tàu văn minh trí tuệ mà lẽ ra dân tộc đã được hưởng sớm hơn .

Với lịch sử và dân tộc họ là tội phạm chứ không phải là nạn nhân! Và nền dân chủ thực sự cho Việt Nam đầu phải trải qua những gian nan thử thách, nhưng nhất định cuối cùng dân tộc cũng sẽ giành được nó . Bởi vì quy luật muôn đời của con người là: cùng tác biến, biến tác thông - Không có điều gì bị dồn nén đến

cùng cực mà không biến và một khi đã biến thì ắt sẽ thông !

Tháng 4 năm 2001 - Xuân Tân Tỵ.

VIẾT VỀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

“Bao nhiêu sao sáng bấy nhiêu anh hùng vì dân, mà bác Hồ ngôi sao sáng vô ngần, cuộc đời của bác chói ngời gương người cộng sản, quyết làm theo lời bác dạy khuyên. Quê hương yêu dấu Bắc — Nam chung một dòng máu, đoàn kết bên nhau đàn cháu ngoan của bác Hồ,... nguyện xứng cháu của bác Hồ Chí Minh!”

Có thể nói rằng ở Việt Nam không ai lại không biết đến CT Hồ Chí Minh, các thế hệ thanh, thiếu niên, nhi đồng lại càng được giáo dục kỹ lưỡng về ông. Những bài hát như trên là xuất hiện ở mọi lúc mọi nơi, dù ông mất đã hơn 30 năm nay. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong sách giáo khoa các cấp cũng luôn nói tới ông từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ. Tất cả đều nhằm mục đích làm cho mọi người hiểu rằng: không bao giờ được quên công lao to lớn của ông đối với dân tộc và kêu gọi tất cả hãy “Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương của chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.”

Tài Liệu Giáo Dục Công Dân lớp 7, Nhà Xuất Bản Giáo Dục năm 1997, trang 53 có một bài đọc thêm nhan đề: Tinh Hoa Của Dân Tộc Việt Nam Góp Phần Vào Tinh Hoa Thế Giới, nội dung khẳng định một sự kiện là: vào năm 1990, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Hồ Chủ Tịch, Tổ Chức Giáo Dục, Khoa Học Và Văn Hóa của Liên Hiệp Quốc, tức UNESCO (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization), đã ra một nghị quyết công nhận ông là danh nhân văn hóa thế giới. Trong đó có đoạn:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh là một hiện tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng cho nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ...” (Trích nghị quyết UNESCO, sách đã dẫn.).

Trong bài Chủ Tịch Hồ Chí Minh, Danh Nhân Văn Hóa Của Nhân Loại, bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên, nguyên chủ tịch ủy ban UNESCO Việt Nam, viết vào tháng 5 năm 2000 vừa qua cũng tiếp tục khẳng định như vậy. [[đọc bài](#)]

Dù có ý đọc kỹ nhưng tôi không thấy cả hai bài viết trên ghi cụ thể đây là nghị quyết số mấy? ký ngày nào và ai đã ký nó? như thông thường đối với việc trích dẫn một nghị quyết quan trọng như thế. Tuy nhiên ở nước ngoài, vì có điều kiện được tiếp cận với những nguồn tài liệu khác thì tôi lại thấy những bài viết quả quyết rằng: không hề có một nghị quyết nào như vậy cả. Điều đó có nghĩa là CT Hồ Chí Minh chưa bao giờ được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới, mà ông mới chỉ có tên trong danh sách được đề cử, rồi dừng lại ở đó thôi.

Nhận thấy đây là một vấn đề lớn cần làm rõ, vì dù ai có chấp nhận hay không thì trong thực tế ông cũng đã là nhân vật lịch sử của Việt Nam trong thế kỷ thứ 20 vừa qua. Còn cái lịch sử ấy đã và sẽ tiếp tục diễn ra như thế nào? Tốt hay xấu? v.v... thì đó không phải là mục đích chính mà tôi muốn đề cập đến trong bài viết này.

Ngoài ra còn là vấn đề bức xúc hơn, nó liên quan đến sự nghiệp trồng người của dân tộc: những học sinh lớp 7 kia rồi sẽ lớn lên, và với thời đại bùng nổ thông tin như ngày nay thì việc các em được tiếp cận với những nguồn tài liệu khác là rất dễ dàng. Khi ấy liệu các em còn biết tin vào đâu? Nguồn nào đúng, còn nguồn nào sai? Nếu chúng tự phát hiện ra sự thật lại ngược hẳn với những gì đã được dạy dỗ từ nhỏ đến lớn thì sao? Từ đó rất có thể chúng sẽ oán trách các thế hệ cha anh đã lừa dối chúng, rồi cứ theo cái vết mòn ấy, biết đâu chúng lại đi lừa dối tiếp những thế hệ sau, thì hậu quả sẽ tai hại biết nhường nào? Cả một dân tộc cứ đi lừa dối lẫn nhau mãi như vậy thì dân tộc ấy sẽ đi về đâu? v.v...

Chính vì những lý do trên mà ở phần dưới đây, tôi xin được nêu ra một số câu hỏi liên quan đến thân thế và sự nghiệp của CT Hồ Chí Minh, cho đến nay vẫn chưa được làm rõ. Tôi rất mong các nhà nghiên cứu ở cả trong và ngoài nước, vốn quan tâm đến lịch sử Việt Nam hiện đại, nhất là đến thế hệ trẻ Việt Nam tương lai hãy giải đáp giúp. Tôi nghĩ rằng đây không chỉ đơn thuần là

mối quan tâm của riêng tôi — một độc giả, mà còn là của hàng chục triệu phụ huynh học sinh đang có con cháu mình đi học ở Việt Nam. Mặt khác theo tôi, nếu những việc mới diễn ra trong thế kỷ 20 vừa qua, thậm chí chỉ mới 11 năm nay thôi mà chúng ta không làm rõ được, thì nói gì đến việc đi tìm hiểu, xác minh những chuyện lịch sử xa vời có từ hàng trăm, hàng ngàn năm trước? Những câu hỏi của tôi là:

1- Có phải trước khi xuống tàu buôn Pháp làm phụ bếp vào ngày 5 tháng 6 năm 1911, thì chàng trai 21 tuổi Nguyễn Tất Thành (với tên mới là Văn Ba) đã có sẵn ý định ra đi tìm đường cứu nước hay chưa? Nếu anh Ba đã có sẵn mục đích rõ ràng như sau này anh kể lại: “...*Tôi muốn được đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta...*” thì thật đáng quý biết bao. Tuy nhiên nó lại mâu thuẫn với một sự kiện sau do những tài liệu ở nước ngoài viết rằng:

Ngày 15.9.1911, khi vừa đặt chân đến cảng Marseille — Pháp, tức là chỉ hơn 3 tháng sau khi rời bến Nhà Rồng - Sài Gòn, thì anh Thành đã lật đật viết đơn xin được vào học nội trú Trường Thuộc Địa (Ecole Coloniale). Nhưng đã bị nhà trường từ chối với lý do: Đơn không được xét vì anh là đối tượng di chuyển tự túc đến Pháp chứ không phải được tuyển chọn từ xứ Đông Dương sang, theo như quyết định ban hành ngày 30.4.1910 của Bộ Thuộc Địa Pháp. (Lá đơn này do ông Nguyễn Thế Anh sưu tầm được trong văn khố Pháp ngày 2.2.1983, có sao chụp lại cẩn thận. Cũng cần lưu ý rằng: theo những tài liệu trong nước thì Trường Thuộc Địa là nơi chuyên đào tạo những tên Việt gian phản động, tay sai của thực dân Pháp lúc bấy giờ.)

Giả sử câu chuyện trên là có thật thì sẽ có thêm một câu hỏi hệ quả là: nếu năm 1911 Trường Thuộc Địa chọn anh Thành, thì 9 năm sau anh có còn chọn con đường của Lênin cho cách mạng Việt Nam nữa hay thôi? (Theo suy luận chủ quan của tôi thì có lẽ

là anh Thành sẽ... thôi!).

2- Phải chăng lý do chính rời nước ra đi của anh Thành là bởi trước đó một năm, trong gia đình anh có một biến động lớn đã diễn ra? Đó là:

Năm 1910, cha anh là ông Nguyễn Sinh Huy, tức cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (1863 - 1929), tri huyện Bình Khê - Bình Định, trong một cơn say rượu đã sai người đánh chết anh nông dân tên là Tạ Đức Quang bằng roi và gậy. Sở mật thám Pháp sau khi điều tra xong đã kết ông vào tội ngộ sát khi đang say rượu. Hội Đồng Nhiep Chánh tại Huế sau đó đã ra quyết định kỷ luật ông: hạ bốn bậc trong ngạch quan lại thời bấy giờ, bị triệu hồi về Huế, rồi cuối cùng là bị sa thải luôn. (Bà Thanh con gái ông cũng kể: ông là người nghiện rượu nặng, hồi nhỏ bà vẫn thường bị bố đánh rất đau bằng roi, có khi lại còn quăng cả roi đi để đánh bằng tay.)

Một số tài liệu lịch sử trong nước thì viết rằng: “... *Cụ Sắc nhà nghèo, ham học, thông minh, thi đậu phó bảng, ‘bị ép’ ra làm quan. Có lần cụ nói: ‘Quan trường là chốn nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn.’ Cụ thường làm những việc trái ý bọn quan lại, nên bị cách chức.*”(?!). Như vậy là giữa hai nguồn tài liệu đã có những điểm mâu thuẫn lớn cần làm rõ, nhất là lý do ra khỏi chốn quan trường của ông: phải chăng ông ra khỏi đấy vì như ông nói là không muốn bị “nô lệ hơn” trong số những người nô lệ? Hay là bởi rượu đã đưa ông ra? Và vì bị ra khỏi chốn ấy nên ông lại càng uống nó nhiều hơn? (Nếu đúng là do say rượu mà làm chết người ta, thì cũng khó lòng làm phải ý ai được lắm!).

Cũng qua những sách báo ở trong nước kể lại thì: khi từ chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội sau chiến thắng Điện Biên Phủ (tháng 10.1954), ông đi thăm rất nhiều vùng quê trên miền Bắc, đi ra nước ngoài, v.v... Nhưng riêng quê ông thì mãi tới ngày 16.6.1957, tức là phải gần 3 năm sau ông mới về thăm lần đầu. Có một cái gì đó không ổn trong tinh thần vì nước quên... quê của

ông không? Hay ông ngại cán bộ, chiến sỹ và nhân dân biết tấn bi kịch trên của gia đình mình?

3- Ai là người đã viết cuốn *Những Mẩu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch* vào mùa xuân năm 1948? Cuốn sách ghi tác giả tên là Trần Dân Tiên. Năm 1985, giáo sư Hà Minh Đức đã xuất bản cuốn *Những Tác Phẩm Văn Của Chủ Tịch Hồ Chí Minh*, trong đó có đoạn: “...*Đáp lại tình cảm mong muốn của đồng bào và bạn bè trên thế giới. Hồ Chủ Tịch với bút danh Trần Dân Tiên đã viết tác phẩm Những Mẩu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch...*” (Hà Minh Đức, sách đã dẫn, Tr 132, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1985).

Như vậy có nghĩa là tác giả Trần Dân Tiên và Hồ Chủ Tịch thực ra chỉ là một người. Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, người biết rất rõ ông từ những năm 1930s, khi cả hai cùng học tập và làm việc ở Liên Xô đã viết lời tựa cho cuốn sách cũng đã khẳng định như vậy. Tôi tin là hai giáo sư ấy viết đúng, vì 2 lẽ:

Thứ nhất, đó là việc rất quan trọng mà nếu nói sai thì chính hai giáo sư có thể sẽ bị mang họa, chắc chắn là hai ông đã cân nhắc rất kỹ trước đó. Thứ hai, cứ theo tư duy logic mà suy luận: nếu ông Trần Dân Tiên và cụ Hồ là hai người thì nay ông Trần Dân Tiên kia đâu? Còn sống hay đã chết? Nếu sống thì bao nhiêu tuổi rồi? Vợ, con ra sao? Nếu chết thì chết vào năm nào? Hiện chôn ở đâu? v.v...

Còn một khi lại chỉ là một người thì xét theo khía cạnh nào cũng đều không ổn. Chúng ta hãy nghe một vài đoạn Chủ Tịch Hồ Chí Minh viết về ... Hồ Chủ Tịch như sau: “...*Bác Hồ của chúng ta vô cùng khiêm tốn; Bác không muốn kể cho ai nghe về hoạt động của mình; rồi Bác Hồ được nhân dân ta coi là cha già của dân tộc; Bác còn vĩ đại hơn Lê Lợi, Trần Hưng Đạo vì đã đưa dân tộc ta vào kỷ nguyên xã hội chủ nghĩa...*”! và nữa: “...*Một người như Hồ Chủ Tịch của chúng ta với đức tính khiêm tốn nhường ấy và đang lúc bề bộn biết bao nhiêu công việc, làm sao có thể kể cho tôi nghe*

bình sinh của Người được?...”! (Trần Dân Tiên, sách đã dẫn).

Cũng cần lưu ý rằng vào năm 1948 thì vị “cha già của dân tộc” ấy mới có 58 tuổi!

Trong thực tế nhân loại cũng đã có những người dùng quyền lực hay tiền bạc để bắt người khác ca ngợi mình. Nhưng nếu Hồ Chủ Tịch lại tự mình đứng ra mà “dây công vun đắp” nên điều đó thì quả là chuyện... xưa nay hiếm! Tôi cũng không rõ là những người đang “giữ gìn và bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh” có coi đây như là một trong những “yếu tố cấu thành” nên tư tưởng của ông hay không? Và giả sử ở dưới cội âm kia, nếu ông gặp các vị cách mạng đàn anh khác như Stalin, Mao Trạch Đông, v.v... thì không nói. Nhưng nếu không may, ông lại gặp Trần Hưng Đạo, Lê Lợi thì biết “ăn, nói” thế nào cho phải với những vị anh hùng chân chính của dân tộc ấy đây?

Một điều nữa đáng lo ngại hơn: trong cuốn *Dàn Bài Tập Làm Văn lớp 7* (NXB Giáo Dục 1997, Tr 39). Tức là đã 12 năm, sau khi tác phẩm của giáo sư Hà Minh Đức nói trên được xuất bản, thì các tác giả biên soạn cuốn sách giáo khoa kia vẫn tiếp tục mập mờ mà không chịu viết thẳng ra đây là hai hay chỉ có một người. Nếu cứ cung cấp thông tin và bắt các thầy cô giáo dạy học sinh theo kiểu này, thì đến ngay như người lớn cũng còn bị nhiễu loạn chứ nói gì đến trẻ con?

Hồi đất nước còn chiến tranh, tôi đã được một sỹ quan QĐND Việt Nam cho xem cuốn nhật ký của anh, trong đó có đoạn:

“Hà Nội ngày 2 tháng 9 năm 1969.

Hôm nay Đài Tiếng Nói Việt Nam báo tin Bác Hồ bị bệnh nặng. Bác ơi! Chúng cháu hiểu là chúng cháu thật có lỗi với Bác, vì đất nước đến lúc này vẫn còn bị nỗi đau chia cắt. Đơn vị của chúng cháu đã được vinh dự nhận lệnh vào miền Nam chiến đấu, chỉ vài hôm nữa thôi là lên đường. Cháu xin hứa với Bác rằng: dù phải trải qua gian khổ, hy sinh đến đâu thì chúng cháu cũng quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ mà đảng và quân đội giao phó; góp phần giải

phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc, để sớm được đón Bác vào thăm đồng chí, đồng bào trong ấy...”

Cũng cùng một tinh thần đó, từ miền Nam, nhà thơ Lê Anh Xuân viết ra:

Gửi miền Bắc lòng miền Nam chung thủy

Đang xông lên chống Mỹ tuyến đầu...

Nghĩa là tất cả đều hướng lên Ba Đình tràn đầy một niềm tin trong sáng, một niềm kính trọng vô biên. Bởi vì ở nơi ấy “có Trung Ương Đảng, có bác Hồ” luôn chỉ lối dẫn đường cho cách mạng Việt Nam tiến lên! Theo tôi, nếu trong một cuộc chiến tranh, giả sử tất cả những yếu tố khác đều ngang nhau, thì bên nào có thêm yếu tố tin tưởng và kính yêu lãnh tụ như trên là sẽ rất có lợi thế để giành chiến thắng. Thế nhưng, nếu vì muốn trở thành một “ngôi sao sáng vô ngần” mà chính vị lãnh tụ lại cho ra đời một sản phẩm kiểu như Những Mẩu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch, thì lại là điều không thể chấp nhận được.

Bởi vì đó thực chất là quan điểm giành chiến thắng bằng mọi giá, mọi cách. Kể cả những cách rất thiếu tử tế: chủ động đi hủy hoại những giá trị văn hóa của nhân loại nói chung và dân tộc nói riêng, mà hậu quả để lại sẽ rất nặng nề cho hậu thế. Bằng cách đó ở một giai đoạn nhất định, có thể ông cũng tự đưa được uy tín của mình lên vị trí rất cao trong lòng một bộ phận dân tộc. Xong nếu xét về lâu về dài, khi phần lớn đã nhận ra sự thật thì cái hình ảnh: “...Trùng trùng đoàn quân tiến bước theo con đường của Bác, cả đoàn quân tiến theo Người như thác đổ...” sẽ trở nên trớ trêu, phủ phàng và thật đáng xấu hổ với bạn bè thế giới.

Tôi cũng được biết một câu chuyện sau: gia đình ấy có 2 anh em, người anh đi bộ đội, còn người em gái ở lại nhà và lấy chồng. Năm 1954 khi người anh từ chiến khu trở về thì em gái mình đã cùng chồng di cư vào Nam. Sau gần 30 năm xa cách, hai anh em mới được gặp lại nhau, khi người em ra Bắc bốc mộ cho chồng - ông bị chết trong thời gian học tập cải tạo ở ngoài ấy. Cô em nói

trong nước mắt giận hờn:

“Tại anh và những người cộng sản như anh nên bây giờ em gái anh khổ, các cháu của anh phải mồ côi cha.”. - Xúc động không kém, người anh nói:

“Thôi em ạ, đừng nào thì mọi việc cũng đã lỡ rồi. Em cứ nghĩ như thế này: nếu một người em không hề tin yêu, kính trọng mà làm em đau khổ thì đấy chỉ là một nỗi khổ đau. Nhưng nếu đấy lại là người em hằng kính trọng, tin yêu bao năm trời, kể cả sẵn sàng đem cuộc đời của mình ra để hy sinh, cống hiến mà nay em lại phát hiện ra rằng thực chất sự tin yêu, kính trọng ấy của mình lại bắt nguồn từ sự giả dối của người kia, thì lúc ấy nỗi đau khổ trong em sẽ phải nhân lên gấp 5, gấp 10. Đấy chính là tâm trạng của anh lúc này, em ạ.”

Trên đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta trong hơn nửa thế kỷ qua, đã có bao nhiêu con người và gia đình phải lâm vào hoàn cảnh tương tự như vậy?

4- Một vài điểm khác cần xác minh :

Trong số những người Việt Nam hoạt động ở Paris vào những năm 1910 -1920 là chỉ có duy nhất 1 ông Nguyễn Ái Quốc hay là có đến 5 ông Nguyễn Ái Quốc?

Vai trò của chàng trai Nguyễn Ái Quốc — Nguyễn Tất Thành trong các hoạt động như: thành lập Hội Người Việt Nam Yêu Nước, soạn thảo Bản Yêu Sách 8 Điểm Gửi Hội Nghị Versailles năm 1919, ra báo Người Cùng Khổ năm 1922, viết Bản Án Chế Độ Thực Dân Pháp năm 1925, v.v ... là tới đâu? Liệu có đúng như các sách báo trong nước hoặc chính CT Hồ Chí Minh đã kể lại hay không? Bởi vì nếu theo các tài liệu “ngoài luồng” thì:

- Hội Người Việt Nam Yêu Nước đã được thành lập tại Pháp từ năm 1914, mà tiền thân của nó là Hội Đồng Bào Thân Ái còn có trước đó nữa. Đấy là do công lao của những ông Nguyễn Ái Quốc khác, chứ anh Thành lúc ấy lại không có mặt ở Pháp

mà là đang mưu sinh ở Anh! (Anh Thành ở Anh từ cuối năm 1913 đến 1917. Cuối năm 1917 anh Thành mới rời Anh để sang Pháp và là thường trú nhân ở đấy đến năm 1923 thì sang Liên Xô.).

- Bản Yêu Sách 8 Điểm gửi hội nghị Versailles là có rất nhiều điểm trùng với những bản yêu sách đã có trước đó của cụ Phan Chu Trinh (1872-1926) gửi khâm sứ Trung kỳ, gửi toàn quyền Đông Dương và gửi chính phủ Pháp. Như vậy có phải như CT Hồ Chí Minh đã kể: "...Ý kiến đưa yêu cầu do ông Nguyễn đề ra, nhưng lại do luật sư Phan Văn Trường viết, vì lúc bấy giờ ông Nguyễn chưa viết được tiếng Pháp..." - (Trần Dân Tiên, sách đã dẫn), hay những ý kiến ấy phải là của cụ Phan Chu Trinh mới đúng? Vì cụ Phan đã có mặt và hoạt động ở Paris liên tục trước đó, cụ cũng là sáng lập viên của Hội Đồng Bào Thân Ái. (cụ Phan thi đậu phó bảng năm 1901, cùng khóa với cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh anh Thành.)

- Báo Người Cùng Khổ (Le Paria) là do những "ông Tây" (người Pháp) lập ra, chứ đâu phải của một "ông ta" nào như sự xác nhận sau: "...Ban biên tập báo Người Cùng Khổ do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút, giao cho Nguyễn Thế Truyền là một Việt kiều được anh Nguyễn giới thiệu vào Hội Hiệp Thuộc..." (?) (Trần Dân Tiên, sách đã dẫn).

Bây giờ giả sử đúng là có một ông Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút tờ báo kia đi, nhưng chính xác là ông Nguyễn Ái Quốc nào? Vì ở Paris lúc ấy, như trên đã nói là có tới 5 ông Nguyễn Ái Quốc, còn gọi là nhóm Ngũ Long gồm các ông: Phan Chu Trinh, sang Pháp năm 1911/phó bảng; Phan Văn Trường/1908/luật sư; Nguyễn Thế Truyền/1910/cử nhân; Nguyễn An Ninh/1917/năm thứ 2 trường luật; Nguyễn Tất Thành/1917/tiểu học và ai ở trong nhóm viết bài cũng ký tên là Nguyễn Ái Quốc.

Ngoài ra chúng ta cũng phải tìm hiểu thêm cả việc ai đã giới

thiệu ai? Vì anh Thành mới chân ướt chân ráo đến Pháp, thì nào đã quen biết ai mà giới thiệu cho ông Nguyễn Thế Truyền? - Một người đã ở đấy lâu hơn, bằng cấp cũng cao hơn anh. (Ông Truyền có 2 bằng cử nhân: văn chương và hóa học, có vợ người Pháp.)

- Cũng theo Những Mẩu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch thì: “... Ông Nguyễn chỉ viết một quyển sách duy nhất là quyển *Bản Án Chế Độ Thực Dân Pháp...*”, thế nhưng với điều kiện thông tin lúc đó thì theo tôi chính quyển này mới là quyển ông ít có cơ hội tham gia nhất. Bởi vì cả tài liệu trong và ngoài nước đều xác nhận rằng: cuốn sách được xuất bản lần đầu tại Pháp vào năm 1925, nhưng lúc ấy thì ông Nguyễn không có mặt ở Pháp, mà là đang hoạt động ở Trung Quốc! (ông hoạt động ở Trung Quốc từ tháng 11.1924 đến tháng 5.1927 mới rời khỏi đất để sang lại Liên Xô.).

Hơn nữa, cứ giả sử các tài liệu đều viết sai về năm xuất bản cuốn sách trên thì chúng ta cũng cần lưu ý là: chính anh Thành cũng đã phải công nhận rằng anh là người có bút lực yếu ở trong nhóm, nếu như không muốn nói là yếu nhất. Vì anh Thành chỉ mới tốt nghiệp trường tiểu học Pháp — Việt Đông Ba, Huế niên khoá 1906-1907. Tháng 9.1908 anh được vào học trường Quốc Học Huế, nhưng chưa đầy 1 năm sau (tháng 5.1908) thì đã bị đuổi khỏi đấy rồi. (Tức là tám bằng Thành Chung đối với anh cũng vẫn còn rất xa vời!) [đọc bài]

Tiện đây, chúng ta cũng nên tìm hiểu thêm cả việc có đúng là anh Thành đã tốt nghiệp bậc tiểu học đạt hạng ưu, như trang tiểu sử trên đã viết hay không? Vì tám bằng học vấn duy nhất mà anh đạt được trong đời ấy thì nay không ai thấy. Tuy nhiên nếu chỉ căn cứ vào chữ viết thì cũng khó có cơ sở để kết luận rằng đây là một học sinh giỏi được. Bởi một lẽ đơn giản là: ở bậc tiểu học thời ấy hay thời nay cũng vậy, dù các thầy cô giáo có theo trường phái ta hay tây học gì, thì cũng rất chú trọng đến việc đánh giá chất lượng bài làm của thí sinh qua chuyện viết chính tả, nhưng

rất tiếc là về điểm này thì anh Thành lại quá yếu. (Cứ nhìn vào các bút tích của Hồ Chủ Tịch cũng đủ thấy.).

Cuối cùng, giả sử rằng các thầy giáo hồi ấy đã chăm trước cho chuyện viết chữ xấu của anh và tám bằng hạng ưu kia là có thật, thì cũng không có gì đáng kể mà phải làm ầm ĩ. Vì khi giành được nó thì anh Thành cũng đã 17 tuổi rồi! (1890 — 1907).

Theo tôi, với bất cứ ai, dù có là vĩ nhân đi chăng nữa nhưng nếu chỉ dựa trên nền tảng học vấn ấy, thì nội việc đi tiếp thu tư tưởng của người khác cũng đã là quá sức rồi, chứ nói chi đến việc còn hình thành nên được một cái gì đó gọi là “tư tưởng” cho mình, rồi hôm nay lại còn bắt cả một dân tộc phải đi theo!

Nói tóm lại, những điểm còn chưa rõ ràng trong thân thể và sự nghiệp của CT Hồ Chí Minh là còn rất nhiều. Một lần nữa tôi rất mong các nhà nghiên cứu, các sử gia ở cả trong và ngoài nước hãy vì tính trung thực, khách quan của lịch sử và nhất là vì thế hệ trẻ Việt Nam tương lai, để xác minh cho được chúng càng sớm càng tốt. Viết về CT Hồ Chí Minh, lại lật ngược những vấn đề khá phức tạp và tế nhị lên như thế này, tôi hiểu rằng sẽ làm cho nhiều người vốn tôn kính ông đau lòng. Nhưng theo tôi, thà làm như vậy một lần cho rõ còn hơn là cứ để dài với nhau, để rồi tự làm khổ nhau và làm khổ mãi con cháu chúng ta sau này.

5- Một ý kiến đề nghị:

Như ở đầu bài đã nêu, từ 11 năm qua đã có rất nhiều bài viết với hai xu hướng ngược nhau: thứ nhất, khẳng định rằng CT Hồ Chí Minh đã được UNESCO chính thức công nhận là danh nhân văn hóa thế giới. Thứ hai là phủ nhận nó.

Nay tôi xin có một ý kiến đề nghị: dù ai thuộc xu hướng nào cũng được, nhưng nếu đã có tấm lòng quan tâm, mong rằng hãy cùng nỗ lực giải quyết dứt điểm vấn đề này. Đối tượng tiếp cận chính là UNESCO, đây là vị trọng tài khách quan, vô tư và hữu hiệu hơn cả. Sẽ có hai khả năng xảy ra:

a) Nếu CT Hồ Chí Minh đã thực sự được UNESCO công

nhận là danh nhân văn hóa thế giới thì với tinh thần trung thực, những cơ quan nào đã đưa tin sai lạc trước đó cần ra một bản tin đính chính lại. Đó cũng là hành động thể hiện sự tôn trọng các độc giả, thính giả của mình .

b) Nếu UNESCO chưa hề có một quyết định như giả thiết (a) nêu trên, thì cá nhân hay tổ chức nào có điều kiện tiếp cận được với tổ chức ấy, cần làm sao có được một văn bản phủ nhận chính thức của họ. Dù chỉ là vài dòng thôi, nhưng nó sẽ có tác dụng thuyết phục mọi người hơn là hàng chục, hàng trăm bài báo mà chúng ta cứ cố gắng viết tới viết lui, xong lại không có ai đứng ra làm trọng tài.

Đây cũng là trách nhiệm của mỗi người nhằm giúp UNESCO. Nó cũng là quyền lợi của UNESCO cần phải tự bảo vệ mình, khi có ai hoặc quốc gia nào lợi dụng uy tín của họ để làm những việc khuất khúc. Tôi cũng rất mong rằng nếu trường hợp là (b) thì những nhà biên soạn sách giáo khoa ở Việt Nam cần rà soát lại toàn bộ những điểm liên quan và điều chỉnh chúng cho đúng sự thật.

6- Một ý kiến ủng hộ:

Trong bức thư ngỏ viết vào tháng 5.2001 vừa qua của 2 tác giả Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân, gửi tân tổng bí thư ĐCS Việt Nam Nông Đức Mạnh có một ý kiến đề nghị là: hãy hỏa táng thi hài của Hồ Chủ Tịch. Bức thư giải thích rằng: những người lãnh đạo đảng và nhà nước vào thời điểm CT Hồ Chí Minh qua đời đã vi phạm ý nguyện ghi trong di chúc của người quá cố. (Trong đó ông đã viết rõ ràng như sau: “... Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, tức là hỏa táng. Tôi mong rằng cách hỏa táng sau này sẽ được phổ biến, và như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện thì điện táng càng tốt hơn...”). Và nay thì những người lãnh đạo mới cần phải sửa lại sai lầm ấy, nếu cần thì tổ chức một cuộc Trưng Cầu Dân Ý về vấn đề này.

Hai tác giả cũng phân tích thêm rằng: hình thức ướp xác, tức chôn nổi là hoàn toàn không phù hợp với phong tục tập quán của người Việt Nam, vốn quen với hai hình thức phổ biến là địa táng hoặc hỏa táng. Rồi cảnh báo là nếu không nghiêm chỉnh tuân theo di chúc của người đã khuất, thì gia đình dòng họ và đất nước luôn bị “sái”, không góc đầu, góc cổ lên được. Ngoài ra còn là chuyện lãng phí tiền bạc: để duy trì hệ thống lăng CT Hồ Chí Minh thì hàng năm phải tốn kém 100 tỷ đồng VN, dù đây là tiền thuế đóng góp của nhân dân hôm nay hay là đi vay mượn của nước ngoài, thì sau này con cháu chúng ta cũng phải nai lưng ra trả nợ.

Tôi hoàn toàn ủng hộ ý kiến trên và tin rằng nguyện vọng của đa số nhân dân Việt Nam hôm nay cũng là như vậy. Chúng ta chỉ cần thử làm một bài toán nhỏ: để xoá đói giảm nghèo cho một hộ gia đình nông dân, theo 2 tác giả là cần 5 triệu đồng VN tiền vốn, giả thiết mỗi hộ có 4 người. Như vậy tổng chi phí cho công trình ấy trong suốt 26 năm qua là 2600 tỷ đồng VN (không tính chi phí xây lăng), là một số tiền rất lớn, đủ để giúp hơn 2 triệu người Việt Nam thoát khỏi cảnh đói nghèo. Còn nếu mỗi hộ cần 10 triệu đồng tiền vốn, thì cũng giúp được cho hơn 1 triệu người. Nhưng cái chính của vấn đề là sự lãng phí kia rất vô lý, không đáng có.

Ngoài ra tôi cũng xin được bổ xung một ý kiến nữa, hy vọng rằng nó sẽ góp thêm cơ sở để dân tộc cùng dứt khoát hơn với đề nghị trên của 2 tác giả. Ý kiến của tôi liên quan đến khía cạnh kiến trúc của lăng:

Kể từ khi lăng được khánh thành nhân dịp quốc khánh mừng 2.9.1975 đến nay, thì từ những người dân bình thường tới các kiến trúc sư, nhà xây dựng, v.v... từ Bắc chí Nam mà tôi có dịp được tiếp xúc, phần lớn đều cho rằng: công trình này không có những đường nét của kiến trúc hiện đại, cũng lại rất nghèo tính dân tộc. (Mà chỉ được dựng nên bởi sự giàu quyết tâm của bộ chính trị ĐLĐ Việt Nam lúc đó.)

Tức là nếu xét thêm về khía cạnh kiến trúc, thì cũng không có giá trị gì đáng kể để mà phải tiếc nuối nó nữa. Có lẽ vì chạnh lòng với công trình quốc gia khá nặng nề và đơn điệu này, ai đó đã sửa lại lời những câu đầu của bài hát Viếng Lăng Bác (Nhạc Hoàng Hiệp, thơ Viễn Phương) mà thành:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác, con thấy lăng Ông đẹp hơn lăng Bác, trăm phần trăm,...”! (Lăng Ông: lăng ông Lê Văn Duyệt - một võ tướng đầu triều Nguyễn, lập tại khu Bà Chiểu — Sài Gòn; trăm phần trăm = 100%).

7- Những lời thay cho kết luận

Trong diễn văn đáp từ của nguyên tổng bí thư ĐCS Việt Nam Lê Khả Phiêu đọc tại Hà Nội ngày 18.11.2000 vừa qua, nhân dịp tổng thống Mỹ lúc ấy là Bill Clinton sang thăm Việt Nam có đoạn:

“...Điều chắc chắn là trong thế kỷ 21, khoa học công nghệ sẽ phát triển như vũ bão. Nhưng lại có một nghịch lý là hố ngăn cách giữa nước giàu và nước nghèo lại ngày càng lớn. Ngày nay, tổng số tài sản của hơn 300 tỷ phú trên thế giới bằng thu nhập của hơn 2 tỷ người ở các nước nghèo...”

Đúng! đấy là thực tế, và người đọc hiểu ngay rằng ý ông muốn nhấn mạnh đến sự bất công của một thế giới ngày càng bị phân hóa giàu - nghèo hôm nay. Nhưng còn một thực tế nữa là: liệu những người lãnh đạo trong ĐCS Việt Nam trước và sau ông, có dám làm triệt để việc kê khai danh sách của 300 người giàu nhất ở Việt Nam hôm nay hay không? Họ là những ai? Có bao nhiêu tiền? Để ở những đâu? Bằng cách nào họ đã làm giàu được nhanh như vậy, khi không phải là của ông bà hay cha mẹ họ để lại? Tổng số tiền mà họ đã tích lũy được là bằng thu nhập của bao nhiêu triệu người nghèo ở Việt Nam? v.v...

Theo tôi sự khác nhau về chất của vấn đề là ở chỗ: 300 nhà tỷ phú trên thế giới kia hoàn toàn có quyền tự hào chính đáng về con đường làm giàu của họ, càng giàu bao nhiêu thì họ lại càng tự

hào bấy nhiêu. Còn nếu như có một danh sách tương tự ở Việt Nam (đa triệu phú USD chẳng hạn), thì chưa chắc những người có tên trong danh sách ấy lại có được niềm tự hào đó. Chẳng phải là cũng đã từng hô hào rất nhiều, nhưng ở Việt Nam có rất ít người dám làm cái việc kê khai này tới tới chốn đó sao? Tôi tin là ông Lê Khả Phiêu cũng rất thấm thía điều này.

Một cuộc Trưng Cầu Dân Ý như hai tác giả Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân đề nghị, nếu nó được tiến hành sẽ là cuộc tổng diễn tập cho một bước dân chủ cao hơn. Đó là: dân tộc Việt Nam phải được quyền tự mình lựa chọn giữa thể chế chính trị dân chủ đa nguyên và đa đảng của thời đại mới, hay là cứ phải tiếp tục duy trì mãi thể chế nhất nguyên, đơn đảng của “thời đại Hồ Chí Minh” đầy đau thương hôm qua, lăm bất công hôm nay và vô vàn những rủi ro, bất trắc vào ngày mai. Tôi nghĩ rằng nếu toàn thể dân tộc ta ở cả trong và ngoài nước, một khi đã nhận thức lại được đúng những vấn đề của quá khứ và hiện tại, thì sẽ vượt qua được những khoảng cách biệt còn lại. Để trong tương lai có thể đoàn kết thành một khối thống nhất, tạo ra được một sức mạnh tổng hợp, nhằm đấu tranh có hiệu quả hơn với các thế lực bảo thủ hiện nắm thực quyền trong ĐCS Việt Nam.

Trong thực tế có những người giận ngày “quốc hận” 30 tháng 4, giận mùa xuân năm 1975, rồi giận lây sang cả mùa thu năm 1945 với cuộc Cách Mạng Tháng 8 lịch sử, vì cho rằng đây là chiến công riêng do CT Hồ Chí Minh và ĐCS Đông Dương lúc đó lãnh đạo. Theo tôi đây là điều chứa đựng nhiều sai lầm, bởi vì để có được sự thành công của cuộc CMT8 phải là do chiến công chung, trong đó có cả vai trò của các đảng phái khác. Tất cả lúc ấy đều đã sẵn sàng gác bỏ mọi quyền lợi riêng, để cùng đồng lòng đứng lên giành lại nền độc lập tự do cho Tổ Quốc. Nó cũng là kết quả được hun đúc bởi truyền thống dựng nước và giữ nước từ ngàn đời xưa, từ lịch sử gần 100 năm kháng Pháp của ông cha ta, và mọi người Việt Nam đều có quyền tự hào chính đáng về nó. Với một nước Việt Nam mới, chắc chắn trang sử hào hùng ấy

của dân tộc cũng phải được các sử gia viết lại cho khách quan và chính xác hơn. Một ngày hội lớn về dân chủ của non sông nhất định sẽ được mở ra trong tương lai, khi mà khối đoàn kết toàn dân gồm 80 triệu người, với hơn 76 triệu đồng bào ta ở trong nước và gần 3 triệu đồng bào ta ở ngoài nước đã được xác lập. Đó là niềm tin mãnh liệt của tôi!

Tháng 7 năm 2001.

SUY NGHĨ VỀ NHẬN THỨC LẠI

*Đất nước 30 năm cầm súng
Mà vàng trắng vẫn xẻ làm đôi.*

Vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, có ai đó đã viết nên hai câu thơ trên để nói lên tâm trạng day dứt của mình trước nỗi đau đất nước vẫn còn bị chia cắt.

Có lẽ anh là một người lính Trường Sơn ra đi từ một vùng quê nào đó trên miền Bắc, hoặc anh là một cán bộ miền Nam tập kết nay được trở về với quê mẹ thân yêu. Niềm tin và ước vọng của anh là mong sao cho đất nước sớm được thống nhất, núi sông liền một dải, để Bắc - Nam xum họp một nhà. Chúng hòa với nỗi day dứt trên rồi quyện lại như những lời trong một bài hát quen thuộc ngày ấy:

“... Thôn quê tro tàn bay, phố lớn tôi bồi cháy, ra đi ước hẹn ngày về thăm quê, một ngày mai khải hoàn vui chan hòa...”

Rồi ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến, nếu còn sống có thể anh cũng sẽ có mặt ở một trong năm cánh quân lớn hội tụ về thành phố Sài Gòn và như bao đồng đội khác của mình, anh đi giữa Sài Gòn mà ngỡ như đang đi trong mơ, rồi tự hỏi sao ta vẫn như ngày thơ khi tuổi đã lớn rồi? Một cách tự nhiên anh có những dự phóng về tương lai: Tổ Quốc ta từ nay đã vĩnh viễn sạch bóng xâm lăng, rằng sẽ không có chuyện người Việt Nam thắng người Việt Nam mà chỉ có người Việt Nam thắng Mỹ, rồi đây cả nước sẽ cùng chung sức chung lòng đi lên CNXH, v.v...

Nhưng đây là chuyện của ngày mai, còn lúc này đây anh muốn hòa nỗi vui riêng của mình với niềm vui chung của đồng chí, đồng bào mà hát vang những lời ca cách mạng: *“... Sài Gòn ơi! Đây Hà Nội cùng với Huế thân yêu, Trung - Nam - Bắc một nhà cùng hát khải hoàn ca, Sài Gòn ơi! Có vui sướng nào bằng, giữa thành phố tên vàng, Sài Gòn hát ca tên Người: Hồ Chí Minh muôn năm, Hồ Chí Minh muôn năm!...”*. Nhà thơ Tố Hữu vào những ngày tháng ấy cũng đã viết:

*Ôi, nổi mừng dâng mọi nổi mừng
Trào vui nước mắt cứ rưng rưng*

*Cả Việt Nam tiến công, cả Miền Nam nổi dậy
Đồn dập tim ta, trăm trận thắng bùng bùng...*

*Ôi, buổi trưa nay, tuyệt trần nắng đẹp
Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta
Chúng con đến, xanh ngời ánh thép
Thành phố tên Người lòng lấy cờ hoa.*

*Cho chúng con giữa vui này được khóc
Hôn mỗi đứa em, ôm mỗi mẹ già*

*Như lòng Bác, mỗi khi Bác đọc
Đồng bào Miền Nam, mắt kính bỗng nhòa.*

*Chúng con sẽ gấp trăm lần mạnh
Đứng gác biển trời tươi mát màu lam
Bởi có Bác từ nơi đây ra đi tìm Đường cách mệnh
Cho chúng con nay được trở về, vĩnh viễn Việt Nam !
(Toàn Thắng Về Ta — 1.5.1975).*

Tuy nhiên cũng rất có thể anh lại thuộc một trong số những người “tiêu cực” hơn, với biết bao câu hỏi cứ quay cuồng trong đầu mà nếu chỉ với những gì được nhà trường, quân đội giáo dục và đào tạo từ trước tới nay thì không sao giải đáp nổi.

Đó là:

- Tại sao trên những chặng đường tiến quân từ Tây Nguyên xuống miền duyên hải rồi về thành phố, nhưng cứ hễ mình “giải phóng” đến đâu thì đồng bào Miền Nam lại hốt hoảng chạy trước đến đó? Rõ ràng nếu chỉ để tránh hòn tên mũi đạn không thôi thì cứ ở nhà có khi lại còn an toàn hơn, vậy thì đồng bào mình đi tránh cái gì?

- Tại sao chỉ có tiến công mà không có phong trào nổi dậy của quần chúng?

Tại sao số lượng những “Cô gái Sài Gòn đi tải đạn” lại ít hơn

mình tưởng rất nhiều ! Như vậy “vàng trắng” của dân tộc nay đã hòa làm 1 hay lại còn chia 5, xẻ 7? Và nữa: liệu cuộc chiến tranh này có thể tránh được hay không? v.v...

Kiên trong Nỗi Buồn Chiến Tranh của nhà văn Bảo Ninh có thể là một trong những người như vậy. Anh cũng có mặt ở sân bay Tân Sơn Nhất vào cái ngày 30 tháng 4 năm ấy, nhưng trước những niềm vui đến tột cùng của đồng đội thì anh lại không sao vui được. Chiến tranh với những nỗi mất mát chia ly của cả dân tộc, của đồng đội và của chính mình chợt ùa về và ập vào tâm hồn anh, chúng như những ngọn lửa đốt cháy tâm can anh khiến anh đau đớn. Kiên khác với đa số và tất nhiên anh cũng khác với nhà thơ Tố Hữu.

Hôm nay đây, cũng giữa những ngày tháng 4 này, khi chiến tranh đã có độ lùi hơn một phần tư thế kỷ, và nhất là khi đất nước vừa bị phân hóa sâu sắc, vừa bị tụt hậu quá xa so với thế giới, thì lại càng cần có những chàng Kiên biết đau trong hòa bình cũng như trước kia họ đã biết buồn trong chiến tranh. Thực chất chính là việc nhận thức lại những vấn đề lớn đã phát sinh trong lịch sử dân tộc ta ở thế kỷ 20 vừa qua xem cái nào là thực sự có giá trị, cái nào không? Từ đó mới có cơ sở tốt để tìm được lối ra cho đất nước hôm nay.

Phần I — Chiến tranh.

Những nguyên nhân sâu xa của hai cuộc chiến tranh Đông Dương (1946 — 1975):

Tháng 5 năm 1945, Berlin được giải phóng, phát xít Đức đầu hàng không điều kiện phe đồng minh, nhưng phải hơn 3 tháng sau, ngày 15 tháng 8 thì cuộc chiến tranh thế giới thứ II mới thực sự kết thúc, đánh dấu bằng sự đầu hàng của Nhật hoàng.

Nước Mỹ tuy cũng trực tiếp tham chiến, nhưng trong khi gần như cả thế giới kiệt quệ, thì do những lợi thế, đặc biệt là về mặt địa lý đã giúp nước này vươn lên sau chiến tranh với nhiều

cái nhất: giàu nhất (có nền công nghiệp, nông nghiệp phát triển mạnh mẽ và có lượng vàng dự trữ lớn nhất thế giới,...), có tiềm lực quân sự mạnh nhất, kể cả việc nắm độc quyền và sau đó vẫn nắm ưu thế về vũ khí nguyên tử, v.v... Tất cả đã đưa nước Mỹ trở thành một cường quốc đứng đầu thế giới tư bản, mà có nhiều người còn gọi là thế giới tự do hay thế giới dân chủ.

Trong một diễn biến lớn khác là sự ra đời của một loạt bảy nước XHCN nữa ở Đông Âu, các nước này cùng với hai nước Liên Xô và Mông Cổ hình thành nên một hệ thống XHCN thế giới gồm 9 nước do Liên Xô đứng đầu. (Thực ra còn có thêm Nam Tư, nhưng đã bị Stalin “*rút phép thông công*” năm 1948, khi ông ta cho rằng tổng thống Tito của nước này đã đi chệch hướng XHCN.). Sau có thêm bốn nước vẫn còn sót lại đến ngày nay là Trung Quốc (1949), Bắc Triều Tiên (1953), Việt Nam (miền Bắc 1954, cả nước sau 1975) và Cuba (1959).

Mỹ và Liên Xô tuy là đồng minh giai đoạn của nhau trong chiến tranh thế giới thứ II, nhưng điều đó không đủ để hai nước này tiếp tục giữ được mối quan hệ ấy trong hòa bình. Sự khác biệt về ý thức hệ vốn có đã lấn át tất cả, với những vết rạn nứt được ghi nhận ngay từ hội nghị Yalta tháng 2-1945, khi chiến tranh đang bước vào giai đoạn cuối ác liệt. Chúng phát triển ngày càng lớn để trở thành mâu thuẫn sâu sắc và bao trùm nhất, chi phối toàn bộ mối quan hệ của hai nước trong giai đoạn mới, rồi cuối cùng chuyển hẳn sang thế đối đầu. Sự đối đầu của hai nước lớn đã kéo theo sự đối đầu của cả hai phe. Cuộc chiến tranh lạnh trên thế giới bắt đầu.

Cũng sau năm 1945, hệ thống thuộc địa trên thế giới đã bị rung chuyển mạnh với phong trào đòi độc lập của các nước thuộc địa ngày càng dâng cao. Phần lớn các nước này trong chiến tranh đều đã cùng phe đồng minh gồm các nước lớn như Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô chống phát xít. Nay họ lại được hệ thống XHCN mới ra đời vừa trực tiếp, vừa gián tiếp hết lòng động viên, cổ vũ cho nguyện vọng chính đáng của mình.

Đứng trước tình hình ấy, các nước chủ thuộc địa lớn trên thế giới lúc bấy giờ như Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Bỉ,... bị đẩy vào tình thế khó khăn buộc phải lựa chọn: một là chủ động trao trả lại quyền độc lập cho các nước thuộc địa (thông qua các giai cấp quý tộc hoặc tư sản bản địa), giúp các nước này phát triển kinh tế và lôi kéo họ vào quỹ đạo của mình. Hai là cứ tiếp tục cố giữ cho bằng được quyền cai trị như cũ, để rồi rất có thể sẽ bị nhân dân các nước ấy vùng lên giành lại quyền độc lập và sau đó là rơi vào quỹ đạo của chủ nghĩa cộng sản. Cân nhắc kỹ lợi hại họ đã chọn phương án I, bởi vì nguy cơ bành trướng của phong trào cộng sản nói chung và của hệ thống XHCN nói riêng mới là lớn nhất. Nó lấn át tất cả những mối lợi do các nước thuộc địa có thể đem lại cho họ.

Ở đây lại càng nổi bật lên vai trò lãnh đạo số 1 của nước Mỹ đối với thế giới tư bản: khi thì khuyến khích, động viên; khi phải dùng đến sức ép viện trợ kinh tế nhằm “thuyết phục” các nước đồng minh của mình. Để thực hiện được điều này nước Mỹ cũng đã gặp không ít những khó khăn. Bởi vì do sinh sau đẻ muộn nên nước Mỹ có rất ít thuộc địa, trong khi các nước như Anh, Pháp,... lại có rất nhiều. Không phải là các nước kia đã chấp thuận dễ dàng ngay từ đầu, nhưng cuối cùng họ đã nhận ra nguy cơ của vấn đề và đồng ý với quyết tâm của phía Mỹ.

Vì vậy chỉ trong vòng bốn năm từ 1945 -1949 đã có hàng loạt nước trên thế giới vốn là các nước thuộc địa hay bảo hộ nhận được quyền độc lập, mà không hề phải qua con đường khởi nghĩa vũ trang hay bạo động. (Trong bài Việt Nam Đất Nước Tôi, viết vào tháng 6.2000, tôi đã có liệt kê một loạt nước như vậy).

Thậm chí như trường hợp của Malaysia, tuy phong trào cộng sản ở nước này đã bị đàn áp và thất bại nặng nề nhưng vẫn được chính phủ Anh trao trả lại quyền độc lập vào năm 1957. Miễn là Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ yên tâm rằng: các nước ấy sẽ không đi vào quỹ đạo của CNCS. (Một điểm nữa để

thấy rõ hơn: Mỹ và Nhật hoặc Mỹ, Anh, Pháp với Tây Đức là những nước từng đánh nhau chí tử trong chiến tranh thế giới thứ II, nhưng đã dễ dàng trở thành đồng minh của nhau trong hòa bình, vì các nước này đều cùng có chung một ý thức hệ, cùng có quyết tâm ngăn chặn phong trào cộng sản đang có xu hướng bành trướng mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới.).

Trường hợp của xứ Đông Dương thuộc Pháp, trong đó có Việt Nam thì vấn đề lại có nét đặc thù: nước Pháp lúc đầu quay trở lại Đông Dương là hòng muốn cướp lại vùng đất thuộc địa cũ đã mất. Nhưng sau đó như trên đã trình bày, nước Pháp cũng buộc phải theo xu hướng chung là tìm cách trao trả lại nền độc lập cho vùng đất này. Vấn đề là họ sẽ trao trả lại cho ai để bảo đảm rằng: Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung sẽ không bị rơi vào quỹ đạo của phong trào cộng sản.

Người Pháp buộc phải nghĩ đến giải pháp Bảo Đại, mặc dù trong thâm tâm họ cũng biết rõ uy tín của vị cựu hoàng này đối với dân tộc Việt Nam là rất giới hạn: thời Pháp cai trị ông làm vua thì nhất nhất theo lệnh Pháp. Đúng ngày 9.3.1945 khi Nhật đảo chính Pháp thì ông còn đang bận đi săn. Sau đó trước tình cảnh hai triệu đồng bào ta bị chết đói do quân Nhật gây ra, thì ông cũng không có lấy một hành động nào khả dĩ chấp nhận được để an ủi các “thần dân” của mình. Ông không có cái dũng khí của các vị vua cũng của triều Nguyễn như Thành Thái, Duy Tân trước đó.

Mặc dù vậy trong năm 1947 nước Pháp vẫn đăng ký với Liên Hiệp Quốc rằng: các nước Đông Dương là các quốc gia độc lập và hai năm sau tại điện Elysée, đích thân tổng thống Pháp Vincent đã chính thức trao trả lại quyền độc lập cho Việt Nam vào ngày 8.3.1949 với đại diện là cựu hoàng Bảo Đại. Sau đó là cho Lào 20.7 với quốc vương Sisavangvong, Campuchia 8.11.1949 với quốc vương N. Sihanouk.

Khách quan mà nhận xét rằng so với cựu hoàng Bảo Đại thì uy tín của CT Hồ Chí Minh đối với dân tộc lúc ấy là cao hơn

nhiều: một Hồ Chí Minh lãnh tụ Việt Minh đã nhảy bèn với tình hình, sớm trở về nước để cùng với bộ tham mưu của ông chỉ đạo phong trào cách mạng. Một Hồ Chí Minh kịp thời đưa ra khẩu hiệu “*Phá kho thóc Nhật, cứu dân!*” đã thực sự đi vào lòng người. Vì ơn ấy có thể ví như ơn cứu mạng đối với nhiều triệu đồng bào ta ở Miền Bắc lúc bấy giờ. Ông cũng lại có những hành động khéo léo về mặt kỹ thuật để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng, và cũng biết cách che giấu nhân dân nguồn gốc cộng sản của mình, v.v...

Trong một diễn biến khác, người ta cũng thấy đa số lãnh tụ của các đảng phái lớn lúc ấy như các cụ Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, v.v... vẫn còn lừng khùng mãi ở biên giới Việt — Trung chưa chịu về. (Chỉ đến sau ngày 2.9.45 các cụ mới theo chân đoàn quân của Tưởng Giới Thạch, do các tướng Lư Hán, Tiêu Văn cầm đầu vào Việt Nam để tước vũ khí quân Nhật) Dĩ nhiên nói như vậy tôi không hề có ý định phủ nhận lòng yêu nước của các cụ, lại càng không có ý phủ nhận công lao của các đảng phái khác trong thành công của Cách Mạng Tháng 8, mà chỉ muốn nói lên sự thiếu nhảy bèn đối với tình thế cách mạng Việt Nam lúc ấy của các lãnh tụ nói trên.

Nhưng người Pháp vẫn dứt khoát không chịu trao trả lại nền độc lập cho Việt Nam thông qua CT Hồ Chí Minh, mặc dù trên danh nghĩa lúc ấy ông là chủ tịch chính thức của Chính Phủ Liên Hiệp nước Việt Nam DCCH, do quốc hội khoá I bầu ra tháng 3 năm 1946. Bởi vì hơn ai hết, họ biết rất rõ nguồn gốc của ông là người của Quốc Tế Vô Sản III hoạt động tại vùng Đông Nam Á. Hồ sơ về ông đã được cảnh sát Pháp mở ra từ gần 30 năm trước tại Paris, và họ vẫn thường theo dõi bước chân ông từ thuở ấy. Vì vậy cả người Pháp lẫn người Mỹ đều lo ngại về một nước Việt Nam cộng sản sau đó, và sự lo ngại ấy theo họ là hoàn toàn có cơ sở.

Điều này cũng giải thích vì sao mà tổng thống Mỹ H. Truman đã hơn một lần làm ngơ trước những bức thư của CT Hồ Chí

Minh, đề nghị nước Mỹ giúp ông lấy lại nền độc lập từ tay người Pháp.

Tình hình lại càng trở nên nghiêm trọng hơn đối với thế giới tư bản sau khi cách mạng Trung Quốc thành công, nước CHND Trung Hoa ra đời vào ngày 1.10.1949. (Theo đánh giá của nhiều nhà sử học Mác xít thì nó có ý nghĩa như “Một quả tạ ném vào một đĩa cân, làm cho cán cân lực lượng nghiêng hẳn về phe XHCN”). Những nhà lãnh đạo mới ở đây, đứng đầu là Mao Trạch Đông, dù nay đã khoác áo cộng sản nhưng bản chất bá quyền nước lớn có từ ngàn năm xưa là không thay đổi. Họ không hề che giấu ý đồ muốn bành trướng lãnh thổ sang các nước khác trong khu vực (Xem bản đồ do Trung Quốc vẽ thì cũng thấy rõ dã tâm này). Trước tiên họ muốn dùng hai bán đảo Triều Tiên và Đông Dương làm bàn đạp, vì vậy hai điểm nóng trong điều kiện chiến tranh lạnh trên thế giới đã có nguyên do trực tiếp là vậy.

Ở Việt Nam ngay từ đầu năm 1950, nước CHND Trung Hoa đã nhanh chóng công nhận chính phủ kháng chiến của CT Hồ Chí Minh và thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ (sau đó mới là Liên Xô và các nước XHCN khác). Cuối năm 1950 Việt Nam mở chiến dịch Biên Giới để thông thương với Trung Quốc và các nước khác trong phe XHCN. Đầu năm 1951 ĐCS Đông Dương nhóm họp đại hội lần thứ II tại Tuyên Quang, dưới sự chủ tọa của chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định tách ba đảng của ba nước Đông Dương ra cho phù hợp với tình hình cách mạng của mỗi nước. Riêng Việt Nam đổi tên thành Đảng Lao Động Việt Nam (năm 1976 đổi thành ĐCS Việt Nam), trong điều lệ mới của đảng ghi rõ:

“...ĐLĐ Việt Nam lấy học thuyết Mác - Ăngghen - Lênin - Stalin và tư tưởng Mao Trạch Đông, kết hợp với thực tế của cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng của đảng và kim chỉ nam cho mọi hành động...”. (Có người bảo rằng nghe nó giống món... lẩu thập cẩm của các bà nội trợ!). Rất nhiều người từng hăng hái đi theo kháng chiến từ năm 1945 đã bỏ về sau sự kiện này, bởi vì đây

không phải là lý tưởng mà họ hằng theo đuổi. (Ở đây chúng ta cũng cần phải nhìn nhận lại một điều quan trọng nữa là: vào thời điểm ấy vẫn chưa thấy ai trong ĐLĐ Việt Nam nói gì đến tư tưởng Hồ Chí Minh, chính xác hơn là cũng có người đề cập đến, nhưng đã bị chính CT Hồ Chí Minh thẳng thắn bác bỏ, vì ông cho rằng ông không hề có nó. Còn nếu ai đó có ý kiến: biết đâu sau đó ông mới hình thành tư tưởng của mình chẳng? Nhưng tôi không tin rằng một người nào đó, dù có là vĩ nhân đi chăng nữa, một khi đã bước qua tuổi 60 rồi mới hình thành nên một cái gì đó gọi là tư tưởng cho mình và cho dân tộc. Lại có người cho rằng: chẳng qua là do cụ Hồ quá khiêm tốn nên cụ không nhận đấy thôi, chú thực ra là cụ đã có tư tưởng của mình trước đó rồi! Nhưng theo tôi thì ngay cả điều này cũng không có sức thuyết phục, và xin được trình bày thêm về việc ông có đức tính ấy hay không vào một dịp khác khi có điều kiện.)

Trước những diễn biến dồn dập từ sau sự xuất hiện của yếu tố Trung Quốc nói trên, đã khiến cho nước Mỹ càng tích cực hơn với vai trò của mình, họ ráo riết thực hiện những mục tiêu chiến lược đã vạch ra cùng với các nước đồng minh.

Tổng thống Mỹ H.Truman (giai đoạn 1945 - 1953) tuyên bố:

“Hoa Kỳ phải giúp bất cứ quốc gia nào có sự đe dọa của cộng sản” và “Nếu một quốc gia ở Đông Nam Á rơi vào tay cộng sản thì các quốc gia khác sẽ lần lượt lọt vào tay cộng sản như một dây có domino vậy.”

Bốn đời tổng thống Mỹ sau ông chỉ là sự tiếp nối ở những mức độ khác nhau trong việc cụ thể hóa những quan điểm trên.

Hàng loạt các hiệp ước quân sự song phương hoặc đa phương đã được nước Mỹ thúc đẩy ký kết sau đó ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương như: ANZUS ký với Australia và Newzealand năm 1951, Mỹ - Nhật rồi Mỹ - Philippines (1951), Mỹ - Nam Hàn (1953), Mỹ - Anh - Pháp với Australia - Newzealand - Philippines - Pakistan - Thái Lan năm 1954 (SEATO). Tất cả kết hợp

với NATO ở châu Âu, CENTO ở Trung Đông, v.v... tạo nên một mạng lưới an ninh phòng thủ liên hoàn với nhiều tầng nấc trên khắp thế giới, đều nhằm mục đích ngăn chặn nói trên.

Chẳng những là tích cực với chiến tranh lạnh, nước Mỹ đã trực tiếp nhảy vào cuộc chiến tranh nóng trên bán đảo Triều Tiên (1950 - 1953). Rồi nước Mỹ cũng hoàn toàn không yên tâm trước sự yếu kém về quân sự của nước Pháp tại chiến trường Đông Dương (nguyên do là nền kinh tế của nước Pháp vẫn chưa gượng dậy nổi sau chiến tranh thế giới thứ II, nay lại càng khó khăn hơn khi yếu tố mới Trung Quốc xuất hiện quá ư “*năng động*”). Vì vậy từ chỗ chỉ gián tiếp giúp đỡ, nước Mỹ đã tìm cách thay chân nước Pháp để trực tiếp nhảy vào can thiệp. Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ II (1954 - 1975) đã có thêm một nguyên nhân sâu xa là vậy.

Từ những trình bày trên ta có thể rút ra những nhận xét sau:

- Nếu như cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ I (1946 - 1954) lúc đầu chủ yếu là do nước Pháp muốn chiếm lại vùng đất thuộc địa cũ của họ, thì càng về sau tính chất cuộc chiến càng thay đổi, để vừa trở thành điểm nóng của cuộc đối đầu giữa hai phe TBCN và XHCN, vừa chứa đựng những mưu đồ bành trướng của chính quyền Bắc Kinh đối với Việt Nam nói riêng và các nước trong khu vực nói chung. (Một điểm nữa để thấy rõ hơn: sau năm 1975 đất nước ta đã phải bước tiếp vào hai cuộc chiến tranh nữa ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, mà nguyên nhân sâu xa đều do chính quyền Bắc Kinh gây ra, mặc dù cả hai nước xét về nguyên tắc là cùng có chung một ý thức hệ. Ngay cả đến hôm nay, Việt Nam và các nước trong khu vực vẫn luôn phải đối phó khó khăn với nguy cơ này.).

- Dù cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945 có diễn ra hay không; thành công hay thất bại thì người Pháp cũng sẽ vẫn quay trở lại Đông Dương. Nhưng sau đó họ cũng buộc phải trao trả lại nền

độc lập cho các nước này vào khoảng giai đoạn từ 1945 đến 1950. Tình hình chung trên thế giới và hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á đều chứng minh như vậy. Tôi cũng vẫn muốn một lần nữa nhấn mạnh rằng đây là thực tiễn lịch sử mang tính phổ quát, chứ tôi không hề có ý định làm cái anh chàng “*Khổng Minh sau trận đánh*”! Lại càng không có ý phủ nhận ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách Mạng Tháng 8. Đây là chiến công chung của cả dân tộc và mọi người dân Việt Nam đều có quyền tự hào về nó.

Có ý kiến cho rằng: điều quý nhất là dân tộc phải chủ động đứng lên đấu tranh giành lại độc lập, tự do cho mình, chứ lại đi chờ người Pháp trao trả thì nếu có được cũng chỉ là độc lập giả hiệu; nền kinh tế nếu có hóa Rong thì cũng chỉ là phồn vinh giả tạo mà thôi!... Dĩ nhiên đây cũng là một ý kiến cần được nhiều người phân tích kỹ hơn. Nhưng nếu bây giờ hãy thử để cho nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước trên cùng được lựa chọn giữa con đường của đất nước ta với con đường mà các nước ấy đã đi trong hơn nửa thế kỷ qua, thì tất cả sẽ chọn con đường nào?

Chúng ta cũng nhìn thẳng vào thực tiễn xem trong suốt gần nửa thế kỷ qua, đã có bao giờ dân tộc được quyền tự do chọn con đường đi cho mình chưa? Hay tất cả đều đã bị đặt vào sự đã rồi, khi mà chính quyền cách mạng đã được thiết lập, nền chuyên chính vô sản đã được củng cố? Theo tôi thì chưa bao giờ nhân dân Việt Nam ở cả hai miền Nam - Bắc đã chọn con đường CNXH cho mình. Đó là điều khẳng định. Nếu những người hiện nắm thực quyền trong ĐCS Việt Nam không tin như vậy, xin hãy tạo điều kiện để cho dân tộc được hỏi ý kiến về chính điều ấy hoặc bất cứ điều nào mà họ vẫn thường khẳng định rằng: “*Đây là sự lựa chọn của nhân dân và của lịch sử!*”

- Về mặt hình thức thì việc nước Mỹ trực tiếp đưa quân vào miền Nam Việt Nam tham chiến, rồi sau đó mở rộng chiến tranh phá hoại ra Miền Bắc bằng cả không quân và hải quân là một cuộc chiến tranh xâm lược. Nhưng mục đích thực sự của Mỹ là

chỉ thuần túy muốn ngăn chặn phong trào cộng sản tràn xuống toàn vùng Đông Nam Á. Nó được thể hiện rõ qua ý đồ của Trung Quốc muốn dùng Việt Nam làm bàn đạp. Đây không phải là một cuộc chiến tranh xâm lược nhằm tranh giành thuộc địa của người Pháp; vì nếu là như vậy nước Mỹ đã có những động thái khác rất dễ nhận ra. Những ý kiến khác như: do sự thúc đẩy từ phía sau hậu trường của giới lái súng hoặc của giới tài phiệt trong các ngành công nghiệp phục vụ chiến tranh của Mỹ, v.v... theo tôi cũng là những nguyên nhân, nhưng không phải là nguyên nhân chính. Chúng chỉ là phụ và có tính hệ quả sau đó.

- Nguyên nhân của cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng trước hết và chủ yếu là xuất phát từ các yếu tố bên ngoài và yếu tố thời đại. Chúng có tính giai đoạn, chứ không phải chủ yếu xuất phát từ những mâu thuẫn trong nội bộ dân tộc hoặc giữa các dân tộc trong bán đảo Đông Dương. Vì vậy hôm nay khi những nguyên nhân trên đã mất đi, thì trong nội bộ dân tộc ta, cũng như giữa 3 nước Đông Dương với nhau là hoàn toàn có cơ sở để hàn gắn được những vết thương đã phát sinh trong quá khứ.

Ngày cả giữa hai dân tộc Việt - Mỹ cũng là như vậy: hôm nay xét trên bình diện quốc tế thì mâu thuẫn giữa hai ý thức hệ xưa kia đã đi vào dĩ vãng, sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu. Sẽ thật là vô lý khi những mâu thuẫn đã mất đi rồi mà vẫn còn duy trì thế đối đầu. Đây là hậu quả của căn bệnh “*dich - ta*” do cuộc chiến tranh lâu dài để lại. Còn nay, khi hòa bình đã lập lại bao năm thì cần phải đẩy lui nó, nhằm mở ra một trang sử mới trong quan hệ giữa hai nước. Trừ những người cứ muốn cố giữ nó cho ý đồ câu giờ thiếu lương thiện của họ. Chính họ đang chống lại cả dân tộc và trào lưu dân chủ tiến bộ trên thế giới.

(Những nguyên nhân trong nội bộ dân tộc cũng có nhiều. Ví dụ như sự xung đột giữa các đảng phái. Việc không chịu thi hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào năm

1956, theo tinh thần hiệp định Genève năm 1954 của chính phủ do tổng thống VNCH Ngô Đình Diệm lãnh đạo. Rồi chủ trương thống nhất đất nước bằng con đường bạo lực cách mạng của ĐLĐ Việt Nam, v.v... Nhưng theo tôi tất cả những điều đó đều diễn ra sau và đều chịu sự chi phối nặng nề bởi các yếu tố bên ngoài và yếu tố thời đại nói trên. Tôi xin được trình bày cụ thể hơn vào 1 bài khác.)

- Nếu cho rằng CT Hồ Chí Minh và các đồng chí thân cận của ông đã bằng mọi nỗ lực đưa dân tộc vào quỹ đạo của CNXH thì đúng, nhưng nếu lại nói đấy là con đường duy nhất để Việt Nam giành được quyền độc lập là sai. Lại càng sai hơn nữa khi gắn vào đấy những giá trị như: dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái, hạnh phúc, ấm no, v.v... Một điểm nữa để thấy rõ hơn cho nhận xét này:

Trong giai đoạn từ 1954 đến 1969 là năm CT Hồ Chí Minh qua đời thì những sự kiện lớn như: các chiến dịch cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, tập trung cải tạo những người từng phục vụ cho Pháp trước năm 1954. Các vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, Xét Lại Chống Đảng,... vẫn cứ diễn ra ở miền Bắc, khiến cho biết bao con người bị bắt oan, chết oan, tài sản của họ bị tước đoạt, v.v... khi mà ông vừa là chủ tịch nước Việt Nam DCH, kiêm chủ tịch BCH TƯ ĐLĐ Việt Nam. Ông cũng lại là người tán thành và tích cực ủng hộ bản Đề Cương Đường Lối Cách Mạng Miền Nam, do cố tổng bí thư Lê Duẩn đề xướng (mà nội dung cơ bản của nó là: dùng bạo lực cách mạng để thống nhất đất nước.).

Nói lên những vấn đề trên tôi không có ý định quy kết lỗi cho CT Hồ Chí Minh - một người đã mất trên 30 năm rồi. Hơn nữa đâu có muốn thì cũng không ai làm lại được lịch sử, mà chỉ muốn nói rằng: bao năm qua nhân dân đã phải nghe quá nhiều và quá lâu những điều đại loại như: “*Miền Nam nhờ mãi ơn Người*” hay là “*Đảng đã mang về tuổi xuân cho nước non*”, v.v... thì hôm

nay cả dân tộc rất cần thiết phải định lượng lại những giá trị ấy. Chúng có ít hay nhiều? Thực hay ảo?

Tôi đã liêu minh “*lấn sân*” để làm cái công việc của các nhà sử học đáng kính, vì đây không phải là lĩnh vực chuyên môn của tôi. Tôi tin rằng các nhà sử học Việt Nam, nhất là ở trong nước đã càng ngày càng nhận ra sự thật đầy đủ hơn của những vấn đề trên. Chắc chắn khi có điều kiện để viết đúng với suy nghĩ của mình thì các anh chị sẽ viết tốt hơn tôi rất nhiều. Điều quan trọng là chúng ta có đủ can đảm để nhìn thẳng vào nó hay không. Dù có khi phải trải qua một cuộc giải phẫu đau đớn, nhưng sau cơn phẫu thuật ấy mới có thể làm cho dân tộc hồi sinh được. Ngược lại, nếu chúng ta cứ tiếp tục ngoảnh mặt làm ngơ hoặc im lặng mãi, sẽ chỉ dung dưỡng cho những yếu tố tiêu cực ẩn nấp, để chúng lại tiếp tục làm hại dân tộc mà thôi.

Chiến tranh với biết bao chia ly, mất mát mà rất ít gia đình Việt Nam nào có thể tránh được. Nó cũng làm cho 58.000 gia đình người Mỹ có thân nhân bỏ mạng ở vùng đất Đông Dương xa xôi. Ngay như nước Úc thanh bình này cũng đã bị cuốn hút vào đấy, để rồi cũng đã có 504 quân nhân tử trận. Tất cả những vết thương lòng ấy đều không phải dễ dàng chữa lành trong một sớm một chiều. Chúng ta hãy đọc một đoạn nhật ký sau trong thời kỳ chiến tranh:

Ly, con mẹ...

9 - 5 - 1968

Ly con mẹ tròn 17 tháng. Một ngày đẹp và thân yêu làm sao. Ly ơi, ngày hôm nay ở Mỹ có nắng không? Con còn ở Mỹ hay đã ra Hà Nội rồi? Mẹ đang ở giữa rừng, rừng tràn ngập ánh nắng và bình sáng lên như chúc mừng con thân yêu. Mẹ nghĩ đến con ngay từ lúc mở mắt ra. Mẹ thầm nhủ một mình: Hôm nay con ta đã 17 tháng rồi. Con đã lớn lên một tháng mà mẹ không biết. Một tháng qua con sống ra sao hả Ly? Con có khỏe không? Có bị sốt, bị đi ỉa chảy hay

không? Chắc con quên mẹ rồi. Mẹ cũng mong con chóng quên mẹ đi để con đỡ nhớ. Còn mẹ: lúc nào mẹ cũng nghĩ đến con, nhớ con nhiều lúc tưởng như không chịu nổi. Sáng nay có lần bỗng đứng mẹ hét to lên: Hôm nay con tôi tròn 17 tháng đây.

(Tiếng Việt lớp 6 tập 1 - NXB Giáo Dục 1997. Tr 52).

Người mẹ thương nhớ con hết mực nhường ấy đã không bao giờ được gặp lại đứa con thân yêu của mình nữa, chị đã ngã xuống tại chiến trường khu 5 một năm sau đó, khi mới ở tuổi 25. Chị là nhà văn Dương Thị Xuân Quý đã cùng chồng là nhà thơ Bùi Minh Quốc xung phong vào chiến trường và gửi đứa con gái duy nhất của hai người ở lại nơi hậu phương.

Dân tộc ta ở cả Miền Nam cũng như Miền Bắc, phía bên này hay phía bên kia, trong những cuộc chiến tranh vừa qua đã có hàng triệu gia đình phải chịu đựng những mất mát lớn lao như vậy. (Theo những số liệu thống kê từ các nguồn khác nhau, tuy có những khác biệt nhất định, nhưng đều đưa ra con số dự đoán là có khoảng từ 3 đến 4 triệu người chết.)

Vấn đề là hôm nay trong nội bộ nhân dân có tự hàn gắn được cho nhau những vết thương trong quá khứ ấy hay không? Sự đoàn kết dân tộc nhằm đấu tranh cho một nước Việt Nam mới cũng chỉ có thể có được sau đó. Theo tôi mâu thuẫn của dân tộc ta hôm nay không phải là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, mà là mâu thuẫn giữa đại bộ phận dân tộc, kể cả những đảng viên thường cùng toàn bộ hai giai cấp lớn là công nhân và nông dân, với một thiểu số giai cấp thống trị hiện đang nắm thực quyền trong ĐCS Việt Nam. Mâu thuẫn này là đối kháng và càng ngày càng không có cơ sở dung hòa.

Nói về sự nhận thức lại tôi muốn được đề cập đến trường hợp của nhà thơ Tố Hữu. Tôi không có mối liên hệ nào trực tiếp với ông, nhưng vì có nhiều người đã ví ông như “*Người thư ký của cách mạng Việt Nam*” trong thế kỷ 20 vừa qua, nên đó là lý do để tôi viết những dòng sau đây: trong chiến tranh đã có biết bao thế

hệ đọc thơ ông, nhiều người đã mang theo nó trên khắp các nẻo đường mặt trận. Bởi vì có lẽ ông đã nói giúp họ về nỗi đau đất nước bị chia cắt:

*...Ai về với quê hương ta tha thiết
Sông Hương, Bến Hải, Cửa Tùng...
Ai vô đó với đồng bào, đồng chí
Nói với nửa - Việt Nam yêu quý
Rằng: nước ta là của chúng ta
Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa!
Chúng ta con một cha, nhà một nóc
Thịt với xương tim óc dính liền...
(Ta Đi Tôi - tháng 8.1954)*

Và mơ ước về một ngày mai khải hoàn, vui chan hòa:

*...Ta lại về ta những đứa con
Máu hòa trong máu đỏ như son
Sài Gòn ơi, Huế ơi! Xin đợi
Tái hợp huy hoàng cả nước non!
(Việt Nam Máu Và Hoa - Xuân 1973).*

Bao lớp người đã ra trận với tinh thần “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*”, bao lớp người đã nằm xuống hoặc để lại một phần tuổi trẻ, thân thể của họ ngoài chiến trường, còn ông thì ở lại với ngôi nhà Lộng Gió của mình! (Mãi tới năm 1973, sau Hiệp Định Paris, ông mới vào Miền Nam trong một chuyến đi ngắn và có bài thơ Nước Non Ngàn Dặm - Tam Đảo, hè 1973). Thơ ông nói rất nhiều đến máu và động viên, cổ vũ cho sự đổ máu. Nhưng là máu dân tộc, máu đồng bào, trừ máu ông! Trong bài Chào Năm Mới 2001 vừa qua, ông lại viết:

*...Ta lắng nghe náo loạn những âm thanh
Tiếng rạn vỡ những lâu đài tư bản
Bọn lái súng, ngân hàng, nghênh ngang ngạo mạn
Gào trong đêm “toàn cầu hóa”, “văn minh”
Xiềng mạ vàng xiết chặt cả hành tinh*

*Và tiếng gấm vang của nhân dân phần nô
 Quét sạch lũ bất lương, xây dựng lại cơ đồ sụp đổ
 Cho sáng lại quê hương Cách Mạng Tháng Mười
 Đổi mới Liên Xô và cả loài người
 Giành lại chủ quyền, tự do, hạnh phúc...*
 (Tố Hữu - tháng 12.2000)

Bất cứ một người đọc nào hôm nay, dù chỉ có một chút tinh thần nhìn nhận lại thôi cũng thấy rằng: Tố Hữu của thế kỷ 21 cũng chẳng khác gì nhiều so với Tố Hữu của mấy chục năm về trước trong thế kỷ 20. Thế giới nào vẫn tiếp tục tồn tại? Còn “*lâu đài*” nào đã đổ vỡ? Và những “*tiếng gấm vang của nhân dân phần nô*” hôm nay là gì? Nếu ông đã nhớ tới Liên Xô, nhớ tới Cách Mạng Tháng 10, thì tôi cũng rất mong ông nhớ tới bài diễn văn đầy tính thuyết phục và dũng cảm của cựu Tổng bí thư ĐCS Liên Xô Mikhail Gorbachev, đọc tại lễ kỷ niệm 70 năm Cách Mạng Tháng 10 Nga (7.11.1917 - 7.11.1987). Đó là một bản tổng kết rất sâu sắc và đầy đủ về toàn hệ thống XHCN nói chung và Liên Xô nói riêng.

Đặc biệt M. Gorbachev đã chứng minh rất thuyết phục rằng: hệ thống ấy đã có những khuyết tật bẩm sinh ngay từ khi nó vẫn còn ở trên giấy. Và nay, 70 năm sau khi nó ra đời thì khuyết tật kia đã phình ra quá lớn. Toàn hệ thống phải can đảm nhìn nhận và quyết tâm giải phẫu nó, nhằm bắt tay vào xây dựng lại từ đầu. Cũng chính vì điều này mà ông sẵn sàng đánh đổi cả sự nghiệp chính trị của bản thân, nhưng trong dịp kỷ niệm lần thứ 70 ngày sinh của mình vừa qua, ông đã phát biểu đại ý: Đóng góp lớn nhất của đời ông là đã góp phần đưa Liên Xô tiến lên trên con đường dân chủ hoá và ông tự hào về điều đó.

Có những người ở Việt Nam đến hôm nay vẫn còn tìm cách đổ lỗi cho M. Gorbachev, cho rằng ông đã phản bội lại hệ thống XHCN thế giới. Nhưng theo tôi đó là do họ không có tinh thần trung thực và dũng cảm như ông, rồi cứ loanh quanh tìm cách lẩn tránh sự thật.

Tố Hữu cũng vậy, tôi thấy ông nhắc nhiều đến những chuyện từ 50 - 60 năm về trước, nhưng còn chuyện xảy ra gần hơn thì lại ít thấy ông nhắc đến: chẳng phải là vào năm 1985, khi còn là Ủy viên bộ chính trị, kiêm Phó chủ tịch thứ nhất Hội Đồng Bộ Trưởng, đặc trách kinh tế, ông cũng đã góp phần không nhỏ gây ra thảm họa cho đất nước, qua việc tích cực hoạch định và chỉ đạo thực hiện chính sách Giá - Lương - Tiền đó sao? Chuyện cũ đã qua, nhưng nếu ông đã nhìn lại quá khứ thì cũng rất mong ông có cách nhìn sao cho toàn diện hơn. Tôi thành thực mong ông như vậy.

Phần II - Hòa bình:

Vào những ngày tháng hòa bình đầu tiên sau bao năm dài chiến tranh, nhà thơ

Tố Hữu đã viết:

*... 29 năm dằng dặc xa quê
nay mới về thăm mừng tái tê
mới được nghe giọng hồn dịu ngọt
Huế giải phóng nhanh, mà anh lại muộn về...*

(trích Bài Ca Quê Hương, tháng 5.1975)

Trong Vui Thế, Hôm Nay ông viết tiếp:

*... Tôi lại nhìn như đôi mắt trẻ thơ
Tổ Quốc tôi chưa đẹp thế bao giờ
xanh núi, xanh sông, xanh đồng, xanh biển
xanh trời, xanh của những giấc mơ
tôi bay giữa màu xanh giải phóng
tầng thấp, tầng cao, chiều dài, chiều rộng
Ôi Việt Nam! yêu suốt một đời
nay mới được ôm Người trọn vẹn, Người ơi!...*

(tháng 8.1975)

Những nỗi mừng tái tê, những giọng hồn dịu ngọt, những giấc mơ xanh và những cú bay với đủ mọi tầng nấc, kích cỡ kia thì ai mà không muốn. Thế nhưng để đánh đổi chúng thì đại bộ

phận dân tộc đã phải trả giá quá đắt. Bởi vì chiến tranh nào phải trò đùa! Chẳng phải đâu xa, ngay ở Huế quê hương ông thôi cũng có biết bao người ở cả hai phía đã phải ngã xuống. Trong đó có hàng ngàn thường dân vô tội đã bị chết oan khiên, tức tử trong dịp tết Mậu Thân năm 1968, với những hố chôn người tập thể lấp vôi vữa. Ông không biết hay cố tình không biết, mà đã quá thờ ơ với những nỗi đau của đồng loại như vậy? Theo tôi có lẽ đó là do cái “*Tinh thần Ba Đình*” đã nhiễm quá nặng vào trong ông, kể từ năm 1954 khi ông về Hà Nội. Ở Việt Nam hôm nay có bao nhiêu người “*giàu tinh thần Ba Đình*” như Tố Hữu?

Trong Chân Dung Và Đối Thoại, nhà thơ Trần Đăng Khoa đã nhận xét:

“...Tố Hữu nhìn cách mạng bằng con mắt lãng mạn của một thi sĩ. Thơ ông dường như chỉ có một giọng. Đó là giọng hát tung bùng ca ngợi cách mạng. Đọc ông trong bất cứ hoàn cảnh nào và tâm trạng nào, ta cũng thấy phấn chấn, náo nức như đi thấy hội. Đến đâu cũng nghe vang vang tiếng trống, tiếng kèn,... nghĩa là không có chỗ nương náu cho những nốt lạc điệu, xa lạ và trầm buồn. Đôi khi những nỗi vu vơ có ở thời Từ Ấy lại lần theo một con đường riêng nhuốm màu thiên nhiên, chìm đắm trong tiềm thức mà tìm về với ông, thì ông lại tự xoa đi, để tiếng hát ông chỉ còn một âm hưởng chủ đạo. Âm hưởng vui bất tuyệt...”

(Chân Dung Và Đối Thoại, NXB Thanh Niên 1998, Tr.9).

Thế nhưng có đúng là con đường đi của cả dân tộc ta từ tháng 8.1945 đến nay là luôn “*vui bất tuyệt*” hay không? Đã có nhiều người viết về nó, tôi cũng đã cố gắng bổ xung thêm trong những bài viết trước của mình, nhưng chúng ta hãy tạm gác lại những nỗi buồn của chiến tranh. Ở phần này tôi xin được trình bày về sự khác nhau giữa những ước mơ lãng mạn năm xưa trong thơ Tố Hữu so với thời hòa bình hôm nay, theo cách nhìn riêng của mình và của hai nhà thơ khác.

Trong bài Lão Đầy Tô, chàng trai 18 tuổi Tố Hữu đã viết:
...Ông đã nghe ai nói

*có một xứ mệnh mông
nửa Tây và nửa Đông
mạnh giàu riêng một cõi?
nơi không vua, không quan
không hạng người ô uế
không hạng người nô lệ
sống đau xót, lầm than.
nơi tiêu diệt lòng tham
không riêng ai của cải
hàng triệu người thân ái
cùng chung sức nhau làm
để cùng nhau vui sướng
ai già nua tật nguyên
thì cứ việc ngồi yên
đã sẵn tiền nuôi dưỡng...
ai cũng có nhà của
cũng sung sướng bằng nhau?
đã không ai dè dặt
làm chi có đầy tớ?
cậu bảo: cũng không xa?
- nước Nga?
- ờ nước ấy
và há mồm khoan khoái
lão ngồi mơ nước Nga...
(Huế tháng 6.1938)*

Ông lão đầy tớ chắc đã chết từ lâu rồi, mang theo những giấc mơ đẹp nhưng cũng quá ư viễn vông của lão. Còn nhà thơ năm ấy thì hơn nửa thế kỷ sau đã chứng kiến cảnh cả Đông Âu và Liên Xô XHCN sụp đổ. Thế mà hôm nay bất chấp những gì đã diễn ra, ông lại tiếp tục một giấc mơ huyền hoặc: “*Cho sáng lại quê hương Cách Mạng Tháng Mười*”! Theo tôi vùng đất ấy nhất định sẽ sáng lại và đổi mới thành công theo con đường dân chủ đa nguyên - Đó là xu hướng tiến bộ của nhân loại ngày nay. Dân tộc

Nga vĩ đại, từng chịu nhiều đau thương xứng đáng được hưởng những giá trị ấy. Xong dứt khoát dân tộc ấy sẽ không bao giờ quay trở lại con đường của CNXH nhất nguyên, độc đảng như Tố Hữu hy vọng. Bởi vì hơn ai hết, họ cũng như nhân dân ở tất cả các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu quá thấm thía những gì mà CNXH đã gây ra. Nó thoát nghe thì tưởng là nhân ái và “*sung sướng bằng nhau*,” là “*nơi không vua, không quan, không hạng người ô ứ*,” v.v... nhưng trong thực tế thì hoàn toàn khác.

CNXH rất dễ thâm nhập vào giai cấp cần lao, vào những người như ông lão đầy tớ kia, đó là sự thật không ai chối cãi. Nhưng lại rất khó khăn để những người dẫn dắt nó chịu tự nguyện rời bỏ thế độc quyền lãnh đạo, khi mà họ đã nắm được quyền lực. (Mặc cho tình hình đất nước có bi đát và tang thương đến đâu đi chăng nữa). Và cũng chính giai cấp cần lao là giai cấp bị phản bội nặng nề nhất ngay sau đó, kể cả việc phải gánh chịu những nỗi đau đớn của “*sự phê phán bằng vũ khí*,” theo cách nói của Ăng Ghen do bộ máy chuyên chính vô sản gây ra. Thực tế 4 nước XHCN còn sót lại đến ngày nay, trong đó có Việt Nam vẫn đang tiếp tục chứng minh rất rõ điều này.

Cũng ngày xưa trước cách mạng, Tố Hữu đã từng xót xa cho những cô gái phải bán mình trên dòng sông Hương:

*... Trên dòng Hương Giang
em buông mái chèo...
trăng lên trăng đứng trăng tàn
đời em ôm chiếc thuyền nan xuôi dòng...
trời ơi em biết khi mô
thân em hết nhục dày vò năm canh
tình ôi gian dối là tình
thuyền em rách nát còn lành được không?
răng (sao) không, cô gái trên sông
ngày mai cô sẽ từ trong ra ngoài
thơm như hương nhụy hoa lái
sạch như nước suối ban mai giữa rừng*

*ngày mai gió mới ngàn phương
sẽ đưa cô tới một vườn đầy xuân
ngày mai trong giá trắng ngàn
cô thôi kiếp sống đầy thân giang hồ
ngày mai bao lớp đời dơ
sẽ tan như đám mây mờ đêm nay
cô ơi tháng rộng ngày dài
mở lòng ra đón ngày mai huy hoàng...*

(Tiếng Hát Sông Hương - Huế tháng 8.1938).

Thế rồi cái “*ngày mai huy hoàng*” ấy như nhà thơ mong đợi cũng đã đến. Và cứ giả sử rằng hôm nay với tuổi 81, ông không còn đủ điều kiện tiếp tục... xuống chiếc thuyền nan năm nào để lấy tư liệu viết bài nữa! Nhưng ít ra ông cũng có thể hình dung được phần nào bức tranh về các nàng Kiều Việt Nam hiện đại, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng ở ngay trong nước. Bức tranh ấy là:

Những “*đám mây mờ*” đêm xưa trên dòng Hương Giang mà ông từng xót xa, chẳng những đã không tan đi mà còn tích tụ thêm cơ man nào những đám mây mới. Những nàng Kiều Việt Nam hôm nay không đơn thuần chỉ là “*lính thủy đánh thủy*” nữa, mà còn có “*lính thủy đánh bộ*”, rồi “*lính bộ đánh thủy*”! Kiều có mặt ở cả “*ba vùng chiến lược*” với đầy đủ “*các mũi giáp công*”! Kiều “*xuất khẩu tại chỗ*” và Kiều lặn lội sang đất lạ xứ người. Lại có những nàng Kiều “*đã dùng qua nhưng vẫn còn y như mới*”! Có người tuy đã bước vào tuổi 50 rồi, nhưng vì không còn cách mưu sinh nào khác nên vẫn đành phải yêu nghề!

Xong nhìn chung là tuổi đời của họ đã ngày càng giảm xuống. Thậm chí ở thủ đô Phnompenh – Campuchia, có 4 chị em ruột tuổi chỉ từ 13 đến 16, quê ở một vùng đất thuộc miền Tây Nam Bộ - Việt Nam đều “*công tác cùng ngành*”!

Theo tôi bất cứ một người Việt Nam nào, dù đang sống ở trong hay ngoài nước, chỉ cần có một chút lòng tự hào dân tộc thôi, cũng đều phải cúi mặt xấu hổ trước tình trạng các cô gái

Việt Nam bị hành hạ nơi đất khách quê người, như thực tế đã và đang diễn ra ở Campuchia, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài loan,...

Tôi rất muốn những trang viết này đến được tay nhà thơ Tố Hữu để nhắn gửi với ông rằng: nếu hôm nay ông vẫn còn một chút gì của sự xót xa như năm xưa trên dòng Hương Giang, thì tốt hơn cả là ông hãy làm một điều gì đó, dẫu chỉ là về mặt tinh thần thôi, để an ủi những em bé đáng thương hơn là đáng trách kia - Chúng chỉ đáng tuổi cháu ngoại ông. Chứ không phải là Nguyễn Du thì khóc quanh thân Kiều, còn ông thì cứ khóc quanh Nguyễn Du! (Cho dù là khóc thật đi chăng nữa).

Riêng tôi, tôi cầu mong sao cho các em bớt bị khinh miệt, đánh đập, trả được hết nợ, tránh được bệnh tật để một ngày nào đó có thể trở về được trên đất Mẹ Việt Nam thân yêu.

Những nàng Kiều thì đã là như vậy, thế còn tình hình của những em Phước thời nay thì sao? Chúng ta hãy quay trở lại với em Phước của Tố Hữu hơn 60 năm trước:

*...Rửa (thê) là hết chiều ni em đi mãi
 còn mong chi ngày trở lại Phước ơi!
 quên làm sao, em hồi, lúc chia phôi
 bởi khác cảnh hai đứa mình nghẹn nói
 em len lét cúi đầu tay xách gói
 áo quần dơ, cặp chiếc nón le te
 vẫn chưa thôi, lời day dứt nặng nề
 hàng dây tiếng rửa nguyên trên miệng chủ!
 biết không em, nổi lòng anh khi đó?
 nó tới bồi đau đớn lắm em ơi!...
 thì em hồi! đi đi, đừng tiếc nữa!
 ngại ngần chi nấn ná chỉ thêm phiền!
 đi đi em, can đảm bước chân lên
 ừ đói khổ đâu phải là tội lỗi!
 anh mới hiểu: càng ngậm ngùi khổ tủi
 càng dày thêm uất hận của lòng ta
 nuôi đi em, cho đến lớn, đến già*

*mầm hận ấy trong lồng xương ống máu
để thêm nóng mai kia hồn chiến đấu
mà hôm nay anh đã nhóm trong lòng!...*
(Đi Đi Em - Huế, tháng 2.1938).

Em Phước ra đi, rồi ông anh có nỗi lòng “*tôi bời đau đôn*” ấy cũng ra đi, rồi cách mạng thành công trên nửa nước và sau đó là cả nước theo đúng ước vọng của “*ông anh*”! Thế nhưng hôm nay hãy thử làm một bản thống kê trong cả nước xem tất cả có bao nhiêu em Phước? 50 ngàn? 100 ngàn? 200 ngàn hay bao nhiêu?

Báo chí trong nước có đăng về trường hợp một em bé gái tuổi mới lên 10, vì cuộc sống quá khó khăn nên cha mẹ em đã không thể nuôi nổi em. Dời gia đình ra đi, em xuôi từ một tỉnh thuộc miền núi phía Bắc về một thành phố phương Nam xa xôi. Tôi không biết là số phận của em giờ đây ra sao, nhưng bé bỏng như thế, lại là con gái, mà phải ly hương tự mình kiếm sống, thì chắc chắn là lành ít dữ nhiều thôi.

Vào tháng 8.1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Trên đường về lại thủ đô Hà Nội, với tâm trạng “*phơi phới, náo nức như đi trẩy hội,*” nhà thơ Tố Hữu đã làm bài Ta Đi Tôi, trong đó có một câu hỏi: Các em ơi, đã học chưa?

Và hôm nay - gần nửa thế kỷ sau, nếu chịu để ý nắm tình hình xã hội một chút thì ông sẽ thấy ngay là nhiều em chưa học lắm! Tiền đâu mà đóng kinh phí xây dựng trường sở? Rồi lại còn học phí, sách vở, giấy bút? Thời gian đâu mà đến trường? trong khi các em phải ưu tiên lo toan đến miếng cơm manh áo trước đã? v.v...

Đúng! Chế độ ấy rõ ràng đã làm ông thỏa mãn, nó là miếng Bánh Thật của ông:

Miền Bắc thiên đường của các con tôi!
(Tố Hữu - Bài Ca Mùa Xuân 1961)

Nhưng nó lại là những miếng Bánh Vẽ, Những Thiên Đường Mù của biết bao nhiêu triệu con người Việt Nam, trong đó có rất nhiều các em thơ. Tôi cũng không rõ là hôm nay ông có còn

muốn các em nuôi những “mâm hận ấy,” hoặc nhóm lên những “hồn chiến đấu” ngày xưa nữa hay thôi? Và nếu có thì hướng vào ai đây?

Cũng may là dân tộc không phải ai cũng như ông. Một người cùng thời với ông - nhà thơ Chế Lan Viên vào những năm tháng cuối của cuộc đời mình đã có những suy tư khác. Tập Di Cảo với những bài như Bánh Vẽ, Trừ Đi!... được những người vốn yêu tác giả của Điều Tàn thuở tiền chiến, lại càng trân quý và cảm phục ông hơn. Có người nhận xét rằng đây là miếng “võ độc,” là miếng “đà đao” cuối đời của nhà thơ tài danh này. Nhưng theo tôi đây chính là sự nhận thức lại - Một sự nhận thức lại đau đớn xong cũng thật dũng cảm, dẫu có là muộn màng nhưng vẫn còn hơn không. Trong bài Bánh Vẽ ông viết:

*... Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
cầm lên nhấm nháp
chả là nếu anh từ chối
chúng sẽ bảo anh phá rồi
đem vui!...
rốt cuộc anh lại ngồi vào bàn
như không có gì xảy ra hết...*

Và trong Trừ Đi:

*... Có phải tôi viết đâu? một nửa
cái cần viết vào thơ, tôi đã giết đi rồi!
giết một tiếng đau, giết một tiếng cười,
giết một kỷ niệm, giết một ước mơ...
anh bảo đấy là tôi?
không phải!
nhưng cũng chính là tôi - người có lỗi!
đã giết đi bao nhiêu cái
có khi không có tội như mình!...
Nhưng điển hình nhất trong tập Di Cảo ấy, theo tôi có lẽ là*

bài Ai, Tôi? Ông viết năm 1987 (Xin xem phần phụ lục 1, cuối bài). Chính những sự ố, xấu hổ trong nỗi buồn tủi chua cay của ông khi gặp lại người lính cũ, 12 năm sau hòa bình, lại toát lên tính nhân bản muôn vạn lần hơn những “âm hưởng vui bất tuyệt” kia. Nếu ai đã từng đọc thơ ông trong chiến tranh lại càng thấy rõ hơn sự thay đổi này. Nào đâu phải trước đó thơ ông không có những âm hưởng “vang vang tiếng trống, tiếng kèn” tung bùng ca ngợi cách mạng và cổ vũ mọi người xông lên phía trước. Ví dụ:

... *Hỡi sông Hồng tiếng hát 4000 năm*
Tổ Quốc bao giờ đẹp thế này chẳng
chưa đâu! và ngay cả trong những ngày đẹp nhất
khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc.
Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn,
khi Nguyễn Huệ cuội voi vào cửa Bắc,
Hùng Đạo diệt quân Nguyên trên sóng Bạch Đằng...
những ngày tôi sống đây là những ngày đẹp hơn tất cả
dù mai sau đời muôn vạn lần hơn!...
chọn thời mà sống chẳng?
Anh sẽ chọn năm nào đấy nhỉ?
cho tôi xin ra buổi Đảng dựng xây đời...
cho tôi sinh giữa những ngày diệt Mỹ...
vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy
bên những dũng sỹ đuổi xe tăng ngoài đồng và hạ trực thẳng

rời.

(Tổ Quốc Bao Giờ Đẹp Thế Này Chẳng, 1965.)

và:

Giết chúng đi, chỉ còn một đường thôi: giết chúng

Ôi hôm nay lòng ta như họng súng (!)

(Suy Nghĩ, 1966.)

hoặc là:

Miền Nam ta ơi,

cái hầm chông là điều nhân đạo nhất!

(Cái Hầm Chông Gián Dị.)

Cũng cùng tinh thần nhận thức lại như thi sỹ họ Chế, một người thuộc thế hệ sau ông - nhà thơ Nguyễn Duy đã có bài Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc! (Xem phụ lục 2).

Bài thơ là một sự tổng kết khá đầy đủ, là sự đan quyện chặt chẽ giữa những gì đã diễn ra của thời đạn bom xưa với thời hòa bình nay. Cũng chính vì bài thơ này mà trên báo Nhân Dân số ra ngày 11.9.1989 đã đăng một bài bình luận, trong đó có những lời kết tội tác giả của nó như sau:

“...Thóa mạ Tổ Quốc không tiếc lời, chửi bới hung hãn đến nỗi nói về cuộc kháng chiến chống Mỹ bằng những lời mỉa mai, cay độc...”

Nhưng theo tôi Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những giá trị không có thực, đánh đổ những thần tượng giả *“Một người đi chặt cả con đường,”* lột trần những mặt nạ *“Dù dối nũa cũng không lừa được nũa, khôn và ngu cũng có tính mức độ”* và đập tan những ngụy biện,... thông qua bút pháp thơ thật sâu sắc và độc đáo của anh.

Anh cho rằng tất cả những điều ấy chẳng có ích gì cho dân tộc hôm nay, mà ngược lại chỉ có hại hoặc ít ra là ăn bám. Một sự ăn bám bình phương, lập phương hoặc hơn thế nữa. Ai càng yêu Tổ Quốc mình lại càng cần phải có tinh thần suy nghĩ lại như Nguyễn Duy, như Chế Lan Viên và như biết bao những chiến sĩ dân chủ Việt Nam khác.

Họ đang xuất hiện ngày càng nhiều, họ chính là những niềm hy vọng của một nước Việt Nam mới khác hẳn về chất: không phải là một CHXHCN Việt Nam đã và đang tìm đủ mọi cách *“tu sửa vữa”* như hiện nay. Cũng không phải là quay trở về với một Việt Nam DCCCH trước kia hay một Việt Nam Cộng Hòa bị đứt quãng nay nối lại. Tất cả những chế độ này tuy mức độ có khác nhau, nhưng xét về thực chất đều là mất dân chủ và chịu sự phụ thuộc nặng nề vào nước ngoài.

Một nước Việt Nam mới phải là một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên, đa đảng và pháp trị, phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại mới. Chừng nào còn chế độ độc đảng như ở Việt

Nam hiện nay, thì chừng đó ngay cả những mục tiêu của Cuộc Cách Mạng Dân Tộc Dân Chủ Nhân Dân, xét về thực chất là vẫn chưa đạt được.

Để kết luận, tôi xin được trở lại với một vấn đề của lịch sử: năm 1924 từ Moscow chàng trai Nguyễn Ái Quốc, tức chủ tịch Hồ Chí Minh sau này đã phát biểu:

“... Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên mặt triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Nó chưa phải là toàn thể nhân loại,... xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô Viết đảm nhiệm...”

(Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ 1924. Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội - 1995, tập 1, Tr. 465).

Sau đó 22 năm, khi đã nghiên cứu, học tập kỹ lưỡng học thuyết của Mác, và như ông nói là “củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”, ông đã có kết luận sau:

“... Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác. Cách đây 2000 năm, Đức chúa Giêsu đã nói là ta phải yêu mến các kẻ thù của ta. Điều đó đến bây giờ vẫn chưa thực hiện được. Còn khi nào thì chủ nghĩa Các Mác thực hiện được thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình. Ở nước chúng tôi, những điều ấy chưa có đủ...”

(Trả lời các nhà báo ngày 12.7.1946 - Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội 1995, tập 4, Tr 272.).

Thế nhưng kết luận đúng đắn trên của ông đã bị chính ông và các đồng chí sau ông ngang nhiên vi phạm nặng nề trong “*thực tiễn cách mạng Việt Nam*” suốt hơn nửa thế kỷ qua. Sự vi phạm ấy vẫn còn kéo dài đến tận hôm nay dứt mãi chưa ra.

Theo tôi, trong lịch sử dân tộc ta chưa từng xảy ra một điều

gì tương tự, mà chỉ nội trong hòa bình thôi lại dẫn tới hậu quả nhiều máu và nước mắt bằng sự kết hôn gượng ép, sống sát giữa hai khái niệm: lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội.

Đây chính là vấn đề lớn mà mọi người Việt Nam lúc này cần phải nhận thức lại, từ đó sẽ có một mẫu số chung đoàn kết được các lực lượng dân chủ Việt Nam. Nhằm đấu tranh có hiệu quả hơn với những thế lực bảo thủ hiện đang nắm thực quyền trong ĐCS Việt Nam. Nhất định trong một tương lai không xa đất nước ta sẽ thoát ra khỏi tình trạng nghèo nàn, tụt hậu và cực kỳ mất tự do dân chủ như hiện nay. Để 80 triệu người Việt Nam ở cả trong và ngoài nước sẽ cùng đoàn kết bên nhau, xây dựng thành công một nước Việt Nam mới như trên đã trình bày.

Tháng 6 năm 2001.

Phụ lục 1 -

Ai, Tôi?

(Chế Lan Viên)

*Mậu Thân 2000 người xuống đồng bằng
chỉ một đêm còn sống sót có 30*

ai chịu trách nhiệm về cái chết 2000 người đó?

Tôi!

Tôi - người viết những câu thơ cổ võ

ca tụng người không tiếc mạng mình trong mọi lúc xung phong

một trong 30 người khi ở mặt trận về sau 10 năm

ngồi bán quần trên đường, nuôi đàn con nhỏ

quán treo huân chương đầy mọi chỗ

chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!

ai chịu trách nhiệm vậy?

lại chính tôi!

người lính cần một câu thơ giải đáp về đời

Tôi ú ó!

người ấy nhắc những câu thơ tôi làm
mà tôi xấu hổ!
Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay
giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ
giữa buồn tủi chua cay
Tôi có thể cười?...
(Chế Lan Viên - trích tập Di Cảo - 1987).

Phụ lục 2 -

Nhìn từ xa... Tổ Quốc!
(Nguyễn Duy)

Đổi diện ngọn đèn
trang giấy trắng như xeo bằng ánh sáng
đêm bắc bán cầu vẫn vũ trắng
nồm nồm ai rình sau lưng ta
nhủ mình bình tâm nhìn về quê nhà
xa vắng
núi và sông
và vết rạn địa tầng
nhắm mắt lại mà nhìn
thăm thẳm
yêu và đau
quần quai bi hùng
dù ở đâu vẫn Tổ Quốc trong lòng
cột biên giới đóng từ thương đến nhỏ
ngọn đèn sáng trắng nóng mắt quá
ai cú sau mình lẩn quất như ma
Ai?
im lặng!
Ai?
cái bóng!
Ai?...

xin chào người anh hùng bất lực dài ngoẵng
bóng máu bầm đen sóng soãi nền nhà
thôi thì ta quay lại
chuyện trò cùng cái bóng máu mê ta
có một thời ta mê hát đồng ca
chân thành và say đắm
Ta là ta mà ta vẫn là ta (1)
vâng - đã có một thời hùng vĩ lắm
hùng vĩ đau thương, hùng vĩ máu xương
mất người chết trùng trùng không chịu nhắm
vâng - một thời không thể nào phủ nhận
tất cả trôi xuôi - cảm lợi ngược dòng
thần tượng giả xèo xèo phi hành mỗ
ợ lên nhồn nhột cả tim gan
Ta đã xuyên suốt cuộc chiến tranh
nổi dậy dứt khôn người còn sạn gót chân
nhói dài mỗi bước
Ai?
không ai!
vết bầm đen đấm ngực
xú sở nhân tình
sao thật lắm thương binh đi kiếm ăn đủ kiểu
nặng gổ khua rổ mặt đường làng
Mẹ liệt sỹ gọi con đội mồ lên đi kiện
ma cụt đầu phục kích nhà quan
Ai?
không ai!
vết bầm đen quều quào gió tay
xú sở từ bi sao thật lắm thú ma
ma quái - ma cô - ma tà - ma mãnh...
quỷ nhập tràng xiêu vẹo những hình hài
đêm huyễn hoặc
dừng tóc gáy thấy lòng toang hoác

mắt ai xanh lẽ lạnh toát lửa ma chơi
Ai?
không ai!
vết bầm đen ngửa mặt lên trời
xú sở linh thiêng
sao thật lắm đình chùa làm kho hợp tác
đánh quả tù mù trấn lột cả thần linh
giấy rách mắt lè
Tượng Phật khóc, Đức tin lưu lạc
thiện - ác nhập nhằng
công lý nổi lênh phênh
Ai?
không ai
vết bầm đen tọa thiền
xú sở thông minh
sao thật lắm trẻ con thất học
lắm ngôi trường xơ xác đến tang thương
tuổi thơ oằn vai mồ hôi, nước mắt
tuổi thơ oằn lưng xuống chiếc bòm xe đạp
tuổi thơ bay như lá ngã tư đường
bị mất bắt dê (2) đâu cũng đung thần đồng
mỏ mắt... bóng nhân tài thất thế
Ai?
không ai
vết bầm đen cúi đầu lặng thinh
xú sở thật thà sao thật lắm thú điểm
điểm biệt thự - điểm chợ - điểm vườn...
điểm cấp thấp bán tròn nuôi miệng
điểm cấp cao bán miệng nuôi tròn
vật giá tăng
vì hạ giá linh hồn
ai?
không ai

vết bầm đen vò tai
xú sở cần cù
sao thật lắm Lãn Ông
lắm mẹo lãn công
giả vờ lĩnh lương
giả vờ làm việc
tội lỗi đứng đưng
lạnh lùng gian ác vất
đạo chích thành tôn giáo phổ thông
ào ạt xuống đường các tập đoàn quân buôn
buôn hàng lậu - buôn quan - buôn thánh thần buôn tuốt
quyền lực bày ra đấu giá trước công đường
Ai?

không ai
vết bầm đen nhún vai
xú sở bao dung
sao thật lắm thần dân lia xú
lắm cuộc chia ly toe toét cười
mặc kệ cỏ hoang cánh đồng gái góa
chen nhau sang nước người làm thuê
biển Thái Bình bông bênh thuyền định mệnh
nhắm mắt đưa chân không hẹn ngày về
Ai?

không ai
vết bầm đen rút tóc
xú sở kỷ cương
sao thật lắm vua
vua mánh - vua lừa - vua chôm - vua chúa
vua không ngại - vua choai choai - vua nhỏ
lãnh chúa xử quân san sát vùng cát cứ
lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa
luật pháp như đùa - như có - như không
một người đi chặt cả con đường

Ai?
không ai
vết bầm đen gập vuông thuốc thợ
?...?...?
Ai? Ai? Ai?
không ai
vết bầm đen còng còng dấu hỏi
thôi thì ta trở về
còn trang giấy trắng tinh chưa băng hoại
còn chút gì le lói ở trong lòng
đôi khi nổi máu lên đồng
hồn thoát xác
rũ ruột gan ra đấm
chích một giọt máu đem xét nghiệm
tý trí thức - tý thợ cấy - tý điểm
tý con buôn - tý cán bộ - tý thằng hề
Phật và Ma... mỗi thứ tý ty
khốn nạn thân nhau
nặng kiếp phân thân mặt nạ
thì lột mặt nạ đi - lần lửa mãi mà chi
dù dối nữa cũng không lừa được nữa
khôn và ngu cũng có tính mức độ
bụng dạ còn cào bắt ỏn làm sao
miếng quá độ nuốt vội vàng sống sít
mất vệ sinh bội thực tự hào
sự thật hôn mê - ngộ độc tự hào
bệnh và tật bao nhiêu năm ủ lại
biết thế nhưng mà biết làm thế nào
chả lẽ bây giờ bắc thang chửi bôi
thấy chửi bôi nhẹ gian nanh cơ hội
chả lẽ bốc thang cỏ khô nhai lại
lạy ông cơ chế, lạy bà tư duy
xin đừng hót những điều chim chóc mãi

đừng lớn lời khi dân lành ốm đói
vẫn còn làm cho thẳng lưng ăn
đổi môi thật hay giả vờ đổi môi?
máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?
thật đáng sợ ai không có ai thương
càng đáng sợ không còn ai ghét
ngày càng hiếm hoi câu thơ tuần tiết
Ta là gì?
ta cần thiết cho ai?
có thể ta không tin ai đó
dù có sao vẫn tin ở con người
dù có sao
dù có sao đừng khoanh tay
khủng khiếp thay ngoảnh mặt bó gối
cái tốt nhiều hơn sao cái xấu mạnh hơn?
những người tốt đang cần liên hiệp lại
dù có sao
vẫn Tổ Quốc trong lòng
mạch tâm linh trong sạch vô ngần
còn thơ còn dân
Ta là dân: vậy thì ta tồn tại
giọt từng giọt
nặng nhọc
nặng nhọc thay
dù có sao
đừng thờ dài

còn da lông mọc còn chồi nảy cây (3)

(Nguyễn Duy - Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc! - Moscow tháng 5/
1988, TP.HCM 19/8/1988 - tạp chí Sông Hương số 37 - tháng 4,
5.1989).

- (1) một câu thơ của Chế Lan Viên hồi chiến tranh.
- (2) một trò chơi trốn tìm của trẻ em.
- (3) một câu ca dao xưa.

VIẾT TIẾP VỀ NHẬN THỨC LẠI

Năm 1975, tôi theo gia đình vào miền Nam. Từ đó đến nay, gần 26 năm đã trôi qua nhưng cái cảm giác buồn vui lẫn lộn của những ngày sắp đi thì tôi vẫn thấy như nó chỉ diễn ra mới đây thôi. Trong tôi lúc ấy là cả một sự mâu thuẫn: cứ nghĩ đến việc được đi dọc theo quốc lộ số 1 - con đường nay đã nối liền một dải đất nước, khiến lòng háo hức chỉ muốn đi ngay, nhưng nỗi buồn của sự chia ly cận kề lại như muốn ngăn tôi lại. Có lẽ suốt đời tôi sẽ không sao quên được cái buổi chiều của Hà Nội mùa đông năm ấy. Hà Nội của tuổi thơ tôi, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Hà Nội của một thời đạn bom, một thời hòa bình với biết bao kỷ niệm mà chỉ lát nữa thôi tôi sẽ phải để lại tất cả. Tiếng nói cười, rồi tiếng khóc của kẻ ở người đi trên sân ga Hàng Cỏ hôm ấy cứ quện lại làm tôi nhớ mãi.

Buổi tối - trời rét đậm, mưa dăng dăng. Đứng một mình ở đầu toa nhìn về Hà Nội chỉ còn thấy một vùng sáng mờ rồi từ từ mất hẳn. Chỉ đến khi ấy, tôi mới chịu tin rằng mình đã thực sự phải xa nó. Tàu vào Nam lúc đó còn gọi là tàu liên vận vì đường sắt Thống Nhất chưa được nối liền. Tàu chỉ chạy được đến ga Vinh, từ đấy theo kế hoạch sẽ chuyển sang đi bằng xe hơi. Nhưng khi đến Vinh thì đoàn được báo là đoạn phía trong đang bị bão lụt không thể đi tiếp. Cũng vì vậy mà buổi tối đầu tiên ở lại chờ đợi, chúng tôi đã được xem bộ phim Em Bé Hà Nội chiếu trên một sân vận động. Trong phim có nam diễn viên Thế Anh quen thuộc và cô bé Lan Hương 11 tuổi mới đóng phim lần đầu. Quả thật là hôm ấy khi xem phim, tôi không mấy quan tâm đến nội dung của nó vì đã biết từ nhiều tháng trước. Mắt tôi chỉ đắm đắm nhìn vào những cảnh vật, con người Hà Nội quá đổi thân thiết, lòng chỉ mong sao cho cơn bão kia ngày càng... nặng thêm để đoàn “*phải*” quay ra!

Nhưng rồi mấy ngày sau thì bão cũng tạnh, đường xá cũng không hỏng hóc gì đáng kể và đoàn chúng tôi lại lên đường. Những chiếc xe ca Ba Đình quen thuộc đưa tiếp chúng tôi đi. Những tên sông, tên núi, tên làng Việt Nam mới hôm nào đây chỉ

được nghe hoặc đọc trên những trang sách, báo thì nay tôi đã được tận mắt ngắm nhìn thỏa thích. Từ Đà Nẵng vào, chỗ tiếp đoàn là xe đồ thuộc hãng Phi Long của miền Nam, với bác tài mặc bộ đồ nghiêm trang như đi dự lễ hội, tạo cho tôi một cảm giác rất lạ lẫm và thích thú. Chặng chót của cuộc hành trình là Nha Trang - Sài Gòn. Và đây: xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, trên xe lúc ấy những ai vẫn còn ngủ gà ngủ gật đều bừng tỉnh, xe ồn ào hẳn lên. Kế tiếp là sông Đồng Nai, ngã 3 Vũng Tàu, ngã 4 Thủ Đức, Nhà máy xi măng Hà Tiên, cầu Rạch Chiếc,... Sài Gòn trước mặt đó! - Có ai đó nói lớn, mọi người trên xe đều nhồm cả dậy, ai cũng tranh nhau nói, tranh nhau bình luận hay chỉ trỏ một cái gì đó mà chẳng cần quan tâm đến chuyện những người bên cạnh có thêm để ý đến mình hay không. Xe đi tiếp vào nội đô với bến đỗ cuối cùng là ngã 7 Sài Gòn, khúc đường Pétrus Ký.

Cảm giác đầu tiên của tôi về Sài Gòn là nó thật ồn ào và náo nhiệt so với Hà Nội yên tĩnh và trầm lặng hơn. Hồi còn chiến tranh, Sài Gòn nói riêng và miền Nam nói chung đối với tôi là sự tổng hợp của những hiểu biết khá đơn giản: đó là miền Nam đi trước về sau với Tây Nguyên hùng vĩ, có Sông ĐắcKrông mùa xuân về và có anh hùng Núp bắn Pháp chảy máu. Là miền Trung ruột thịt với “*Huế cầm tay Sài Gòn - Hà Nội, bên đây Trường Sơn ngời sáng tin yêu...*”

Là Quảng Nam - Đà Nẵng “*Trung dũng kiên cường, đi đâu diệt Mỹ.*” Là sóc BomBo với những tiếng chày giã gạo nuôi quân. Là những cô gái đồng bằng sông Cửu Long với “*Áo bà ba, súng quàng vai hôm sớm ra đi, mái tóc xanh quỳên hương trái ngọt...*” Là dòng sông Vàm Cỏ Đông với “*Nước xanh biêng biếc chẳng đổi thay dòng, đuối Pháp đi rồi nay đuối Mỹ xâm lăng...*” và cũng là của một Sài Gòn Quật Khởi rầm rập bước quân đi, v.v...

Thế mà miền Nam thân yêu lại đang bị quân thù xâm lược dày xéo:

*...Có thể nào yên ? Miền Nam ơi, máu chảy
Tám năm rồi. Sáng đây, giữa bình minh*

*Tim lại đau, nhức nhối nửa thân mình...
Có thể nào nguôi? Từng viên đạn Mỹ
Bắn miền Nam nát thịt da xương tủy
Của mẹ cha, đồng chí, vợ con
Anh chị em ta ai mất ai còn? ...
Cho ta lại trở về quê cũ
Bờ sông Hương hay bến sông Bồ
Cùng các mẹ, các o, các chú
Giành lại từng mảnh đất thành đô!
Cho ta được làm kho mìn nổ
Đèo Hải Vân, quạt đổ quân thù
Cho ta được làm cây chông miệng hổ
Đâm chết bầy giặc bố chiến khu!...
(Tố Hữu - Có Thể Nào Yên? - 6.1962) .*

Biết bao tin tức từ miền Nam gửi ra về những tội ác ở Phú Lợi, Sơn Mỹ (Mỹ Lai), về các chiến dịch Tố Cộng, Diệt Cộng, Luật 10/59,... đã khiến cho đồng bào miền Bắc sôi sục căm hờn. Năm 1967 là thời kỳ có số lượng quân Mỹ ở miền Nam đông nhất (hơn nửa triệu), cũng là thời kỳ ở miền Bắc, các phong trào 3 sẵn sàng của thanh niên và 3 đảm đang của phụ nữ được đẩy lên mạnh mẽ. Tất cả vì đồng bào miền Nam ruột thịt: “... Mười mấy năm đã qua, giặc thù xéo lên quê nhà, Ôi! Tóc tang đau thương điều tàn - Miền Nam! Yêu dấu ta ơi! Xin hiến dâng cả trái tim chúng tôi đang sục sôi. Miền Nam ơi! Nghe tiếng của Người gọi, chúng tôi sẽ lên đường về trên quê hương mình. Miền Nam kêu gọi ta, vượt Trường Sơn bay vọng ra,...”

Những năm tháng ấy, có nhiều cậu bé sắp trưởng thành chỉ lo canh cánh có một điều: khi mình đủ tuổi được đi bộ đội thì đã hết... giặc Mỹ rồi!

Đó cũng là vùng đất mà các cô chú miền Nam tập kết vẫn thường kể:

“Sau này nước nhà thống nhất rồi, tụi bay vô trồng thì mặc sức

mà ăn cá. Thậm chí đứa nào muốn rửa chân thì cũng phải... rã cá ra mới rửa được”!

Những chuyện có hơi phóng quá lên như vậy, bởi nỗi nhớ thương “ngày Bắc, đêm Nam” của các cô chú, nhưng lũ trẻ chúng tôi nghe mãi không biết chán. Vì nó kích thích dữ dội sự giàu trí tưởng... bỏ của cả bọn! (những là chỉ cần “*vénh cẳng, vuốt râu mà làm chơi ăn thiệt*”!).

Thế là tôi đã thực sự được đặt chân lên vùng đất phương Nam thân yêu của Tổ Quốc. Cái cảm giác tuyệt diệu của buổi chiều đầu tiên đứng giữa Sài Gòn làm cho tôi nhớ lại một bài hát thiếu nhi quen thuộc mà nữ ca sĩ Ái Vân từng hát ngày nào:

“Miền Nam em đùa nhiều, miền Nam em đùa nhiều, miền Nam em xoài thơm, miền Nam em khoai bùi,...”. Đó là những kỷ niệm của tuổi thơ đã đi qua.

Vào miền Nam một thời gian hoặc sau này ra nước ngoài, tôi được đọc hoặc nghe nhiều người nói rằng: “*Miền Bắc đã xâm lăng miền Nam*”! Nhưng theo tôi đây là điểm rất cần nhiều người có tâm huyết và điềm tĩnh phân tích nó kỹ hơn, chứ lũ trẻ chúng tôi và nhân dân miền Bắc hồi ấy không nghĩ như vậy. Vấn đề là thuộc về những người dẫn dắt hoặc sâu xa hơn là xuất phát từ thể chế chính trị của nó, mà điều này thì rất cần phải làm cho rõ. Tôi xin được trình bày kỹ hơn ở những phần dưới của bài viết. Tôi cũng xin lỗi quý vị độc giả vì từ đầu tới giờ đã hơi dài dòng một chút, lý do là vì sự nhận thức lại trong tôi đã bắt đầu phát sinh từ cuộc hành trình trên. Và sau đây là những câu chuyện:

1 - Nghi vấn đầu tiên:

Một trong những điều tôi rất quan tâm khi mới vào Sài Gòn là muốn tự mình định lượng xem tỷ lệ các cô gái Sài Gòn đi tải đạn là bao nhiêu phần trăm! Nhớ là hồi ấy, mỗi khi có dịp nói chuyện với các chị nhắm thấy có tuổi phù hợp, tôi thường hay hỏi: “*Thế hồi tết Mậu Thân năm 68, các chị có đi tải đạn cho các anh bộ đội giải phóng không?(!) - Làm gì có ‘zdu’ đó.*”

Các chị trả lời dứt khoát. Tuy đã hơi nao núng, xong tôi vẫn còn vớt vát:

“Có thể là với các chị thì không, nhưng còn các chị khác thì sao? Theo em thì 10 chị, nếu không được... dăm, bảy chị thì ‘giá chót’ cũng được vài ba chị, chứ không lẽ lại không được chị nào?”!

Thoáng mất vui vì cậu em “chậm hiểu,” một chị đáp:

“Nói vậy mà cậu còn chưa tin tụi này sao? Hồi đó lo chạy... giặc còn không xong, chứ ở đó mà đi tãi đạn cho máy ông! Nếu có thì ở đâu chú nội trong Sài Gòn này làm gì có.”

Đã đến nước này thì đúng là chuyện nghiêm chỉnh rồi - Tôi trầm nghĩ và tự đặt thêm cho mình những câu hỏi mới. Thì ra cái hình ảnh mà tôi vẫn hằng ngưỡng mộ: “... Từ ngày đô thị vùng lên chị em mình đi tãi đạn, để các anh đi diệt thù...” là như thế nào nhỉ? Nó có thực sự là hình ảnh đại diện cho ý chí và nguyện vọng của đa số nhân dân miền Nam hay không? Càng tìm hiểu sâu rộng hơn, tôi lại càng phát hiện ra nhiều điều mâu thuẫn giữa thực tiễn cuộc sống đang diễn ra xung quanh, với những gì mà từ nhỏ tới lớn mình vẫn được tuyên truyền, giáo dục. Đúng là phải nhận thức lại thật - Tôi tự nhủ.

2 - Gặp những người lính:

Trong chuyến hành trình trên, tôi cũng đã gặp một đoàn quân được đi phép những đợt đầu tiên sau chiến tranh, trên bến phà Long Đại thuộc tỉnh Quảng Bình. Các anh bước lên, còn chúng tôi thì chờ để bước xuống phà. Để ý quan sát, tôi thấy hầu như bên ngoài ba lô của người lính nào cũng có mấy con búp bê, mấy chiếc rổ, giá nhựa (ai nặng hơn thì có thêm 1 chiếc khung xe đạp!) Sau này khi có dịp trò chuyện, tôi đã tò mò hỏi:

“Bên ngoài thì là như vậy, thế còn bên trong ba lô của các ông lúc ấy là những gì? Đề nghị hãy thành khẩn khai báo, rồi sẽ được ‘Cách mạng’ khoan hồng! - Thì chúng tôi sợ gì cậu mà không dám nói thẳng, nói thật.”

Các anh trả lời, này nhé:

“1 bộ quân phục để thay đổi, một chiếc võng, 1 cái màn (mùng), 1 chiếc đèn pin, một cuốn nhật ký, vài phong lương khô quân đội, 1 - 2 gói bột ngọt, vài gói kẹo dừa, kẹo lạc của miền Nam mang ra làm quà cho gia đình, bạn bè. Hết!”.

Một anh nói thêm:

“Theo mình thì có thể cũng có một số nào đó lợi dụng để thủ lợi, nhưng số này nếu có thì cũng không nhiều, vì đa số lính tráng tui mình hồi ấy đều chấp hành rất nghiêm kỷ luật quân quản. Tất nhiên những năm sau này thì không ai dám bảo đảm đâu...”

Tôi hoàn toàn tin vào những “lời khai” ấy của các anh. Tuy nhiên, ấn tượng mạnh nhất mà tôi nhận thấy ở chuyến phà năm xưa là những nét ưu tư trên gương mặt những người lính. Lúc đó tôi đã tự hỏi mình: *“Các anh đã may mắn còn sống, lại là những người đại diện cho bên chiến thắng, nay sắp về đến nhà. Vậy thì những nét ưu tư kia là nghĩa làm sao?”*

Tất nhiên, với cái nhìn về cách mạng thường chỉ thấy màu hồng của một cậu thiếu niên như tôi hồi ấy, thì đó là một câu hỏi thật khó trả lời cho thỏa đáng. Nhưng càng ngày thì vấn đề càng rõ và tôi cũng đã dần tự giải đáp được cho mình: nửa năm là ngắn mà cũng là dài. Sau những nỗi vui mừng rất tự nhiên khi chiến tranh kết thúc, thì trong các anh nhất định phải là sự hồi tưởng lại quá khứ, sự chiêm nghiệm hiện tại và những lo toan cho tương lai. Cuộc chiến này tàn khốc và kéo dài quá, mình đã may mắn còn sống, nhưng có hàng triệu người đã phải nằm xuống. Thậm chí có những đồng đội đã vì mình mà hy sinh. Người chết thì đã đành, nhưng gia đình họ thì mình như người mắc nợ suốt đời, không gì có thể trả được. Có nhiều người đi biên biệt 5 - 10 năm hoặc hơn nữa. Có người đã không về kịp để nhìn thấy cha mẹ già lần cuối, trước khi các cụ nhắm mắt xuôi tay. Rồi chiến tranh cũng làm cho hậu phương lớn bầm dập những vết thương, cái nghèo đến xác xơ và những cánh thư báo tin bao mất mát nơi quê nhà. Trong các anh, nhiều người cũng đã có người yêu, nhưng vì các cô không thể chờ đợi thêm được nay đã đi lấy chồng.

Và nữa: hồi chiến tranh mình đã thấy những bất công, xong vẫn còn lơ mờ, nhưng chỉ mới hòa bình đây thôi thì vấn đề đã khá rõ ràng: có rất nhiều người đã tìm đủ mọi cách để thu vén hưởng lợi, mà họ lại thường có cái vẻ bề ngoài rất “*đáng kính*” hay giảng giải cho mình nghe về lý tưởng cộng sản, về đạo đức cách mạng và về những lễ công bằng trên đời,...

Chẳng phải đâu xa, đi cùng chiều với mình từ Nam ra Bắc thôi cũng thấy cơ man nào những chuyến xe chở đầy hàng hóa. Chúng là của ai vậy? Rất tiếc rằng nhiều “*chủ hàng*” lại là thủ trưởng của mình, hễ quyền lực càng cao thì khả năng lách lên phía trước lại càng lớn.

Thì ra những giá trị cao đẹp mà mình vẫn hằng tin tưởng, sẵn sàng cống hiến cả tuổi thanh xuân và xương máu cho nó, nay đã đến lúc phải nhận thức lại, để không bị lợi dụng thêm nữa.

Sâu xa hơn, mình cần phải xem xét lại động cơ nào khiến cho những người lãnh đạo cao nhất đã dẫn dắt cả dân tộc vào cuộc chiến tranh vừa qua, vì sao họ đã làm được như vậy?

Như phần I của bài Suy Nghĩ Về Nhận Thức Lại, viết vào tháng 4 năm 2001 vừa qua tôi đã có dịp trình bày: sau chiến tranh thế giới thứ II, cục diện trên thế giới đã có những thay đổi lớn và vì sao Việt Nam lại trở thành điểm nóng của cuộc chiến tranh lạnh giữa 2 phe. Chúng là những yếu tố bên ngoài và chủ yếu đã gây ra cuộc chiến tranh 30 năm của dân tộc ta. Nhưng sẽ thật là thiếu sót lớn nếu như không đề cập đến những yếu tố bên trong của nó nữa, tuy chúng chỉ là phụ thuộc và có sau, nhưng cũng rất quan trọng.

3 - Vấn đề là ở thể chế chính trị:

Năm 1963, tại thành phố Vũ Hán - Trung Quốc diễn ra một cuộc gặp gỡ giữa Mao Trạch Đông với 3 nhà lãnh đạo Đảng Lao Động Việt Nam lúc ấy là các ông: Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Chí Thanh. Trong cuộc gặp đó Mao Trạch Đông tuyên bố:

“...Bom nguyên tử là con hổ giấy. Nếu chiến tranh nguyên tử xảy ra, bất quá là Trung Quốc chết đi 400 triệu người, cũng còn lại 300 triệu. Còn bọn xâm lược sẽ bị tiêu diệt. Dân Trung Quốc miễn đề lắm. Chẳng bao lâu dân số Trung Quốc sẽ lên 700 triệu, thậm chí 800 triệu, 1 tỷ. Có gì mà phải sợ chiến tranh nguyên tử?...”!

Cứ cho rằng Mao Trạch Đông đã nói không sai về đặc tính miễn đề của nhân dân Trung Quốc đi, nhưng không phải vì thế mà ông ta tự cho phép mình đem cả một dân tộc 700 triệu người ra để thách thức “Bọn xâm lược” như vậy. Chúng ta hãy thử hình dung nếu đây không phải là những lời của Mao nói ra giữa lòng nước CHND Trung Hoa XHCN, mà lại là của các tổng thống Mỹ, Pháp hay các thủ tướng Anh, Úc, ... cùng thời nói về đất nước và nhân dân họ thì điều gì sẽ xảy ra? Dĩ nhiên là không thể được. Ngay lập tức họ sẽ bị truất phế bởi áp lực của các tầng lớp nhân dân, các đảng phái khác, của Quốc hội và của chính ngay đảng cầm quyền mà họ đang là đại diện. Tức là thể chế chính trị của các nước này luôn luôn bảo đảm tạo ra được những đối trọng đủ mạnh, để không cho phép bất cứ ai, dù họ thuộc phái “Bỏ râu” hay “Điều râu” dám đưa ra những tính toán lạnh lùng và tàn nhẫn như vậy. Thế nhưng những chuyện tương tự lại luôn diễn ra, chẳng những ở Trung Quốc với Mao Trạch Đông, mà còn là rất phổ biến trong toàn hệ thống XHCN. Câu chuyện trên có 3 điểm cần lưu ý:

- Khi Mao tuyên bố như vậy, ông ta đã chắc chắn rằng mình sẽ không thuộc 1 trong số 400 triệu người bị chết bởi “Con hổ giấy” kia. Nếu biết là có thể chết, ông ta đã không dám mạnh miệng. (Cũng như có những người luôn hô hào nguyện được làm cây chông miệng hổ, làm kho mìn nổ quật đổ quân thù,... nhưng đến khi bảo làm thật thì chưa chắc còn giữ được ý định ban đầu.)

- Mao cũng thừa biết rằng cái gọi là “Nền dân chủ XHCN”

ở Trung Quốc không thể làm suy chuyển gì đến quyền lực của ông ta sau đó. Mọi ý kiến phản đối đều sẽ bị nghiền nát bởi hệ thống chuyên chính vô sản mà ông ta đang là “*Người cầm lái vĩ đại*”!

- Sự tập trung quyền lực về mọi mặt ở mức độ cao, chưa từng có trong lịch sử loài người ở tất cả các nước XHCN, vào trong tay chỉ duy nhất một ĐCS cầm quyền; sau đó lại có nguy cơ dồn tiếp chỉ cho một số ít, thậm chí là một người, đã là mảnh đất thuận lợi dẫn tới tình trạng:

Sản sinh ra những nhà lãnh đạo cao nhất, dám cả gan đem cả dân tộc họ đánh những canh bạc xả láng như Stalin, Mao Trạch Đông,... đã làm. (Đất nước Trung Quốc bao la, dân tộc Trung Hoa với lịch sử 5000 năm, đã từng là 1 phòng thí nghiệm khổng lồ để ông ta thực nghiệm những ý tưởng điên rồ từ năm 1949 đến 1976.)

Theo tôi, nếu xét riêng về mức độ tập trung quyền lực ở các nước XHCN, thì ngay cả các nước Phát xít trước kia cũng rất khó mà có được. Bởi vì ở các nước ấy, tuy quyền lực chính trị cũng được tập trung ở mức độ cao, nhưng nền kinh tế thì về cơ bản vẫn dựa trên cơ sở tư hữu.

Còn ở các nước XHCN, việc huy động “*sức mạnh tổng hợp*” là thuận lợi hơn nhiều, vì nền kinh tế cơ bản là dựa trên cơ sở công hữu về các tư liệu sản xuất. Chỉ có điều là chính cái “*ưu thế*” ấy lại bị sai từ gốc. Nó sai từ ngay trong khâu “*thiết kế*” của Mác, chính từ học thuyết của ông đã tạo điều kiện để những người trong các “*Ban chỉ huy thi công*” sau này được nắm quyền hành cực lớn; trong khi họ lại không hề bị một cơ chế hãm hữu hiệu nào khả dĩ chấp nhận được, cho những nổi đam mê vô tận về quyền lực của họ. Vì vậy sớm muộn gì họ nói riêng, cũng như cả hệ thống ấy nói chung sẽ rơi vào những tình trạng như: thoái hóa, độc tài hóa, bê tha hoá,... đi kèm với nó là những hành động đầy phiêu lưu, duy ý chí và phản khoa học.

(Đề cập đến vấn đề này, trong bài Đồi Điều Suy Nghiĩ Của Một Công Dân, tiến sĩ sinh học Hà Sĩ Phu cũng đã viết:

“...Marx đã xử lý rất không công bằng đối với hai bộ phận của sự chiếm hữu. Ở mặt chiếm hữu tư liệu sản xuất thì Marx đã quá nghiêm khắc, đáng lẽ chỉ nên chống sự tập trung tư liệu sản xuất quá lớn thì ông lại chủ trương xóa bỏ mọi sở hữu tư nhân, làm mất đi cái động lực tự nhiên của đời sống. Với quyền lực xã hội thì Marx lại quá nuông chiều, cho nó quyền chuyên chính với hy vọng rằng trong một tương lai xa xôi nó sẽ tự tiêu vong. Chiếm hữu quyền lực mới là sự chiếm hữu triệt để nhất! Điều đó nhân loại đã có thừa bài học, còn một thứ “quyền lực tự tiêu vong” thì suốt lịch sử hàng triệu năm chưa lộ ra một tín hiệu nào để dự đoán nó cả!...”

Ở một đoạn khác sau đó, anh viết tiếp:

“... Cuộc Cách mạng bị đánh tráo và giai cấp vô sản tay trắng là giai cấp bị phản bội trước tiên. Điều rất đúng với quy luật biện chứng là khi người ta định dùng chuyên chính vô sản để đánh tư bản mà không đánh được thì họ sẽ dùng ngay chuyên chính vô sản làm phương tiện để lách qua cửa ải tự do cạnh tranh mà thành tư bản! Và nếu dự cảm ấy sẽ thành hiện thực thì công lao của học thuyết về chủ nghĩa xã hội là đã cung cấp cho nhân loại thêm một con đường để tư bản hóa. Một thứ tư bản lưu manh và bệnh hoạn!...”) [đọc bài]

Ở Việt Nam cũng không phải là một trường hợp ngoại lệ: báo Nhân Dân số ra ngày 17.7.1966 đăng toàn văn Lời Kêu Gọi của chủ tịch nước Việt Nam DCCCH - Hồ Chí Minh, trong đó có đoạn

“... Giôn - Xơn và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng ngàn máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội ác của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10

năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá. Xong nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do! Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn...” (Giòn-Xôn: tổng thống Mỹ L. Johnson giai đoạn 1963 - 1969).

Không ai có thể nghi ngờ gì về nội dung danh thép, mang đầy tính chiến đấu của đoạn văn trên. Tuy nhiên có một điều chắc chắn là: trước khi CT nước Việt Nam DCCCH - Hồ Chí Minh nhân danh nhân dân Việt Nam đọc nó, thì ông cũng không cần phải tham khảo ý kiến của họ, hay ít ra là của gần 20 triệu đồng bào miền Bắc lúc bấy giờ. Cùng lắm, ông chỉ cần thông qua một số người trong Bộ chính trị và Ban bí thư ĐLĐ Việt Nam lúc đó mà thôi. (Hoặc có thể là ngược lại: những người khác trong đảng đã quyết định sẵn, viết sẵn rồi đưa cho ông đọc). Còn nhân dân thì chỉ có duy nhất nghĩa vụ chấp hành. “*Ưu thế*” ấy, những người nắm quyền lực ở các nước có nền dân chủ đa đảng, đâu là nằm mơ cũng không có được.

Để rõ hơn, chúng ta hãy quay trở lại với bối cảnh miền Nam Việt Nam vào những năm cuối của thập niên 1950: lúc này nền Đệ Nhất Cộng Hòa do tổng thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo đã được xác lập với sự hỗ trợ mạnh mẽ của người Mỹ. Những ảnh hưởng của người Pháp trước đó đã và đang tàn lụi dần. Chưa tập kết ra Bắc - Ủy viên Bộ chính trị ĐLĐ Việt Nam, kiêm Bí thư Trung ương cục miền Nam - Lê Duẩn đã ở lại và bắt đầu viết bản Đề Cương Đường Lối Cách Mạng Miền Nam vào giữa năm 1956 tại Sài Gòn. (Ông ra Bắc đầu năm 1957) .

Trong bản Đề Cương khẳng định:

“... Muốn chống Mỹ - Diệm, muốn hoàn thành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ Quốc, ngoài con đường bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác...”

Thế nhưng vấn đề ở đây là chúng ta hãy thử xác định xem có đúng là: “*Nhân dân miền Nam không có con đường nào khác*” hay

không? Hay đây chỉ là ý kiến chủ quan, phiến diện và đầy tham vọng của một số người nắm thực quyền trong ĐLD Việt Nam lúc bấy giờ?

Ý kiến sau của ông Lê Trung Tá, cán bộ thuộc Ủy Ban Khoa Học Nhà Nước - Hà Nội vào những năm 1960s rất đáng để mọi người suy ngẫm: “... *Khát vọng của Lê Duẩn là phải làm một cái gì hơn cả Điện Biên Phủ, để vượt trội cả Hồ Chí Minh lẫn Võ Nguyên Giáp. Khát vọng ấy được Lê Đức Thọ đồng tình. Lập trường chủ chiến có nguồn gốc sâu xa như vậy...*”. Và:

“... *Nếu không phát động được cuộc chiến tranh ở miền Nam thì cả Lê Duẩn lẫn Lê Đức Thọ đều chưa nắm được thế thượng phong trên vũ đài chính trị...*”.

Có ý kiến cho rằng: Bấy giờ mọi việc đã qua rồi thì nói dễ lắm. Nhưng chúng ta cần phải nhìn thẳng vào tình hình thực tiễn lúc đó là đế quốc Mỹ ngày càng muốn can thiệp sâu vào miền Nam Việt Nam. Họ lợi dụng việc đã không trực tiếp ký vào Hiệp định Genève tháng 7.1954, nên đã thúc đẩy chính phủ VNCH của ông Ngô Đình Diệm không chấp thuận cuộc tổng tuyển cử, thống nhất đất nước vào tháng 7.1956, theo đúng tinh thần và nội dung của bản Hiệp định trên. Đây chính là nguyên nhân chủ yếu khiến cho nhân dân miền Nam phải vùng lên, dùng bạo lực cách mạng đập tan bạo lực phản cách mạng. Bản Đề Cương được ra đời là trong hoàn cảnh đó.

Những điều này, các sách báo trong nước đều đã đề cập đến rất tường tận bao năm qua, nó cũng đúng, nhưng chưa đủ. Tôi tin rằng mai sau, với một nước Việt Nam mới, nhất định giai đoạn mang tính chất bước ngoặt của cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ II này, cũng sẽ được các sử gia chân chính viết lại cho chính xác và đầy đủ hơn.

Tuy nhiên, có 2 vấn đề cần nhấn mạnh ở đây là:

a) Bản Đề Cương trên trong thực tế đã là “*cơ sở lý luận và chính trị*” của ĐLD Việt Nam, để sau đó rất nhiều quyết định, lực lượng quan trọng đã ra đời, nhằm mục đích phục vụ cho guồng

máy chiến tranh đã vận hành. Ví dụ như: Nghị quyết 15 của TƯ (khoá II) - tháng 1.1959;

Quyết định thành lập đường mòn Hồ Chí Minh tháng 5.1959 (còn gọi là Đường 559); Nghị quyết ĐH Đảng III tháng 9.1960 với 2 nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam; thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam tháng 12.1960, thành lập Quân Giải Phóng Miền Nam tháng 2.1961, v.v...

Ai là người Việt Nam lúc đó dù muốn hay không? Đồng tình hay phản đối cũng đều bị ảnh hưởng bởi những sự kiện trên. “*Đảng ta luôn đoàn kết và nhất trí cao độ*”! nghe qua cũng thấy có nhiều người tràn dâng lên một niềm “*tin tưởng tự hào vào Đảng kính yêu*”! Thế nhưng, nếu bình tĩnh suy xét một chút, người ta sẽ giật mình nhận ra rằng: chỉ trừ có “*mỗi*” nhân dân Việt Nam là không thấy được hỏi ý kiến gì! Quốc hội nước Việt Nam DCCH cũng vậy, hoặc nếu có thì cũng hoàn toàn hình thức, mang nặng tính trình diễn. (Mặc dù trong tất cả các bản Hiến pháp của Việt Nam DCCH hay CHXHCN Việt Nam, từ năm 1946 đến nay đều luôn xác nhận Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, kể cả quyền quyết định vấn đề: chiến tranh hay hòa bình.).

Đấy cũng là cái cung cách hành xử của Mao Trạch Đông, khi ông ta xác định “*Bom nguyên tử là con Hồ giấy*” hay của những nhà lãnh đạo Đông Đức cũ vào tháng 8 năm 1961, chỉ trong 1 đêm đã quyết định nên bức tường Berlin chia đôi nước Đức, bất chấp nguyện vọng của dân tộc họ là gì. Cũng như của Fidel Castro, khi ông ta tuyên bố: “*... Mỹ không thích Cuba thì Mỹ dọn đi nơi khác mà ở.*”! Nhân dân các nước ấy cũng không được có vai trò gì trong những trường hợp trên, mặc dù chính họ sẽ phải gánh chịu nặng nề nhất từ đó những đau đớn, mất mát, chia ly, v.v... từ các quyết định ấy, còn những người dẫn dắt thì chỉ được, chứ không bị mất gì.

b) Trong thực tế, ĐLĐ Việt Nam đã có những cơ sở sau để

cân nhắc và ra quyết định vấn đề nên chiến tranh hay hòa bình:

- Những nhà lãnh đạo của các nước lớn thuộc cả 2 phe trong cuộc chiến tranh lạnh (Cold war) lúc ấy, đều không muốn những điểm nóng của sự đối đầu sẽ trở thành tác nhân cho một cuộc chiến tranh thế giới thứ III diễn ra. (Liên Xô và Trung Quốc dù rất mâu thuẫn với nhau về nhiều quan điểm, nhưng cũng đều khuyên các nhà lãnh đạo trong ĐLĐ Việt Nam phải hết sức thận trọng trong vấn đề này.) .

- Xu hướng cùng chung sống hòa bình và thi đua trong kinh tế để giải quyết vấn đề “*Ai thắng ai*” đã xuất hiện. Xu hướng này bắt đầu từ năm 1956 tại Đại hội lần thứ 20 của ĐCS Liên Xô.

Nó cũng được đa số những nhà lãnh đạo và nhân dân các nước trên thế giới đồng tình và ủng hộ. Việt Nam chỉ là 1 trong ít nhất là 4 điểm nóng của cuộc đối đầu giữa 2 phe lúc ấy. (Ba điểm nóng còn lại là: Đông - Tây Đức, Nam - Bắc Triều Tiên, Cuba và Mỹ, nhưng ở đó, do sự tự kiểm chế của các bên liên quan nên đều đã không xảy ra chiến tranh lan rộng.) .

- Ở miền Nam Việt Nam, chính phủ của tổng thống VNCH Ngô Đình Diệm (1955 - 1963), một mặt phụ thuộc nặng nề vào nước Mỹ, để cùng thực hiện mục tiêu chung là ngăn chặn phong trào cộng sản trên thế giới. Nhưng mặt khác, chính phủ ấy cũng có rất nhiều điểm mâu thuẫn với Mỹ nhất là về phương thức ngăn chặn phong trào này. (Điển hình là mâu thuẫn giữa việc nên hay không nên để quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến ở Việt Nam. Đó là mâu thuẫn lớn nhất và cuối cùng ông Diệm đã phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Những nguyên nhân khác như: sự độc đoán, gia đình trị, sự bất đồng của nhiều người trong giới quân nhân đối với gia đình họ Ngô, bàn tay can thiệp của C.I.A,... cũng có, nhưng theo tôi, chúng chỉ là phụ và lệ thuộc vào mâu thuẫn lớn nhất nói trên).

- Đã có những người ở cả trong và ngoài ĐLĐ Việt Nam khi

ấy nêu ý kiến: hai miền Nam - Bắc hãy cùng chung sống hòa bình và thi đua trong kinh tế để giải quyết vấn đề “*Ai thắng ai?*”

Rất tiếc, tất cả những cơ sở trên đều đã bị những người thuộc phái chủ chiến trong ĐLD Việt Nam lúc ấy phớt lờ. Thể chế chính trị ấy cho phép họ “*không cần phải có nhu cầu*” làm một cái gì đó tương tự như Hội Nghị Diên Hồng năm xưa của ông cha ta, thời nhà Trần.

Đĩ nhiên nói như vậy, tôi không có ý khẳng định 100% rằng hễ cứ gộp tất cả những điều trên lại là bảo đảm để cuộc chiến Đông Dương giai đoạn 1960 - 1975 sẽ không diễn ra, mà chỉ muốn nói rằng: lẽ ra chúng phải được đặt lên bàn cân một cách nghiêm túc, trước khi đưa ra một quyết định rất quan trọng là chiến tranh hay hòa bình? Xong tất cả đều đã bị guồng máy ấy dùng đủ mọi cách từ găm giữ, luồn ngụy, đến chia cắt, bao vây, ngăn chặn và nếu cần thì triệt tiêu luôn .

Những quyết định khác sau năm 1975 như: các chiến dịch cải tạo, (kể cả “*học tập*”!), tách tỉnh ra rồi lại nhập tỉnh vào, đưa quân vào Campuchia và ở lại đấy quá lâu (1979 - 1989), v.v... và gần đây nhất là hành động nhượng bộ đê hèn phía Trung Quốc về lãnh thổ và lãnh hải của những Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống thời nay. Tất cả đều là những sản phẩm của cung cách ra quyết định cố hữu nói trên.

(Vụ án Xét lại, Chống Đảng với tên đầy đủ là Vụ án tổ chức chống Đảng, chống nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài diễn ra vài năm sau cũng là một ví dụ điển hình chứng minh rằng: những người có ý kiến khác luôn phải gánh chịu những rủi ro lớn. Đây là vụ án hoàn toàn ngụy tạo . Ai không tin điều này, xin hỏi 2 ông Nguyễn Trung Thành và Lê Hồng Hà, hiện đang sống tại Hà Nội hoặc đọc tác phẩm Đêm Giữa Ban Ngày của nhà văn Vũ Thu Hiền [đọc bài]

Miền Bắc không có Những đêm không ngủ để phản đối chiến tranh. Trong QĐND Việt Nam không có khái niệm Phản chiến mà chỉ có khái niệm Đào ngũ. Những điều ấy nếu có xuất

hiện dù rất ôn hòa cũng đều sẽ bị bóp chết ngay từ trong trứng nước).

Nguy cơ của những quyết định tuy rất “*giàu tính Đảng*” nhưng lại rất nghèo tính nhân dân ấy nay còn không? Tất nhiên là vẫn còn, bởi vì nguyên nhân sinh ra nó, xuất phát từ thể chế chính trị là chỉ có duy nhất một ĐCS Việt Nam lãnh đạo đất nước vẫn còn nguyên. Dầu là nay, những nhà lãnh đạo mới của Đảng đã khéo che đậy hơn, tung ra nhiều “*Cơ chế dân chủ cơ sở*” hơn,... Nhưng xét về thực chất, nó cũng giống như cách mà những con Kỳ Nhông vẫn thường làm: luôn biến đổi sắc màu cho phù hợp với môi trường, thời thế đã thay đổi.

Bằng cách này, lúc đầu cũng có thể đánh lừa được một số người. Xong chỉ một thời gian sau, người dân sẽ thấy ngay rằng: nếu ở trên Thượng tầng kiến trúc vẫn chỉ là duy nhất, thì sớm muộn gì những “*mẫu vụn dân chủ*” mà họ mới nhận được cũng sẽ bị vét sạch mà thôi! (Và những “*Ông lão đánh cá*” tội nghiệp vẫn lại phải trở về với “*Cái máng lợn*” xưa của mình!).

Đề cập đến vấn đề này, trong bài Chia Tay Ý Thức Hệ, anh Hà Sĩ Phu đã viết:

“... *Càng suy nghĩ về nội dung cũng như về hiện tình của Ý thức hệ Mác-xít, tôi càng thấy rõ đây là một Ý Thức Hệ Phong Kiến Trá Hình, của triều đại phong kiến cuối cùng, đang kìm hãm sự tiến bộ xã hội, và được dùng làm Bình Phong cho những yếu tố tiêu cực ẩn nấp. Ít ai có ý nghĩ muốn phá cái bình phong ấy đi, trái lại ủng hộ theo kiểu: “Cứ để nó đấy, anh nấp tôi cũng nấp, chúng ta hiểu nhau cả mà! Sống thời nào ta theo thời ấy, gặp thời Mác - Lê thì ta làm luận văn Tiến sĩ về Mác - Lê mà sống, cãi nó làm gì? Đấy là bí quyết của môn phái ‘Hiệp khí đạo’ đấy!...”*”

“*Hình như ‘cứ để nó đấy’ cũng chẳng ai chết thật, nhưng sao tôi cảm thấy một cái gì khôn nạn quá, chịu không nổi, nên cứ phải nói ra. Sao lại không chết ai? Khóikẻ đã chết theo nghĩa đen, khóikẻ đang sống dở chết dở vì cái bình phong ấy, và cả một dân tộc đang chết theo nghĩa chết chân chính của Con Người, chú sao không*

chép?... Ở những nước khác, thì chắc một cái bình phong không bao giờ lại đáng quan tâm đến thế. Nhưng Việt Nam thì khác, bình phong là tất cả, vì Việt Nam là Thủ Đô của Ngụy biện!...”.

Ở một đoạn khác trước đó, anh cũng viết:

“... Xem cái cung cách mà cả một đội ngũ các nhà chính trị và lý luận Mác-xít bây giờ đang hì hục nai lưng ra vá víu, che chắn. Người ta không khỏi phì cười, vì thấy hiện ra một đám anh hề, cố sức lau nhà cho khô nhưng lại cứ để cái rô-bi-nê phía sau ổ ổ phun nước!...” [đọc bài]

4 - Sự khủng hoảng về nhân cách và những nỗi bất công hôm nay:

Những vấn nạn của đất nước ta hôm nay thì không chỉ có vậy. Có rất nhiều người ở cả trong và ngoài nước đã viết và nói về chúng. Trong phần này tôi xin được trình bày chỉ riêng về 2 điều trên, theo cách nhìn của những nhà làm phim trong nước.

a) Sự khủng hoảng về nhân cách:

Trong bộ phim Khoảng Cách chiếu trên Đài truyền hình trung ương gần đây, có một đoạn đối thoại giữa một chàng sinh viên ở thành phố với người cha của anh ta như sau:

“... Con công nhận với bố rằng cô ấy hiền lành, ngoan ngoãn. Thậm chí quá hiền lành, quá ngoan ngoãn, đến nỗi con có cảm tưởng là cô ấy không... có thật! Con sợ. Một người “bình thường” thì phải biết... dối trá, biết thay đổi, biết mưu mô, biết thủ đoạn. Đằng này cô ấy không biết gì là xấu xa, vì vậy cô ấy không phải là người bình thường! Con không dám yêu một người không bình thường đâu bố ạ...”!

Ở một đoạn khác sau đó là câu chuyện giữa cô gái “không bình thường” trên với người chị ruột của chàng sinh viên kia:

“... Chị ơi! Anh ấy bỏ em rồi - Nhưng nó có nói tại sao không? - Người chị hỏi - Có, anh ấy bảo là tại em ... ngoan quá nên anh ấy chán. Anh ấy thích hư cơ...”!

Hãy bỏ qua một bên lối triết lý cùn, vụn của chàng sinh viên kia, người xem sẽ nhận ra ngay một điều: trong xã hội Việt Nam hôm nay, những điều cần mất thì lại còn, những điều cần còn thì lại mất! Có những gia đình cả 3, 4 thế hệ cùng phạm tội. Theo tôi, trong tất cả những sự sụp đổ thì sự sụp đổ về nhân cách là đau đớn nhất, khó khắc phục hậu quả nhất.

Chẳng những ở thành phố, làng quê Việt Nam trước đây vốn thanh bình là vậy thì nay cũng “*Ào ào như thác đổ*”. Chúng ta hãy đọc sau đây trích đoạn câu chuyện giữa một ông giáo làng đã có tuổi, với người vợ lẽ của ông ta, trong bộ phim Thương Nhớ Đồng Quê: “*Tôi không sợ làng xóm chê cười, mặc xác họ. Tôi chỉ dặn cô một điều: có ngủ với ai nhớ đòi tiền, không có tiền thì lấy... thóc hay gà, vịt thế vào, chú đừng ngủ không.*”! (Ông này quả là cũng đã có “*đổi mới tư duy*,” nhưng chắc là đổi chưa “*tới bến*”! Chú thời buổi này trong những trường hợp như vậy, mấy ai còn mang những thứ quang quác, quàng quạc ấy ra mà trao đổi nữa!)

b) Những nổi bất công hôm nay:

Cũng ở phim Khoảng Cách nói trên, một cô gái làm ở nhà hàng Karaoke ôm đã tâm sự trong nước mắt như sau: “*... Em biết chị khinh em, nhưng em làm việc này lâu quá thành quen mà quên mất đó là việc làm đáng xấu hổ, đáng khinh bỉ. Chị đã nhắc cho em nhớ đến thân phận nhục nhã của mình. Em nhớ lại hồi đầu em cũng xấu hổ lắm, nhưng nhà em thì nghèo, làm ở đấy một ngày đủ nuôi cả nhà em cả tháng chị ạ. Những người khách vào hát với em họ đều là những người giàu có, lịch sự. Họ nhiều tiền lắm, họ làm gì mà nhiều tiền thế? Họ đòi hỏi bọn em phải phục vụ họ, nhưng tại sao bọn em thì bị khinh rẻ? Còn họ? Họ vẫn được kính trọng. Nhà em thì nghèo, mà làm lụng từ sáng đến tối chứ có lười đâu?...”*

“*Họ làm gì mà nhiều tiền thế?*” Cô gái kia đã không giải đáp được câu hỏi ấy, nhưng chỉ cần suy luận một chút, chúng ta cũng có thể sơ bộ nắm được thực chất của vấn đề:

Những đồi núi bị san lấp, những cánh rừng bị tàn phá, đất

đại bị cho thuê bán, sang nhượng; biển cả bị khoan và những khoản nợ xấu khó đòi hàng trăm ngàn tỷ đồng Việt Nam,... Tất cả kết hợp lại đã tạo ra một thiếu số người cực kỳ giàu có, rất “lịch sự” đấy xong cũng rất lố bịch và hợm hĩnh đấy. Trong khi đại đa số nhân dân là nghèo khó, nhọc nhằn với một tương lai bất ổn; họ hầu như không nhận được gì trong những nguồn thu từ đất, biển, núi, rừng nói trên.

Ở Việt Nam hôm nay “*Gió đã xoay chiều,*” mọi việc không phải như một khẩu hiệu mà trước đây Lênin từng đưa ra: Tước đoạt của những kẻ đi tước đoạt! mà xuất hiện cơ man nào những kẻ đang nhẫn tâm đi tước đoạt của những con người đã bị tước đoạt đến cùng cực.

Cũng trong bộ phim Thương Nhớ Đồng Quê, có đoạn đối thoại giữa một thầy giáo huyện với một cô gái từ nước ngoài về thăm gia đình như sau:

“... Cô thấy cách làm việc của người nông dân bây giờ có khác trước kia không? Vẫn con trâu đi trước cái cày đi sau, vẫn dựa vào sức lực cơ bắp của con người là chính. Khoa học kỹ thuật chưa giúp gì được cho họ .

- Nhưng tôi thấy ở nông thôn nhiều nhà cũng có điện đấy chứ?

- Có điện đấy, nhưng giá điện cao gấp 2 - 3 lần ở thành phố, không ai dám dùng nhiều. Nông phẩm làm ra rất rẻ, trong lúc giống má, phân bón, thuốc trừ sâu,... người nông dân phải mua với giá cao; khốn nỗi họ thường bị bọn con buôn ở thành phố lũng gạt, có khi mua về toàn đồ giả. Hồi chiến tranh ra trận nhiều nhất là nông dân, hy sinh nhiều nhất cũng là người nông dân, cô xem, trên bàn thờ nhà nào hầu như cũng có 1 - 2 người chết trẻ. Bây giờ hết chiến tranh rồi, họ vẫn tiếp tục nai lưng, đổ mồ hôi trên cánh đồng để tui tồn tại, chưa kể những lúc thiên tai như hạn hán, lũ lụt,...

- Tôi nghe nói ở nhà dư thừa thóc gạo, lại còn để xuất khẩu nữa?

- Đúng đấy, nhưng có ai chỉ ăn gạo mà sống hả cô?

- Thì bán thóc đi, rồi mua những thứ khác .

- Cô có biết giá bao nhiêu 1 cân thóc không? 2000, bằng 1/5 lon bia ở thành phố. Còn hoa mầu ư? Cô không nghe người ta ví sao? 1 điều thuốc lá đánh ngã 10 củ xu hào, ... Dân thành phố chúng ta đều có tội. Chúng ta tàn phá họ bằng những lạc thú vật chất của mình, bóc lột họ, vô trách nhiệm đối với họ. Trong lúc người nông dân phải gánh vác bao nhiêu thú nghĩa vụ, nhưng có ai có nghĩa vụ đối với họ đâu?...”.

Nếu hôm nay ai có về nông thôn sẽ thấy tất cả những điều trên đều khá xác thực. Duy chỉ có điều “Dân thành phố chúng ta đều có tội” thì không hẳn là như vậy: rất nhiều người dân thành phố đã làm bao điều thật có ích cho nông thôn; còn những kẻ có tội với những người dân lương thiện ở cả thành phố lẫn nông thôn thì không chỉ có dân thành phố. Những nhà tư bản đồ, những kẻ cường hào, ác bá, lý trưởng thời nay đã xuất hiện “trù mật” trên khắp mọi miền đất nước! Hệ ĐCS Việt Nam càng hô hào chống tham nhũng, hối lộ bao nhiêu thì số đó lại càng sinh sôi, nảy nở nhiều bấy nhiêu.

Để kết thúc phần này, tôi xin ghi lại ý kiến sau đây của một đảng viên cộng sản có hơn 50 năm tuổi đảng - Ông sang Úc du lịch thăm con cháu:

“... Tất nhiên mọi so sánh đều khó tránh được sự khập khiễng, nhưng có thể nhận xét một cách đại thể rằng: những gì mà trước đây, khi đi làm cách mạng bác vẫn hằng tin tưởng và nguyện hiến thân cho một xã hội XHCN tưởng là tốt đẹp; rằng mọi người ai cũng được bình đẳng, ai cũng được nhà nước chăm lo đầy đủ về miếng cơm, manh áo. ốm đau được chữa bệnh miễn phí, ai muốn học thì được đi học bất kể tuổi tác, v.v... thì chúng lại đang ở bên này. Còn những gì được cho là xấu xa, bóc lột và bất công của xã hội tư bản thì nó lại đang ở Việt Nam!

Thể chế dân chủ ở đây bảo đảm để những nhà làm chính trị phải thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nếu anh làm tốt, lần bầu cử sau dân lại tín nhiệm anh. Nếu anh làm không tốt để cho dân bất

tín nhiệm thì xin mời các anh về củng cố lại đội ngũ, để cho đảng khác lên làm.

Đảng nào thì cũng có những anh lem nhem, bê bối; nhưng dân chưa kịp trị mấy anh đó bằng lá phiếu, thì đảng của anh ta đã trị anh ta trước rồi. Đơn giản là vì họ nghĩ rằng nếu đảng mình làm không tốt, không nghiêm thì kỳ bầu cử sắp tới, chắc chắn cử tri sẽ phạt đảng của họ thôi. Mà thực tế là họ đã phạt được, đấy mới là điều quan trọng.

Không có chuyện kiểu như bên nhà mình, làm thì dở mà cứ hứa hươu hứa vượn với dân là: rồi Đảng sẽ nghiêm khắc tự kiểm điểm, chứ Đảng cũng đau lòng lắm! Đảng “đau” từ kỳ đại hội này sang kỳ đại hội khác, từ thế kỷ nọ sang thế kỷ kia, nhưng vẫn “cường quyết không chịu san xẻ” nỗi “đau” ấy cho ai! Nhân dân, cán bộ, đảng viên muốn đóng góp gì thì đóng góp, xây dựng gì thì xây dựng. Riêng cái điều 4 Hiến pháp thì khoanh đỏ rồi, biết điều thì chó có đụng vào!” (Phong trào góp ý cho bản Hiến pháp năm 1992, đang được phát động rầm rộ hiện nay ở trong nước lại thêm một bằng chứng hùng hồn nữa chứng minh cho nhận xét này.).

5 - Những lời thay cho kết luận:

Tôi đã từng đứng lặng hàng giờ trên bến Cảng Sài Gòn, khi con tàu mang tên Thống Nhất cập bờ. Đó là những chuyến tàu thủy đầu tiên đưa hành khách từ Bắc vào Nam sau năm 1975. Rất nhiều người đi trên tàu là những cán bộ miền Nam tập kết nay được trở về quê hương. Dưới chân tàu những người thân ruột thịt đang náo náo đón chờ họ: những nỗi mừng vui của ngày gặp lại, những giọt nước mắt đoàn viên, nhiều người vì quá xúc động đã ngất lịm đi. Hơn 21 năm trước đây, họ cũng người trên tàu - người dưới bờ giờ 2 ngón tay cùng hẹn ước với nhau rằng: 2 năm sau nhất định sẽ được gặp lại, khi cuộc Hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước được thực thi. Thế rồi hoàn cảnh đã không chiều lòng họ, để hôm nay - Ngày tái hợp, đầu họ có giờ 2 lần của cả hai bàn tay cũng vẫn chưa đủ cho số năm xa cách.

Lúc ấy, với tuổi học sinh vô tư, tôi đã không mấy lưu tâm đến việc có biết bao bạn bè cùng lớp với mình đang có cha anh họ phải đi học tập cải tạo. Lại càng không hay biết gì về chuyện có nhiều ngàn thường dân vô tội đã bị chết oan khiên, tức tuổi tại Huế - xuân 68 cùng biết bao điều đau đớn khác nữa mà nhân dân miền Nam đã phải gánh chịu trong chiến tranh. Sau này vào ký túc xá, chúng tôi cùng ăn, ở, học hành chung, cùng chia sẻ với nhau từng gói mì tôm, từng đồng bạc cuối cùng và những chuyện vui buồn khác, tôi mới hiểu thêm về những nỗi đau của các bạn mình. Đúng là sự vô tư nhiều khi lại đồng nghĩa với sự vô tâm đến đáng trách. Những sự khác biệt ban đầu bởi nhiều yếu tố cũng đã từng ngăn cách, nhưng thời gian và nhất là tấm lòng chân thành đã giúp chúng tôi ngày càng xích lại gần nhau hơn. Rất nhiều người đã cảm mến, rồi yêu nhau và nên vợ nên chồng, đấy là thực tế - Nó đã, đang và sẽ vẫn diễn ra theo đúng quy luật của cuộc sống.

Theo tôi, về cơ bản thì trong nội bộ dân tộc ta đã tự hàn gắn được cho nhau những vết thương của quá khứ, thời gian như một phép mầu đã giúp cho tình tự dân tộc và tính nhân bản của người Việt Nam ngày càng được phục hồi và chiến thắng tất cả. Nhưng một điều cũng rất hợp với quy luật là: khi những vết thương kia càng được hàn gắn nhanh bao nhiêu, thì lại càng bộc lộ sâu sắc hơn mâu thuẫn cơ bản của dân tộc ta hôm nay bấy nhiêu. Đó là mâu thuẫn giữa đại bộ phận dân tộc, không phân biệt hoàn cảnh xuất thân, tôn giáo, sắc tộc, vùng, miền, quốc gia định cư, v.v... với một thiểu số hiện đang cố duy trì thể chế chính trị độc đảng ở Việt Nam. Và mâu thuẫn này là đối kháng không có cơ sở dung hòa, khi mà nguyên nhân sinh ra nó vẫn còn đó.

Tôi tin rằng nhất định trong một tương lai gần, cái gọi là “*Cuộc cách mạng XHCN ở Việt Nam*” sẽ phải thời gào thét, cũng như Ý thức hệ Cộng Sản cùng với những hệ lụy tai hại của nó nhất định phải ra đi trên đất nước ta. Nó không tạo ra được động lực cho sự phát triển của đất nước thì nó phải ra đi, đó là chân lý

đơn giản và rõ ràng. Còn hiện nay thì nó đang vay mượn không hề có kế ước xã hội và hoàn toàn sống ký gửi vào dân tộc.

Những người dân chủ Việt Nam hôm nay muốn đưa ra lời kêu gọi cùng đồng bào của mình rằng: Muốn chống bất công, đói nghèo, tụt hậu, muốn hoàn thành những mục tiêu của 1 nước Việt Nam mới, nhằm hòa nhập được tốt vào thế giới hiện đại, ngoài con đường dân chủ, đa nguyên, đa đảng và pháp trị, nhân dân Việt Nam không còn con đường nào khác!

Nhưng không giống với cung cách ra quyết định cố hữu của ĐCS Việt Nam như trên đã trình bày, họ đề nghị một cách làm dân chủ mang tầm vóc toàn dân tộc: với vị thế chính trị hiện nay của mình, ĐCS Việt Nam hãy tạo điều kiện để dân tộc ấy được thể hiện ý chí và nguyện vọng của họ, thông qua một cuộc Trưng Cầu Dân Ý về nội dung của lời đề nghị trên. Hoặ bất cứ điều gì mà từ trước đến nay những người bảo thủ trong ĐCS Việt Nam vẫn cứ luôn nói khơi khơi rằng: *“Đó là sự lựa chọn của nhân dân và của lịch sử.”*!

Tháng 8 năm 2001.

PHƯƠNG NAM